

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

HỒ HẢI HÙNG

ĐẤU TRANH QUÂN SỰ Ở KHÁNH HÒA
TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
(1945 - 1954)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HUẾ - NĂM 2017

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỬ PHẠM

HỒ HẢI HÙNG

ĐẤU TRANH QUÂN SỰ Ở KHÁNH HÒA
TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
(1945 - 1954)

Chuyên ngành : Lịch sử Việt Nam

Mã số : 62 22 03 13

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học:

TS. Nguyễn Văn Hoa

PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ

HUẾ - NĂM 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu và kết quả nghiên cứu nêu trong luận án là trung thực, chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Nghiên cứu sinh

Hồ Hải Hưng



Lời Cảm Ơn

Tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Ban Giám hiệu Trường Đại học Khánh Hòa, quý Thầy giáo, Cô giáo Khoa Lịch sử, Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

Tôi cũng xin cảm ơn sự giúp đỡ về tư liệu của Phòng Lưu trữ Quân khu 5, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa, các đồng chí nguyên là lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp ở Khánh Hòa và các nhân chứng lịch sử trong Ban Liên lạc 23-10 Nha Trang.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS. Nguyễn Văn Hoa, PGS.TS. Trương Công Huỳnh Kỳ đã tạo điều kiện và tận tình hướng dẫn trong quá trình tôi thực hiện luận án.

Xin bày tỏ lòng biết ơn đến gia đình, người thân, bạn bè và đồng nghiệp đã luôn động viên, hỗ trợ kịp thời cho tôi hoàn thành tốt khóa học.

Huế, tháng 04 năm 2017

Tác giả



Hồ Hải Hưng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Trang phụ bìa	i
Lời cam đoan	ii
Lời cảm ơn	iii
MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT	4
MỞ ĐẦU	5
1. Lý do chọn đề tài	5
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	7
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	7
4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu.....	8
5. Đóng góp của luận án	9
6. Bố cục của luận án	9
Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	10
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	10
1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về đấu tranh quân sự trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)	10
1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)	19
1.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu	23
Chương 2 ĐẤU TRANH QUÂN SỰ Ở KHÁNH HÒA (1945 - 1946).....	24
2.1. Những nhân tố tác động đến đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống Pháp	24
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội.....	24
2.1.2. Truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân Khánh Hòa	28
2.2. Đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trước ngày toàn quốc kháng chiến (từ tháng 10 - 1945 đến tháng 12 - 1946).....	31
2.2.1. Khánh Hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và âm mưu, hành động đánh chiếm Nha Trang - Khánh Hòa của thực dân Pháp.....	31

2.2.2. Chủ trương của Đảng và hoạt động xây dựng thế trận kháng chiến.....	35
2.2.3. Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa (10-1945 - 2-1946)	42
2.2.4. củng cố lực lượng, phát động phong trào chiến tranh du kích (2-1946 - 12-1946)..	58
Tiểu kết chương 2	65
Chương 3 ĐẤU TRANH QUÂN SỰ Ở KHÁNH HÒA (1947 - 1954)	67
3.1. Phát triển chiến tranh du kích, từng bước làm thất bại chính sách “bình định” của thực dân Pháp (1947 - 1949)	67
3.1.1. Chính sách “bình định” của thực dân Pháp ở Khánh Hòa	67
3.1.2. Triển khai thế trận chiến tranh du kích, từng bước làm thất bại chính sách “bình định” của thực dân Pháp.....	71
3.2. Vượt qua khó khăn, củng cố và phát triển lực lượng kháng chiến (1950 - 1952)...	96
3.2.1. Thực dân Pháp đẩy mạnh chính sách “bình định” ở Khánh Hòa.....	96
3.2.2. Vượt qua khó khăn, củng cố và phát triển lực lượng kháng chiến	100
3.3. Đẩy mạnh đấu tranh quân sự, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1953 - 1954)	112
3.3.1. Thực dân Pháp ra sức củng cố vùng chiếm đóng và chủ trương của Đảng.....	112
3.3.2. Đánh bại hệ thống đồn bốt, tháp canh và các cuộc hành quân càn quét vào căn cứ kháng chiến; phối hợp chiến trường cả nước đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi	116
Tiểu kết chương 3	128
Chương 4 ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM	130
4.1. Đặc điểm	130
4.1.1. Đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp đã là nơi “hội quân” của cả nước.....	130
4.1.2. Chủ động tiến công địch là nét quán xuyên trong đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) ...	133
4.1.3. Lực lượng chủ yếu trong đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa là bộ đội địa phương và dân quân du kích	137
4.1.4. Đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa thể hiện sự phong phú về hình thức và linh hoạt về biện pháp chiến thuật.....	140

4.2. Vai trò	143
4.2.1. Góp phần kìm chân quân Pháp, bảo vệ vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú .	143
4.2.2. Tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, góp phần làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp	144
4.2.3. Hỗ trợ nhân dân địa phương đấu tranh giải phóng, giành quyền làm chủ	146
4.3. Một số kinh nghiệm	147
4.3.1. Phát huy tinh thần chủ động, tự lực, tự cường, bám sát tình hình, kịp thời chuyển hóa thế trận kháng chiến.....	147
4.3.2. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân phù hợp với điều kiện của chiến trường địa phương làm nòng cốt cho đấu tranh quân sự	149
4.3.3. Kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và binh vận để nâng cao hiệu quả của đấu tranh quân sự	150
KẾT LUẬN	153
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	157
TÀI LIỆU THAM KHẢO	158
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

Ban Chấp hành	BCH
Bộ Chỉ huy Quân sự	BCHQS
Bộ Quốc phòng	BQP
Chính trị Quốc gia	CTQG
Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐCSVN
Đảng Cộng sản Đông Dương	ĐCSĐD
Đảng Lao động Việt Nam	ĐLĐVN
Đấu tranh quân sự	ĐTQS
Lực lượng quân sự	LLQS
Lực lượng vũ trang	LLVT
Nhà xuất bản	Nxb
Quân đội nhân dân	QĐND
Quân đội nhân dân Việt Nam	QĐNDVN
Ủy ban hành chính	UBHC
Ủy ban kháng chiến hành chính	UBKCHC
Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	VNDCCH

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Đấu tranh quân sự (ĐTQS) là hình thức chủ yếu, đóng vai trò quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954). ĐTQS của quân và dân Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954 đã góp phần quan trọng trong việc chuyển hoá thế trận, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và đập tan các kế hoạch chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. ĐTQS diễn ra dưới nhiều hình thức, với quy mô và mức độ khác nhau, chịu sự tác động bởi các yếu tố, như tương quan lực lượng, nghệ thuật quân sự của các bên, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng địa bàn, từng khu vực trong cả nước.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), Khánh Hòa là vùng sau lưng địch. Ngoài những điểm tương đồng với chiến trường cả nước, ĐTQS trong kháng chiến chống Pháp ở Khánh Hòa còn mang những nét đặc thù. ĐTQS ở đây diễn ra sớm hơn so với các tỉnh Nam Trung Bộ; ngay từ những ngày đầu đã thể hiện rõ nét nghệ thuật chiến tranh toàn dân “*lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh*” và diễn ra trên khắp địa bàn tỉnh,... ĐTQS ở Khánh Hòa đã góp phần kìm chân Pháp, tiến tới làm thất bại các kế hoạch “*đánh nhanh thắng nhanh*”, “*bình định lấn chiếm*” của thực dân Pháp; bảo vệ vùng tự do Nam Trung Bộ (Nam - Ngãi - Bình - Phú)¹.

Lâu nay, vấn đề nghiên cứu, tìm hiểu về ĐTQS trong kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước nói chung và ở Khánh Hòa nói riêng đã thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, nhà quân sự trong và ngoài nước. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về ĐTQS ở Khánh Hòa và nhất là vai trò, vị trí của nó trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở địa bàn này. Nhiều vấn đề thuộc về hoặc liên quan đến ĐTQS ở Khánh Hòa cần được nhìn nhận và đánh giá một cách đầy đủ, như quan điểm chỉ đạo, chủ trương ĐTQS của Đảng; quá trình xây dựng và phát triển lực lượng vũ

¹ Nam (Quảng Nam) – Ngãi (Quảng Ngãi) – Bình (Bình Định) – Yên (Phú Yên)

trang (LLVT) địa phương; biện pháp, phương thức tiến hành, hình thái đấu tranh; đặc điểm, vai trò và một số kinh nghiệm của ĐTQS ở Khánh Hòa đặt trong mối quan hệ vùng, miền và cả nước... ĐTQS ở Khánh Hòa có những khó khăn, thuận lợi nhất định, đồng thời cũng có những nét tiêu biểu cho phương thức và nghệ thuật tạo sức mạnh của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Do vậy, việc nghiên cứu vấn đề ĐTQS ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) sẽ mang lại nhiều ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc:

Về ý nghĩa khoa học, nghiên cứu vấn đề này sẽ góp phần làm sáng tỏ những nội dung cơ bản về hoạt động ĐTQS ở Khánh Hòa, một vùng sau lưng địch, trong đó có vùng tạm bị chiếm, vùng du kích và vùng căn cứ du kích trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp; về phương thức và nghệ thuật xây dựng lực lượng kháng chiến, thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn; về quá trình ĐTQS ở Khánh Hòa từ năm 1945 đến năm 1954, trải qua các giai đoạn 1945-1946 và 1947-1954. Trên cơ sở đó, phân tích những đặc điểm, vai trò và đúc rút một số kinh nghiệm từ ĐTQS ở Khánh Hòa trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Đề tài còn bổ sung nguồn tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Khánh Hòa, để từ đó có sự nhận thức toàn diện hơn lịch sử Khánh Hòa thời kỳ hiện đại.

Về ý nghĩa thực tiễn, kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo bổ ích phục vụ nghiên cứu, học tập và giảng dạy lịch sử địa phương ở các trường phổ thông. Mặt khác, trong một chừng mực nhất định, kết quả nghiên cứu có thể tham khảo, vận dụng trong quá trình xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa hiện nay, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho thế hệ trẻ, đặc biệt là học sinh, sinh viên Khánh Hòa, nhằm tri ân những công hiến, hy sinh của đồng bào, chiến sỹ đã từng chiến đấu ở tỉnh Khánh Hòa, tạo sự đồng thuận xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Từ những ý nghĩa khoa học và thực tiễn trên đây, chúng tôi chọn vấn đề “*Đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*” làm đề tài nghiên cứu cho luận án Tiến sĩ Lịch sử chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Quá trình ĐTQS ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), đặc điểm, vai trò và một số kinh nghiệm từ quá trình này.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian*: Địa bàn tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 1945 - 1954.

- *Về thời gian*: Từ tháng 10-1945 (khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Khánh Hòa, quân và dân Khánh Hòa bắt đầu cuộc kháng chiến) cho đến tháng 8-1954 (thời điểm kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Khánh Hòa). Tuy nhiên, để làm rõ hơn một số nội dung, luận án còn mở rộng phạm vi thời gian nghiên cứu trước tháng 10-1945.

- *Về nội dung*: Bao gồm việc xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng kháng chiến, trong đó nòng cốt là LLVT ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) hoạt động trên địa bàn tỉnh; việc xây dựng và bảo vệ căn cứ địa kháng chiến - nơi đứng chân của các LLVT; việc đảm bảo hậu cần, vũ khí đạn dược, phương tiện chiến tranh; diễn biến, kết quả và ý nghĩa của các chiến dịch, trận đánh của LLVT trên địa bàn; sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 thứ quân, giữa quân và dân, giữa ĐTQS và đấu tranh chính trị, đấu tranh binh vận trong quá trình kháng chiến.

3. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

3.1. Mục đích nghiên cứu

Tái hiện có hệ thống và toàn diện quá trình ĐTQS ở Khánh Hòa thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954); qua đó làm rõ sự vận dụng sáng tạo đường lối quân sự của Đảng của quân và dân Khánh Hòa, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của địa phương, đồng thời đúc rút một số kinh nghiệm cho việc xây dựng thế trận an ninh - quốc phòng hiện nay ở Khánh Hòa.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, truyền thống lịch sử tác động đến ĐTQS ở Khánh Hòa trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Làm rõ âm mưu, thủ đoạn và kế hoạch chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đối với Khánh Hòa; chủ trương về ĐTQS của Trung ương Đảng, Liên khu ủy 5, Tỉnh ủy Khánh Hòa.

- Tái hiện một cách có hệ thống quá trình ĐTQS ở Khánh Hòa qua các giai đoạn 1945 - 1946 và 1947 - 1954.

- Phân tích đặc điểm, vai trò của ĐTQS ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; đúc rút một số kinh nghiệm từ thực tiễn ĐTQS diễn ra trên địa bàn tỉnh từ năm 1945 đến năm 1954 để vận dụng ở Khánh Hòa hiện nay.

4. NGUỒN TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Nguồn tài liệu

- Các văn kiện của Trung ương Đảng, Liên khu ủy 5, Tỉnh ủy Khánh Hòa; các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Các báo cáo, công văn... của các cấp chính quyền, tổ chức cách mạng tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 1945 - 1954.

Đối với nguồn tài liệu này, tác giả đặc biệt quan tâm đến các tài liệu lưu trữ, được tiến hành thu thập tại Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 5, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Thư viện Quốc gia, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, Phòng Thông tin tư liệu của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.

- Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có đề cập đến hoạt động ĐTQS thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Nam nói chung và ở Khánh Hòa nói riêng.

- Tác phẩm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quân đội; các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về lịch sử Việt Nam thời kỳ 1945 - 1954; công trình lịch sử Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa và lịch sử Đảng bộ các thành phố, huyện, thị thuộc tỉnh Khánh Hòa; Lịch sử LLVT nhân dân tỉnh, huyện; lịch sử các trung đoàn, tiểu đoàn trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh,...Ngoài ra còn có các luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ sử học có liên quan đến lịch sử Khánh Hòa trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

- Một số kỷ yếu hội thảo khoa học, bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

- Tài liệu điền dã tại một số di tích lịch sử và tài liệu hồi ký của một số nhân chứng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được hoàn thành trên cơ sở phương pháp luận sử học Mác - Lênin, quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh cách mạng Việt Nam. Dựa trên cơ sở này, trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic là chủ yếu. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng một số

phương pháp nghiên cứu cụ thể như sưu tầm và xử lý tư liệu (thành văn, điền dã, phỏng vấn nhân chứng...), thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể của luận án.

5. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN

Thứ nhất, tái hiện một cách có hệ thống về ĐTQS ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1945 đến năm 1954.

Thứ hai, làm nổi rõ một số đặc điểm của ĐTQS trên địa bàn Khánh Hòa những năm 1945 - 1954 đặt trong sự đối sánh với ĐTQS ở các địa bàn khác, góp phần khẳng định vai trò quyết định của ĐTQS đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đúc rút một số kinh nghiệm từ hoạt động ĐTQS để có thể tham khảo, vận dụng trong quá trình hoạch định và thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Khánh Hòa, góp phần củng cố an ninh - quốc phòng trên địa bàn này.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu của luận án bổ sung tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Khánh Hòa nói riêng, đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) nói chung; đồng thời có thể tham khảo, góp phần vào việc giáo dục truyền thống và nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương ở các trường học trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

6. BỐ CỤC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu (5 trang), kết luận (4 trang), tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu (14 trang)

Chương 2: Đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa (1945 - 1946) (43 trang).

Chương 3: Đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa (1947 - 1954) (63 trang).

Chương 4: Đặc điểm, vai trò và một số kinh nghiệm (23 trang).

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Vấn đề ĐTQS trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) của quân và dân Việt Nam nói chung và Khánh Hòa nói riêng lâu nay đã được phản ánh trong nhiều công trình nghiên cứu, nhiều cuốn sách xuất bản ở trong và ngoài nước, bao gồm 2 nhóm sau:

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về đấu tranh quân sự trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Ban Nghiên cứu lịch sử quân sự thuộc Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng (1974), *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Nxb QĐND, HN. Nội dung công trình đã trình bày một cách có hệ thống quá trình hình thành và lớn mạnh của QĐND Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954). Bên cạnh việc nêu các quan điểm chỉ đạo của ĐCSVN về quá trình thành lập các đơn vị vũ trang, công trình còn đề cập đến các hoạt động đấu tranh vũ trang trong cuộc kháng chiến chống Pháp tại nhiều địa phương trong cả nước, trong đó, QĐND Việt Nam là lực lượng đóng vai trò quyết định.

Lê Trọng Tấn (1984), *Chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 - Một bước phát triển sáng tạo của nghệ thuật quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND, HN. Công trình đã trình bày diễn biến cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, đặc biệt tác giả đã phân tích, luận giải một số vấn đề về nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân, các đặc điểm nổi bật trong quá trình chỉ đạo chiến lược và chiến dịch của Đảng thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tiêu biểu trong nhóm này có thể kể đến công trình nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp do Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1985) nghiên cứu, biên soạn đó là bộ *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, gồm 6 tập. Nội dung của công trình này trình bày về cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh của quân dân cả nước chống thực dân Pháp xâm lược. Do đây là những công trình nghiên cứu toàn diện về cuộc kháng chiến

chống thực dân Pháp, nên những nội dung liên quan đến hoạt động ĐTQS được trình bày còn chưa chuyên sâu mà chủ yếu là các trận đánh cụ thể, điển hình về một số hoạt động hay kết quả ở một địa phương hay của một số đơn vị.

Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, HN. Công trình đã kế thừa những thành tựu từ các công trình tổng kết trước, có thêm những phát triển mới theo tư duy chính trị - quân sự không ngừng được hoàn thiện và đổi mới của Đảng. Bên cạnh đó, công trình còn chứa đựng nội dung phong phú về nhiều mặt, phản ánh tầm vóc của cuộc kháng chiến do ĐCSVN lãnh đạo cũng như những nỗ lực, đóng góp của quân và dân ở các địa phương trên khắp cả nước. Liên quan đến các hoạt động ĐTQS của quân và dân Khánh Hòa, công trình đã dành một phần đánh giá về vai trò của Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp: “*Với tinh thần tích cực tiến công tiêu hao địch, với cách đánh mưu trí táo bạo, được sự giúp đỡ tận tình của nhân dân, lực lượng vũ trang Mặt trận Nha Trang đã bao vây kìm chân quân Pháp trong thành phố hơn ba tháng, góp phần làm thất bại âm mưu chiến lược của chúng hòng mở rộng vùng kiểm soát đến vĩ tuyến 16 trong vòng vài tháng*” [10, tr. 70-71].

Nguyễn Mạnh Hà (1996), *Chính sách chính trị, quân sự của Pháp ở Việt Nam trong giai đoạn 1945 - 1954 và nguyên nhân thất bại của chúng*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Quân sự, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. Công trình đã trình bày một cách có hệ thống những nội dung chủ yếu trong chính sách chính trị, quân sự của Pháp, chỉ ra các căn nguyên thất bại của chúng và khẳng định tính nhất quán, xuyên suốt trong chính sách xâm lược của Pháp là bằng mọi cách áp đặt trở lại và duy trì sự thống trị thực dân, chứng minh nguyên nhân sâu xa và trực tiếp làm bùng nổ cuộc chiến tranh là do chính sách thực dân xâm lược đã lỗi thời, phản động của Pháp, đồng thời khẳng định nguyên nhân khiến chính sách chính trị, quân sự của Pháp thất bại là do chiến tranh xâm lược phi nghĩa và một nguyên nhân quyết định là gặp phải một đối thủ kiên cường là dân tộc Việt Nam quyết tâm hy sinh chiến đấu vì độc lập, tự do.

Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1997), *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội. Công trình đã đánh giá

về vai trò của căn cứ địa - hậu phương qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Công trình khẳng định hậu phương trong chiến tranh nhân dân Việt Nam là nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Đặc biệt, khi bàn về vai trò của hậu phương tại chỗ đối với chiến tranh cách mạng, công trình cho rằng: *“Việc xây dựng hậu phương tại chỗ vững chắc có thể chuyển hóa thế trận từ yếu sang mạnh, hoặc từ mạnh sang yếu, điều này phụ thuộc vào các yếu tố như: Tính chất chính nghĩa hay phi nghĩa của chiến tranh mà hậu phương phải phục vụ; phương thức tiến hành chiến tranh cách mạng hay chiến tranh cổ điển; quy mô tổ chức và huy động nhân dân tham gia,... nhưng trên tất cả là ở lòng dân”* [41, tr. 7]. Thông qua đó, công trình đã góp phần cung cấp những lí giải quan trọng nhằm đánh giá đúng vai trò của các căn cứ cách mạng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trần Trọng Trung (2004), *Lịch sử cuộc chiến tranh bản thủ*, tập 1, Nxb QĐND. Công trình đã nêu một cách có hệ thống những kế hoạch chiến tranh xâm lược của Chính phủ Cộng hòa Pháp. Đề cập đến quá trình thực hiện âm mưu đánh chiếm Khánh Hòa, tác giả viết: *“Đi đôi với việc tiếp tay cho quân Pháp mở rộng chiến sự ở Nam Bộ, từ cuối tháng 9, phái bộ quân sự Anh đã đưa một tiểu đoàn Anh - Ấn đổ bộ lên Nha Trang, viện cớ là để giải giáp quân đội Nhật ở Nam Trung Bộ”* [154, tr. 71]. Sau đó, *“do hoạt động mạnh của các lực lượng kháng chiến trên chiến trường này buộc Leclerc phải tập trung phần lớn lực lượng có trong tay (chừng 15.000 trong tổng số ngót 30.000 tên ở miền Nam cuối năm 1945) để mở cuộc hành quân Gô (Gaur) nhằm cứu nguy cho quân Pháp ở Nha Trang, Khánh Hòa, Đà Lạt... Cuộc hành binh quy mô lớn này do viên tổng chỉ huy đích thân điều khiển, chia thành hai gọng kìm lớn, lấy Nha Trang làm hợp điểm”* [154, tr. 71].

Lê Huy Bình (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quân sự Hà Nội. Trong công trình này, tác giả xác định đối tượng nghiên cứu là tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng LLVT ba thứ quân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược với mục đích là nhằm khẳng định giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng LLVT ba thứ quân trong cuộc

kháng chiến chống thực dân Pháp và sự vận dụng tư tưởng của Người trong xây dựng LLVT trong thời đại mới.

Bộ Quốc phòng và Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2007), *60 năm toàn quốc kháng chiến - kỷ ức lịch sử và bài học kinh nghiệm xây dựng, bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, HN. Công trình đã làm rõ thêm âm mưu và hành động xâm lược, bản chất hiếu chiến của thực dân Pháp và cũng chính tư tưởng thực dân đó đã châm ngòi cho cuộc chiến tranh nhằm xóa bỏ những thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945; lập lại ách thống trị của chúng lên đất nước ta một lần nữa. Công trình đã góp phần làm sáng tỏ thêm về sự lãnh đạo, chỉ đạo tài tình, sáng suốt của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nền hòa bình không còn có thể cứu vãn, đã chủ động mở ra cuộc kháng chiến toàn quốc. Mặt khác, công trình đã tái hiện bối cảnh lịch sử, nguyên nhân, diễn biến của quá trình toàn dân đứng lên tham gia kháng chiến và rút ra một số kinh nghiệm lịch sử như: “*vừa đánh, vừa đàm, vừa huy động sức mạnh toàn dân tham gia đánh giặc giữ nước*”,...

Hoàng Minh Thảo (2007), *Bàn về nghệ thuật quân sự*, Nxb CTQG, HN. Công trình đã đi sâu nghiên cứu lý luận về nghệ thuật quân sự, tổng kết kinh nghiệm nghệ thuật quân sự trong lịch sử quân sự Việt Nam; phân tích cụ thể, chi tiết mưu kế chiến lược của các trận đánh lớn trong các cuộc chiến tranh chống xâm lược của dân tộc ta; ngoài ra còn đề cập đến nghệ thuật dùng binh trong một số trận đánh nổi tiếng thế giới. Có thể nói, cuốn sách đã tái hiện lại những năm tháng chiến đấu và chiến thắng mọi thế lực thù địch của dân tộc Việt Nam, góp phần gìn giữ, phát triển kho tàng nghệ thuật quân sự quý báu của dân tộc.

Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2014), *Lịch sử quân sự Việt Nam*, gồm 14 tập, Nxb CTQG. Đây là bộ công trình đã được biên soạn công phu, đồ sộ, rất có giá trị, dựng lại lịch sử quân sự vĩ đại của dân tộc ta trong các cuộc đấu tranh chống xâm lược và bảo vệ Tổ quốc, phản ánh có hệ thống và toàn bộ hoạt động quân sự của quân và dân ta. Với tập 10 (1945 - 1954) của công trình, tập thể này các tác giả đã làm nổi bật một số sự kiện trọng yếu, đánh giá những ưu, nhược điểm chính, phân tích làm rõ nguồn gốc chiến tranh, nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm, những thành công, cũng như chưa thành công qua từng giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2014), *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam*, Nxb CTQG, gồm 5 tập. Công trình đã đề cập toàn bộ lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam từ buổi đầu dựng nước và giữ nước cho đến thời đại Hồ Chí Minh. Đây là bộ sách mang tính tổng kết thực tiễn và lý luận cao, cung cấp cho người đọc những thông tin có giá trị về lịch sử tư tưởng quân sự của dân tộc Việt Nam; nhất là những bài học kinh nghiệm vô giá, sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu ở trung ương, còn có nhiều công trình của các địa phương trong cả nước nghiên cứu về lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có đề cập đến hoạt động ĐTQS, tiêu biểu như:

Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng (tập 1: Kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954)*, Nxb Đà Nẵng. Đây là cuốn lịch sử đầu tiên được hoàn thành ở cấp Quân khu viết về cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện trên địa bàn Khu 5 trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Công trình đã làm rõ đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng, sự lãnh đạo, chỉ đạo của BCH Trung ương Đảng, Liên khu ủy 5 trong 30 năm chiến tranh giải phóng. Nội dung cuốn sách đã phản ánh một cách sinh động cuộc đấu tranh cách mạng, nổi bật là các hoạt động ĐTQS phát triển từ thấp đến cao trong sự phát triển chung của cuộc kháng chiến toàn quốc; dựng lại bức tranh khá đậm nét về hoạt động quân sự của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích; về kết hợp tác chiến du kích, tác chiến tập trung trong ĐTQS ở vùng sau lưng địch.

Viện Lịch sử Đảng và Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến (1992), *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Nxb CTQG, HN. Với nguồn tư liệu phong phú, cuốn sách đã trình bày có hệ thống quá trình phát triển và các mặt hoạt động của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Trung Bộ. Tuy nhiên, khi đề cập đến quá trình kháng chiến chống Pháp tại Khánh Hòa, công trình mới chỉ trình bày hết sức sơ lược với những thành tích điển hình ở một số địa phương. Những nội dung mang tính hệ thống về hoạt động ĐTQS ở Khánh Hòa chưa được thể hiện rõ nét, chưa phản ánh một cách sinh động, nhiều mặt về những hoạt động quân sự cụ thể trên chiến trường.

Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1998), *Lịch sử đặc công Quân khu 5 (1952 - 1975)*, Nxb QĐND, HN. Công trình đã tái hiện những chiến công của quân và dân Khu 5 trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng, làm sáng tỏ thêm những nét tiêu biểu, độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Tuy nhiên, do chỉ dừng lại ở việc tiếp cận những đóng góp của các đơn vị lính đặc công nên công trình chưa có điều kiện để trình bày sâu và cụ thể về các hoạt động ĐTQS trên địa bàn Quân khu 5 nói chung cũng như ở Khánh Hòa nói riêng.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (1999), *Phụ nữ Nam Trung Bộ trong sự nghiệp kháng chiến cứu nước (1930 - 1975)*, Nxb Đà Nẵng. Công trình đã tái hiện bức tranh toàn cảnh về những đóng góp của phụ nữ Việt Nam nói chung và phụ nữ Nam Trung Bộ nói riêng trong quá trình đấu tranh giữ nước thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ. Qua đó, nhiều hoạt động ĐTQS của phụ nữ tỉnh Khánh Hòa trong những ngày đầu kháng chiến đã được đề cập như: “*Phụ nữ Nha Trang sát cánh cùng lực lượng vũ trang đánh trả nhiều đợt tấn công của địch, giữ vững trận địa, bao vây địch suốt 101 ngày đêm*”, hay như trong thời kỳ Khánh Hòa bị tạm chiếm, “*mặc dù phải sống dưới nanh vuốt của kẻ thù, chị em vẫn tìm mọi cách nuôi giấu, bảo vệ cán bộ vào hoạt động... như trường hợp bà Nguyễn Thị Nhường ở số nhà 21 Nguyễn Thái Học (Nha Trang), đã nuôi giấu đồng chí Lê Duẩn trên đường vào Nam công tác*” [93, tr. 145].

Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Tỉnh ủy Lâm Đồng (2004), *Vai trò đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ trong 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1975)*, Nxb CTQG. Công trình đi sâu làm rõ vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số trong quá trình xây dựng và bảo vệ căn cứ địa ở miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền cách mạng các cấp, đồng bào các dân tộc tại địa bàn này đã tập hợp thành một lực lượng đông đảo tham gia kháng chiến, xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam (2006), *Ủy ban Kháng chiến Hành chính miền Nam Trung Bộ 1945 - 1954*, Nxb ĐHSP, HN. Công trình là tập hợp các bài viết của nhiều tác giả về quá trình ra đời, tổ chức hoạt động cũng như vai trò của Ủy ban Kháng chiến Hành chính miền Nam Trung Bộ trong quá

trình lãnh đạo kháng chiến chống Pháp, xây dựng kinh tế, tài chính, văn hóa,... tại khu vực này. Trong suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, mặc dù ở xa Trung ương nhưng Ủy ban Kháng chiến Hành chính miền Nam Trung Bộ đã tự lực, tự cường cùng với quân và dân 12 tỉnh chiến đấu kiên cường, giữ vững được 4 tỉnh vùng tự do trong suốt 9 năm kháng chiến. Có thể nói, đây là công trình có nhiều tư liệu quý về sự ra đời, tổ chức và hoạt động của Ủy ban Kháng chiến Hành chính miền Nam Trung Bộ (1945 - 1954), trong đó có các hoạt động của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Khánh Hòa.

Trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, quân và dân Khánh Hòa đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và các lãnh đạo của Chính phủ chỉ đạo kịp thời trong các hoạt động đấu tranh quân sự ở địa phương. Đặc biệt, trong *Tổng tập hồi ký* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2006), nhiều nội dung về hoạt động ĐTQS tại tỉnh Khánh Hòa cũng đã được phản ánh khá cụ thể và sinh động.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu về lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của các Khu, Liên khu, còn có các công trình nghiên cứu của các tỉnh đề cập đến hoạt động ĐTQS. Có thể kể đến một số cuốn tiêu biểu sau: Bộ CHQS tỉnh Thuận Hải (1991), *Thuận Hải - 30 năm chiến tranh giải phóng*, tập 1, Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), BCHQS tỉnh Thuận Hải ấn hành; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận (1995), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (1945 - 1975)*, BTG tỉnh Ninh Thuận ấn hành; BCHQS tỉnh Ninh Thuận (1998), *Lực lượng vũ trang tỉnh Ninh Thuận - Ba mươi năm xây dựng chiến đấu và chiến thắng (1945 - 1975)*, BCHQS tỉnh Ninh Thuận ấn hành; BCHQS tỉnh Phú Yên (1998), *Lực lượng vũ trang tỉnh Phú Yên - Ba mươi năm xây dựng chiến đấu và chiến thắng (1945 - 1975)*, BCHQS tỉnh Phú Yên ấn hành,... Đây là những công trình do các địa phương tổ chức nghiên cứu, biên soạn, trong đó nội dung chủ yếu đề cập đến quá trình hình thành, phát triển và hoạt động của LLVT trên những địa bàn cụ thể.

Ngoài ra, còn có khá nhiều bài viết đề cập đến hoạt động ĐTQS trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, như: Trần Văn Thức (1999), *Về lực lượng vũ trang ba thứ quân thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, “55 năm Quân

đội nhân dân Việt Nam - Miền đất khai sinh và quá trình phát triển”, Nxb QĐND, HN; Trịnh Vương Hồng (2004), *Những quan điểm đầu tiên của Đảng chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam*, “Quân đội nhân dân Việt Nam với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”; Dương Đình Lập (2005), *Bộ Tổng tham mưu với quá trình tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân (1945 - 1975)*, “Bộ Tổng tham mưu - 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành”, Nxb QĐND, HN. Nội dung các bài viết đã đề cập đến quá trình xây dựng, phát triển của LLVT ba thứ quân gắn bó chặt chẽ với từng bước đi lên của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, trong đó có hoạt động quân sự và khẳng định đây chính là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. Mặt khác, các công trình còn nhấn mạnh đến việc tổ chức LLVT ba thứ quân là hình thức tổ chức thích hợp với yêu cầu và phương pháp cách mạng, phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam; khái quát sơ lược sự phát triển của dân quân du kích, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực trong kháng chiến chống Pháp; đồng thời, khẳng định việc từng bước xây dựng, phát triển ba thứ quân, đưa chiến tranh du kích tiến dần lên vận động chiến là một quá trình vận dụng sáng tạo nguyên tắc vừa chiến đấu vừa xây dựng LLVT của Đảng và Chính phủ, phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ trong từng giai đoạn của cuộc kháng chiến.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu nêu trên đã góp phần làm sáng tỏ nhiều nội dung quan trọng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động đấu tranh quân sự như nguyên nhân, diễn biến, sự chỉ đạo của Đảng, bài học kinh nghiệm,... Tuy nhiên, đối với hoạt động ĐTQS ở Khánh Hòa thì hầu như chỉ mới được trình bày một cách khái quát thông qua quá trình nghiên cứu các hoạt động của Liên khu 5 hoặc qua việc khảo cứu lịch sử đấu tranh cách mạng của các tỉnh Nam Trung Bộ.

Bên cạnh các công trình của các tác giả, cơ quan trong nước, còn có các công trình, bài viết liên quan đến lịch sử cách mạng Việt Nam thời kỳ hiện đại đã được các tác giả nước ngoài quan tâm nghiên cứu, trong đó một số công trình đã được dịch ra tiếng Việt và xuất bản tại Việt Nam. Tuy nhiên, số lượng công trình nghiên

cứu về thời kỳ 1945 - 1954, đề cập đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Khánh Hòa không nhiều, có thể kể đến một số công trình sau:

Philippe Devillers (1993), *Paris - Sài Gòn - Hà Nội: Tài liệu lưu trữ của cuộc chiến tranh 1944 - 1947*, (Hoàng Hữu Đản dịch), Nxb Tp HCM. Philippe Devillers là một nhà sử học Pháp có uy tín chuyên nghiên cứu về lịch sử hiện đại Đông Nam Á, ông đồng thời là một nhân chứng lịch sử lúc người Pháp đem quân đánh chiếm Việt Nam. Do đó, khi đề cập đến quá trình thực dân Pháp trở lại xâm chiếm Việt Nam, ông cho rằng: *“Các tài liệu lưu trữ đã chứng minh cuộc chiến tranh Đông Dương... không phải do ngẫu nhiên, mà do tội lỗi, do sự vụng về hoặc tính toán sai của một vài người mà sự xảo trá hai mặt và cái nhãn quan cận thị chưa hề có trong lịch sử nước Pháp. Một cánh nhỏ những quan chức và nhà quân sự cao cấp Pháp đã châm ngòi cho cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và nước Pháp”* [82, tr. 16-17]. Cùng với việc làm sáng tỏ mục đích cũng như các hành động của thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, công trình đã đề cập đến quá trình thực dân Pháp đánh chiếm Khánh Hòa và các hoạt động đấu tranh của quân và dân Việt Nam tại địa phương này.

Một tài liệu quan trọng khác là cuốn hồi ký của Henri Navarre (2004), *Thời điểm của những sự thật*, bản dịch của Nguyễn Huy Cầu, Nxb CAND, HN. Theo đó, nhiều vấn đề lịch sử về quá trình thực dân Pháp tấn công, xâm chiếm Việt Nam đã được tác giả đề cập. Chẳng hạn như khi đề cập đến quá trình quân Pháp chiếm đóng các tỉnh Nam Trung Bộ, tác giả viết: *“Phía Nam, về lý thuyết, chúng ta kiểm soát toàn bộ đất nước, nhưng ở đây Việt Minh làm chủ được những “vết” quan trọng. Nhiều “vết” như thế có ở Nam Bộ, trong đó vùng Cực Nam nằm hoàn toàn trong tay đối phương... Vùng rộng nhất là Liên khu 5, trải dài suốt Nam phần Trung Bộ, từ mũi Né (Varella) đến rìa phía Nam Đà Nẵng. Sự có mặt của 30.000 người có vũ trang, trong đó 18.000 quân chính quy hoặc quân địa phương tinh nhuệ, đối với miền Trung và miền Nam Đông Dương là một mối đe dọa mà không lâu nữa, chúng ta biết là nó sẽ trở thành hiện thực”* [90, tr. 136]

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng thuộc Tỉnh ủy Phú Khánh (1980), *50 năm hoạt động của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Phú Khánh*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Phú Khánh ấn hành. Đây là công trình nghiên cứu về sự ra đời, phát triển và lãnh đạo cách mạng của Đảng bộ tỉnh Phú Khánh từ năm 1930 đến năm 1980. Trong đó, nhiều nội dung liên quan đến hoạt động ĐTQS tại Khánh Hòa trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) đã được đề cập và lý giải. Tuy nhiên, do đây là công trình đề cập khái quát về quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ 2 tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, nên chưa đi sâu phân tích, đánh giá một cách cụ thể và sinh động về quá trình ĐTQS của quân và dân Khánh Hòa trong thời kỳ này.

BCHQS tỉnh Khánh Hòa (1998), *Lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa - Ba mươi năm xây dựng chiến đấu và chiến thắng (1945 - 1975)*, BCHQS tỉnh Khánh Hòa ấn hành. Công trình đã tái hiện bức tranh toàn cảnh về sự hình thành và phát triển của LLVT tỉnh Khánh Hòa trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Ở tập 1: “*Kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*”, đã nêu bật được những đóng góp của LLVT tỉnh Khánh Hòa trong 9 năm kháng chiến chống Pháp xâm lược; chủ trương chỉ đạo kháng chiến của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa, BCHQS tỉnh; những trận đánh tiêu biểu cũng như nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của cuộc kháng chiến,... Có thể nói, đây là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống và toàn diện về các LLVT tỉnh Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tuy nhiên, như tập thể tác giả đã nhận xét: “*Tập sách chủ yếu phản ánh quá trình hoạt động của các LLVT, không viết về nhiều mặt như một cuốn lịch sử với quy mô toàn tỉnh*” [36, tr. 3].

Chu Đình Lộc (1999), *Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng thời kỳ 1945 - 1946*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn Hà Nội. Trên cơ sở tiếp cận và khai thác các nguồn tư liệu khác nhau, tác giả đã tái hiện bức tranh toàn cảnh về sự ra đời, vai trò của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa trong công tác xây dựng và bảo vệ chính quyền sau cách mạng Tháng 8 -1945 và trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến.

BCH Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (2001), *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa (1930 - 1975)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa ấn hành. Đây là công trình được nghiên cứu và biên soạn công phu trên cơ sở một khối lượng tư liệu phong phú. Bên cạnh các nguồn tài liệu đã được xuất bản, nhiều tư liệu lưu trữ đã được nhóm biên soạn tiếp cận và khai thác một cách hiệu quả từ các trung tâm lưu trữ ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Lạt và ở các Kho Lưu trữ tại một số địa phương; mặt khác, nhóm biên soạn còn tổ chức khảo sát điền dã, trao đổi trực tiếp với các nhân chứng lịch sử. Qua đó, công trình đã làm sáng tỏ hơn quá trình ra đời, củng cố và phát triển của Đảng bộ tỉnh từ năm 1930 đến năm 1975, thể hiện rõ nét vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Riêng thời kỳ 1945 - 1954, công trình đã tái hiện quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thành 5 giai đoạn phát triển: từ tháng 8-1945 đến tháng 10 - 1945; từ tháng 10 - 1945 đến tháng 12 - 1946; từ năm 1947 đến năm 1949; từ năm 1950 đến năm 1952 và từ năm 1953 đến năm 1954. Trong đó, khi trình bày cuộc kháng chiến toàn diện của quân và dân Khánh Hòa, lĩnh vực ĐTQS đã được đề cập một cách có hệ thống, từ bối cảnh lịch sử, chủ trương, kế hoạch cho đến diễn biến, kết quả và ý nghĩa của những trận đánh, chiến dịch quân sự tiêu biểu đã diễn ra trên địa bàn tỉnh, tập trung từ tháng 10-1945 đến tháng 7 - 1954.

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 và Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2005), *Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa, Nam Trung Bộ: Hồi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1947)*, Nxb QĐND, HN. Công trình là tập hợp các bài viết của các nhà nghiên cứu và các nhân chứng lịch sử đã từng tham gia lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Pháp tại Khánh Hòa trong Hội thảo khoa học “Tầm vóc, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa, Nam Trung Bộ hồi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1947)”. Thông qua công trình, một số nhận định, đánh giá về vai trò hoạt động quân sự trong Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa đã được đề cập và luận giải một cách khá toàn diện và sâu sắc, góp phần làm sáng tỏ cuộc chiến đấu của quân và dân Khánh Hòa trong những ngày đầu kháng chiến

chống thực dân Pháp (1945 - 1947).

Đảng ủy - BCHQS tỉnh Khánh Hòa (2013), *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Khánh Hòa 1945 - 2010*, Nxb QĐND, HN. Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách có hệ thống công tác Đảng, công tác chính trị của LLVT tỉnh Khánh Hòa trong 65 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành. Thông qua việc làm rõ vai trò, nhiệm vụ của công tác Đảng, công tác chính trị trong thời kỳ 1945 - 1954, nhiều nội dung liên quan đến các hoạt động ĐTQS đã được công trình tái hiện một cách sinh động.

Chu Đình Lộc (2016), *Căn cứ địa cách mạng ở Cực Nam Trung Bộ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*, Nxb ĐHQG, HCM. Công trình đã tập trung đi sâu khảo cứu một số căn cứ địa tiêu biểu ở Nam Trung Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Cụ thể, từ cuối năm 1945, tại Nam Trung Bộ, quân Pháp chiếm lại các đô thị, lực lượng cách mạng phải rút về vùng nông thôn, rừng núi để bảo toàn lực lượng và xây dựng nơi đứng chân và củng cố lực lượng. Từ đây nhiều căn cứ địa ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ được thành lập và tồn tại cho đến ngày kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước như các căn cứ: Hóc Chim, Hòn Dù, Đồng Bò, Đồng Trăn, Ba Cùm, Hòn Hèo, Đá Bàn (Khánh Hòa),... Hòn Đỏ, Đá Trắng, Bàu Bèo, núi Chúa (Ninh Thuận),... Hố Đất, Bàu Trắng (Bình Thuận),... Sự hình thành các căn cứ địa như đã đề cập đã tạo ra thế trận bao vây địch và là điểm tựa cho cuộc kháng chiến chống Pháp liên tục trong những năm 1945 - 1954.

Nhằm đánh giá đúng vai trò và vị trí của quân và dân Nam Trung Bộ trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945 - 1954), trong đó có quân và dân Khánh Hòa, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 cũng như BCHQS tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị nhằm tập trung làm rõ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Liên khu ủy 5 trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Trung Bộ; sự ra đời và quá trình chiến đấu, trưởng thành của LLVT Quân khu 5, trong đó bao gồm cả các cuộc chiến đấu của các LLVT tỉnh Khánh Hòa.

Lĩnh vực ĐTQS ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) còn được nhiều nhà nghiên cứu đề cập thông qua các hồi ký, bài báo

khoa học như: *Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa* của Ban Liên lạc 23-10, do Sở Văn hóa Thông tin Khánh Hòa ấn hành năm 2005; Chu Đình Lộc (2015), *Những khóa huấn luyện quân sự ở tỉnh Khánh Hòa thời kỳ đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1946)*, Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 286 (2015); Hà Văn Lâu (2015), *Từ mặt trận Chợ Mới - Ngọc Hồi đến phòng tuyến Cây Da - Quán Giếng*, Tạp chí Lịch sử Quân sự, số 286 (2015),... Các công trình này đã làm sáng tỏ vai trò của Đảng bộ, BCHQS tỉnh Khánh Hòa trong quá trình lãnh đạo quần chúng nhân dân cùng các LLVT tiến hành cuộc kháng chiến toàn diện chống thực dân Pháp, trong đó nổi bật lên những hoạt động ĐTQS.

Nhìn chung, các tác giả trong và ngoài nước khi nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954 đều có những phân tích khá chi tiết về nguyên nhân khởi phát của cuộc chiến, tương quan so sánh lực lượng quân sự, nghệ thuật quân sự của các bên liên quan và kết quả của cuộc chiến tranh. Thông qua đó, một số vấn đề liên quan đến bối cảnh, âm mưu và động thái của thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam đã được các tác giả lí giải, bàn luận. Từ tổng quan các công trình nghiên cứu nêu trên, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, hoạt động ĐTQS trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) đã được nghiên cứu ở những mức độ khác nhau, trong đó, đáng chú ý là các công trình mang tính tổng kết của Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Quân khu 5, của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa cũng như các công trình do BCHQS tỉnh và các địa phương trong tỉnh ấn hành, đã gợi mở cho tác giả nhiều ý tưởng cũng như cung cấp những luận cứ, nhận định quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện vấn đề nghiên cứu của mình.

Thứ hai, quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của quân và dân Khánh Hòa, đặc biệt là sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, chính quyền kháng chiến tỉnh đã được đề cập đến trong một số công trình. Qua đó, nhiều nội dung liên quan đến các hoạt động ĐTQS tại Khánh Hòa đã được làm sáng tỏ ở những mức độ khác nhau.

Thứ ba, do giới hạn bởi đối tượng và phạm vi nghiên cứu nên nhìn chung hoạt động ĐTQS ở địa bàn tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 1945 - 1954 đề cập trong các

công trình nghiên cứu nêu trên chưa thật chuyên sâu, chưa phân tích, luận giải, đánh giá một cách đầy đủ những đặc điểm, vai trò của hoạt động ĐTQS của quân và dân Khánh Hòa từ khi cuộc kháng chiến bắt đầu (10-1945) cho đến khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (7-1954).

1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

Căn cứ mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án, trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình đã xuất bản có liên quan về ĐTQS ở Khánh Hòa thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề sau:

Thứ nhất, làm rõ tác động của các nhân tố điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, truyền thống yêu nước và cách mạng tác động đến ĐTQS ở Khánh Hòa trong kháng chiến chống thực dân Pháp với những thuận lợi và khó khăn cụ thể.

Thứ hai, phân tích âm mưu, thủ đoạn và các kế hoạch xâm lược của thực dân Pháp đối với Khánh Hòa; chủ trương của Trung ương Đảng, Liên Khu ủy 5, Tỉnh ủy Khánh Hòa về ĐTQS trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Thứ ba, làm rõ quá trình chuẩn bị, xây dựng và phát triển LLVT, sự hình thành hệ thống căn cứ địa cách mạng trên địa bàn Khánh Hòa.

Thứ tư, tái hiện một cách có hệ thống các hoạt động ĐTQS ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Thứ năm, từ thực tiễn các hoạt động ĐTQS trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp tại Khánh Hòa, luận án phân tích những đặc điểm và khẳng định vai trò, đồng thời đúc rút một số kinh nghiệm, để có thể vận dụng vào việc xây dựng thế trận quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa hiện nay.

Chương 2

ĐẤU TRANH QUÂN SỰ Ở KHÁNH HÒA (1945 - 1946)

2.1. NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐẤU TRANH QUÂN SỰ Ở KHÁNH HÒA TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội

2.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Khánh Hòa là một tỉnh thuộc Nam Trung Bộ, phần đất liền của tỉnh kéo dài từ tọa độ địa lý 12°52'15" đến 11°42'50" vĩ độ Bắc và từ 108°40'33" đến 109°27'55" kinh độ Đông. Khánh Hòa có diện tích 5.197 km² (kể cả các đảo, quần đảo), phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp Đắk Lắk và Lâm Đồng, phía Bắc giáp Phú Yên, phía Nam giáp Ninh Thuận.

Địa hình tỉnh Khánh Hòa khá phức tạp, thon hai đầu và phình ra ở giữa, có nơi chỉ rộng từ 10 đến 15 km, gần giữa trung tâm tỉnh là nơi rộng nhất cũng chỉ khoảng 60 km. Khánh Hòa có 3 thung lũng là: Nha Trang, Ninh Hòa và Vạn Giã, gắn liền với 3 vùng đồng bằng: Cam Ranh, Nha Trang - Diên Khánh, Ninh Hòa - Vạn Ninh. Đây là những vùng đất nông nghiệp tương đối phì nhiêu, thuận lợi cho sản xuất các loại cây lương thực và chăn nuôi gia súc và các loại cây công nghiệp, cây ăn trái có giá trị.

Bờ biển tỉnh Khánh Hòa kéo dài từ Cap Varella (mũi Đại Lãnh) tới cuối vịnh Cam Ranh, khoảng hơn 427 km, ngoài ra còn có nhiều đảo, bán đảo, đầm, phá, vịnh. Bán đảo Mũi La có Vũng Rô, bán đảo Ninh Mã - Khải Lương có vịnh Văn Phong; bán đảo Hòn Hèo có đầm Nha Phu; bán đảo Cam Linh có vịnh Cam Ranh; trong đó, nổi bật nhất là vịnh Cam Ranh thông với Biển Đông qua eo biển rộng 1,6 km, có độ sâu từ 18 - 20m và được xem là cảng biển có điều kiện tự nhiên tốt nhất Đông Nam Á. Biển Khánh Hòa là một trong những vùng có tài nguyên biển giàu có của nước ta, có nhiều hải sản quý, là một trong những tỉnh sản xuất nhiều nước mắm, chế biến hải sản và có nhiều cơ sở làm muối, tốt nhất là muối Hòn Khôi. Dưới thời thực dân Pháp thống trị, sản lượng muối sản xuất hằng năm có khi lên đến 60.000 tấn. Ngoài ra, dải cát trắng dọc bờ biển Cam Ranh có hàm lượng silicat cao, là nguồn nguyên liệu quý để sản xuất thủy tinh cao cấp, do đó, từ những năm

1935 thực dân Pháp đã bắt đầu khai thác cát ở đây và xuất sang Nhật Bản. Đặc biệt, khi đề cập đến biển Khánh Hòa, không thể quên một loại đặc sản quý hiếm là yến sào, một nguồn thực phẩm và dược phẩm vô cùng quý giá. Mặc dù dọc các tỉnh duyên hải miền Trung nhiều nơi có yến sào, nhưng tập trung nhiều nhất vẫn là tỉnh Khánh Hòa, vì ở đây có nhiều đảo, núi đá vôi bị phong hóa tạo thành những hang động rất thích hợp cho môi trường sống, cuốn hút chim yến tới làm tổ và tổ yến ở đây có giá trị dinh dưỡng rất cao.

Sông ngòi ở Khánh Hòa ngắn và dốc, cả tỉnh có khoảng 40 con sông dài từ 10 km trở lên, tạo thành một mạng lưới sông phân bố khá dày. Hầu hết các con sông đều bắt nguồn từ vùng núi phía Tây chảy xuống biển ở phía Đông. Trung bình dọc theo bờ biển, cứ khoảng 5-7 km có một cửa sông. Các con sông lớn ở Khánh Hòa là sông Cái Nha Trang, sông Dinh (hay còn gọi là sông Cái Ninh Hòa), sông Tô Hạp (huyện Khánh Sơn).

Vùng núi chiếm khoảng 3/4 diện tích của tỉnh. Độ cao trung bình của vùng núi là 1.000m so với mực nước biển, có nhiều đỉnh núi như Chư Mư trong dãy Vọng Phu cao 2.050m, Hòn Chín Khúc cao 1.648m. Khánh Hòa có nhiều nhánh núi chạy từ phía Tây ra tận biển nên địa hình khá khúc khuỷu, nhiều dốc và đèo cao như Đèo Cả, Cổ Mã, Chín Cùm, Bánh Ít, Rọ Tượng, Rù Rì,....

Rừng Khánh Hòa có nhiều gỗ quý dùng để đóng tàu thuyền đi biển, làm vật liệu xây dựng, đóng đồ mộc dân dụng và xuất khẩu. Có nhiều trầm hương là loại hương liệu và dược liệu có giá trị kinh tế cao. Tại các vùng núi cao của tỉnh, khí hậu tương đối mát mẻ, có thể trồng được thông ba lá, cũng như trồng các cây dược liệu quý. Động vật rừng gồm các loại cầm, thú rất phong phú và đa dạng.

Khánh Hòa là tỉnh nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa. So với các tỉnh, thành phía Bắc, từ Đèo Cả trở ra và phía Nam từ Ghềnh Đá Bạc trở vào, khí hậu ở đây tương đối ôn hòa hơn do mang tính chất của khí hậu đại dương. Thời tiết ở Khánh Hòa thường chỉ có 2 mùa: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa ngắn, bắt đầu từ khoảng đầu tháng 9 đến giữa tháng 12 dương lịch, những tháng còn lại là mùa khô, nhiệt độ trung bình hàng năm ở Khánh Hòa khoảng 26,7 C.

Vị trí địa lý của tỉnh Khánh Hòa có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng. Đây là cửa ngõ đi vào khu vực Tây Nguyên, thông ra Biển Đông và các nước trên thế giới. Do đó, trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ 2, Khánh Hòa là một trong những mục tiêu đánh chiếm đầu tiên của thực dân Pháp mặt an ninh, quốc phòng vì nằm gần đường hàng hải quốc tế, có quần đảo Trường Sa, cảng Nha Trang, Cam Ranh, Vân Phong và sân bay. Đây là cửa ngõ đi khi trên con đường tiến ra Nam Trung Bộ.

Đối với thực dân Pháp, do có ưu thế về tiềm lực kinh tế, đặc biệt là về trang thiết bị, phương tiện quân sự nên có những thuận lợi nhất định trong việc triển khai binh lực, đặc biệt là bằng đường biển. Tuy nhiên, do những đặc điểm về vị trí địa lý, địa hình nêu trên cũng đã gây cho quân Pháp những khó khăn nhất định trong quá trình tiến hành các cuộc hành quân càn quét, đánh chiếm Khánh Hòa...

Đối với ta, do vị trí địa lý và địa hình của tỉnh Khánh Hòa vừa có các vùng xen kẽ rừng núi, nông thôn, đồng bằng, thành thị vừa có biển đảo; đặc biệt là các đô thị đều có các dãy núi bao quanh thuận tiện cho việc che dấu lực lượng và xây dựng các căn cứ kháng chiến.

Tóm lại, đặc điểm tự nhiên của Khánh Hòa nhìn chung là có nhiều thuận lợi cho hoạt động đấu tranh quân sự, đáp ứng được yêu cầu của một cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện. Tuy nhiên, ở một góc độ nhất định, địa hình bị chia cắt bởi các dãy núi và hệ thống sông ngòi cũng đã gây ra một số khó khăn trong công tác chỉ đạo, chỉ huy, vận chuyển tiếp tế, nhất là triển khai các chiến dịch quân sự quy mô lớn.

2.1.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Cũng như nhiều địa phương khác, sau Cách mạng tháng Tám 1945, Khánh Hòa cũng gặp vô vàn khó khăn, thử thách như tàn dư của chế độ cũ để lại rất nặng nề, trình độ dân trí thấp kém, kinh tế nghèo nàn lạc hậu, nạn đói luôn đe dọa đời sống của nhân dân. Hệ thống chính quyền cách mạng từ tỉnh đến cơ sở còn non trẻ, trình độ của cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa đáp ứng được yêu cầu mới của cách mạng. Do đó, nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa lúc này là phải nhanh chóng tập trung củng cố, bảo vệ chính quyền nhân dân, trước tiên là ổn

định tình hình chính trị, kiện toàn khối đoàn kết toàn dân, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, chống giặc đói, giặc dốt, cải thiện đời sống người dân, tích cực chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước.

Trong thời kỳ 1945 - 1954, dân số Khánh Hòa khoảng 180.000 người [167, tr. 11], gồm các dân tộc Kinh, Chăm, Chu Ru, Rắc lây, Ê Đê, S'tiêng,... Cư dân Khánh Hòa sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp và ngư nghiệp, một bộ phận nhỏ dân cư làm nghề tiểu thủ công nghiệp và buôn bán nhỏ. Ngoài một số y bác sĩ, giáo viên và một bộ phận viên chức làm việc trong bộ máy của chính quyền Pháp có đời sống khá hơn, còn đại đa số là dân cư lao động nghèo sinh sống bằng nghề nông và nghề biển nên đời sống còn rất bấp bênh. Đặc biệt, từ khi thực dân Pháp đẩy mạnh chính sách “bình định lấn chiếm” và chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” trong giai đoạn (1950 -1953) với nhiều thủ đoạn tinh vi và hiểm độc nhằm vơ vét nhân tài, vật lực phục vụ cho cuộc chiến tranh, cùng với đó là thiên tai liên tiếp đã làm cho đời sống của nhân dân trong toàn tỉnh Khánh Hòa gặp nhiều khó khăn, gian khổ như: *“Vùng Ninh Hiệp (Bắc Khánh) trước kia là gặt 120 gạ nay còn 30 gạ. Có nơi cấy 12 gạ giống, chỉ gặt được 16 gạ. Ở vùng Thượng du, tuy diện tích sản xuất tăng gấp 3, nhưng tỷ lệ mất mùa từ 40% đến 60%. Ở Cam Tân, Khánh Phú (Vĩnh Khánh) nhiều trâu bò, lợn gà bị dịch bắt, giết. Nghề biển vào mùa gió Đông nên đã làm đình trệ hoạt động của ngư dân. Ruộng muối ở Hòn Khôi bị Pháp hạn chế do sản xuất dư thừa nên đã làm cho đời sống của công nhân làm ruộng muối hết sức chật vật và một số diêm dân không có việc làm”* [150, tr. 17].

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhân dân Khánh Hòa vẫn giữ vững ý chí vì độc lập, tự do, một lòng đoàn kết xung quanh Đảng, Chính quyền và Mặt trận Việt Minh, ra sức cùng cố, xây dựng chế độ mới, bảo vệ đất nước, vững tin vào thắng lợi.

Về cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, tỉnh Khánh Hòa có tuyến Đường sắt Bắc - Nam và Quốc lộ 1 chạy qua cùng với hệ thống giao thông liên huyện theo chiều ngang (Đông - Tây), nối liền vùng đồng bằng ven biển với các vùng trung du, miền núi, như: Đường số 21 (nay là Đường số 26) từ Ninh Hòa đi Buôn Ma Thuột; Đường số 8, từ Diên Khánh đi Đất Sét; Đường số 2 từ Thành Diên Khánh đi Gia Lễ... Về đường thủy, Khánh Hòa có nhiều cảng biển như: Nha Trang, Ba Ngòi, Hòn

Khói... là cửa ngõ đường biển đi đến các vùng trong nước và quốc tế. Việc vận chuyển ở vùng đồng bằng và vùng núi chủ yếu theo các tuyến sông như: sông Cái, sông Dinh, sông Thủy Triều... Trong thời gian chiếm đóng Khánh Hòa, phát xít Nhật và thực dân Pháp đã xây dựng các căn cứ quân sự lớn như cảng Cam Ranh và sân bay Nha Trang để khống chế vùng biển, vùng trời Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, thậm chí cả Nam Bộ Việt Nam.

Về tổ chức hành chính, sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng được thành lập, tỉnh Khánh Hòa gồm: thị xã Nha Trang và 5 huyện (Vĩnh Xương, Ba Ngòi, Diên Khánh, Ninh Hòa, Vạn Ninh). Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945 - 1954, để phù hợp với yêu cầu chỉ đạo kháng chiến, tổ chức hành chính của tỉnh Khánh Hòa đã có những thay đổi như: tháng 5-1950, 3 xã của huyện Vĩnh Xương được sáp nhập vào thị xã Nha Trang để tổ chức lại thành 3 khu ngoại ô. Huyện Vĩnh Xương còn một xã là Khánh Xương sáp nhập vào huyện Diên Khánh thành một huyện mới lấy tên là huyện Vĩnh Khánh. Sang năm 1951, UBND miền Nam Trung Bộ đã ra Nghị định số 2172-MNTB, ngày 2-10-1951, sáp nhập 2 huyện Ninh Hòa và Vạn Ninh thành liên huyện Bắc Khánh, còn vùng phía Nam của tỉnh gồm thị xã Nha Trang, các huyện Vĩnh Khánh, Ba Ngòi và vùng Thượng du gọi là Nam Khánh.

2.1.2. Truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân Khánh Hòa

Trong suốt chiều dài lịch sử, nhân dân Khánh Hòa đã kiên cường và anh dũng chống lại các thế lực thống trị bóc lột và ngoại xâm để bảo vệ quê hương, đất nước. Chính từ trong quá trình ấy, đã góp phần hun đúc nên truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân Khánh Hòa.

Ngay từ thế kỷ XVIII, với vị trí thuộc Tây Sơn hữu đạo, nhân dân Khánh Hòa đã tham gia cuộc kháng chiến chống quân Xiêm (1785). Đến năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, rồi mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ở Nam Kỳ (1859 - 1867), nhân dân Khánh Hòa đã gia nhập quân đội triều đình chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp, từ đây Khánh Hòa trở thành một trong những vùng đất “đặc địa” của nghĩa sĩ Nam Kỳ. Tháng 8 - 1885, hưởng ứng dụ Cần Vương của vua Hàm Nghi cũng như lời kêu gọi khởi nghĩa của văn thân và sĩ tử đang tham gia kỳ thi tại

trường thi Bình Định. Nhân dân Khánh Hòa đã đứng lên kháng chiến chống Pháp và tay sai, dưới sự chỉ huy của Trịnh Phong, Nguyễn Trung Mưu, Lê Nghi, Nguyễn Khanh, Trần Đường, Phạm Chánh, Nguyễn Sum, Phạm Long...

Nghĩa quân Khánh Hòa được sự hỗ trợ của lực lượng văn thân Phú Yên do Bùi Đáng chỉ huy, ngày 13-11-1885, đã đánh chiếm thành Diên Khánh làm chủ toàn tỉnh cho đến đầu tháng 8 - 1886, mới bị thực dân Pháp và tay sai đàn áp.

Đầu thế kỷ XX, nhân dân đã hưởng ứng phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Vùng đất Khánh Hòa là nơi hoạt động của các nhà yêu nước như Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, những người đề xướng phong trào Duy Tân với chủ trương *“khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”*.

Từ nửa sau những năm 20 của thế kỷ XX, phong trào yêu nước của Khánh Hòa từng bước chuyển biến theo con đường cách mạng vô sản với sự ra đời của tổ chức Tân Việt Cách mạng Đảng tại Khánh Hòa vào năm 1927.

Sau khi ĐCSVN ra đời vào đầu năm 1930, ngày 24 - 2 - 1930, Tỉnh ủy lâm thời Đảng bộ Cộng sản Khánh Hòa được thành lập do Trần Hữu Duyệt làm Bí thư. Từ đây, phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân Khánh Hòa có những chuyển biến mới, từng bước làm nên những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa, trong từng giai đoạn khác nhau, mọi giai cấp, tầng lớp công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, học sinh, trí thức, viên chức đã tham gia tích cực vào đấu tranh chống áp bức, bóc lột, đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh trong những năm 1930 - 1931, 1936 - 1939 với nhiều hình thức tổ chức đấu tranh rất phong phú và đa dạng. Đặc biệt là từ sau khi Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời (5-1951), nhiều cơ sở Việt Minh tại Khánh Hòa đã được hình thành tại những cơ sở như Xí nghiệp hỏa xa (Hỏa xa quận 3), Giao thông công chính, Nhà đèn, Sở cá,... vùng nông thôn và các huyện trong tỉnh. Đến giữa năm 1945, Mặt trận Việt Minh tỉnh Khánh Hòa đã có cơ sở rộng khắp với hàng ngàn hội viên cứu quốc, công tác chuẩn bị lực lượng chính trị và LLVT được đặc biệt chú trọng. Mặt trận Việt Minh tỉnh đã khẩn trương tuyển chọn những hội viên cứu quốc ưu tú, có sức khỏe, có nhiệt tình vào các đội tự vệ cứu

quốc. Ở Nha Trang, ông Trần Việt Châu được giao nhiệm vụ tổ chức và chỉ huy lực lượng tự vệ cứu quốc. Tại các gara sửa chữa ô tô Secne, Nhà ga xe lửa, Xí nghiệp hóa xa, Viện Pasteur, Nhà đèn,.. đều có đội tự vệ cứu quốc, trong đó tổ chức Việt Minh trong ngành Hỏa xa quận 3 (Nha Trang) đóng vai trò nòng cốt. Nhiều công chức và trí thức ở Khánh Hòa như ông Đào Thiện Thi, Trần Đăng Khoa, quyền giám binh Phạm Thám,... cũng đã đứng vào tổ chức Việt Minh hoặc có cảm tình với mạng. Ở các huyện Diên Khánh, Ninh Hòa, Vạn Ninh,... một số đội tự vệ cũng được tổ chức và trang bị vũ khí thô sơ, tiến hành luyện tập võ nghệ, sử dụng côn, kiếm.

Có thể nói, trước ngày khởi nghĩa giành chính quyền, các đơn vị tự vệ, cứu quốc đã được thành lập và tổ chức khá chặt chẽ. Tuy mới chỉ là những tổ chức vũ trang quần chúng, được trang bị vũ khí thô sơ, nhưng đã bắt đầu hoạt động có hiệu quả, thực sự trở thành nòng cốt trong công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Đó chính là những đơn vị tiên thân, đặt nền móng cho việc xây dựng các LLVT Khánh Hòa sau này.

Đêm 12-8-1945, sau khi nghe báo tin chính phủ Nhật đã đặt vấn đề đình chiến với phe Đồng minh, Hội nghị Ban Chấp hành Việt Minh tỉnh Khánh Hòa được triệu tập tại nhà ông Nguyễn Điệp, số 45 đường Hoàng Tử Cảnh (nay là số nhà 137, Hoàng Văn Thụ) Nha Trang. Hội nghị quyết định: *“Căn cứ vào chủ trương của Trung ương, phải nắm ngay thời cơ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh để phát động cuộc khởi nghĩa trong toàn tỉnh”* [7, tr. 132].

Chấp hành chủ trương của Hội nghị, từ ngày 13-8-1945, nhân dân Vạn Ninh, Ninh Hòa, Nha Trang,... lần lượt nổi dậy giành chính quyền. Đến 17 giờ ngày 19-8-1945, Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Khánh Hòa ra mắt đồng bào và công bố văn tắt 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh và kêu gọi đồng bào đoàn kết, đấu tranh giữ vững chính quyền cách mạng. Chỉ trong vòng một tuần lễ, nhân dân Khánh Hòa dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời và Mặt trận Việt Minh đã nổi dậy tổng khởi nghĩa thắng lợi, xóa bỏ hoàn toàn chính quyền bù nhìn tay sai của phát xít Nhật, thành lập chính quyền cách mạng từ tỉnh đến huyện và xã.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Khánh Hòa là một sự kiện trọng đại của quân và dân toàn tỉnh. Đó là thắng lợi của tinh thần cách mạng tiến công, sử dụng quan điểm bạo lực cách mạng, kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị

với ĐTQS, kết hợp hoạt động đấu tranh ở nông thôn với thành thị, chọn đúng thời cơ, phân hóa cao độ kẻ thù, tập trung lực lượng tiến công vào các cơ quan đầu não của địch, làm tê liệt ý chí phản kháng của chúng. Trong thắng lợi lớn lao ấy, “*các lực lượng vũ trang Khánh Hòa mà trực tiếp là các đơn vị tự vệ với các đơn vị vũ trang quần chúng đã đóng góp một phần công lao xứng đáng làm nòng cốt xung kích và là chỗ dựa tin cậy của quần chúng, luôn luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh trực tiếp với địch, không sợ nguy hiểm hy sinh*” [10, tr. 70].

Tóm lại, những thuận lợi và khó khăn đan xen do đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội chi phối là những nhân tố tác động trực tiếp đến đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954). Phát huy truyền thống yêu nước cách mạng và kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, quân và dân Khánh Hòa đã biết tận dụng và khai thác có hiệu quả những yếu tố thuận lợi, hạn chế đến mức thấp nhất những tác động bất lợi trong hoạt động quân sự để từng bước làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn, các kế hoạch quân sự của thực dân Pháp, tiến tới làm thất bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của chúng trên địa bàn Khánh Hòa.

2.2. ĐẤU TRANH QUÂN SỰ Ở KHÁNH HÒA TRƯỚC NGÀY TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (TỪ THÁNG 10 - 1945 ĐẾN THÁNG 12 - 1946)

2.2.1. Khánh Hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và âm mưu, hành động đánh chiếm Nha Trang - Khánh Hòa của thực dân Pháp

2.2.1.1. Tình hình Khánh Hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, cũng như nhân dân cả nước, nhân dân Khánh Hòa từ thân phận người nô lệ trở thành những công dân của nước Việt Nam độc lập, được làm chủ vận mệnh của mình. Dưới sự lãnh đạo của chính quyền cách mạng - Chính Phủ nước VNDCCH, nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhanh chóng ổn định tình hình và khẩn trương bắt tay vào việc xây dựng cuộc sống mới, thực thi 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi chính quyền cách mạng được thiết lập từ tỉnh đến các huyện, xã, Mặt trận Việt Minh và các tổ chức cứu quốc nhanh chóng được củng cố và mở rộng, tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia, làm cơ sở xã hội cho tổ chức Đảng và chính quyền. Cùng với đó, chính quyền cách mạng ban bố các quyền tự do dân chủ, đồng thời mở phiên tòa xét xử công khai một số phần tử phản cách mạng đầu

sở tại Thành Diên Khánh; thực hiện một số chính sách trong chương trình của Mặt trận Việt Minh như xóa bỏ các thứ thuế do Pháp - Nhật đặt ra, tạm cấp ruộng đất vắng chủ cho nông dân, chia công điền, công thổ, hiệp thương với địa chủ giảm địa tô 25%, khuyến khích sản xuất nông nghiệp. Các cơ sở văn hóa giáo dục, y tế đều trở lại hoạt động bình thường.

Đầu tháng 10- 1945, toàn bộ các trường học công lập trong tỉnh đã tổ chức khai giảng năm học mới (1945 - 1946). Hoạt động chống giặc đốt, bỏ tù văn hóa, xóa mù chữ cho nhân dân được chú ý. Đặc biệt, phong trào “*bình dân học vụ*” đã thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân ở hầu hết các địa phương trong tỉnh. Có những lớp học được mở vào ban ngày cho trẻ em thất học và nhiều lớp mở vào ban đêm cho người lớn tuổi ở khắp các xóm làng. Tổ chức bình dân học vụ chống nạn mù chữ được đông đảo nhân dân hăng hái tham gia. Nhân dân khắp nơi trong toàn tỉnh thi đua thực hiện cuộc vận động “*đời sống mới*”, vệ sinh, phòng bệnh, thể dục, thể thao, sinh hoạt văn nghệ, ... bài trừ các tệ nạn xã hội, mê tín, dị đoan, rượu chè.

Các cuộc vận động “*Tuần lễ vàng*” và “*Tuần lễ đồng*” không những thu hút tầng lớp hữu sản tham gia mà cả người lao động cũng đã tự nguyện hiến cho cách mạng những đôi hoa tai, dây chuyền, nhẫn đeo tay, nồi đồng, mâm thau,... để góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước, chống ngoại xâm. Số tài sản đóng góp trong toàn tỉnh lên đến hàng trăm lạng vàng.

Về tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh vào thời gian này còn nhiều diễn biến phức tạp. Quân đội Nhật đang đóng giữ nhiều vị trí quan trọng ở nội thị Nha Trang, còn quân Pháp đang tạo cơ để đánh phá chính quyền cách mạng,... Nhằm giải quyết tình trạng trên, đối với lực lượng phản động, chính quyền cách mạng đã mở các phiên tòa xét xử công khai, trừng trị những phần tử ác ôn, chống phá chính quyền cách mạng; đối với một bộ phận quân Nhật muốn sớm trở về nước, chính quyền cách mạng có biện pháp giúp đỡ và vận động họ giao nộp lại vũ khí. Đối với những lực lượng ngoan cố chống đối, một mặt chính quyền cách mạng cố gắng kiềm chế không để mắc mưu khiêu khích của chúng, mặt khác kiên quyết trừng trị đích đáng bằng lực lượng tự vệ, huy động quần chúng biểu tình thị uy, đồng thời bao vây cắt nguồn tiếp tế của chúng,... buộc chúng phải chấp hành quy định của chính quyền cách mạng.

2.2.1.2. Âm mưu và hành động đánh chiếm Nha Trang - Khánh Hòa của thực dân Pháp

Từ ngày 23-9-1945, sau khi chiếm được các vị trí trọng yếu trong thành phố Sài Gòn - Gia Định, kiểm soát các trục đường giao thông huyết mạch, lập các cứ điểm quân sự, quân Pháp từng bước leo thang chiến tranh, mở rộng vùng chiếm đóng.

Với sự trợ giúp của quân Anh, Bộ Tham mưu quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương và tướng Leclerc vạch kế hoạch chiến lược *“lợi dụng sự có mặt của quân đội Anh để làm chủ toàn bộ vùng lãnh thổ Nam vĩ tuyến 16”* [154, tr. 2]. Thực hiện âm mưu này, do vị trí chiến lược quan trọng ở vùng Nam Trung Bộ nên Nha Trang - Khánh Hòa trở thành mục tiêu đầu tiên của thực dân Pháp trong kế hoạch mở rộng chiến tranh ra Nam Trung Bộ bởi vì: *“Nam Trung Bộ là một địa bàn chiến lược quan trọng. Trong đó Nha Trang là mục tiêu tấn công đầu tiên, dùng thành phố Nha Trang làm đầu cầu đánh rộng ra Nam Trung Bộ, nhất là vùng đồng bằng ven biển”* [10, tr. 70].

Cuối tháng 9-1945, thực hiện nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật ở Nam Trung Bộ, phái bộ quân sự Anh đưa một tiểu đoàn Anh - Ấn đổ bộ lên Nha Trang, nhưng thực chất là chiếm giữ địa bàn chiến lược quan trọng này, nhằm chia cắt chiến trường của ta và chuẩn bị chỗ đứng chân cho quân Pháp mở rộng chiến tranh ra Nam Trung Bộ.

Đến đầu tháng 10-1945, sau khi phá vỡ được Mặt trận phía Bắc Sài Gòn, thực dân Pháp sử dụng các binh đoàn bộ binh cơ giới tiến theo Đường số 1 và Đường 14 đánh chiếm Tây Nguyên và Nam Trung Bộ.

Ngày 1-10-1945, theo lệnh quân Anh, quân Nhật đã bao vây trụ sở Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Khánh Hòa, tước vũ khí và bắt cán bộ ta. Cùng lúc đó, tại Ninh Hòa, quân Nhật tiến hành bao vây trụ sở Ủy ban Phủ, bắt giữ và buộc Nguyễn Văn Huyền, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời Phủ phải ra lệnh cho nhân dân Ninh Hòa hạ vũ khí giao chính quyền cho thực dân Pháp.

Ngày 6 và ngày 12-10-1945, chiến hạm Richelieu của Pháp đưa gần 1.000 quân Pháp đổ bộ lên bãi biển Nha Trang, phối hợp với 9.000 quân Nhật² ở Nha Trang, Cam Ranh, Ba Ngòi và hơn 1.200 người Pháp cả quân sự và dân sự đang bị quân Nhật tập trung tại Nha Trang sẵn sàng phối hợp hành động khi quân Pháp từ

² Thị xã Nha Trang là nơi quân Nhật đặt sở chỉ huy Nam Trung Bộ và sau khi Nhật bị Đồng minh đánh bại, nơi đây được chọn làm nơi tập kết quân Nhật ở các tỉnh dồn về để chờ quân Đồng minh đến giải giáp.

ngoài đánh vào [53, tr. 98]. Sau khi đổ quân xuống Nha Trang, ngoài các vị trí quân Nhật đã chiếm đóng như Grand Hotel, kho vũ khí Bình Tân, trại lính khổ đỏ ở sân bay, kho bạc,... quân Pháp tiến hành chiếm đóng thêm nhiều mục tiêu quan trọng ven biển từ Cầu Đá đến Lầu Ông Tư. Phía mặt biển, quân Pháp sử dụng các chiến hạm nhằm kiểm soát toàn bộ từ Cam Ranh đến Vũng Rô và sẵn sàng dùng pháo lớn chi viện cho bộ binh trên đất liền.

Ngày 19-10-1945, một chiến hạm Pháp đến vùng biển Nha Trang và ngày hôm sau, một chiếc ca nô từ chiến hạm chạy vào cập bến Hòn Cau, đồng thời hai trung đội Pháp từ thiết giáp hạm đổ bộ vào bến Nha Trang dưới sự che chở của quân đội Nhật.

Sau khi chiếm đóng được những vị trí trọng yếu tại Nha Trang, quân Pháp bố trí lực lượng để khống chế toàn bộ thị xã như sau: Tại khách sạn Beau Rivage một tiểu đoàn; tại khu vực sân bay Nha Trang một tiểu đoàn; tại lầu Bảo Đại, khu vực Cầu Đá một tiểu đoàn và tại nhà Đoan, nhà Kiểm Lâm ở núi Chụt khoảng một tiểu đội. Còn lại các vị trí như: nhà Ga, nhà Đèn, sở Thuốc, lầu Ông Tư, ... do các trung đội Nhật chốt giữ. Về hỏa lực của địch, ngoài súng cối 81 được bố trí tại các tiểu đoàn tập trung, quân Pháp còn có 2 trận địa pháo đóng tại sân bay và dưới chân núi Chụt. Lực lượng không quân tại sân bay Nha Trang có khoảng hơn 10 máy bay các loại.

Đến ngày 22-10-1945, quân Pháp cùng quân Nhật đồng loạt nổ súng đánh chiếm các nơi trong thị xã như: Phước Hải, Trại Thủy, Sinh Trung,... nhằm mở rộng phạm vi chiếm đóng, chuẩn bị bàn đạp tiến đánh các tỉnh Nam Trung Bộ.

Với thực tiễn lịch sử trên đây, chứng tỏ rằng âm mưu của thực dân Pháp trong việc đánh chiếm Nha Trang - Khánh Hòa nhằm tạo ra một bàn đạp chiến lược để mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra toàn vùng Nam Trung Bộ. Âm mưu này được thực hiện ngoài việc dựa vào các yếu tố về địa quân sự, địa chính trị còn gắn liền với việc quân Anh tiến hành đưa quân ra Nha Trang giải giáp quân Nhật nhưng thực chất là tạo điều kiện mở đường cho quân Pháp trở lại xâm lược và thống trị nước ta một lần nữa. Đây là lý do trực tiếp để Khánh Hòa trở thành nơi đầu tiên ở Nam Trung Bộ bị thực dân Pháp nổ súng xâm lược.

2.2.2. Chủ trương của Đảng và hoạt động xây dựng thế trận kháng chiến

2.2.2.1. Chủ trương của Đảng

Sớm nắm bắt âm mưu và hành động của thực dân Pháp, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, cuối tháng 9-1945, Xứ ủy Trung Bộ mở Hội nghị quân sự dưới sự chủ trì của Nguyễn Chánh, Ủy trưởng quốc phòng miền Nam Trung Bộ, bàn kế hoạch đối phó với tình huống quân Pháp mở rộng chiến tranh ra Nam Trung Bộ. Hội nghị nhận định: *“Thực dân Pháp đánh chiếm Nha Trang là uy hiếp trực tiếp con đường chi viện của các lực lượng miền Bắc, miền Trung vào Nam Bộ. Cho nên vây chặt giặc Pháp ở Nha Trang, kìm chân chúng là yêu cầu bức thiết mà Trung ương đã đặt ra cho Đảng bộ, Chính quyền cách mạng miền Trung, trực tiếp là Đảng bộ, quân dân Khánh Hòa”* [50, tr. 43]. Hội nghị đã quyết định một số nội dung cấp bách, gồm: *“Đảm bảo giao thông suốt để chi viện Nam Bộ kháng chiến; huy động nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược; điều động lực lượng quân sự từ Bắc và Trung Trung Bộ vào tăng cường cho các tỉnh cực Nam Trung Bộ; lập Ủy ban Quân chính Nam phần Trung Bộ đóng tại Khánh Hòa để chỉ huy cuộc chiến đấu ở cực Nam Trung Bộ”* [50, tr. 43].

Sau Hội nghị quân sự, Ủy ban Quân chính Nam phần Trung Bộ được thành lập để trực tiếp lãnh đạo cuộc chiến đấu tại mặt trận phía Nam, gồm các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng, do Phạm Kiệt (Trưởng ban) và Trương Quang Giao (Phó ban). Cơ quan chỉ huy tiền phương đóng tại huyện Ninh Hòa. Ủy ban Quân chính Nam phần Trung Bộ có nhiệm vụ bảo đảm hành lang và bàn đạp vận chuyển lực lượng, trang bị vũ khí của Trung ương và các tỉnh phía Bắc vào Nam Bộ, vừa phải sẵn sàng đối phó với cuộc tiến công của quân Pháp từ bên ngoài vào và cuộc tiến công ngay trong nội địa của quân Nhật.

Ủy ban Quân chính Nam Phần Trung Bộ đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trực tiếp chiến đấu trên chiến trường này: *“Tiếp tục đánh và làm tiêu hao sinh lực địch, ngăn chặn từng bước tiến công của địch, đồng thời bảo tồn lực lượng và giữ cho được vùng tự do làm căn cứ kháng chiến lâu dài”* [10, tr. 134]. Để giữ vững thế chủ động sẵn sàng đánh địch, Ủy ban Quân chính chỉ thị phá một số cầu, cống, đường giao thông, xây dựng trận địa và bố trí lực lượng tại Khánh Hòa, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng.

Tuy nhiên, so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch tại Nam Trung Bộ quá chênh lệch. Lực lượng kháng chiến của ta tuy đông, nhưng chưa được huấn luyện chu đáo. Phần lớn cán bộ, chỉ huy còn ít kinh nghiệm chiến đấu. Trang bị của bộ đội chủ yếu là giáo mác, đại đao, mã tấu, một ít là súng trường, súng máy; đạn được thiếu thốn trong khi chiến trường thì rộng lớn, dễ bị chia cắt. Quân Pháp dễ tổ chức bao vây tiến công nhiều mũi, nhiều hướng. Chúng vừa có thể từ ngoài đánh vào, vừa kết hợp với lực lượng đóng tại chỗ của quân Nhật, hình thành thế “*nội công, ngoại kích*”. Do đó, nếu ta không kịp thời động viên mọi lực lượng để ngăn chặn, bao vây, thì quân Pháp sẽ thực hiện được âm mưu đánh chiếm mở rộng vùng kiểm soát từ cực Nam Trung Bộ đến vĩ tuyến 16 trong vòng vài tháng, làm cho cuộc kháng chiến của quân và dân ta sẽ gặp nhiều khó khăn, cũng như việc chi viện cho Nam Bộ kháng chiến, xây dựng căn cứ hậu phương ở vùng tự do.

Để phá tan âm mưu của thực dân Pháp trong việc đánh chiếm Nha Trang - Khánh Hòa rồi mở rộng chiếm đóng ra toàn khu vực Nam Trung Bộ, giữa tháng 10-1945, Hội nghị đại biểu Việt Minh toàn tỉnh Khánh Hòa khai mạc. Hội nghị bầu ông Hoàng Hữu Cháp làm chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh, Ủy ban Nhân dân cách mạng được sắp xếp lại gồm Tôn Thất Vỹ làm Chủ tịch, Phạm Cự Hải làm Phó Chủ tịch. Tại Hội nghị, các đại biểu Việt Minh đã đi đến thống nhất thành lập Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa, mục đích là nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ ngăn chặn bước tấn công và mở rộng đánh chiếm ra khu vực Nam Trung Bộ của thực dân Pháp. Hội nghị quyết định chuyển các cơ quan tỉnh và thị xã từ Nha Trang lên Thành Diên Khánh và vùng phụ cận Vĩnh Xương, chỉ để lại một bộ phận gọn nhẹ do ông Phạm Cự Hải (Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Khánh Hòa), Trần Chí Hiền (Ủy viên quân sự tỉnh) và Lê Huy Phát (Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời thị xã Nha Trang) nhân danh chính quyền cấp tỉnh và thị xã giải quyết một số công việc trước mắt [7, tr. 155]. Các cơ quan, xí nghiệp, xưởng cơ khí được lệnh di chuyển về vùng nông thôn Vĩnh Xương, Diên Khánh, Ninh Hòa, thực hiện “*vườn không nhà trống*”. Nhân dân thị xã Nha Trang, số đông người già và trẻ em được sơ tán về vùng nông thôn, không khí chuẩn bị kháng chiến diễn ra sôi nổi. Các đơn vị vũ trang cùng với dân quân tự vệ khẩn

trương đào đắp công sự, xây ụ chiến đấu, đục tường nhà, tường rào, phá cầu, phá đường để hạn chế sức cơ động của địch, nam nữ thanh niên vừa giúp dân sơ tán vừa làm nhiệm vụ tiếp tế, cứu thương.

Sau hội nghị, nhiều cuộc họp giữa các lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Việt Minh và Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa được tổ chức và đi đến thống nhất hành động: *“Quân Pháp bộc lộ quá rõ ý đồ dùng lực lượng quân sự từng bước đẩy ta ra để chiếm thị xã, trong điều kiện so sánh lực lượng lúc này giữa ta và địch, ta không đủ khả năng tổ chức đánh lớn để đẩy quân Pháp ra khỏi những vị trí chúng đã lấn chiếm, nhưng ta cũng không để cho quân Pháp tự do hành động”* [7, tr. 159]. Vì vậy, phải dùng lực lượng bộ đội tại chỗ, chủ động tấn công một số mục tiêu quan trọng, mà lực lượng địch ở đó tương đối mỏng, thâm nhập vào những mục tiêu như nhà Ga, nhà Đền, khu kho Bình Tân,... nhằm tiêu diệt một số sinh lực địch, phá hủy cơ sở vật chất của chúng. Sau đó, rút khỏi thị xã cùng lực lượng bên ngoài thực hiện nhiệm vụ chủ yếu bao vây chặt quân Pháp trong thị xã không cho chúng mở rộng diện chiếm đóng; đồng thời kiên quyết giữ vững giao thông Bắc - Nam, bảo đảm thông suốt con đường chi viện cho Nam Bộ. Thời điểm được chọn nổ súng tấn công quân Pháp là rạng sáng ngày 23-10-1945, đúng một tháng sau ngày nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

2.2.2.2. Hoạt động xây dựng thể trận kháng chiến

Bước vào giai đoạn mới, nhiệm vụ quan trọng của quân và dân Khánh Hòa là tập trung xây dựng và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân các cấp, đẩy mạnh việc phát triển các đoàn thể và xây dựng LLVT lớn mạnh làm chỗ dựa vững chắc cho quần chúng nhân dân đấu tranh; đồng thời nhanh chóng triển khai các chính sách mới nhằm đem lại quyền lợi bức thiết cho nhân dân và động viên toàn dân chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Mặt trận Việt Minh, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Khánh Hòa đã khẩn trương tổ chức việc xây dựng LLVT cách mạng. Tuy nhiên, nhiều vấn đề bức thiết như huấn luyện cán bộ, vũ khí, trang bị, kỹ thuật, lương thực được đặt ra, đòi hỏi phải được giải quyết ngay khi cuộc chiến bắt đầu.

Để có cán bộ quân sự chỉ huy các đơn vị vũ trang địa phương, cùng với việc tăng cường chất lượng cán bộ cốt cán, đầu tháng 9-1945, Tỉnh ủy Khánh Hòa quyết định mở Trường Huấn luyện Quân sự Đồng Đế. Ban lãnh đạo trường do ông Hà Văn Lâu phụ trách quân sự, ông Tôn Thất Liên phụ trách hậu cần và một đội ngũ cán bộ giáo viên quân sự như: Phạm Thám, Lê Thám, Huỳnh Hữu Thái,... Đây là những sĩ quan, binh sĩ trước đó đã có thời gian tiếp thu kỹ thuật và kiến thức quân sự trong chế độ cũ được Việt Minh Nha Trang giác ngộ cách mạng và đã qua thử thách, được lựa chọn đưa vào tổ chức cứu quốc trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ngày 1-9-1945, trường khai giảng khóa đầu tiên, thời gian học mỗi khóa 15 ngày. Các huyện, các xã đã cử hàng trăm cán bộ tiểu đội tự vệ đến học. Đây là biện pháp tích cực và rất có hiệu quả trong tình hình LLVT tỉnh vừa mới ra đời. Tuy các khóa huấn luyện chỉ trong một thời gian ngắn nhằm đào tạo cấp tốc số cán bộ chỉ huy LLVT và bán vũ trang ở cơ sở, nhưng qua đó đã trang bị cho cán bộ, chiến sỹ một số kiến thức cơ bản về quân sự, nâng cao lòng yêu nước, tinh thần quyết tâm chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước với lời thề sắt son “*Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*”. Bên cạnh đó, Trường Huấn luyện Quân sự ở Lạc An (Ninh Hòa), Trường Quân Chính ở Thành (Diên Khánh) cũng được thành lập [102, tr. 7-9].

Với chủ trương xây dựng LLVT vừa phát triển về số lượng, vừa tăng cường chất lượng, trong đó đặc biệt chú trọng công tác giáo dục chính trị và tư tưởng cho cán bộ, chiến sỹ; các ủy viên trong Ủy ban cách mạng huyện, xã có khả năng về quân sự được phân công nắm lực lượng quân sự địa phương. Nhiều cốt cán trong các đoàn thể được tăng cường cho các đơn vị vũ trang và các đội tự vệ. Những hội viên Cứu quốc ưu tú, có sức khỏe và nhiệt tình cách mạng được tuyển chọn vào các đội tự vệ dân quân. Về công tác chỉ huy, tự vệ vùng do ủy viên quân sự trong UBNDHC các vùng chỉ huy, còn trong các công sở do các cán bộ phụ trách, chịu trách nhiệm điều khiển [56, tr. 3]. Ở Nha Trang, các đơn vị tự vệ nhà máy, công sở được tổ chức thành một đại đội tự vệ tập trung do Võ Văn Ký chỉ huy. Đồng thời tại các phường, xã thuộc Nha Trang, Vĩnh Xương, Diên Khánh lần lượt thành lập thêm nhiều phân đội tự vệ. Nha Trang có 5 phân đội³, Vĩnh Xương có 6 trung đội, Diên

³ Thời kì đầu kháng chiến chống Pháp, phân đội là đơn vị tương đương trung đội (20-36 người).

Khánh mỗi xã đều có một phân đội tự vệ. Ở Ninh Hòa mỗi khu vực trong huyện đã thành lập được từ 1 đến 2 trung đội vũ trang tập trung như Khu Ích Hạ có Trung đội Chí Thắng, Trung đội Phong Mỹ Châu; khu Thanh Mỹ có Trung đội Bình Thành và Trung đội Thanh Mỹ; khu Phước Khiêm Hạ và Hòn Khôi có Trung đội Phước Mỹ Hòa; khu Xuân Hòa có Trung đội Trần Hưng Đạo và Trung đội Lê Lợi,... Nhiều đơn vị vừa thành lập xong được chuyển thành các phân đội cảm tử quân đưa lên chiến đấu ở Mặt trận Buôn Ma Thuột, số còn lại tiếp tục được bổ sung xây dựng thành các đội tự vệ địa phương và sau này trên cơ sở hợp nhất các trung đội ở mỗi khu vực đã hình thành nên thành các đơn vị bộ đội địa phương như Đại đội Hồng Liên, Đại đội Lê Hồng Phong, Đại đội Vũ Trung Ân,...

Bên cạnh việc xây dựng các đơn vị vũ trang tập trung, việc tăng cường quân số dân quân tự vệ ở các phủ, huyện, xã cũng được chú trọng. Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Khánh Hòa đã quyết định thành lập Ty Công an và Ty Trinh sát. Riêng lực lượng công an, trinh sát thị xã Nha Trang có hơn 200 thanh niên, trong đó *“có nhiều chị em phụ nữ được tuyển chọn chặt chẽ, huấn luyện và tổ chức thành đội ngũ làm nhiệm vụ vừa phát hiện vừa trấn áp bọn tay sai của Pháp - Nhật, nghiêm trị bọn lưu manh trộm cắp giữ gìn trật tự. Đồng thời, lực lượng này cũng luôn bám sát mọi động thái của bọn Pháp - Nhật để kịp thời phát hiện ra âm mưu và hành động mới của chúng”* [93, tr. 117].

Chủ trương của tỉnh Khánh Hòa về xây dựng LLVT trong những ngày đầu mới thành lập là vừa phát triển số lượng, vừa dần dần tăng cường chất lượng. Cùng với đó, vấn đề về trang bị vũ khí, hậu cần đời sống cũng là những vấn đề bức thiết đặt ra. Lúc này, vũ khí trang bị cho các đơn vị vũ trang tập trung chủ yếu là súng trường, một ít súng phóng lựu và lựu đạn, còn trang bị cho tự vệ và dân quân du kích thì hầu hết là vũ khí thô sơ, tự tạo. Để có vũ khí trang bị cho các đơn vị, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã chỉ đạo khẩn trương thành lập các công binh xưởng sản xuất vũ khí và sửa chữa súng hỏng phục vụ nhiệm vụ chiến đấu.

Tháng 9-1945, Xưởng Quân giới Khánh Hòa được xây dựng ở Đồng Trăn (Vĩnh Xương), cơ sở sản xuất được trưng dụng từ một xưởng chế biến mủ cao su của chủ đồn điền Pháp Boulanfot. Xưởng do Nguyễn Xuân Thắng phụ trách, cùng với Phan Bá Đồng và Cai Thành Tài là những chiến sỹ đã tốt nghiệp Trường Kỹ nghệ

thực hành Huế, được giác ngộ cách mạng và phân công công tác trong ngành quân giới. Ban vũ khí do Nguyễn Văn Tạo, trước Cách mạng Tháng Tám 1945 là công nhân gara Phú Xuân Long phụ trách, Ban rèn do Võ Văn Khôi làm Trưởng ban. Hơn 50 cán bộ, công nhân đầu tiên của xưởng quân giới Đồng Trăn hầu hết là những người thợ thuộc nhiều ngành nghề khác nhau. Trong số đó, có người là thợ cơ khí ở các gara ô tô; là viên chức viện Hải Dương học, viện Pasteur, có người là thợ kim hoàn, thợ may, thợ sửa chữa xe đạp, công nhân làm các nghề tự do, cũng có người là công chức về hưu, là lính thủy trong quân đội Pháp cũ và những thanh niên, học sinh,... *“Mặc dù chưa biết về súng đạn, chưa kinh qua sửa chữa vũ khí, chế tạo lựu đạn,... nhưng với lòng yêu quê hương đất nước, căm thù quân xâm lược, tất cả họ đã tự nguyện bước vào ngành quân giới, trở thành những người thợ của xưởng quân giới Đồng Trăn, những người chiến sỹ trên mặt trận kỹ thuật”* [180, tr. 48].

Như vậy, trong những ngày đầu kháng chiến, tuy vũ khí trang thiết bị còn thiếu thốn, nhưng từ cán bộ lãnh đạo đến các chiến sỹ dân quân tự vệ đều có tinh thần sẵn sàng chiến đấu, đánh đuổi quân thù, bảo vệ quê hương, đất nước.

Bên cạnh việc tập trung giải quyết vấn đề vũ khí, trang bị, chính quyền cách mạng tỉnh còn phải lo việc hậu cần của LLVT. Chính quyền cách mạng đã dựa vào nhân dân, mở cuộc vận động đóng góp sức người, sức của hỗ trợ những nhu cầu cấp thiết cho cách mạng, các đơn vị đóng quân ở nơi nào do nhân dân nơi ấy đảm nhiệm việc cung cấp, thông qua các tổ chức đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh. Đặc biệt là vai trò quan trọng của Hội Phụ nữ Cứu quốc trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc chiến sỹ, kịp thời cứu chữa thương binh. Ủy ban nhân dân thị xã Nha Trang đã mở lớp *“Hồng Thập Tự”* đào tạo cứu thương, tất cả các học viên đều là nữ thanh niên được tuyển chọn từ đội nữ cứu thương *“Trung Trắc Nha Trang”*. Đội có hơn 50 chị em do Bùi Thị Cẩm phụ trách, làm nhiệm vụ cứu thương ở các bệnh viện, theo sát các đơn vị phục vụ tiếp tế cơm nước và chăm sóc thương binh.

Để phối hợp thống nhất hành động trên chiến trường, nhiều cuộc họp giữa Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Khánh Hòa cùng với Mặt trận Việt Minh tỉnh và Ban Chỉ huy quân sự tỉnh đã được tiến hành và đi đến quyết định thành lập Ban Chỉ huy Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa do Trần Chí Hiền (Chỉ huy

trưởng), Nguyễn Thế Lâm (Chỉ huy phó), Hà Văn Lâu (Tham mưu trưởng), Nguyễn Mô (Chính trị viên). Cơ quan chỉ huy mặt trận đóng tại Chùa Ông (sau lưng Chợ Mới), các đơn vị vũ trang địa phương và các đơn vị Nam tiến đóng quân tại những vị trí đã được phân công, kiên quyết bao vây quân Pháp tại các mục tiêu quan trọng trong thị xã Nha Trang.

Nhằm hỗ trợ cho cuộc chiến đấu của quân và dân Nha Trang - Khánh Hòa, cuối tháng 10-1945, Trung ương đã cử nhiều lượt cán bộ lãnh đạo cao cấp vào trực tiếp nắm tình hình và chỉ đạo cuộc kháng chiến. Nhiều đơn vị bộ đội Nam tiến tình nguyện vào miền Nam chiến đấu, song khi quân Pháp đổ bộ lên Nha Trang cắt đứt giao thông đường sắt, đường bộ Bắc - Nam, thì mới chỉ có một số Chi đội Nam tiến⁴ vào đến Nam Bộ, còn lại đều dừng lại củng cố và tham gia chiến đấu trên chiến trường Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, ngăn chặn bước tiến của quân Pháp mở rộng chiến tranh, trong đó có Mặt trận Nha Trang Khánh Hòa, là một trong những chiến trường khó khăn, ác liệt nhất ở Nam Trung Bộ. Chi đội Nam tiến đầu tiên tăng cường cho Nha Trang là chi đội Lê Trung Đình do Lê Kích chỉ huy, tham gia chiến đấu ở phòng tuyến ở bờ Bắc sông Cái Nha Trang. Tiếp theo là Đại đội Thuận Hóa do Nguyễn Thế Lâm chỉ huy, đóng quân tại Chợ Mới và một đại đội đóng ở khu vực Nhà Đoan. Một đại đội pháo binh gồm 2 khẩu sơn pháo 75 ly và 1 khẩu tiểu pháo 25 ly được Xứ ủy Trung Bộ điều vào xây dựng trận địa trên đồi La San⁵. Để giúp các đơn vị Nam tiến nhanh chóng nắm được tình hình, Ty Trinh sát đã cử một số cán bộ, chiến sỹ thông thạo địa hình Nha Trang đến tăng cường cho các đơn vị này.

Bộ đội địa phương của tỉnh và bộ đội Nam tiến bố trí sẵn ven bờ Bắc sông Cái, Kim Bông, đường sắt, các điểm cao mặt Bắc và Tây thị xã. Lực lượng dự bị đứng chân tại Ngọc Hội, Phú Nông, Xuân Lạc, sẵn sàng chi viện. Các đơn vị tự vệ của Nha Trang, Vĩnh Xương, Diên Khánh được các đơn vị Nam tiến tăng cường càng thêm tin tưởng quyết tâm bảo vệ Nha Trang. Riêng bộ đội thị xã Nha Trang được giao nhiệm

⁴ Sau khi Mặt trận Bắc Sài Gòn bị vỡ, nhất là khi quân Pháp đổ bộ lên Nha Trang, đường xe lửa bị cắt đứt, hầu hết các đơn vị Nam tiến từ Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Chiến khu Đông Triều, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên,... đến, đều dừng lại chiến đấu ở Nam Trung Bộ.

⁵ Nay là Trường Đại học Nha Trang.

vụ đánh chiếm các mục tiêu đã định trong thị xã. Đại đội tự vệ Nha Trang là đơn vị được trang bị và huấn luyện khá tốt, thông thạo địa hình nên được bố trí từng trung đội bên cạnh các đại đội Nam tiến. Đơn vị tự vệ do Ngô Thông chỉ huy làm nhiệm vụ giữ mặt Tây Nam thị xã Nha Trang; trung đội tự vệ do Võ Duy Tâm chỉ huy áp sát bao vây quân bảo an Nhật tại kho vũ khí Bình Tân; đơn vị bộ đội Nam tiến do Nam Long chỉ huy, được tăng cường thêm một đội nữ cứu thương, làm nhiệm vụ bao vây cơ quan chỉ huy của Trung tá Becnar đóng ở khu vực Chợ Mới; Phân đội Nam tiến Lê Trung Đình và một đơn vị tự vệ Nha Trang tạo thế bao vây quân Pháp - Nhật trong thị xã Nha Trang thành hai tuyến: tuyến thứ nhất ở vòng trong áp sát từng vị trí, từng điểm đóng quân của địch trong thị xã và tuyến thứ hai, rải ven các bờ sông, các cao điểm hình thành vòng cung bên ngoài hai mặt Bắc và Tây thị xã Nha Trang. Ngoài các đơn vị lập các tuyến bao vây, còn có đại đội tự vệ tập trung Nha Trang do Hà Văn Lâu trực tiếp chỉ huy ngày đêm tập luyện, đứng chân ở vùng Ngọc Hội, Phú Vinh, Xuân Lạc sẵn sàng tiến vào thị xã chiến đấu.

2.2.3. Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa (10-1945 - 2-1946)

2.2.3.1. Tiến công các vị trí chiếm đóng của quân Pháp tại Nha Trang

Trên cơ sở kế hoạch đã được chuẩn bị, vào lúc 3 giờ sáng ngày 23-10-1945, bằng tiếng nổ của quả bộc phá đặt trước cửa hầm xe lửa số 1 (nay là phường Ngọc Hiệp, Nha Trang) làm hiệu lệnh, tất cả LLVT địa phương và các đơn vị Nam tiến dưới sự lãnh đạo của Ban Chỉ huy Mặt trận Nha Trang đã tấn công vào các mục tiêu chiếm đóng của quân địch trong toàn thị xã Nha Trang.

Sau hiệu lệnh tấn công, các đơn vị Lê Trung Đình, Thuận Hóa và các đơn vị tự vệ chiến đấu Nha Trang, Vĩnh Xương, công an, trinh sát đồng loạt tấn công các vị trí chiếm đóng của quân Pháp và quân Nhật trong thị xã, “*tiếng lựu đạn, tiếng súng máy, súng trường hòa với tiếng hô xung phong vang lên khắp nơi trong thị xã Nha Trang. Lửa cháy, đạn bay sáng rực cả bầu trời*” [36, tr. 56]. Đại đội Tự vệ Nha Trang dưới sự chỉ huy của Võ Văn Ký, từ đường Hoàng Diệu (nay là đường Võ Văn Ký) tiến đánh chiếm khu vực nhà Ga - một vị trí quan trọng do quân Nhật chiếm giữ. Trước hỏa lực mạnh của quân Nhật, Đại đội Tự vệ phải dừng lại trước sân ga. Với quyết tâm tiêu diệt một cứ điểm quan trọng, Đại đội trưởng Võ Văn Ký băng lên dẫn đầu đơn vị, xung

phong quyết chiến với địch. Quân Nhật từ trong bắn ra, Đại đội trưởng Võ Văn Ký hy sinh. Sự hy sinh dũng cảm của người đại đội trưởng đã trở thành động lực mãnh mẽ, thúc đẩy cả Đại đội Tự vệ xóc lưỡi lê, ào ạt xông tới, quân Nhật hốt hoảng tháo chạy, Đại đội Tự vệ chiếm được nhà Ga, giải thoát các thanh niên đang bị chúng giam giữ tại đây, thu một số lựu đạn và hàng chục chiếc xe đạp [36, tr. 56].

Tại khu vực nhà Đèn, đơn vị Trinh sát do Trần Việt Châu chỉ huy, phối hợp với lực lượng tự vệ và Chi đội Lê Trung Đình bí mật áp sát địch, tiêu diệt lính gác, đồng loạt xung phong tấn công bằng lựu đạn và chai xăng. Bị tấn công bất ngờ, quân Nhật không kịp chống đỡ, hoảng hốt tháo chạy, một lực lượng quân Nhật từ kho bạc tiến sang ứng cứu nhưng bị chặn đánh tại ngã tư Yersin và Hoàng Hoa Thám. Cuộc chiến đấu ở đây kéo dài hơn 30 phút, các chiến sĩ cố ghim chân địch tại vị trí này để bộ phận bên trong có thời gian phá hủy nhà Đèn và thu vũ khí. Lợi dụng lúc quân ta đang tập trung đánh trước mặt, quân địch cho một cánh quân tăng viện theo đường Lý Thánh Tôn đánh vào sau lưng đơn vị chiến đấu của ta. Trước hỏa lực mạnh của địch, lực lượng của ta buộc phải rút lui khi chưa phá hủy được toàn bộ nhà Đèn như kế hoạch đã vạch ra.

Tại Sở Thuộc, đơn vị làm nhiệm vụ cảnh giới do Trần Điền chỉ huy có sự phối hợp của lực lượng Nam tiến Lê Trung Đình nổ súng ghim chân quân địch tại chỗ. Tại khu vực chợ Xóm Mới, mặc dù quân Pháp chống trả ác liệt, lực lượng kháng chiến vẫn cố gắng bao vây, tổ chức nhiều đợt tấn công. Đến gần trưa hôm sau, chỉ khi Pháp cho quân tiếp viện đến để giải vây, lực lượng của ta mới rút lui, lên khu vực nhà Máy nước phối hợp với Đại đội Nam tiến Thuận Hóa tiếp tục chiến đấu.

Tại khu Bình Tân, chiến sự cũng diễn ra rất quyết liệt, các chiến sĩ của Trung đội Tự vệ do Võ Duy Tâm chỉ huy, dưới sự yểm trợ của súng máy đã xung phong đánh chiếm kho đạn nhưng quân địch cũng tập trung hỏa lực chống trả các mũi xung phong của của ta. Do không đảm bảo được yếu tố bí mật, bất ngờ từ đầu nên các đợt xung phong của ta không thành công. Đến chiều ngày 23-10-1945, trước sức mạnh tăng viện giải vây của quân Pháp, lực lượng kháng chiến đã rút về vùng Đồng Bò để bảo toàn lực lượng.

Suốt ngày 23-10-1945, tiếng súng đánh địch của bộ đội, tự vệ Nha Trang liên tục nổ ra khắp mọi nơi trong thị xã. Mặc dù quân Pháp đông hơn nhiều lần, được phi pháo từ chiến hạm Richelieu chi viện, nhưng chúng cũng chỉ đánh bật được quân ta ra khỏi khu vực Miếu Sinh Trung và đồi Trại Thủy, còn các vị trí khác, quân ta vẫn kiên cường bám trụ chiến đấu.

Sau một ngày đêm chiến đấu quyết liệt và gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại, chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến tỉnh, Ban Chỉ huy Mặt trận Nha Trang lệnh cho các đơn vị vũ trang rút dần lực lượng ra khỏi thị xã, củng cố tổ chức, lập phòng tuyến chiến đấu, chỉ để lại một bộ phận công an, trinh sát tiếp tục chiến đấu, diệt ác trừ gian.

2.2.3.2. Lập phòng tuyến bao vây, kìm chân quân Pháp trong nội thị Nha Trang

- Lập phòng tuyến La San - Chợ Mới - Bretelles

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Sở Chỉ huy Mặt trận được chuyển ra khu vực Cầu Dứa, trên trục lộ Nha Trang - Thành Diên Khánh, cách thị xã khoảng 3 km. Các đơn vị vũ trang rút ra hướng Bắc thị xã Nha Trang, đóng quân từ khu vực đồi La San, cầu Xóm Bóng, Tháp Bà lên đến Cầu Sắt (hầm xe lửa số 1). Tuyến phòng thủ này do Đại đội Nam tiến Lê Trung Đình chốt giữ tại các cứ điểm Núi Sạn, Tháp Bà, Cù Lao và trên đồi La San hình thành phòng tuyến bờ Bắc sông Cái, vây chặt cầu Xóm Bóng. Đây là trận địa phòng ngự gồm hệ thống giao thông hào vận động và công sự chiến đấu có nắp bằng thân dừa nhằm chống pháo cối của địch từ các cao điểm trong thị xã bắn xuống. Ngoài ra, bộ đội còn lợi dụng địa hình dọc đường sắt, theo các đám dừa nước ven sông để chiến đấu. Trên đồi La San, sau khi Khu 6 tăng cường cho 2 khẩu pháo 75 ly và khẩu 20 ly đã tạo thành một trận địa pháo. Đây là trận địa pháo duy nhất của mặt trận được phân công khống chế ven bờ biển từ cửa Sông Cái đến cảng Cầu Đá. Nhờ trận địa pháo này, các lực lượng của ta trên phòng tuyến này đã đánh lui nhiều trận nóng ra của quân Pháp.

Ở phía Tây - Nam thị xã Nha Trang, các Đại đội Tự vệ Nha Trang được tổ chức thành tiểu đoàn do Hà Văn Lâu chỉ huy rút về đứng chân ở Vĩnh Diêm, Ngọc Hội, Kim Bông, Chợ Mới, hình thành phòng tuyến Chợ Mới - Bretelles⁶ để giam quân Pháp

⁶ Bretelles nghĩa là cái dây đeo quần - nơi đường sắt rẽ nhánh vào Nam, ra Bắc.

trong thị xã ở phía Tây - Nam. Tham gia bảo vệ phòng tuyến này còn có một số đơn vị Nam tiến Nghệ Tĩnh và tự vệ công nhân của đồn điền cao su Bắc Sài Gòn do Nguyễn Văn Vĩnh chỉ huy rút ra đứng chân ở Lư Cầm. Theo nhận định của ta, quân địch có thể lợi dụng sức mạnh cơ giới từ nội thị theo quốc lộ và trục đường xe lửa đánh tràn ra. Do vậy, Ban Chỉ huy mặt trận đã tăng cường cho phòng tuyến này 1 khẩu trung liên Hóc - kít để đảm bảo hỏa lực chặn địch. Các ông Hà Vy Tùng và Ngô Thông được giao nhiệm vụ chỉ huy các đơn vị chiến đấu trên phòng tuyến đặc biệt quan trọng này.

Với các điểm chốt chặn như trên, đã tạo thành một thế trận bao vây, ngăn chặn quân địch trong nội thị Nha Trang. Quyết không cho địch tự do hành động trong thị xã, lực lượng biệt động, công an xung phong, tự vệ trong lòng thị xã, lợi dụng sự thông thuộc địa hình, được nhân dân che chở, giúp đỡ đã nhiều lần diệt địch giữa ban ngày, ngay trên đường phố. Có trận, lực lượng biệt động đã tiêu diệt cả một tốp lính Pháp khi chúng đang đi tuần, có trận công an xung phong đã bắt sống sỹ quan Pháp, Nhật đem ra ngoại thành để khai thác. Cùng với hoạt động trên, trận địa pháo 75 ly trên đồi La San đã bắn phá nhiều mục tiêu quan trọng của địch trong thị xã, như ngày 26-10-1945, quân ta nổ súng bắn chìm một tàu tiếp tế trước khách sạn Beau Rivage và Grand. Phát huy thắng lợi, trận địa pháo trên đồi La San tiếp tục nã đạn vào những vị trí quân địch chiếm đóng tại Lư Cầm và chùa Bà Nghè, diệt và làm bị thương nhiều binh lính địch.

Trong vòng một tháng chiến đấu anh dũng, lực lượng kháng chiến của ta trên phòng tuyến La San - Chợ Mới - Bretelles đã đánh lui nhiều trận nổng ra của địch. Cụ thể như: Lúc 4 giờ sáng ngày 17-11-1945, quân Pháp mở cuộc tiến công quy mô lớn nhằm đánh úp lực lượng của ta trên phòng tuyến, nhưng chúng đã bị lực lượng của ta đánh trả quyết liệt, diệt hàng chục tên tại khu vực Bretelles.

Trong thời gian này, đường xe lửa vẫn do ta kiểm soát nhằm đảm bảo sự tiếp viện từ phía Bắc cho cuộc chiến đấu ở Nam Bộ. Tuy nhiên, do chiến sự diễn ra ác liệt tại Nha Trang, nên đoạn đường từ đèo Rù Rì qua Nha Trang vào Suối Dầu khoảng 20 km không thể dùng đầu máy kéo cả đoàn tàu vì quá gần với các vị trí chiếm đóng quân Pháp, dễ bị bại lộ, vì vậy, để đảm bảo giao thông thông suốt, đêm đêm từng đoàn xe goòng chở đầy vũ khí, thuốc men, quân trang, quân dụng được bộ

đội, du kích và nhân dân đẩy từ hầm Rù Rì vào tới ga Suối Dầu, từ đó có đầu máy chạy tiếp vào Nam Bộ.

Để đảm bảo thông tin liên lạc giữa Sở Chỉ huy Mặt trận Nha Trang với Ủy ban Quân chính Nam Trung Bộ có sở chỉ huy đóng tại thôn Xuân Hòa nay thuộc xã Ninh Phụng (Ninh Hòa) và giữa Ủy ban Quân chính với Tháp Chàm (Ninh Thuận) và Nam Bộ, Bureau điện Nha Trang tổ chức xây dựng đường dây, các trạm điện thoại ở Lương Sơn, Phú Vinh, Hòa Tân,

Khi cuộc chiến diễn ra quyết liệt trong nội thị Nha Trang, thì tại các huyện Vạn Ninh, Ninh Hòa và Cam Lâm dân quân, tự vệ tổ chức canh gác, xây dựng công sự, lập các đội vận tải, phục vụ mặt trận và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Một số đơn vị dân quân tập trung của Ninh Hòa được tăng cường cho phòng tuyến phía Bắc Mặt trận Nha Trang. Tại các điểm xung yếu như cầu, cống dọc Đường 21, Quốc lộ 1, hầm xe lửa đèo Cổ Mã được bộ đội và dân quân du kích các địa phương trong tỉnh chốt giữ.

Đồng bào, du kích ở các vùng ngoại thị Nha Trang tiếp tế cơm nước, cấp cứu thương binh, đào hầm hào và chiến đấu cùng bộ đội. Nhân dân các huyện Diên Khánh, Vạn Ninh, Ninh Hòa và Cam Lâm tổ chức tuần tra, canh gác, lập các đội vận tải phục vụ mặt trận Nha Trang [36, tr. 62].

Trong những ngày đầu trên chiến trường Khánh Hòa, mặc dù quân số trực tiếp cầm súng chiến đấu chưa nhiều, song với quyết tâm cao và sự nỗ lực chiến đấu, lực lượng kháng chiến đã bẻ gãy các cuộc tiến công của quân Pháp, trong đó đặc biệt là nhân dân Nha Trang, Vĩnh Xương, Diên Khánh đã dốc lòng, dốc sức chăm lo cho bộ đội có đủ điều kiện để đánh địch. Công nhân xưởng quân giới Đồng Trăn ngày đêm lo sửa súng, đúc lựu đạn, chế thuốc nổ phục vụ cho mặt trận. Cơ khí vận tải Khánh Hòa cũng đã phục hồi được hơn 20 xe tải, bảo đảm vận tải lương thực, thực phẩm, đồng thời chở bộ đội từ Thành Diên Khánh xuống, thay phiên trực chiến bám giữ phòng tuyến và chở cán bộ, chiến sỹ từ phòng tuyến về phía sau nghỉ ngơi, tập luyện. Trong những ngày này, các chiến sỹ mặt trận Nha Trang còn nhận được những bộ quần áo vải ka ky từ Nam Định, Hà Nội và các tỉnh miền Bắc gửi vào. Tuy không đồng phục, nhiều màu, nhiều kiểu khác nhau, nhưng thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc.

Trong gần một tháng chiến sự diễn ra ác liệt, với vũ khí thô sơ nhưng quân và dân Khánh Hòa đã chiến đấu kiên cường, bất khuất gây cho quân Pháp nhiều thương vong, tổn thất về nhân vật lực và đạt được mục tiêu ban đầu đề ra là bao vây, kìm chân quân Pháp trong nội thị Nha Trang. Ban Chỉ huy Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa đã phân tích tình hình chiến sự và nhận định về hành động tiếp theo của quân Pháp: “*Khi có thêm lực lượng thiết giáp và bộ binh, địch sẽ mở cuộc tiến công lớn ra Nam Tây Nguyên và Nam Trung Bộ để giải vây cho Nha Trang*” [39, tr. 62].

Đúng như nhận định, ngày 19-11-1945, một đoàn xe 60 chiếc từ Xuân Lộc chở quân Pháp tiến ra cực Nam Trung Bộ nhưng do Quốc lộ 1 bị phá hủy, nhất là cầu cống dọc đường nên đoàn xe phải quay về. Cùng ngày chiến hạm Richelieu đã đổ thêm một tiểu đoàn bộ binh Thuộc địa số 5 (5 è R.I.C) Âu Phi lên Nha Trang. Như vậy, đến cuối tháng 11-1945, ngoài quân Anh, quân Pháp và quân Nhật có mặt tại thị xã Nha Trang đã lên tới 6 tiểu đoàn. Vì vậy, quân Pháp và quân Nhật trong thị xã đang ráo riết chuẩn bị mở đợt tấn công mới với quy mô lớn hơn hòng phá vòng vây của lực lượng ta tại Nha Trang.

- *Lập phòng tuyến Cây Đa - Quán Giếng*

Để bảo toàn lực lượng, đêm 22-11-1945, Ủy ban Kháng chiến tỉnh Khánh Hòa và Ban Chỉ huy mặt trận đã lệnh cho Đại đội Nam tiến Thuận Hóa rời Thái Thông, Thủy Tú di chuyển về tuyến sau xây dựng trận địa mới tại Phú Vinh, còn một cánh quân rút qua cầu Bà Vệ về chùa Bà Nghè củng cố lực lượng, tiếp tục chặn địch.

Phát hiện hoạt động của ta, vào lúc 6 giờ sáng ngày 22-11-1945, quân Pháp tập trung hỏa lực, pháo hạm có máy bay chỉ điểm và ném bom, bắn phá dữ dội vào trận địa, phòng tuyến của ta ở phía Nam, phía Bắc và một số nơi trong thị xã Nha Trang. Trước hỏa lực mạnh của địch, nhiều đoạn phòng tuyến đã bị phá vỡ, nhiều cán bộ chiến sỹ bị thương và hàng trăm ngôi nhà, ruộng vườn của nhân dân vùng ven thị xã bị tàn phá. Tổn thất trên bắt nguồn từ nhiều yếu tố, một mặt là do hỏa lực của địch quá mạnh, mặt khác còn do phòng tuyến của ta vừa mới được xây dựng nên chưa thật kiên cố, giữa các phòng tuyến chưa có chiến hào để di chuyển bổ sung và yểm trợ cho nhau. Trong khi đó, ở Khánh Hòa vào thời điểm này là mùa mưa lụt, nên làng mạc, ruộng đồng, chiến hào bị nước ngập trắng xóa. Dù khó khăn

gian khổ như vậy, quân Pháp vẫn không thể đè bẹp được ý chí chiến đấu của quân và dân Khánh Hòa, tất cả cán bộ, chiến sỹ vẫn ngấm mình trong nước, dưới chiến hào kiên cường bám trụ phòng tuyến nổ súng đánh địch [39, tr. 62].

Đến trưa ngày 23-11-1945, quân Pháp tập trung lực lượng tiến công vị trí đóng quân của ta tại chùa Bà Nghè. Tại đây, trận chiến đấu diễn ra rất ác liệt, quân ta dựa vào công sự khá tốt đã được nhân dân đào đắp, xây dựng rất kiên cố. Tuy nhiên, do hỏa lực mạnh của quân Pháp nên hầu hết phòng tuyến và công sự của ta đều bị phá vỡ. Trước sức tiến công của quân Pháp, chiều 23-11-1945, bộ đội ta đã bỏ cứ điểm chốt chặn chùa Bà Nghè, rút lên Phú Vinh và dựa theo hữu ngạn sông Cái, lập phòng tuyến Cây Da - Quán Giếng tiếp tục chiến đấu, ngăn chặn quân thù⁷.

Tại phòng tuyến này, rút kinh nghiệm xây dựng các phòng tuyến trước đó, ta thay đổi phương thức tiến hành. Cơ quan chỉ huy phòng tuyến đặt tại ga Phú Vinh, các đơn vị đóng quân trong nhà dân, đình miếu, trường học. Dọc hai bên đường sắt, phần lớn dân cư đã được sơ tán lên Diên Khánh, mỗi đơn vị đóng tại đây quân đều làm hầm trú ẩn tránh phi pháo.

Cũng trong thời gian này, Ban Chỉ huy Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa có một số thay đổi do ông Trần Chí Hiền bị tai nạn ô tô, bị thương nặng phải đưa về Huế chữa trị, nên ông Trần Công Khanh được chỉ định làm Chỉ huy trưởng mặt trận, Hà Văn Lâu làm Chỉ huy phó kiêm Tham mưu trưởng, Bùi Định (tức Nguyễn Mô) làm Chính trị viên.

Nhận thấy sự rút quân của ta, quân Pháp tiến chiếm Chợ Mới, đánh nóng lên ga Phú Vinh, thành lập một chi khu (quartier) ở ngoài thị xã Nha Trang, đối diện với bộ đội ta ở phòng tuyến Cây Da - Quán Giếng, cách nhau khoảng 1.000m. Nhận định việc quân Pháp mở rộng chiếm đóng tạo ra nhiều sơ hở, đồng thời trinh sát của ta phát hiện được quy luật tuần tiểu của chúng giữa Phú Vinh và Chợ Mới, nên Ban Chỉ huy mặt trận Nha Trang đã vạch kế hoạch cho đơn vị bộ đội Nam tiến Nam Long, tổ chức phục kích tiêu diệt lực lượng tuần tiểu của địch.

Đêm 23-11-1945, lợi dụng trời tối, quân Pháp hành quân lên Phú Vinh tấn công vào phòng tuyến Cây Da - Quán Giếng. Phát hiện cuộc hành quân của quân

⁷ Gọi là Cây Da - Quán Giếng vì tại đây có một cây đa cổ thụ và một giếng nước, vùng trung tâm của huyện Vĩnh Xương.

Pháp, các chiến sỹ Chi đội Thuận Hóa đã chủ động chiến đấu, đánh phủ đầu vào đội hình quân Pháp lúc 3h sáng ngày 24-11-1945. Cuộc tấn công bất ngờ đã làm cho nhiều binh lính Pháp thiệt mạng trước phòng tuyến. Bị tổn thất khá nặng, quân Pháp vừa bắn pháo sáng để kêu gọi sự yểm trợ, vừa dùng súng máy bắn vãi đạn vào phòng tuyến và công sự của ta. Mặc dù địch tiến công dữ dội, nhưng cán bộ chiến sỹ đơn vị Thuận Hóa vẫn bình tĩnh, dũng cảm bẻ gãy các đợt xung phong của quân Pháp. Nhiều nơi trên phòng tuyến, chiến sỹ ta đã phải dùng lưỡi lê đánh giáp lá cà với địch để giữ vững phòng tuyến. Trận chiến đấu diễn ra ác liệt trong hơn 2 giờ, đến gần sáng, quân Pháp buộc phải rút về Nha Trang.

Sau thất bại ở Phú Vinh, quân Pháp tăng cường củng cố các vị trí đã chiếm được trong nội đô và ngoại thị xã Nha Trang và không mở các trận tiến công lớn vào các phòng tuyến của ta. Hoạt động chủ yếu của quân Pháp lúc này là dùng các toán quân nhỏ tuần tiểu phục kích và dùng pháo cối bắn phá thường xuyên ra vùng ngoại ô.

Đối phó với hoạt động của quân Pháp, tại Nha Trang ta chủ trương đẩy mạnh hoạt động trong nội thị, các đội tự vệ và biệt động tổ chức các trận tập kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp và tổ chức đánh phá kho vũ khí, lương thực của chúng. Cùng với bộ đội tác chiến đánh địch, công an xung phong và tự vệ nội thị đã tổ chức nhiều cuộc tập kích nhỏ, dùng lựu đạn tự chế, dao găm, mã tấu phục kích binh lính Pháp khi đi tuần tra, có trận ta tiêu diệt cả tổp lính và bắt được một số tù binh trong đó có cả viên sĩ quan người Pháp. Bên cạnh đó, các cơ sở cách mạng nội thị đã vận động binh lính trong hàng ngũ địch tại sân bay Nha Trang, tiến hành phá hủy 2 máy bay và thu nhiều vũ khí, phương tiện kỹ thuật.

Cuối năm 1945, trước hành động mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, BCH Trung ương Đảng CSĐĐ, Chính phủ VNDCCH với tầm nhìn chiến lược và niềm tin vào sức mạnh của cả dân tộc, sau khi phân tích toàn bộ diễn biến tình hình, với quyết tâm lãnh đạo toàn dân, toàn quân kiên quyết đánh địch. BCH Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị “*Kháng chiến, kiến quốc*” (25-11-1945), nêu rõ chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng trong tình hình mới. Chỉ thị xác định rõ về kháng chiến ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, nhiệm vụ chiến thuật của quân và dân ta ở đây là phong tỏa những thành phố đã lọt vào tay địch về kinh tế,

chính trị, kết hợp với tiến công quân sự; áp dụng chiến thuật du kích triệt để, vận động nhân dân thi hành chính sách bất hợp tác, thực hiện “*vườn không nhà trống*” khi quân địch tràn về nông thôn; giữ vững liên lạc với chiến khu để thống nhất chỉ huy; nếu rút khỏi thành thị, phải chọn những địa điểm chiến lược lợi hại, tiến có thể đánh, lui có thể giữ; các vùng chiến tranh chưa lan đến, cần tích cực đối phó; kế hoạch tiến công cũng như rút lui phải hết sức chu đáo. Các địa phương phải đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực gây dựng lại phong trào, duy trì chiến đấu, làm thất bại âm mưu mở rộng chiến tranh của thực dân Pháp.

Bên cạnh đó, Chi thị nêu lên một loạt vấn đề về công tác chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, ngoại giao nhằm củng cố và phát triển thực lực, giữ vững chính quyền cách mạng, cấp thiết tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân ta. “*Chính phủ trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ*”, đồng thời đề ra “*nhiệm vụ chiến thuật của ta ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ là phải cắt đứt dây liên lạc giữa các thành phố đã lọt vào tay địch, phong tỏa những thành phố ấy về kinh tế, bao vây về chính trị, nhiễu loạn về quân sự*” [74, tr. 26].

Quán triệt chủ trương của Trung ương, kiên quyết bao vây quân Pháp ở thị xã Nha Trang, giữ vững tuyến giao thông Bắc - Nam, bảo đảm cho Nam Bộ, Nam Trung Bộ kháng chiến, Ban Chỉ huy Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa tiếp tục phát triển lực lượng, xây dựng phòng tuyến Cây Da - Quán Giếng, đồng thời tranh thủ thời gian xây dựng, củng cố và phát triển thực lực cách mạng về mọi mặt ở địa phương. Để thuận tiện trong chỉ đạo kháng chiến, cuối tháng cuối tháng 11-1945, Sở Chỉ huy Mặt trận Nha Trang cùng các cơ quan lãnh đạo của tỉnh và Nha Trang dời về Thành Diên Khánh.

Trước tình hình chiến sự ngày càng ác liệt tại Nam Bộ và Nam Trung Bộ, trong đó có Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa, ngày 1-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 70/SL cử Bộ trưởng Bộ Lao động Lê Văn Hiến làm Đặc phái viên Chính phủ đến các tỉnh Nam Trung Bộ nhằm chỉ đạo việc xây dựng chính quyền và chỉ đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Trung Bộ. Trong chuyến công tác này, ông Lê Văn Hiến đã chuyển thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Gửi các chiến sỹ cùng đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ*” và thư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp “*Gửi bộ đội miền Nam*” [151, tr. 76].

Ngày 23-12-1945, Phái đoàn Chính phủ có mặt tại thành Diên Khánh. Sau khi làm việc với lãnh đạo tỉnh và Bộ Chỉ huy mặt trận, phái đoàn đã thị sát và thăm hỏi một số đơn vị chiến đấu trên phòng tuyến Nha Trang; cán bộ, chiến sỹ thương binh ở bệnh viện Trường Lạc, xưởng Quân giới Đồng Bò, căn cứ huấn luyện tân binh Đồng Trần, các chiến sỹ ngoài mặt trận. Từ trên chiến hào, Bộ trưởng Lê Văn Hiến đã đọc thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi các chiến sỹ cùng đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Bức thư có đoạn viết: *“Từ ba tháng nay, các anh chị em đã đem xương máu ra để giữ lấy từng tấc đất của Tổ quốc. Tôi cũng như đồng bào ở Bắc Bộ và phía Bắc Trung Bộ đã bao nhiêu lần tức giận khi nghe bọn thực dân Pháp chà đạp lên miếng đất của ông cha ta, giết hại nòi giống ta, đã bao nhiêu lần phẫn khởi khi nghe những chiến công oanh liệt do những vị vô danh và hữu danh anh hùng của dân tộc tạo nên, đã bao nhiêu lần hồi hộp, có thể khóc được trước những gương hy sinh vô cùng dũng cảm của những người con yêu của Tổ quốc. Do đó, tôi càng tin chắc rằng: với một quốc gia có những người con hy sinh như thế, anh hùng như thế, đã có một khối toàn dân đoàn kết như thế, nước ta nhất định không bị mất lại một lần nữa”*. Người chỉ rõ: *“Chỉ có chiến đấu mới vượt được những trở lực, khó khăn, chỉ có chiến đấu mới đưa lại vẻ vang cho Tổ quốc”*, đồng thời khen ngợi tinh thần chiến đấu của các chiến sỹ trên mặt trận: *“Chính phủ Dân chủ Cộng hòa rất khen ngợi các chiến sỹ ở các mặt trận miền Nam, đặc biệt là các chiến sỹ ở Nha Trang và ở Trà Vinh, đã làm gương anh dũng cho toàn quốc. Tổ quốc biết ơn các bạn, toàn thể đồng bào noi gương các bạn”* [122, tr. 134]. Sự có mặt của đặc phái viên Chính phủ cùng lá thư động viên thăm hỏi thân thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu của chiến sỹ, nhân dân Nha Trang - Khánh Hòa và Nam Trung Bộ.

3.2.3.3. Rút lực lượng khỏi thị xã Nha Trang, chuyển hướng tác chiến đánh địch

Cuối tháng 12-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp cùng Nguyễn Sơn, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến miền Nam đến Khánh Hòa, trực tiếp nắm bắt tình hình Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa. Ngày 25-1-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp vào kiểm tra tình hình mặt trận phía Nam và truyền đạt quyết tâm của Trung ương. Trước khi đi, Bộ trưởng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm

vụ trọng yếu: “*ngiên cứu, xem xét chiến trường, giúp các đồng chí Bộ Chỉ huy Mặt trận Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ giữ vững tinh thần kháng chiến, phát động chiến tranh du kích, kìm chân quân Pháp, động viên đồng bào, chiến sỹ hăng hái tham gia đánh giặc, cứu nước*” [89, tr. 14].

Ngày 27-1-1946, tại thành cổ Diên Khánh, sau khi thị sát một số đơn vị chiến đấu trên mặt trận, tìm hiểu và nghe lãnh đạo Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa báo cáo, Bộ trưởng đã đánh giá cao cuộc chiến đấu của quân và dân Nha Trang - Khánh Hòa, đã góp phần làm thất bại một bước âm mưu “*đánh nhanh, thắng nhanh*” của thực dân Pháp, tạo điều kiện cho hậu phương chuẩn bị kháng chiến. Từ thực tế chiến trường Khánh Hòa, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp cũng đã vạch ra một số nét tổng quát: “*Với lực lượng và trang bị của ta hiện có thì dù phòng tuyến được xây dựng công phu và vững chắc như chiến lũy Ma-gi-nô (Maginot)⁸ chẳng hạn, cũng bị đối phương chọc thủng*”. Do vậy, Bộ trưởng chỉ rõ: “*Từ thực tiễn Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa, có thể rút ra những bài học bổ ích. Rõ ràng khi địch tiến công ào ạt, lực lượng chúng còn hạn chế, việc lập phòng tuyến vừa đánh, vừa chặn địch với quyết tâm cao là tốt. Song, sắp tới đây, thực dân Pháp sẽ tăng viện, mở cuộc tấn công mới, ta cần thấy trước và điều chỉnh ngay sự bố trí và cách tác chiến, không thể giữ mãi các phòng tuyến hiện nay mà phải chủ động rút ra một bộ phận chủ lực, chỉ để một bộ phận nhỏ bám sát địch, sẽ tổ chức những đơn vị cơ động đánh địch bằng các hình thức tập kích, phục kích tiêu hao sinh lực địch, cho biệt động hoặc du kích thâm nhập đánh phá, toàn dân đánh giặc, mọi vùng, mọi làng đều thành làng xã chiến đấu. Đồng thời tỉnh nên chủ động xây dựng căn cứ kháng chiến ở vùng Đồng Trăn*” [89, tr. 34]. Bên cạnh đó, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp cũng lưu ý một số công việc trước khi rút lui: “*trước khi thực hiện chủ trương này, ta phải tập trung lực lượng đánh một trận quyết chiến với địch nhằm tiêu hao, tiêu diệt càng nhiều càng tốt. Sau đó lực lượng vũ trang phân tán thành từng đơn vị nhỏ cùng với dân quân du kích đánh địch rộng khắp trên chiến trường toàn tỉnh*” [89, tr. 34].

Cuối tháng 1-1946, sau khi nhận được quân tiếp viện, BCHQS Pháp ở Đông Dương huy động 15.000 quân, gồm lực lượng của binh đoàn thiết giáp Massu, trung

⁸ Maginot là một phòng tuyến ở Pháp trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

đoàn thuộc địa Maroc (M.L.C.M) và 2 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn Bộ binh thuộc địa số 21 và 23 (21 và 23 là R.I.C) và 1 tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn Viễn chinh phương Đông (B.M.E.O) phối hợp với lực lượng hải quân, không quân mở cuộc hành quân Gaur do tướng Leclerc chỉ huy đánh chiếm các tỉnh Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ và mục tiêu chính là đánh chiếm Nha Trang. *“Nhằm cứu nguy cho quân Pháp ở Nha Trang, Khánh Hòa, Đà Lạt,... cuộc hành binh quy mô lớn này, do viên tổng chỉ huy đích thân điều khiển, chia thành hai gọng kìm lớn, lấy Nha Trang làm hợp điểm”* [168, tr. 68].

Cánh thứ nhất: Quân Pháp từ Sài Gòn tiến theo Đường 20 đánh chiếm Đà Lạt (27-1-1946), sau đó theo Đường số 11 tiến đánh Phan Rang và Ba Ngòi, tập trung lực lượng ở đây nhằm đánh chiếm Nha Trang. Đây là lực lượng chủ yếu của Pháp dùng để giải vây Nha Trang.

Ngày 29-1-1946, tại Cam Ranh, quân Pháp tập trung hơn 60 xe bọc thép ở Hòa Tân và 40 chiếc đóng ở Suối Dầu, mở cuộc tấn công ra Thành Diên Khánh. Trên đường tiến công, quân Pháp bị đơn vị bộ đội do Cao Thanh Trà chỉ huy đánh chặn tại Hòa Tân, gây cho quân Pháp một số thiệt hại. Hai bên kịch chiến mãi tới chiều, quân Pháp mới phá được phòng tuyến, tiến ra Gò Cẩm, cách Thành Diên Khánh 5 cây số [36, tr. 73].

Để chặn bước tiến của cơ giới Pháp, Ban Chỉ huy Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa điều Đại đội Ngô Thông từ phòng tuyến Cây Da - Quán Giếng vào lập tuyến phòng thủ Cống Ba - Cầu Lùng để chặn địch từ hướng Cam Ranh ra Diên Khánh và giao nhiệm vụ cho Tiểu đội trưởng Nguyễn Văn Tuấn dẫn một tiểu đội cài mìn đánh sập Cầu Lùng và Cầu Đôi (Diên Khánh).

Sáng 30-1-1946, từ Gò Cẩm quân Pháp tiến đánh Thành Diên Khánh. Trên đường hành quân đến Cống Ba - Cầu Lùng, quân địch buộc phải dừng lại, vì Cầu Lùng bị ta đánh sập và gặp phải sự kháng cự quyết liệt của Đại đội Ngô Thông chỉ huy đánh chặn tại đây. Do tương quan lực lượng, nên sau một ngày chiến đấu, Chỉ huy đơn vị quyết định lui quân về phía sau. Quân Pháp tràn vào các thôn xóm gần đây tháo dỡ cánh cửa, ván nằm của nhân dân làm vật liệu lót đường dã chiến phía dưới Cầu Lùng cho đoàn xe cơ giới vượt qua [168, tr. 68].

Tuy bị chặn đánh và gặp một số tổn thất nhưng đến 10h tối ngày 30 Tết Bính Tuất (1-2-1946), quân Pháp đã vào được Thành Diên Khánh. Trong những

ngày đầu chiếm đóng Thành Diên Khánh, quân Pháp đã gây ra cho nhân dân địa phương bao đau thương, mất mát: *“quân Pháp đã tàn sát dã man nhiều phụ nữ, người già và trẻ em. Thậm chí, ngay trong đêm giao thừa Tết Bính Tuất, giặc Pháp đã đốt hầu hết nhà cửa của nhân dân trong Thành Diên Khánh. Hành động dã man của quân Pháp càng làm cho quân dân Khánh Hòa khắc sâu căm thù, quyết tâm đánh giặc bảo vệ quê hương”* [79, tr. 45]. Chứng kiến những tội ác đó, một số binh lính địch đã phản chiến, 5 lính Âu Phi rời bỏ hàng ngũ quân Pháp, mang theo một súng côi 60 ly gia nhập lực lượng cách mạng ở Diên Khánh.

Sau khi chiếm được Thành Diên Khánh, quân Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Đồng Trấn và Bắc sông Cái, nhằm truy kích lực lượng kháng chiến. Mặc dù, dưới trời mưa tầm tã, công sự ngập nước nhưng các chiến sỹ của Chi đội Bắc - Bắc vẫn bình tĩnh, dũng cảm đánh trả những đợt tấn công ào ạt của quân Pháp, diệt hơn 60 tên, buộc chúng phải rút lui về Thành Diên Khánh [7, tr. 178].

Cánh thứ hai, từ Ban Mê Thuột, ngày 27-1-1946 quân Pháp tiến xuống M'Drak, theo Đường 21 đánh chiếm Ninh Hòa. Trên đường hành quân, quân Pháp liên tiếp bị các đơn vị Nam tiến và dân quân Ninh Hòa, Vạn Ninh (đang trên đường chi viện cho Mặt trận Buôn Mê Thuột) chặn đánh tại Ki-lô-mét số 24, 59, 62, ở thị trấn M'Drak, đèo Phụng Hoàng. Tuy nhiên, với ưu thế và binh lực áp đảo, chiều 29-1-1946, quân Pháp đã đánh chiếm được phủ lỵ Ninh Hòa, hình thành gọng kìm thứ 2 uy hiếp thị xã Nha Trang từ hai phía (từ Cam Ranh ra, từ Ninh Hòa vào).

Sau khi đánh chiếm Ninh Hòa, quân Pháp nhanh chóng củng cố trận địa, mở cuộc hành quân tấn công vào Nha Trang và ra Vạn Ninh. Sáng 30-1-1946, quân Pháp tiến ra Vạn Ninh, mục tiêu là Vạn Giã, tiếp đến là đèo Cổ Mã. Tại đây, quân Pháp đã bị đại đội do Trần Tạo chỉ huy chặn đánh, gây thiệt hại nặng nề buộc phải rút về Vạn Giã.

Cũng trong sáng 30-1-1946, một cánh quân Pháp khác tiến về phía Nam, mục tiêu là thị xã Nha Trang, vượt qua đèo Rọ Tượng đến đèo Rù Rì thì bị một đơn vị du kích chặn đánh làm cho cuộc tiến quân này bị chậm lại. Mặc dù vậy, quân Pháp cũng đã vượt qua được phòng tuyến phía Bắc tiến vào Nha Trang, đánh chiếm đồi La San và cầu Xóm Bống.

Tại Nha Trang, theo Báo *Cứu Quốc* số 163, ngày 14-2-1946 viết “cho tới ngày 28-1-1946, tuy quân địch luôn luôn dùng phi cơ ném bom và dùng súng liên thanh hạng nặng để tấn công vào phòng tuyến của ta, nhưng chúng vẫn bị đánh lui và nhiều lần lại tràn cả vào phòng tuyến của chúng. Mặt trận Nha Trang vẫn vững chắc” [20, tr. 1]. Chỉ sau khi chọc thủng chốt điểm Cầu Lùng, quân Pháp phối hợp với lực lượng bộ binh và xe cơ giới trong thị xã đánh chiếm ga Phú Vinh - tuyến tiền tiêu của phòng tuyến Cây Da - Quán Giếng. Trong tình thế bị địch vây ép cả mặt trước và sau lưng, tương quan lực lượng quá chênh lệch, để bảo toàn lực lượng, các đơn vị phòng tuyến Cây Da - Quán Giếng được lệnh rút ra Bắc sông Cái về Tứ thôn Đại Điền. Ban Chỉ huy mặt trận và các cơ quan tỉnh đứng chân tại Thành Diên Khánh chủ động rút ra vùng Đại Điền, Đồng Bò, Đồng Trăn, còn một bộ phận lùi về phía Bắc tỉnh, theo đường núi rút ra Phú Yên.

Cuộc chiến đấu bảo vệ Nha Trang, tiêu hao, tiêu diệt và giam chân địch suốt 101 ngày đêm tại thị xã trong điều kiện chiến tranh mới diễn ra cục bộ ở miền Nam, khi ĐCSDD chủ trương vừa phát động nhân dân Nam Bộ, Nam Trung Bộ kháng chiến, vừa cố gắng đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, không để chiến tranh sớm lan rộng và phát triển trên phạm vi và quy mô toàn quốc.

Trước sự uy hiếp mạnh của kẻ thù, so sánh lực lượng (thời điểm tháng 2-1946), địch mạnh hơn ta rất nhiều, nhất là về vũ khí trang bị; quân Pháp đã hình thành thế bao vây Nha Trang từ 3 hướng, do vậy sự chuyển hướng, rút lực lượng ra khỏi thị xã Nha Trang về vùng ngoại thị, các huyện lân cận là một chủ trương sáng suốt, kịp thời và đúng đắn của ta. Từ đây, ta có điều kiện để củng cố lại LLVT, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, nhằm chuyển hoá lực lượng, thế trận ngày càng có lợi cho ta. Đây cũng là chủ trương phù hợp với tình hình thực tế lúc bấy giờ.

Thực hiện kế hoạch rút lui khỏi các đô thị, đại bộ phận lực lượng bộ đội Nam tiến và các cơ quan lãnh đạo rút ra khỏi thị xã Nha Trang, song trong thị xã vẫn còn có lực lượng tự vệ, an ninh, trinh sát cùng với nhân dân tiếp tục đánh địch bằng nhiều hình thức và biện pháp mới. Các đơn vị bộ đội trên Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa đã phối hợp với tự vệ tiếp tục chiến đấu, luôn luôn bám sát địch để đánh

phá, nhiều khi đột nhập vào các thị trấn; một phần khác rút ra tổ chức lại ở phía Bắc và chặn đánh quân Pháp muốn tiến ra phía Bắc [168, tr. 71].

Mặc dù quân Pháp đã chiếm được thị xã và các huyện lỵ, nhưng phần lớn vùng nông thôn ta vẫn kiểm soát được như: vùng Tu Bông, Đông Ninh Hòa, vùng đồng bằng dọc ven biển, hải đảo và toàn bộ vùng rừng núi. Đặc biệt, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn đứng chân được ở Hòn Dữ, bám dân, bám đất để củng cố chính quyền thôn xã, ổn định tình hình tư tưởng nhân dân, đồng thời vận động các đoàn thể cứu quốc và nhân dân đóng góp nuôi dưỡng cán bộ, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới. Bên cạnh đó, các LLVT chiến đấu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa cũng đã nêu cao tinh thần cảnh giác, kịp thời cùng với quần chúng nhân dân triển khai nhiều hoạt động nhằm bám dân, giữ làng, phát động chiến tranh du kích [42, tr. 80].

Từ cuộc đo sức 101 ngày đêm tại Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, sau Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, quân và dân Khánh Hòa vừa mới được hưởng không khí độc lập, tự do trong 64 ngày đêm, chính quyền cách mạng vừa mới thành lập còn non trẻ, chưa kịp củng cố và kiện toàn đã phải bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, nhưng tất cả đã nêu cao tinh thần dũng cảm, ngoan cường để chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ tuyến giao thông huyết mạch Bắc - Nam nhằm chi viện cho Nam Bộ kháng chiến. Có thể nói, trong những ngày đầu kháng chiến, quân và dân Khánh Hòa đã chiến đấu cho cả nước, cả nước cũng đã dồn sức chi viện cho Khánh Hòa. Nhiều cán bộ, chiến sỹ của các chi đội Nam tiến như: Lê Trung Đình, Thuận Hóa, Bắc - Bắc, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh và các tỉnh trên quê hương miền Bắc đã ngã xuống vì sự nghiệp chiến đấu bảo vệ Khánh Hòa. Đồng thời, để phục vụ cho ĐTQS trong điều kiện Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa bị phong tỏa, công tác bảo đảm hậu cần, vũ khí đạn dược đã được chuẩn bị khẩn trương và chu đáo. Điều này đã tác động tích cực đến tinh thần và sức mạnh của cán bộ, chiến sỹ trên từng chiến hào, từng vị trí chiến đấu. Vượt qua bao khó khăn của những ngày đầu kháng chiến, quân và dân Nha Trang - Khánh Hòa, được sự chi viện của cả nước, đã bám trụ một thời gian dài trên tuyến lửa, đã diệt và tiêu hao, giam chân quân Pháp suốt 3 tháng trời trong nội thị Nha Trang, thật

sự làm thất bại một bước âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của địch, tạo điều kiện cho hậu phương chuẩn bị kháng chiến [89, tr. 34].

Thứ hai, nét nổi bật của hình thức chiến đấu tại Nha Trang thời gian này là các LLVT của ta đã sử dụng chiến thuật phòng ngự để bảo vệ thị xã, ngăn chặn bước tiến của địch. Với trận địa phòng ngự, các tuyến phòng thủ được xây dựng và lối đánh là phòng ngự tiến công, nghĩa là tấn công quân Pháp để phòng ngự, chứ không phải kiểu phòng ngự bị động, không phải rút vào một chỗ để cho quân thù tha hồ đánh phá nên trong các tháng 10 và 11-1945, quân và dân Nha Trang đã ngăn chặn được nhiều cuộc tiến công của địch, hạn chế được một phần thương vong của ta, duy trì được cuộc chiến đấu tiêu hao, giam chân địch dài ngày trong một thị xã tương đối nhỏ bé, ngăn chặn không để địch nhanh chóng đánh chiếm thị xã, từ đó mở rộng diện chiếm đóng ra vùng ngoại thị, các huyện lân cận; đồng thời bảo toàn được lực lượng, góp phần củng cố, nâng cao tinh thần chiến đấu của nhân dân và các LLVT.

Thứ ba, đối với thực dân Pháp là phải đánh chiếm được Cam Ranh, Ninh Hòa, Vạn Ninh và cuối cùng là thành Diên Khánh - trung tâm lãnh đạo kháng chiến của tỉnh, thực dân Pháp mới phá vỡ được Mặt trận Nha Trang. Nhìn về âm mưu và chủ trương lúc ban đầu của Pháp thì Nha Trang là một mục tiêu chiến lược, sớm chiếm được Nha Trang sẽ làm bàn đạp đánh chiếm Nam Trung Bộ nhanh hơn, cắt đứt đường giao thông Bắc - Nam. Nhưng do gặp phải sự kháng cự quyết liệt của quân và dân Khánh Hòa, cùng với việc tuân thủ đúng chủ trương, đường lối của Đảng trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến về tiêu hao, ngăn chặn địch, kìm chân quân Pháp tại bàn đạp quan trọng này để tạo điều kiện cho các địa phương khác chuẩn bị chiến đấu, nên âm mưu và kế hoạch của thực dân Pháp bước đầu đã bị phá vỡ. Điều đó đã được nguyên Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa Mai Dương khẳng định: *“Trưởng Leclec mở cuộc hành quân “dạo mát” định giải quyết trong vòng một tháng, nhưng chúng đã vấp phải sự chống trả kiên cường của quân và dân ta trong 101 ngày đêm, dự tính ban đầu của Pháp bị đảo ngược: không phải chiếm Nha Trang để làm bàn đạp thôn tính các nơi mà ngược lại chúng phải đánh chiếm các nơi xung quanh để giải vây cho Nha Trang”*; hay như, *“cuộc rút quân ra khỏi thị xã Nha Trang sau đó được tổ chức*

chu đáo, kịp thời, bảo đảm bí mật, an toàn và không bị tổn thất để chuẩn bị cho thời kỳ tiếp theo. Đây là một thắng lợi lớn, không chỉ của riêng Mặt trận Nha Trang, Nam Trung Bộ mà còn là thắng lợi của nhân dân cả nước” [180, tr. 14].

2.2.4. Củng cố lực lượng, phát động phong trào chiến tranh du kích (2-1946 - 12-1946)

Trong tháng 2-1946, thực dân Pháp với sự hỗ trợ của xe cơ giới từ thị xã Nha Trang, Thành Diên Khánh mở các cuộc hành quân càn quét ra vùng ngoại ô nhằm chiếm giữ các thị trấn, phủ lý, huyện lý trong tỉnh và kiểm soát các đường giao thông chiến lược, tìm diệt các cơ quan chỉ đạo và lực lượng kháng chiến của ta. Chúng mở cuộc tấn công vào cơ quan huyện Cam Ranh tại Dốc Quýt và Suối Rua, chặn đánh đơn vị Vệ quốc đoàn trên đường rút ra Phú Yên tại Vạn Ninh. Mặt khác, chúng còn tổ chức các cuộc càn quét lớn vào vùng Đồng Trăn và các làng xung quanh trục Đường 21, thị trấn Ninh Hòa; tập kích vào các cơ quan chính quyền, đoàn thể tại vùng Hóc Chim (Vạn Ninh); dùng pháo lớn hàng ngày bắn phá các khu vực nghi là có bộ đội và cơ quan lãnh đạo kháng chiến, gây ra nhiều thiệt hại về tính mạng và tài sản cho nhân dân. Ở những nơi chiếm được, Pháp cho xây dựng đồn bốt, trại đóng quân, đào công sự, rải quân đóng chốt một số cầu trên Quốc lộ 1 từ Vạn Giã vào Ba Ngòi và Đường 21 từ Ninh Hòa đi Ban Mê Thuột. Tuy vậy, diện kiểm soát của quân Pháp vẫn còn rất hạn chế, chưa ra ngoài các trục giao thông và quanh các vị trí chiếm đóng. Vùng tự do Tu Bông, phía Đông Ninh Hòa, dọc ven biển, hải đảo và vùng núi, thực dân Pháp vẫn chưa thể kiểm soát được. Đây là vùng du kích hoạt động mạnh và là vùng nông thôn giàu lúa gạo và nhân lực.

Nhằm kịp thời lãnh đạo cuộc kháng chiến trong thời kỳ mới, ngày 3-2-1946, Tỉnh ủy Khánh Hòa và Mặt trận Việt Minh tỉnh tổ chức Hội nghị tại Đất Sét (Diên Khánh). Trên cơ sở phân tích tình hình chiến sự diễn ra trên địa bàn tỉnh, Hội nghị đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ đấu tranh cho giai đoạn mới: *“Nhiệm vụ quan trọng lúc này là ổn định tình hình, tổ chức cuộc kháng chiến, sắp xếp lại bộ máy cho phù hợp với tình hình mới; phát động nhân dân kể cả vùng địch kiểm soát, tích cực ủng hộ nhân tài, vật lực cho kháng chiến. Động viên tinh thần đồng bào chiến sỹ, khẳng định “tinh thần quyết chiến, quyết thắng, phát động phong trào du kích chiến tranh”* [7, tr. 180].

Sau khi LLVT tập trung rút ra vùng tự do Phú Yên để củng cố, chỉ còn một đơn vị nhỏ ở lại hoạt động phân tán tại khu vực Nam Khánh, các cơ quan lãnh đạo kháng chiến tỉnh chủ trương xây dựng căn cứ ở Hòn Dũ để ổn định công tác. Các Phủ ủy Ninh Hòa, Huyện ủy Vĩnh Xương, Thị ủy Nha Trang được thành lập. Còn địa bàn xa sự chỉ đạo của tỉnh là Cam Ranh cũng đã tổ chức được cơ quan chỉ đạo kháng chiến gồm 3 người, do Tôn Thất Chí (Nguyễn Thiện Chí) làm Chủ tịch.

Giữa tháng 2-1946, Nguyễn Minh Vỹ đại diện UBND tỉnh Khánh Hòa triệu tập hội nghị các chỉ huy trưởng các đơn vị vũ trang tại Đại Điền Đông (Diên Khánh). Hội nghị đã thống nhất phương thức tác chiến lúc này là phát huy cách đánh du kích, thực hiện tiêu hao, tiêu diệt từng tập địch khi chúng thực hiện các cuộc hành quân càn quét, lung sục và bình định; đồng thời kịp thời động viên toàn quân và toàn dân kiên trì kháng chiến, tăng cường công tác xây dựng cơ sở, giữ gìn lực lượng, vừa đánh vừa tranh thủ củng cố phát triển để đánh lâu dài. Hội nghị cũng đã xem xét, đánh giá tầm quan trọng về chính trị, kinh tế, quân sự của các vùng Nha Trang, Vĩnh Xương, Diên Khánh, Ninh Hòa và Vạn Ninh, thấy cần thiết phải tổ chức lại việc chỉ đạo kháng chiến ở các vùng này, tạo nên sự liên hoàn giữa vùng Nha Trang - Vĩnh Xương và vùng Bắc Khánh đang do ta đang kiểm soát. Do vậy, hội nghị đã quyết định chia chiến trường Khánh Hòa thành các khu kháng chiến như sau:

- Vùng Nha Trang, Vĩnh Xương, Diên Khánh được chia thành 4 chiến khu. Chiến khu 1, gồm: Đại Điền, Phú Cốc, Xuân Phong ra tới Lương Sơn, do một đại đội của Chi đội Nam tiến (Bắc - Bắc) phụ trách. Chiến khu 2, gồm: các vùng An Ninh, Võ Cạnh, Vĩnh Xương, do Chi đội Nam tiến (Bắc - Bắc) phụ trách. Chiến khu 3: gồm: vùng Hà Dừa, Mỹ Lộc, Suối Dầu do Đại đội Nguyễn Văn Vĩnh (từ Nam Bộ ra phụ trách). Chiến khu 4 gồm: các vùng Đường Đệ, Nha Trang do Đại đội Tự vệ Nha Trang phụ trách.

- Vùng Ninh Hoà được chia thành 6 khu kháng chiến (mỗi khu gồm một số xã tương đương với các tổng trước đây) gồm: Phước Khiêm, Thanh Mỹ, Suối Ré, Hòn Khói, Ích Hạ, Xuân Hoà.

- Vạn Ninh được chia làm 3 khu, gồm: Phước Thiện, Phước Tường Ngoại, Phước Tường Nội.

Ở các khu đều thành lập các Ủy ban Quân - Dân - Chính, vừa chỉ đạo kháng chiến vừa đảm nhiệm vai trò chính quyền. Từ đây, cuộc chiến đấu của quân dân Nha Trang - Khánh Hoà bước sang một giai đoạn mới.

Hội nghị cũng chủ trương đẩy mạnh các hoạt động của đội tự vệ xung phong gọi là “Đội diệt tề, trừ gian”, tích cực diệt một số tên gian ác, một số lưu manh, cảnh cáo bọn lừng chừnng, vận động nhân dân chống mọi luận điệu tuyên truyền lừa bịp của kẻ thù, bất hợp tác với địch. Những hoạt động tích cực của các đội tự vệ đã gây khó khăn cho âm mưu lập lại chính quyền bù nhìn của Pháp thời gian đầu ở Nha Trang, Vĩnh Xương.

Bộ đội và du kích ngoài nhiệm vụ củng cố, huấn luyện, còn liên tiếp tập kích, quấy rối địch ngay tại các căn cứ quanh thị xã như Cầu Dứa, Lương Sơn, đèo Rù Rì.

Có thể nói rằng, đây là giai đoạn giằng co giữa ta và địch, quân Pháp chưa có khả năng mở rộng diện tấn công lấn chiếm và xây dựng chính quyền bù nhìn. Ta đang ổn định tổ chức, xây dựng lực lượng và gia tăng hoạt động du kích với các đơn vị nhỏ, chủ yếu là diệt tề, trừ gian và quấy rối hậu phương của địch [65, tr. 4].

Sau khi Hiệp định Sơ bộ được ký kết (6-3-1946), do Pháp phải đưa quân ra Bắc Bộ nên lực lượng địch tại Nam Trung Bộ - Khánh Hòa bị dàn mỏng, hệ thống kiểm soát của địch vừa mới thiết lập ở nhiều nơi không còn hiệu lực, một số hội tề, Việt gian bỏ trốn. Tranh thủ thời cơ, cán bộ, bộ đội của ta đã thọc sâu vào vùng địch tạm chiếm xây dựng lại cơ sở, phát động nhân dân đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Sơ bộ, đòi ngừng bắn, tự do đi lại, làm ăn.

Giữa tháng 3-1946, Chính phủ cử phái đoàn do ông Hoàng Quốc Việt làm Trưởng đoàn vào Khánh Hòa, truyền đạt tinh thần Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và phổ biến một số chủ trương của Trung ương cho các cấp lãnh đạo của tỉnh, trong đó có việc chuẩn bị lực lượng phòng khi quân Pháp phá hoại Hiệp định.

Đầu tháng 4-1946, tại nhà Bưu điện Nha Trang diễn ra cuộc đàm phán giữa đại diện Chính phủ Việt Nam, đại diện chính quyền Khánh Hòa với đại diện Chính phủ Pháp (Bộ Chỉ huy Nam Trung kỳ - Zone sud Annam) để bàn việc thi hành Hiệp

định Sơ bộ tại khu vực Nha Trang - Khánh Hòa. Đoàn đại biểu tỉnh Khánh Hòa do Nguyễn Chánh làm Trưởng đoàn, Hà Văn Lâu làm phiên dịch. *“Hai bên đã cùng nhau thỏa thuận một số vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hiệp định tại địa phương và ký kết một số điều khoản. Tuy nhiên, đối với việc phía Pháp đòi để cho số hào lý dưới chế độ thực dân phong kiến trước đây được trở lại làm việc trong bộ máy nguy quyền do chúng lập ra đã bị ta phản đối”* [7, tr. 182]. Về phía Pháp, thực chất âm mưu của chúng trong việc đàm phán này là để lừa bịp và xoa dịu quần chúng, đồng thời tranh thủ kéo dài thời gian hòa hoãn nhằm ráo riết chuẩn bị đánh úp lực lượng kháng chiến của ta.

Sau cuộc đàm phán, các cơ quan tỉnh chuyển một bộ phận từ căn cứ Hòn Dữ về đóng tại Tứ thôn Đại Điền. Đây được xem là cơ quan tiền phương để nắm sát tình hình, kịp thời chỉ đạo, lãnh đạo phong trào kháng chiến, còn phần lớn bộ phận quan trọng của Tỉnh ủy vẫn ở lại căn cứ Hòn Dữ. Vùng Đại Điền nằm ở tả ngạn sông Cái, sát với Thành Diên Khánh, cách Nha Trang khoảng 10 km và rất gần nhiều đồn bót của địch. Đây là một vùng đông dân cư, ruộng đất màu mỡ, giàu lúa gạo, nhân dân có tinh thần cách mạng cao. Nhằm đảm bảo an toàn cho cơ quan chỉ đạo, lãnh đạo kháng chiến, Tỉnh ủy đã có sự chuẩn bị chu đáo từ trước về nhiều mặt, như củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, Ủy ban Việt Minh, phát triển dân quân du kích tại địa phương, đào đắp công sự, bố phòng chiến đấu, tổ chức chống gián điệp, thám báo, đồng thời xây dựng mạng lưới trinh sát nắm tình hình xung quanh. Riêng các LLVT tập trung của tỉnh, sau khi rút khỏi Mặt trận Nha Trang đã có sự sắp xếp lại tổ chức với Ban Chỉ huy là Nguyễn Văn Mô (Chính ủy), Hà Văn Lâu (Chỉ huy trưởng), Nguyễn Hải (Chỉ huy phó).

Giữa tháng 4-1946, Trần Tông (Phái viên Xứ ủy Trung Bộ) được cử vào Khánh Hòa và triệu tập Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tại thôn Đại Điền Đông (Diên Khánh), nhằm phổ biến tình hình chung, bàn việc thi hành Hiệp định Sơ bộ và kiểm tra tình hình sẵn sàng đánh địch. Trong khi quân và dân Khánh Hòa nghiêm chỉnh chấp hành Hiệp định thì quân Pháp viện mọi lý do để thực hiện âm mưu của chúng: *“Quân Pháp vẫn khủng bố thường dân. Phòng thông tin tuyên truyền Nha Trang do họ điều khiển, họ bày các sách báo nói về chủ trương Nam kỳ tự trị hoặc những*

điện tín của bọn Việt gian tay sai Pháp. Trong thị xã Nha Trang, họ dán những cáo thị hô hào cảm phục nước Pháp dưới mào ký tên cụ Hồ. Họ lại phát hành giấy bạc bắt buộc phải tiêu. Nhưng tinh thần dân chúng rất cao, không mưu mô nào của Pháp lừa nổi” [57, tr. 4].

Ngày 30-4-1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư cho cơ quan lãnh đạo kháng chiến Khánh Hòa, buộc lực lượng kháng chiến đầu hàng. Ngay trong đêm đó, quân Pháp bí mật đưa lực lượng vượt sông Cái đóng tại đình Phú Lộc và nhà thờ Hoa Vông (Đại Điền Tây), nhằm bao vây tiêu diệt cơ quan lãnh đạo và lực lượng kháng chiến tỉnh. 5 giờ sáng ngày 1-5-1946, quân Pháp mở cuộc tấn công vào Tứ thôn Đại Điền (Diên Khánh) từ 3 hướng: Từ Thành Diên Khánh sang; từ Nha Trang lên theo đường Xuân Phong, Đắc Lộc vào và từ nhà thờ Hoa Vông xuống, kết hợp với hỏa lực súng cối từ đồn An Định bắn qua yểm trợ. Các cánh quân của Pháp phối hợp cùng lúc đánh bọc phía sau các làng Đại Điền Đông, Đại Điền Trung và Đại Điền Nam. Do đó, khu vực Đại Điền⁹ trở thành mặt trận chiến đấu nóng bỏng, LLVT tỉnh do Hà Văn Lâu, Nguyễn Hải chỉ huy đã kịp thời phản kích, bẻ gãy các mũi tiến quân của địch, phối hợp với đơn vị Bắc - Bắc do Lư Giang chỉ huy, giáng cho quân Pháp những đòn nặng nề tại khu vực Phú Cấp, Phú Nẫm. Cuộc chiến đấu tại Đại Điền là cuộc tiến công lớn nhất của ta trên mặt trận ĐTQS kể từ sau khi rút khỏi mặt trận Nha Trang. *“Ý đồ của quân Pháp đã không thực hiện được do cơ quan lãnh đạo tỉnh đã rút lên vùng Am Chúa. Các lực lượng vũ trang trong trận chiến này đã phối hợp chiến đấu rất tốt và tinh thần cán bộ chiến sỹ rất dũng cảm” [7, tr. 189].*

Cùng ngày, quân Pháp tại Ninh Hòa mở cuộc hành quân phối hợp với cánh quân từ cầu Sông Găng lên càn quét vùng Phú Nhơn. Ở Vạn Ninh, quân Pháp tiến hành bao vây trụ sở Ban Liên kiểm Việt - Pháp (Ban thi hành Hiệp định Sơ bộ) đóng tại nhà ông Đỗ Cửu ở thôn Phú Cang, bắt đại diện của Ban Liên kiểm Việt - Pháp là Dương Tiến Anh.

Sau đợt tiến công “phản Hiệp định Sơ bộ”, quân Pháp liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân khác nhằm vào những nơi xung yếu, hòng tiêu diệt lực lượng kháng chiến, phá hoại phong trào cách mạng và mở rộng phạm vi chiếm đóng vùng nông

⁹ Tứ thôn Đại Điền gồm 4 thôn: Đại Điền Đông, Đại Điền Trung nay thuộc xã Diên Điền và Đại Điền Nam, Đại Điền Tây nay thuộc xã Diên Sơn.

thôn. Ngày 2-5-1946, quân Pháp tiếp tục mở cuộc hành quân đánh chiếm Phú Cốc, Đồng Găng (Diên Khánh) và tung quân càn quét ra các vùng xung quanh.

Ngày 6-5-1946, tại Ninh Hòa một tiểu đoàn cơ động Âu Phi có thiết giáp yểm trợ, chia làm hai mũi: Một mũi từ thôn Quang Đông tiến lên Phước Thuận, một mũi từ Lạc An tiến lên Phú Gia, mục tiêu chính là tiêu diệt cơ quan lãnh đạo huyện Ninh Hòa và Tiểu đoàn Lương Ngọc Quyến vừa rút từ Diên Khánh ra đang đóng quân tại đây. Với lực lượng mạnh và đánh úp bất ngờ, quân Pháp đã gây ra thương vong lớn cho quân và dân địa phương Ninh Hòa. Tuy nhiên, nguyên nhân chính vẫn là do ta “*chủ quan, thiếu cảnh giác và tinh thần chiến đấu kém, nên đơn vị của ta bị thương vong lớn, một trung đội bị hy sinh*” [7, tr. 180].

Giữa tháng 5-1946, trong lúc Hội nghị trù bị Đà Lạt đang diễn ra, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp sắp mở hội nghị hai bên tại Pháp, thì thực dân Pháp ở Đông Dương thi hành chính sách “việc đã rồi”. Ngày 1-6-1946, thực dân Pháp cho thành lập chính phủ bù nhìn “Cộng hòa Nam kỳ”, đánh chiếm Tây Nguyên và dự tính lập nước “Cộng hòa Tây kỳ”, nhằm thực hiện âm mưu “chia để trị”.

Ở Khánh Hòa, ngày 21-6-1946, một lực lượng lớn quân Pháp có máy bay và phi pháo từ biển bắn yểm trợ, tấn công vùng Tu Bông (Vạn Ninh). Đây là nơi cung cấp nguồn lúa gạo đáng kể cho kháng chiến, là đầu cầu tiếp giáp với vùng tự do Phú Yên; là địa điểm tập kết của lực lượng kháng chiến từ vùng tự do vào hoạt động tại khu vực Vạn Giã. Tuy nhiên, khi quân Pháp mở đợt tấn công ra Tu Bông đã không gặp sự chống trả nào đáng kể, vì đơn vị đứng chân tại đây là tiểu đoàn do Trần Tạo chỉ huy đã chuyển ra Phú Yên trước đó ít lâu và Ủy ban hành chính huyện Vạn Ninh cũng đã chuyển lên căn cứ Hóc Chim. Như vậy, “*thực dân Pháp chiếm được Tu Bông, mảnh đất tự do cuối cùng của Khánh Hòa. Và từ đây, quân Pháp áp sát vùng Đại Lãnh, Vũng Rô hàng ngày nhòm ngó vùng tự do Phú Yên*” [7, tr. 191].

Sau khi chiếm đóng được các đô thị, huyện lỵ và các trục đường giao thông chính trong toàn tỉnh, quân Pháp tăng cường hoạt động nhằm bình định vùng tạm chiếm Khánh Hòa như: tăng cường quân số, phát triển cứ điểm, tổ chức lực lượng ứng chiến, mua chuộc và khủng bố nhân dân, đồng thời mở các cuộc hành quân càn quét các khu kháng chiến, căn cứ du kích. Trong những đợt hoạt động này, quân

Pháp đã gây ra nhiều tội ác và tổn thất lớn cho nhân dân và lực lượng kháng chiến của ta. Điều này đã được Báo *Cứu Quốc*, số 306, ngày 31-7-1946 vạch rõ: *“Hôm 21-7, quân Pháp kéo đến vây chiến khu ở Hóc Chim thuộc Vạn Ninh (Khánh Hòa), chúng giết ông Võ Duy Phan thuộc về Ban Hồng Thập Tự ở đây. Trước khi đi, chúng còn moi một con người và lôi ruột ông này ra một cách dã man”* [18, tr. 1].

Trong những tháng cuối năm 1946, mặc dù bị thực dân Pháp đàn áp, giết chóc, khủng bố và kìm kẹp gắt gao nhưng tinh thần đấu tranh của quân và dân Khánh Hòa vẫn không hề nao núng, cuộc kháng chiến của quân và dân Khánh Hòa trên mặt trận ĐTQS vẫn tiếp tục được duy trì, củng cố và có địa bàn còn được đẩy mạnh.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, chính quyền các cấp và Ban Chỉ huy quân sự tỉnh, lực lượng dân quân và du kích địa phương đã được tổ chức, tăng cường, bám dân, bám địa bàn, tiến hành chống địch càn quét ở ven rừng, đánh tiêu hao và tiêu diệt nhiều binh lính Pháp, thu nhiều vũ khí như các trận Mỹ Lương, Ổ Gà, Phú Gia, Phước Thuận trong các tháng 7, 8, 9 -1946,... Trong đó, tiêu biểu là vào đầu tháng 10-1946, tại dốc Đá Trắng, lực lượng du kích huyện Ninh Hòa đã tổ chức đánh phục kích đoàn xe quân sự của Pháp tiêu diệt và làm bị thương 30 lính Pháp, phá hủy 2 ô tô, thu nhiều trang thiết bị. Đánh giá về vai trò của các đội du kích địa phương Ninh Hòa trong thời gian này, Báo cáo của Bộ Tư lệnh Đại đoàn 27 (Khu 6) gửi Bộ Tổng Tư lệnh đã nêu rõ: *“Sau Mặt trận Nha Trang vỡ, toàn tỉnh Khánh Hòa không còn lực lượng Vệ quốc đoàn. Nhờ 2 tiểu đoàn dân quân Ninh Hòa hoạt động ráo riết dưới sự chỉ đạo của Trịnh Huy Quang, chính trị viên tiểu đoàn Nguyễn Mỹ Hữu ở lại nên Ninh Hòa giữ được chính quyền và dân chúng”* [49, tr. 3].

Ngày 18-10-1946, diễn ra cuộc gặp gỡ giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cao ủy Pháp trên chiến hạm Suffren ngoài khơi vịnh Cam Ranh. Tại đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên quyết bác bỏ những luận điệu phi lý do phía Pháp nêu ra. Người nhấn mạnh cả hai bên phải cố gắng đến mức tối đa để cải thiện mối quan hệ bằng việc thực hiện một cách trung thực bản Tạm ước 14-9-1946, khẳng định một lần nữa lập trường kiên quyết đấu tranh giành độc lập và thống nhất hoàn toàn của Việt Nam.

Về phía thực dân Pháp, chúng liên tiếp vi phạm các điều khoản của Hiệp định Sơ bộ. Ngày 18-12-1946, thực dân Pháp chuyển cho Chính phủ ta bức tối hậu

thư đòi ta phá bỏ những vật chướng ngại trên đường phố Hà Nội để quân Pháp tự do đi lại; trao cho chúng quyền giữ trật tự trị an ở Hà Nội; để cho quân Pháp đến chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thành phố,... Trước tình hình đó, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: *“Sự thật đã chứng minh rằng, thực dân Pháp ngang nhiên khiêu khích, gây hấn. Chúng định dùng vũ lực bắt ta phải nhượng bộ. Nhưng! không khi nào ta chịu. Tạm ước 14-9-1946 là bước nhân nhượng cuối cùng. Nhân nhượng nữa, là phạm đến chủ quyền của đất nước, là làm hại quyền lợi cao trọng của dân tộc”* [39, tr. 1]. Vì vậy, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (ngày 18-12-1946) tại làng Vạn Phúc (Hà Đông), dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi đến quyết định phát động *“Toàn quốc kháng chiến”*. Đêm 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và ngay trong đêm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *“Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến”*, hiệu triệu đồng bào cả nước và các LLVT nhất tề đứng lên đánh quân xâm lược, bảo vệ đất nước.

Suốt năm 1946 là thời gian thử thách ý chí chiến đấu của quân và dân Khánh Hòa, vừa tổ chức LLVT, vừa chiến đấu, vừa học tập chiến thuật quân sự, vừa lao động sản xuất trong điều kiện kẻ thù đánh phá ác liệt, nhưng quân và dân trong tỉnh đã thiết lập được một thế trận phía sau lưng địch, tiến hành chiến tranh du kích gây cho quân Pháp nhiều tổn thất. Hơn một năm chiến đấu chống địch trên từng góc phố, căn nhà, thôn xóm, đồng ruộng, bờ sông,... đã xuất hiện nhiều tấm gương anh dũng chiến đấu và hy sinh quả cảm của quân và dân Khánh Hòa, góp phần ngăn chặn quân Pháp mở rộng chiến tranh ra Nam Trung Bộ, tạo điều kiện cho nhân dân các tỉnh trong vùng tự do Liên khu 5 có thời gian xây dựng chế độ mới, xây dựng thực lực cách mạng, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

Tiểu kết chương 2

Trước âm mưu mở rộng chiến tranh ra Nam Trung Bộ của thực dân Pháp, quân và dân Khánh Hòa với truyền thống đoàn kết và quyết tâm chống giặc cứu nước, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp bộ Đảng, chính quyền, chỉ huy quân sự địa phương, đã chủ động nổ súng tiến công quân địch, mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại Nam Trung Bộ. Bằng tinh thần dũng cảm, kiên cường, trí thông minh sáng tạo, quân và dân Khánh Hòa đã lập nên chiến công đầu vang dội,

bao vây, cô lập quân Pháp trong thị xã Nha Trang suốt 101 ngày đêm, tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, làm thất bại ý đồ chiếm Nha Trang, biến nơi đây thành bàn đạp nhanh chóng mở rộng chiến tranh ra Nam Trung Bộ [151, tr. 8].

Cuộc chiến đấu hơn một năm kể từ tháng 10-1945 đến tháng 12-1946 của quân và dân Khánh Hòa có ý nghĩa hết sức to lớn. Việc mở Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa nhằm ngăn chặn bước tiến của quân Pháp là hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Trung ương. Được Trung ương trực tiếp chỉ đạo. ĐTQS ở Khánh Hòa giai đoạn này vừa giữ vững con đường giao thông huyết mạch Bắc - Nam để góp phần đắc lực cùng đồng bào cả nước chi viện cho Nam Bộ kháng chiến, vừa góp phần quan trọng vào việc đánh bại chiến lược “*đánh nhanh thắng nhanh*” của thực dân Pháp.

Trên mặt trận ĐTQS, bằng sự chủ động và sáng tạo, quân và dân Khánh Hòa đã mở mặt trận rộng khắp bao vây, tấn công thực dân Pháp và phát xít Nhật, đặc biệt là nhằm vào các vị trí trọng yếu của chúng trong thị xã Nha Trang, lập các phòng tuyến vòng ngoài, tiêu biểu là phòng tuyến La San - Chợ Mới - Bretelles và Cây Da - Quán Giếng. Trong ĐTQS ở Khánh Hòa đã huy động được lực lượng toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, có sự chi viện của các đội quân Nam tiến từ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, “*Mặt trận Nha Trang thực sự là nơi hội quân của cả nước*” [89, tr. 34].

Cuộc chiến đấu ở Nha Trang - Khánh Hòa trong những ngày đầu kháng chiến đã được Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị đánh giá: “*Với tinh thần tích cực tiến công tiêu hao địch, với cách đánh mưu trí táo bạo, được sự giúp đỡ tận tình của nhân dân, lực lượng vũ trang Mặt trận Nha Trang đã bao vây kìm chân quân Pháp trong thành phố hơn ba tháng, góp phần làm thất bại âm mưu chiến lược của chúng hòng mở rộng vùng kiểm soát đến vĩ tuyến 16*” [14, tr. 71]. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được có ý nghĩa hết sức to lớn, ĐTQS ở Khánh Hòa trong những ngày đầu vẫn còn một số nhược điểm như: Sự chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến chưa thật chu đáo, thiếu sự liên hệ mật thiết giữa lãnh đạo với chính quyền và cơ quan quân sự tỉnh; sau khi rút khỏi Mặt trận Nha Trang, cơ quan lãnh đạo Tỉnh ủy không đặt tại Nha Trang mà chuyển về Hòn Dũ (Diên Khánh), nên việc nắm bắt tình hình và chỉ đạo ĐTQS còn lúng túng; nhận thức về âm mưu của địch chưa sâu, chỉ mới thấy từng phần, từng lúc mà chưa thấy toàn cục. Tuy vậy, xét trên một ý nghĩa rộng lớn, tinh thần chiến đấu của quân và dân Khánh Hòa trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm hết sức quý báu cho các giai đoạn tiếp theo [180, tr. 15].

Chương 3

ĐẤU TRANH QUÂN SỰ Ở KHÁNH HÒA (1947 - 1954)

3.1. PHÁT TRIỂN CHIẾN TRANH DU KÍCH, TỪNG BƯỚC LÀM THẤT BẠI CHÍNH SÁCH “BÌNH ĐỊNH” CỦA THỰC DÂN PHÁP (1947 - 1949)

3.1.1. Chính sách “bình định” của thực dân Pháp ở Khánh Hòa

Sau khi đánh chiếm được thị xã Nha Trang, các huyện lỵ trong tỉnh và kiểm soát các tuyến giao thông chiến lược, thực dân Pháp âm mưu mở rộng phạm vi chiếm đóng ra vùng tự do Liên khu 5. Để thực hiện âm mưu nói trên, thực dân Pháp ra sức ổn định tình hình Khánh Hòa, từ đó làm bàn đạp tấn công ra các tỉnh này.

Ngày 13-1-1947, thực dân Pháp huy động hai trung đoàn mở cuộc tấn công quy mô lớn, đánh chiếm Phú Yên. Tại đèo Cổ Mã, quân Pháp gặp phải chốt chặn của Tiểu đoàn 6 (Trung đoàn 80) cùng phối hợp với quân và dân hai huyện Ninh Hòa, Vạn Ninh anh dũng chiến đấu, ngăn chặn sự tiến công của quân Pháp, giữ vững trận địa, ghìm chân quân Pháp ở trận địa phía Nam Đèo Cả trong ba ngày (từ ngày 13 đến ngày 15-1-1947), đã làm cho nhiều lính Âu - Phi bị thương vong. Trước tình hình đó, nhằm yểm trợ cho cuộc hành quân, sáng ngày 16-1-1947, quân Pháp điều động nhiều lượt máy bay ném bom và bắn phá ác liệt vào trận địa Đèo Cả, đồng thời tăng viện thêm một trung đoàn từ biển đổ bộ lên Bãi Xếp (Vũng Rô), sau đó chia làm hai cánh. Do tương quan lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, các lực lượng tham gia chốt chặn tại Đèo Cả phải vừa đánh vừa yểm trợ nhau để rút lui theo đường biển Phú Khê và đường núi về phía sau tiếp tục cuộc chiến đấu. Sau khi chọc thủng được phòng tuyến Đèo Cả, quân Pháp tiến ra chiếm đóng một số vị trí ven Quốc lộ 1 ở phía Nam sông Đà Rằng (Phú Yên). Tại đây, quân Pháp đã vấp phải tinh thần đấu tranh anh dũng, kiên cường của quân và dân Phú Yên, nhiều binh lính Pháp đã bị tiêu diệt, buộc chúng phải lui về đóng tại Núi Hiêm (Phú Yên) [16, tr. 94].

Không thực hiện được kế hoạch đánh ra vùng tự do Phú Yên, quân Pháp đã quay về dồn sức đánh phá, càn quét vùng nông thôn Khánh Hòa. Do tương quan lực lượng và bị quân Pháp tập trung đánh phá liên tục, hoạt động ĐTQS ở Khánh Hòa thời gian này gặp rất nhiều khó khăn, thử thách. Vì vậy, các đơn vị vũ trang địa

phương và cán bộ cơ sở đã phải rút lui về vùng đồng bằng và rừng núi, xây dựng cơ sở và củng cố lực lượng, tiếp tục chiến đấu.

Để bình định vùng chiếm đóng và đối phó với phong trào kháng chiến nói chung và DTQS nói riêng của quân và dân vùng sau lưng địch Khánh Hòa, thực dân Pháp đã cho tăng cường các cuộc hành quân càn quét với quy mô đại đội, tiểu đoàn vào các vùng có bộ đội và du kích hoạt động mạnh, liên tiếp lùng sục, vây ráp, bắt bớ nhân dân ở những vùng chúng nghi ngờ có cán bộ về gây dựng cơ sở và nơi bộ đội đứng chân. Ở những vùng gần núi, quân Pháp thực hiện dồn dân về quanh các đồn bốt, áp dụng thủ đoạn “chiêu an”. Dọc các trục đường giao thông vùng nông thôn có đông dân cư, quân Pháp cho đóng thêm nhiều đồn bốt để kiểm soát nhân dân và vơ vét lương thực trong dân chúng.

Để truy quét các cơ quan lãnh đạo kháng chiến của tỉnh Khánh Hòa, giữa năm 1947, thực dân Pháp tập trung lực lượng cơ động Âu - Phi mở nhiều cuộc hành quân càn quét, tập kích vào các chiến khu Hòn Dữ, Hóc Chim, nhằm tiêu diệt lực lượng cán bộ, chiến sỹ, đốt phá kho tàng, trạm trại dọc trục đường Bắc - Nam, đồng thời tăng cường càn quét, mở rộng lấn chiếm ra các vùng nông thôn, đồng bằng và miền núi, triệt hạ nhiều làng xóm ven rừng, nơi đóng quân của bộ đội, cán bộ trên đường hành quân qua lại, dồn dân về vùng chúng kiểm soát, tạo ra “vành đai trắng” từ Bình Lộc, Xuân Sơn, Cung Hòa, Tân Tứ, Ngũ Mỹ, Tân Lạc (Ninh Hòa) đến Phú Cốc, Khánh Xuân (Vạn Ninh). Qua các cuộc hành quân càn quét của quân Pháp tại Khánh Hòa, đã có hàng trăm nóc nhà bị quân Pháp đốt phá, hàng trăm trâu bò bị bắn chết trong một trận càn. *“Lùng vào làng hễ thấy ai chạy thì bắn, nghi ai là Việt Minh thì bắn, không cần xét hỏi; lừa ông già, bà cả, trẻ con về đồn tra khảo, bỏ đói, phơi nắng”* [110, tr. 4]. Dù vậy, quân và dân ở những nơi này vẫn kiên quyết bám trụ, bất hợp tác với địch. *“Khi nghe báo động có Tây đi lùng, ai có phần việc ấy, du kích tổ chức đánh, dân quân lo cất giấu dụng cụ sản xuất, cất giấu tài sản, ai không có nhiệm vụ đánh thì chạy lánh đi nơi khác thà chết chứ không để địch bắt. Trong một trận càn có 5, 7 cán bộ cơ sở, du kích bị giặc bắn là việc phổ biến”* [110, tr. 4].

Thất bại thảm hại ở Việt Bắc năm 1947, chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp bị phá sản, chúng buộc phải chuyển sang đánh lâu dài, thực hiện

cuộc chiến tranh tổng lực trên các lĩnh vực chính trị, quân sự và kinh tế. Thực hiện kế hoạch này, Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương chủ trương “*lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*”, “*dùng người Việt đánh người Việt*”. Về quân sự, chúng sử dụng chiến thuật “*siết chặt*”, “*vết dầu loang*” mở rộng phạm vi kiểm soát và thực hiện công thức “*cứ điểm nhỏ với đội ứng chiến nhỏ*” bảo vệ các địa bàn, đường giao thông quan trọng, hình thành thế bao vây, chia cắt, ngăn chặn các hoạt động của ta. Đồng thời, chúng ra sức càn quét các vùng tạm chiếm hòng phá hoại các tổ chức chính trị, vũ trang của ta, vơ vét của cải, bắt lính, triệt tiêu nguồn cung cấp nhân lực, vật lực, làm cho ta suy yếu, tiến tới đánh đòn quyết định. Biện pháp chủ yếu được quân Pháp sử dụng nhằm bình định tình hình ở Khánh Hòa là “*cứ điểm nhỏ, đội ứng chiến nhỏ*”. Đây là biện pháp chủ yếu để bình định Khánh Hòa. Đội ứng chiến nhỏ vừa là lực lượng chính để đánh phá các vùng mà quân Pháp nghi ngờ có cơ quan, bộ đội, kho tàng và công xưởng của lực lượng kháng chiến, vừa là lực lượng ứng cứu cho hệ thống đồn bốt khi bị quân ta tấn công. Hệ thống cứ điểm nhỏ vừa là để bảo vệ các vùng trọng yếu, hình thành thế chia cắt, bao vây, ngăn chặn từ xa, vừa là chỗ dựa cho hội tề và gián điệp hoạt động lòng bất cán bộ, khống chế và đàn áp nhân dân.

Trước sự phát triển của phong trào kháng chiến, thực dân Pháp nhận rõ vai trò quan trọng của chiến khu đối với phong trào của đồng bằng và đô thị. Chúng chủ trương đánh phá hệ thống chiến khu và hành lang liên lạc từ tỉnh, huyện tới các cơ sở. Thủ đoạn của quân Pháp vẫn là tổ chức những đơn vị nhỏ, cơ động, đánh úp bất ngờ căn cứ hoặc pháo kích vào những nơi chúng nghi có lực lượng của ta đứng chân, phục kích trên các hành lang liên lạc, di chuyển của ta. Chiến thuật quân sự chủ yếu của địch làm chỗ dựa cho chính sách “bình định” là chiến thuật phân đội cơ động (Section mobile) phối hợp với hệ thống tháp canh¹⁰ liên hoàn trên các trục giao thông, vùng ven núi và vùng sâu [155, tr. 3]. Ở nông thôn, chúng dựa vào lực lượng nguy

¹⁰ Từ năm 1948, trên chiến trường Khánh Hòa thực dân Pháp đã thực hiện chiến thuật De Lactour xây dựng hàng trăm đồn bốt, tháp canh trên các trục lộ nhằm mục đích bảo vệ đường giao thông, cắt đứt giao thông liên lạc đường bộ của lực lượng kháng chiến; đồng thời dùng hệ thống tháp canh như một phương tiện lấn chiếm, kiểm soát vùng du kích và căn cứ của ta. Là phương tiện bố phòng nên tháp canh được quân Pháp cho xây dựng khá kiên cố. Tháp có hình vuông, mỗi cạnh từ 4 - 5m, tường dày từ 0,5 - 0,8m, cao từ 8 - 10m, được xây bằng đá hoặc gạch nung. Xung quanh tháp canh được bao bọc bởi lũy đất dày, có nhiều lỗ châu mai, hàng rào kẽm gai và chông mìn dày đặc,... Mỗi tháp canh được bố trí cách nhau khoảng 1 km để có thể báo hiệu và chi viện cho nhau nếu bị tấn công. Đan xen vào hệ thống tháp canh nhỏ có tháp canh lớn, còn gọi là tháp canh mẹ, cao từ 10 - 12m do một tiểu đội quân Pháp đóng giữ. Tháp canh mẹ được bố trí hòa lực rất mạnh và các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác liên lạc, chỉ huy.

quân ở địa phương để củng cố nguy quyền, bắt lính, tăng cường nguy quân, o ép bắt dân từ 16 đến 50 tuổi phải vào đồn ngũ, bắt dân tập trung lúa gạo vào đồn. Hầu hết cán bộ cơ sở và lực lượng du kích địa phương bị bắt lên núi. Đối với nhân dân vùng ven căn cứ, địch tiến hành dồn dân về vùng chúng kiểm soát.

Trong năm 1948, tuy quân Pháp đã thiết lập được một hệ thống đồn bốt để khống chế nhân dân, nhưng phần lớn ở vùng nông thôn, diện kiểm soát của chúng còn nhiều sơ hở do phải co cụm lại trong các đồn, bốt ven đường giao thông và trong thị xã. Bởi vì trong thời gian này, phong trào kháng chiến trong tỉnh phát triển mạnh, nhất là ở Bắc Khánh, bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương đã có sự phối hợp hoạt động hiệu quả, gây cho quân Pháp nhiều khó khăn [155, tr. 8].

Sang năm 1949, để giải quyết nạn thiếu quân tại Khánh Hòa, việc phát triển quân nguy được thực dân Pháp ráo riết, đồng thời thay thế những cuộc hành quân lớn bằng những cuộc hành quân nhỏ, dùng chiến thuật phân tán binh lực để chiếm đóng nhiều vùng, kết hợp với hàng trăm cuộc hành quân càn quét từ vùng Bắc Khánh đến vùng Nam Khánh, chà đi xát lại vùng địch hậu và các chiến khu, căn cứ địa của ta. Với chính sách “*đốt sạch, cướp sạch, phá sạch*” [163, tr. 1], quân Pháp đã bình định có kết quả ở nhiều nơi trong tỉnh Khánh Hòa.

Bên cạnh đó, thực dân Pháp còn tiến hành dồn dân, lập “*vành đai trắng*”, bao vây phong tỏa, cô lập các căn cứ kháng chiến, dùng nhiều thủ đoạn tinh vi và xảo trá, mua chuộc dụ dỗ đi đôi với khủng bố đốt sạch, phá sạch. Một mặt, chúng cho thành lập nhiều đơn vị cơ động ứng chiến, đưa quân càn quét với quy mô cỡ một đại đội hoặc tiểu đoàn vào các vùng có lực lượng kháng chiến hoạt động, từ đó xây dựng hệ thống đồn bốt và các cứ điểm nhỏ, đồng thời ráo riết bắt lính, thành lập các đơn vị “Bảo vệ quân”¹¹, và ở nhiều địa phương, chúng còn tổ chức các đội Hương vệ, Hương dũng (sau đổi thành Nghĩa Dũng đoàn), đây chính là lực lượng trực tiếp kìm kẹp nhân dân ở địa phương. Mặt khác, thực dân Pháp còn tăng cường chiến tranh phá hoại, chiến tranh gián điệp, gây cho lực lượng kháng chiến không ít khó khăn và tổn thất.

Những hành động mới của quân Pháp đã làm cho tình hình kháng chiến tại Khánh Hòa nói riêng và Liên khu 5 nói chung thời gian này gặp rất nhiều khó khăn

¹¹ Bảo vệ quân sau này đổi thành Việt Binh đoàn.

và thử thách. “Ta hoàn toàn bị động, thiếu ăn, thiếu mặc, đau yếu nhiều, biên chế bộ đội phải được điều chỉnh, phải tổ chức lại bộ máy chỉ huy. Dân quân cũng phải bắt đầu củng cố lại. Trong một vài trận như phục kích ở Phú Hữu, Ninh Đức, Mỹ Lợi, Tân Hưng, Quảng Thiên nhưng kết quả chỉ ảnh hưởng nhất thời không biến đổi được tình hình chung” [110, tr. 5].

Đứng trước những khó khăn, thử thách mới, đòi hỏi hoạt động đấu tranh quân sự trên chiến trường Khánh Hòa phải có những hình thức đấu tranh sát hợp với tình hình và nhiệm vụ của cuộc kháng chiến.

3.1.2. Triển khai thể trận chiến tranh du kích, từng bước làm thất bại chính sách “bình định” của thực dân Pháp

3.1.2.1. Chủ trương phát triển chiến tranh du kích

Sớm nhận định và nắm bắt âm mưu và hành động mới của thực dân Pháp, ngày 12-1-1947, Trung ương mở Hội nghị Quân sự lần thứ nhất tại Chương Mỹ (Hà Đông). Hội nghị chỉ rõ: “Với viện binh đang kéo đến, thực dân Pháp sẽ mở cuộc phản công và tiến công, cố tình đi sâu vào chiến tranh, hòng nuốt trôi nước ta”, đồng thời xác định: “Nhiệm vụ lúc này là bảo toàn chủ lực để kháng chiến lâu dài” và chủ trương: “Tránh mũi dùi chủ lực của địch để bảo toàn lực lượng và duy trì sức chiến đấu của bộ đội ta. Phát động chiến tranh du kích, không cho địch phát triển vị trí và tiến quân mau lẹ, tập trung lực lượng tiêu diệt từng phần lẻ tẻ của địch để chiếm giữ phần thắng lợi luôn luôn và tiêu hao lực lượng địch, động viên tất cả trong nước, để duy trì cuộc chiến tranh trường kỳ và tiêu hao cho tới khi chiếm được phần thắng lợi cuối cùng” [7, tr. 198]. Đây là chỉ đạo tác chiến kịp thời và chính xác, nhằm đẩy mạnh hoạt động ĐTQS sự trên khắp các chiến trường.

Trên chiến trường Nam Trung Bộ, trước hành động mở rộng phạm vi chiếm đóng ra toàn tỉnh Khánh Hòa và vùng tự do Khu 5 của thực dân Pháp, UBKC Nam phần Trung Bộ, Bộ Chỉ huy Khu 6 quyết định đưa Trung đoàn 80 vào chiến đấu ở chiến trường Khánh Hòa. Trung Đoàn 80 do Nguyễn Hải (Trung đoàn trưởng), Lu Giang (Trung đoàn phó) và Trịnh Huy Quang (Chính ủy Khu 6) đi cùng với Trung đoàn vào đóng tại Hòn Hèo. Tại đây, Ban Chỉ huy Trung đoàn 80 đã cùng Tỉnh ủy Khánh Hòa nghiên cứu tình hình và quyết định: “Tất cả các cơ sở đều trở lại bám địa bàn; tổ chức hành lang tiếp tế lương thực, vũ khí từ Phú Yên vào; Trung đoàn 80:

một tiểu đoàn bảo vệ Vạn Ninh, một tiểu đoàn xuống Ninh Hòa, một tiểu đoàn vào Nha Trang (có một bộ phận vào Cam Ranh) hỗ trợ việc xây dựng cơ sở, phát động quần chúng bám địch” [50, tr. 100].

Nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh, ngày 15 và 16-3-1947, tại Hòn Lớn (Ninh Hòa), Hội nghị Tỉnh ủy Khánh Hòa mở rộng xác định đẩy mạnh hoạt động ĐTQS và đề ra chủ trương: *“Chuyển cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới, ra sức phát triển dân quân, đẩy mạnh chiến tranh du kích khắp nơi, nhất là trong các vùng địch kiểm soát, tích cực chống phá những cuộc hành quân càn quét của địch, đồng thời tùy theo tình thế, tập trung đánh vận động để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch; tăng cường sản xuất vũ khí, chế tạo nhiều súng cối, bazôka để đánh các đồn địch; đẩy mạnh đấu tranh địch vận, nhằm vào cả lính Pháp, lính lê dương và lính bản xứ”,* và đề ra nhiệm vụ trước mắt là *“củng cố và phát triển lực lượng du kích thoát ly, dân quân tự vệ, thành lập các đội biệt động; xây dựng căn cứ kháng chiến” [50, tr. 113].*

Từ kinh nghiệm chiến đấu của các địa phương trong những năm đầu kháng chiến, nhất là trong chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947, Trung ương Đảng đã kịp thời chỉ đạo bộ đội chủ lực phân tán thành các đại đội độc lập về các địa phương làm cơ sở cho việc xây dựng các tổ, đội du kích và điều dặt lực lượng này chiến đấu,... Bộ Tổng tư lệnh đề ra biện pháp chiến lược: phân tán khoảng một phần ba số đơn vị bộ đội chủ lực trong toàn quốc thành các đại đội độc lập, đội vũ trang tuyên truyền và tuyên truyền xung phong, tiến sâu vào vùng địch tạm chiếm để phát động và làm nòng cốt chiến tranh du kích ở các địa phương, nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, làm thất bại kế hoạch bình định của chúng.

Tiếp đó, từ ngày 15 đến ngày 17-01-1948, Hội nghị Trung ương ĐCSĐD mở rộng xác định phương châm kháng chiến: Kiên quyết giành quyền chủ động chiến thuật, chiến dịch, tiến tới chủ động về chiến lược; các mặt trận, chiến trường phối hợp hoạt động thống nhất, chặt chẽ trên tất cả các lĩnh vực, lấy *“du kích chiến tranh là căn bản, vận động chiến là phụ trợ”* nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực, phá bỏ đồn, bốt, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch. Đây là nét nổi bật về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng trong thời gian này của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Căn cứ Nghị quyết của Trung ương và thực tế trên chiến trường, Hội nghị Quân sự Liên khu 5 (4-1948) đề ra chủ trương: *“Ra sức chấn chỉnh bộ đội, tích cực luyện quân lập công, phát triển rộng và mạnh phong trào dân quân du kích. Năm vững phương châm du kích, vận động chiến, chống càn quét, diệt cứ điểm nhỏ, phục kích các đường giao thông, đột kích nhỏ vào các đô thị, quấy rối, tiêu hao làm rối loạn hậu phương địch, ... Mở rộng các xưởng sản xuất vũ khí, chú trọng vũ khí cho dân quân. Tăng cường hoạt động của lực lượng vũ trang, chú ý năm vững phương châm du kích vận động chiến, chống càn quét, đánh phục kích giao thông, diệt cứ điểm nhỏ, đột kích vào các đô thị, tiêu hao quấy rối hậu phương địch. Đẩy mạnh bố trí phòng thủ vùng tự do”* [50, tr. 113].

Để ĐTQS có hiệu quả, lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị vũ trang đặc biệt coi trọng việc bồi dưỡng và nâng cao lập trường tư tưởng cho cán bộ chiến sỹ. Sau đợt học tập *“chỉnh cán”*, *“luyện quân lập công”* tinh thần bộ đội và dân quân không ngừng được củng cố và nâng cao. Cùng với việc giáo dục tư tưởng, công tác tổ chức cũng được đặc biệt quan tâm. Tỉnh ủy và các huyện, thị nắm chắc hơn LLVT trong địa bàn mình quản lý. Việc phân công cấp ủy viên sang làm chính trị viên hoặc cán bộ chỉ huy cơ quan dân quân được thực hiện từ tỉnh đến cơ sở. Các chi bộ nắm chắc số dân quân du kích. Cán bộ, đảng viên tổ chức tuyên truyền, học tập rộng rãi vai trò của chiến tranh du kích trong các đoàn thể quần chúng. Các cơ quan tỉnh, huyện, thị được củng cố, bổ sung cán bộ nhằm thống nhất chỉ huy các LLVT địa phương và tăng cường phối hợp tác chiến với các đơn vị chủ lực. Việc bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp trong LLVT địa phương đã kết hợp tốt qua các lớp chính trị do Khu ủy 5 và Tỉnh ủy Khánh Hòa tổ chức. Việc chăm sóc sức khỏe cán bộ, chiến sỹ được quan tâm. Công tác vận động quần chúng được các đơn vị chú ý, tăng cường bám sát cơ sở, chủ động bám địch, vận động quần chúng nhân dân tham gia công tác phòng gian, bảo mật.

Tháng 7-1948, Tỉnh ủy Khánh Hòa mở hội nghị tại căn cứ Hòn Hèo dưới sự chủ trì của Trần Quỳnh (Bí thư Tỉnh ủy). Hội nghị biểu dương những thành tích và tinh thần đấu tranh của quân và dân Khánh Hòa, đồng thời kiểm điểm những thiếu sót, khuyết điểm trong thời gian qua và đi sâu phân tích những tồn tại, hạn chế. Hội nghị đánh giá: *“Những chiến thắng liên tiếp của quân và dân ta từ đầu*

năm đã gây cho địch nhiều thiệt hại, nhân dân phấn khởi. Nhưng nhiều nơi các đơn vị tập trung chuyển sang nơi khác hoạt động hoặc rút về căn cứ để củng cố, thì địch lại làm chủ, dân quân du kích không bám được cơ sở đánh địch càn quét. Đời sống nhân dân nhiều nơi đã rất khó khăn ngày càng khó khăn hơn, quân số chiến đấu giảm do đau ốm nhiều. bên cạnh đó, trong một thời gian dài, ta chủ trương để địch lập nguy quyền hương thôn tạo thế hợp pháp cho quân chúng đấu tranh, nhưng nguy quyền lại trở thành chỗ dựa cho nguy quân tiến hành các cuộc càn quét, vây ráp khủng bố cơ sở cách mạng, làm cho phong trào kháng chiến ở nhiều nơi trong tỉnh bị sa sút” [7, tr. 215].

Từ nhận định, đánh giá sát sao ấy, Hội nghị nhận thấy cần phải có kế hoạch phản công địch, làm sao cho địch phải đối phó với ta nhiều hơn là ta phải đối phó với địch, nhằm thoát khỏi tình trạng bị động trong những tháng đầu năm 1948. Vì vậy, kế hoạch “*phá hoại địch về mọi mặt, củng cố, phát triển lực lượng ta*” được vạch ra với chủ trương “Tiến về làng” kháng chiến ở hương thôn theo phương châm “*tin vào dân, dựa vào dân*”. Sau Hội nghị, chủ trương “Tiến về làng” được tổ chức học tập, quán triệt trong các đơn vị quân sự địa phương, cán bộ chiến sỹ xây dựng cơ sở và các đơn vị thuộc Trung đoàn 80. Bộ đội chủ lực phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vũ trang địa phương và dân quân du kích liên tiếp tấn công vào các đồn bót, bẻ gãy nhiều cuộc hành quân càn quét của địch. Dân quân du kích được Trung đoàn 80 hỗ trợ, giúp đỡ, bước đầu đã bám dân, bám đất, tác chiến độc lập, diệt ác, trừ gian có hiệu quả. Du kích ở các xã vùng Bắc Khánh còn tổ chức ra các đội du kích thường trực, đào hầm bí mật, không chế cửa đồn quân Pháp cả ngày lẫn đêm để bắn tỉa, tiêu hao, tiêu diệt địch.

Để đẩy mạnh các hoạt động quân sự trên toàn chiến trường, cuối tháng 10-1948, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 chủ trương sáp nhập Trung đoàn 80 và Trung đoàn 83 thành Liên Trung đoàn 80 - 83 nhằm kịp thời chuyển hướng chiến thuật cho phù hợp với tình hình chiến trường. Liên Trung đoàn 80 - 83 có 6 tiểu đoàn với quân số trên 4.000 người, do Lư Giang (Liên Trung đoàn trưởng), Nguyễn Đường (Chính ủy), hai ông Đoàn Huyền và Huỳnh Hữu Thái là Liên Trung đoàn phó. Cùng với việc thành lập Liên Trung đoàn 80 - 83, Tiểu đoàn 121¹² được thành lập ở Nam Khánh Hòa gồm

¹² Ban Chỉ huy tiểu đoàn do Trần Kim Thu (Tiểu đoàn trưởng), Lương Phan Hồ (Chính trị viên)

3 đại đội: C.98, C.252 (đây là 2 đại đội đang hoạt động trên địa bàn Ninh Hòa) và C.101 được điều từ Vạn Ninh vào.

Thực hiện sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, cùng với việc xây dựng chỗ đứng chân cho lực lượng kháng chiến và đảm bảo sự thông suốt về mặt giao thông, thuận tiện cho việc cơ động lực lượng, tuyến hành lang giao thông Bắc - Nam được chuyển về phía Tây tỉnh, chạy dọc ven rừng từ Dốc Mỏ vào giáp Ninh Thuận.

Cuối năm 1948, Tỉnh ủy Khánh Hòa tổ chức hội nghị để đánh giá tình hình, điều chỉnh công tác tổ chức và bổ sung phương hướng đấu tranh. Để thuận tiện trong việc tiếp nhận sự chi viện từ vùng tự do vào, Tỉnh ủy Khánh Hòa quyết định dời các cơ quan lãnh đạo và các ban ngành, đoàn thể của tỉnh từ Hòn Dữ (Diên Khánh) ra Hòn Hèo¹³. Hội nghị đã bầu ông Trương An làm Bí thư Tỉnh ủy thay cho Trần Quỳnh (được cấp trên điều đi công tác khác). Về phương hướng đấu tranh, Hội nghị chỉ rõ: *“Tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích, chủ động tiến công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, chú trọng xây dựng lực lượng, đồng thời làm tốt công tác dân vận, dựa vào dân để đánh giặc”*. Đồng thời quyết định đẩy mạnh hoạt động tác chiến đánh địch ở Nam Khánh Hòa: *“Cần phải tổ chức những trận đánh mạnh ở Nam Khánh và nhằm vào kẻ thù chính là nguy binh để làm cho chúng nhụt chí. Với những thắng lợi quân sự này sẽ làm đà cho việc phát triển du kích chiến tranh đồng thời với việc củng cố cơ sở chính quyền”* [146, tr. 7].

Từ khi các cơ quan tỉnh dời về căn cứ Hòn Hèo, giao thông vận tải biển được tăng cường, Ban tiếp vận của tỉnh đặt tại Phú Yên để tiếp nhận sự chi viện của Liên khu 5 và vận chuyển vào chiến trường trên hai tuyến đường bộ và đường biển. Trên tuyến đường biển từ Phú Yên vào, nhiều trạm, tổ được xây dựng. Lương thực, thuốc men, hàng hóa... được tập kết ở vùng tự do Phú Yên, sau đó được vận chuyển theo đường biển vào các địa phương trong tỉnh Khánh Hòa. Cụ thể, từ Phú Yên qua Hòn Gầm - Đầm Môn, Bãi Giếng (Vạn Ninh); qua Ninh Tịnh, Ninh Yên, Đầm Vân (Ninh Hòa) vào Hòn Tre, Đồng Bò - Sông Lô (Nha Trang) cho đến Cù Hin (Ba Ngòi). Mỗi khi thuyền cập bến, số đồng bào sống bất hợp tác với giặc trên các đảo và bán đảo chung quanh

¹³ Hòn Hèo là dãy núi nằm ở phía Đông huyện Ninh Hòa, bao quanh chân núi có một số xóm làng đã bị quân Pháp triệt hạ. Tại đây, nhân dân bị dồn về vùng địch, chỉ còn một số ít ở các thôn Ninh Tịnh, Ninh Yên, Đầm Vân là bất hợp tác với địch, sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng rẫy, trồng lúa, bắp, một số ít làm nghề biển. Lúc đầu Tỉnh ủy đóng ở Đầm Vân, UBND tỉnh Khánh Hòa đóng ở Ninh Tịnh, còn Tỉnh đội đóng gần suối Hoa Lan, Cơ quan Trung đoàn 80 đóng ở Vũng Tàu.

trạm, tổ được huy động tham gia vận chuyển hàng hóa. Ngược lại, vào những lúc gặp mùa gió nồm, thuyền của ta có thể quay ra, chờ hàng từ vùng địch đang kiểm soát ra vùng tự do để đổi lấy lúa gạo, thỉnh thoảng còn kết hợp đưa cán bộ đi lại công tác. Dù vậy, công tác chi viện bằng đường biển nhiều lúc cũng gặp phải những khó khăn, như vào mùa gió bắc, tàu thuyền không thể quay ra được nên sau khi bốc dỡ hàng hóa lên bờ, ta phải đánh đắm thuyền để giữ bí mật. Không những thế, việc đi lại, vận chuyển bằng đường thủy là rất mạo hiểm, *“có khi bị địch bao vây tấn công, cũng có những lúc gặp bão tố bất ngờ, thuyền bị đắm, thủy thủ hy sinh, hàng hóa mất sạch. Càng về sau, địch bao vây phong tỏa mặt biển càng gắt gao hơn thì sự hy sinh tổn thất về người và tài sản của ta cũng không ít”* [110, tr. 5].

Trong lúc tình hình chiến sự ở vùng Bắc Khánh sôi động thì ở vùng Nam Khánh, với một đại đội độc lập hoạt động phân tán trong hai huyện Vĩnh Xương và Diên Khánh, luôn luôn bị địch uy hiếp. *“Cách nhau chỉ một dãy núi mà tình hình Bắc và Nam khác hẳn nhau. Ở phía Bắc thế ta đang lên thì ở phía Nam thế ta lại xuống. Địch ở phía Bắc có phần kiêng nể ta thì ở phía Nam chúng lại hiên ngang, khinh thường. Sở dĩ như thế một phần vì địch mạnh, đồn nhiều nhưng phần chính là vì lực lượng của ta ở đây quá ít, nhất là du kích chiến tranh ở đây yếu quá”* [146, tr. 7].

Thực hiện phương hướng chiến lược mới của Đảng, nhằm đẩy phong trào kháng chiến ở Nam Khánh lên một bước cao hơn, ngày 13-2-1949 tại căn cứ Hòn Hèo (Ninh Hòa), Tỉnh ủy Khánh Hòa mở Hội nghị cán bộ bất thường về: *Đẩy mạnh công tác tổ chức cán bộ, phát triển các lực lượng vũ trang*. Hội nghị đặt mạnh vấn đề lựa chọn cán bộ ưu tú để kiện toàn cơ quan lãnh đạo và bộ máy giúp việc các ngành dân - chính - đảng từ tỉnh đến cơ sở, bổ sung cán bộ tốt cho các đơn vị quân sự, bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo mọi mặt của cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới. Nhiệm vụ cụ thể là: Phát triển chiến tranh du kích chiến tranh, nhất là ở miền Nam và ngay trong thị xã Nha Trang. Tiến gấp lên Đà Lạt để uy hiếp trung tâm chính trị của địch tại đây, củng cố vùng thiếu số Ba Ngòi và phát triển du kích vùng thượng du. Đánh mạnh tại các đô thị đô thị, nhất là Nha Trang, Cam Ranh, cố gắng mở rộng phạm vi hoạt động lên vùng Đà Lạt. Về giao thông chiến: Triệt giao thông tiếp tế của địch, nhằm bao vây Nha Trang, trong đó chú trọng đường Sài Gòn - Nha Trang, Nha Trang - Phú Yên

và Ninh Hòa - Ban Mê Thuột. Về chiến thuật và hình thức đấu tranh: Đánh cứ điểm bằng cường tập hoặc kỳ tập, đánh mạnh vào nguy quân để giúp cho công tác địch vận, giành lại làng mạc, xây dựng làng chiến đấu. Đồng thời phá kế hoạch đồn làng, cướp lúa của địch, phổ biến tiêu bạc Việt Nam,...[159, tr. 6].

Tuy nhiên, việc thực hiện chủ trương này lúc đầu vì chưa có kinh nghiệm, có nơi cán bộ, bộ đội về làng ồ ạt nên bị bại lộ, gặp phải những tổn thất. Nhưng nhìn chung, qua việc thực hiện kế hoạch này đã đem lại những hiệu quả thiết thực như: Cán bộ, bộ đội đã có ý thức lấy quần chúng làm thành lũy chiến đấu, bám phong trào, sống trong dân, đánh tan những tư tưởng cầu an, sợ khổ, thiếu tin tưởng quần chúng nhân dân. Từ đó đã làm cho bộ đội, dân quân phấn khởi, quân sự - chính trị thống nhất, đồng bào thêm tin tưởng vào cuộc kháng chiến lâu dài của nhân dân ta, có ý thức bảo vệ cán bộ hơn trước. Trước hoạt động mạnh của ta, địch đã phải đối phó với ta nhiều hơn, ta đã hoạt động mạnh hơn trong khu vực chúng kiểm soát, ngay trong hương thôn [7, tr. 215].

3.1.2.2. Từng bước làm thất bại chính sách “bình định” của thực dân Pháp ở Khánh Hòa

Trước những âm mưu và thủ đoạn mới của thực dân Pháp, quán triệt chủ trương của Đảng cấp trên, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã triển khai nhiều biện pháp để từng bước làm thất bại chính sách “bình định” của thực dân Pháp.

- Bồi đắp lực lượng, chống địch càn quét căn cứ kháng chiến

Sau khi vào Khánh Hòa, các đơn vị chủ lực của Trung đoàn 80 lần lượt về các địa phương để hỗ trợ dân quân, du kích nhằm củng cố tổ chức và bổ sung thêm quân số, trang thiết bị vũ khí. Đại đội 101 (Trung đoàn 80) chỉ giữ lại một trung đội cơ động, còn lại phân ra từng tiểu đội về nhập với du kích thoát ly hoạt động ở Vạn Ninh. Tại Ninh Hòa, ngoài Tiểu đoàn 6 chủ lực, các đơn vị vũ trang Vũ Trung Ân, Hồng Phong, Hồng Liên và Trung đội danh dự Ninh Hòa cũng từng bước được củng cố.

Cùng với việc củng cố và xây dựng lực lượng, Tỉnh ủy Khánh Hòa cũng chỉ đạo tất cả các huyện, thị phải gấp rút xây dựng chiến khu, căn cứ cách mạng làm nơi đứng chân cho các cơ quan chính quyền và LLVT. Do nhận thức sớm vấn đề này nên sau khi rút khỏi Nha Trang, nhất là sau khi địch phản Hiệp định Sơ bộ đánh vào vùng Đại Điền, các cơ quan tỉnh dời lên đóng ở Hòn Dữ (Diên Khánh), một dãy núi có độ

cao trên 900 mét so với mặt biển. Ở đây có nhiều hang đá, có nguồn nước (gọi Giếng Tiên), thuận tiện cho việc đóng cơ quan. Dưới chân núi có cánh đồng để sản xuất. Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh đặt vấn đề sản xuất tự túc cho cơ quan, phân công Phạm Cự Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban tỉnh phụ trách và các cán bộ Lê Hân, Huỳnh Thản trực tiếp lo việc này. Sau một thời gian ngắn đã mở ra các trại sản xuất Suối Thơm, Nguyễn Công Trứ gồm các điểm Bến Khế, Ba Còm, Sông Giang, Cây Sung - Sông Chò. Cán bộ, bộ đội cùng đồng bào địa phương đã trồng được nhiều khoai lang, mì, bắp, lúa và mở các trại chăn nuôi trâu, bò, có cơ xưởng sản xuất lựu đạn, kíp nổ, sửa súng đạn, làm dụng cụ sản xuất.

Ngoài chiến khu tỉnh, các huyện, thị đều có một hoặc hai chỗ đứng chân hoạt động, có nơi có dân như Hòn Tre (Nha Trang), có nơi không có dân như Hóc Chim (Vạn Ninh), có nơi không cách biệt với dân như Hòn Hèo (Ninh Hòa), có nơi sát với đô thị như Đồng Bò (Vĩnh Xương). Sự tồn tại của các căn cứ chiến khu là niềm tin của đồng bào trong vùng địch chiếm, đồng thời trở thành mục tiêu hàng đầu mà quân Pháp tìm mọi cách đánh phá, hòng tiêu diệt.

Để ngăn chặn âm mưu tấn công của quân Pháp vào các chiến khu, lực lượng vũ trang du kích của ta cũng đã chủ động tổ chức các đợt đột nhập, tấn công vào các quận lỵ và nội thị Nha Trang nhằm xây dựng cơ sở, khôi phục lại phong trào kháng chiến, uy hiếp tinh thần quân địch ngay trong các vùng địch hậu, gây cho binh lính Pháp nhiều hoang mang, dao động. Tuy nhiên, trong quá trình đột nhập vào các đô thị, đã có nhiều cán bộ, chiến sỹ của lực lượng kháng chiến hy sinh anh dũng như: Chính trị viên đại đội Vĩnh Xương Hồng Sơn (nguyên là chiến sỹ Nam tiến Nghệ Tĩnh) cùng tổ trinh sát vào thị xã Nha Trang gây dựng cơ sở cách mạng, không may bị địch bắt. Trên đường quân Pháp dẫn về trại giam, mặc dù bị trói chặt hai tay, nhưng nhân lúc có một chiếc ô tô chạy qua, Vĩnh Hồng Sơn đã dùng hết sức mạnh đẩy tên lính áp giải cầm đầu vào lòng xe và đồng thời lao thân mình vào xe bánh xe hy sinh. Hành động hy sinh quả cảm của Vĩnh Hồng Sơn đã làm cho đội quân đi áp giải vô cùng khiếp sợ. Những người dân Nha Trang được tận mắt chứng kiến cảnh đó càng thêm khâm phục người chiến sỹ vệ quốc đoàn anh hùng [96, tr. 112].

Tháng 4-1947, lực lượng biệt động Ninh Hòa Nguyễn Thị Trù đã mưu trí cải trang lẫn vào đồng bào đi chợ mang theo lựu đạn để đánh toán địch đang lũng lục chợ Ninh Hòa. Khi bị địch phát hiện, bao vây, chị đã anh dũng đánh trả, tiêu diệt được 11 tên và làm bị thương một số tên địch. Mặc dù bị địch bắt, tra tấn dã man nhưng chị vẫn hiên ngang không một lời khai báo. Địch xử bắn chị, trước khi tắt thở chị còn hô vang: “*Hồ Chí Minh muôn năm*”¹⁴. Noi gương chị Nguyễn Thị Trù, các chị Nguyễn Thị Thi du kích thôn Hòa Thuận, chị Nguyễn Thị Kiết thôn Quang Đông cũng đưa lựu đạn vào chợ Ninh Hòa diệt địch và đều hy sinh anh dũng. Tấm gương hy sinh của các chị vẫn còn lưu mãi trong lòng nhân dân Ninh Hòa [7, tr. 207].

Bên cạnh việc bổ phòng lực lượng, xây dựng chiến khu, cuộc chiến đấu chống càn quét bảo vệ căn cứ kháng chiến diễn ra quyết liệt. Trong các tháng 5 và tháng 6-1947, được sự hỗ trợ của Đại đội 360 thuộc Trung đoàn 80, quân và dân Ninh Hòa liên tiếp tấn công, ngăn chặn các cuộc hành quân càn quét ra vùng giáp ranh và căn cứ Hòn Hèo, Hòn Lớn. Nhiều trận, quân ta đã giành được thắng lợi, góp phần tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận quân địch, thu nhiều vũ khí trong đó có cả súng đại liên như các trận: Chánh Thanh, Sơn Định, Mỹ Lương, Tân Ninh,... Tiêu biểu như các trận chống càn tại vùng Đồng Nảy, Trảng Cắm (Ninh Hòa), quân ta diệt nhiều binh lính địch và bắt sống được viên chỉ huy cuộc hành quân. Sau đó, theo yêu cầu của địch, ta trao trả tên này lại cho quân Pháp với điều kiện ngừng bắn một ngày trên phạm vi toàn huyện và trả tự do cho tất cả đồng bào, chiến sỹ ta bị chúng bắt trong trận càn. Quân Pháp chấp nhận và làm đúng yêu cầu của ta. Địa điểm trao trả tù binh được ấn định tại đình Tân Hưng (xã Hiệp Hưng - Ninh Hòa). Do vậy, ảnh hưởng của trận này đã lan rộng khắp vùng.

Từ tháng 5-1948, tuy các vùng căn cứ Hòn Lớn, Đá Bàn, Xuân Sơn, Hòn Hèo thường xuyên bị quân Pháp ngăn chặn việc liên lạc, phong tỏa mặt biển, đốt phá thóc lúa, đánh vào “dạ dày” của Việt Minh, nhưng hoạt động ĐTQS vẫn giữ được đà tiến lên. Từ phong trào luyện quân lập công diễn ra sôi nổi, các LLVT đã tổ chức một số trận đánh tiêu biểu như: hạ đồn Hòn Khói, Bà Triêng, đột nhập Nha Trang, tiêu diệt đồn Cù Lao; trận Lỗ Bèo, 5 tiểu đội của ta quyết chiến với 200 tên địch; trận Cung

¹⁴ Chị Nguyễn Thị Trù đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Hòa, ta phục kích một đại đội lưu động của địch đi lùng căn cứ Đá Bàn; trận Dốc Mỏ với chiến thuật đánh theo lối di động phòng ngự đã đẩy lùi gần hai đại đội địch, không cho chúng liên lạc với cánh quân tấn công ra Phú Yên,... Bên cạnh đó, hoạt động diệt tề, trừ gian cũng được đẩy mạnh. Trong *Báo cáo tổng quát tình hình Liên Khu 5 từ khởi chiến đến tháng 2-1949* ghi nhận: “Từ đầu năm 1948 đến giữa năm 1948, lực lượng du kích và cán bộ nhiều vùng cơ sở ở Bắc Khánh đã về bám lại được thôn xã. Công tác diệt tề, trừ gian được đẩy mạnh.” [106, tr. 2].

Nắm được tình hình lực lượng vũ trang của ta hoạt động mạnh tại Ninh Hòa, cuối tháng 12-1948 quân Pháp mở cuộc tấn công lớn mang tên “Bão táp” (Opération Typhon) vào căn cứ Hòn Hèo do Trung tá Nikolai chỉ huy trên 4.000 quân, có 7 máy bay và 6 tàu chiến yểm trợ [143, tr. 3]. Âm mưu chính của cuộc càn này là phá căn cứ, tiêu diệt bộ đội chủ lực và các cơ quan đầu não của ta. Điểm chính của cuộc tấn công này là vừa tạo thanh thế để từ đó tiến hành lùng sục các làng mạc của ta, vừa đề củng cố tinh thần binh lính đang bị dao động. Về cách thức và biện pháp tiến hành là phối hợp chặt chẽ các lực lượng thủy - lục - không quân và các binh chủng, tiến hành bao vây dài ngày để triệt đường tiếp tế của ta vào căn cứ. Trên cơ sở này, tiến hành di động phục kích, đánh vào một số cơ quan, phục kích đường liên lạc của ta, sau đó dùng những lực lượng quy mô nhỏ phục kích trong nội địa căn cứ (bộ binh xuyên sơn hay tàu thủy đổ bộ) [111, tr. 3].

Trước sự tấn công ồ ạt của quân Pháp, lực lượng kháng chiến đã kịp thời rút ra vòng ngoài để đánh vào phía sau lưng địch. Trong khi lực lượng du kích, dân quân lợi dụng địa hình hiểm trở tổ chức chiến đấu cản bước tiến của địch, thì Đại đội 200 và đơn vị Vũ Trung Ân bất ngờ tiến công đồn Phước Mỹ, bắt sống toàn bộ ban chỉ huy đồn, thu giữ nhiều vũ khí cùng nhiều tài liệu quan trọng. Phát huy thắng lợi này, Tỉnh đội Khánh Hòa tổ chức đánh một loạt trận giao thông trên Quốc lộ 1 gây cho địch nhiều khó khăn, lúng túng. Cuộc hành quân càn quét căn cứ Hòn Hèo của quân Pháp bị thất bại, buộc phải rút quân sau sau 21 ngày (từ ngày 10-12-1948 đến ngày 29-12-1948).

Những tháng đầu năm 1949, các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân du kích Ninh Hòa tổ chức nhiều trận đánh địch, chống càn quét và giành một số thắng lợi như trận ở Phước Mỹ, Tân Lâm, Ngũ Mỹ, Phú Hòa diệt trên 50 tên địch, thu 29

súng trường, 2 trung liên. Tháng 5-1949, quân và dân Cam Ranh tổ chức chống càn thẳng lợi, bảo vệ căn cứ huyện ở bán đảo Mũi Hời (Gò Hầu)...

Với những thắng lợi trong việc bố phòng, chống càn quét vào các căn cứ từ đầu năm 1947 đến giữa năm 1949, ta đã làm chủ được một vùng khá rộng, các căn cứ du kích từng bước được hình thành, LLVT hoạt động theo phương thức linh hoạt, có lúc phân tán thành từng trung đội hỗ trợ phong trào đấu tranh hoặc tạo điều kiện cho cán bộ, chiến sỹ công an bám làng diệt tề, trừ gian.

- Tổ chức phục kích đường giao thông, tiêu hao sinh lực địch

Tháng 4-1947, nhằm cắt đứt con đường tiếp tế của Pháp từ Nha Trang lên Tây Nguyên, Trung đoàn 80 do Đoàn Huyền (Trung đoàn phó Trung đoàn 80) trực tiếp chỉ huy, phối hợp với bộ đội địa phương và Đại đội Danh dự của huyện Ninh Hòa tổ chức trận địa phục kích giao thông tại khu vực đèo Phượng Hoàng (Ninh Hòa) trên Đường số 21 (nay là Đường số 26). Để chuẩn bị cho trận đánh, cán bộ tiểu đoàn và 1 đại đội đi trước chuẩn bị, sau khi kiểm tra thị sát, ta quyết định chọn Dốc Đất (Km 21) thuộc khu vực đèo Phượng Hoàng (nay thuộc xã Ninh Tây, Ninh Hòa) làm nơi phục kích. Đây là vùng ta ít hoạt động, địch sơ hở chủ quan, dân cư chủ yếu là đồng bào dân tộc nhưng có cảm tình với kháng chiến. Mặc dù đã nắm chắc quy luật hoạt động của quân Pháp, nhưng việc chuẩn bị một tiểu đoàn phục kích đánh giao thông cơ giới ở xa hậu cứ là những vấn đề hết sức khó khăn đặt ra như: vũ khí, lương thực, thực phẩm, dân công tải thương, tiếp tế,... Vì vậy, Huyện ủy Ninh Hòa đã tập trung huy động mọi khả năng nhân tài vật lực phục vụ cho trận đánh. Khoảng 24 giờ ngày 12-4-1947, tiểu đoàn đã hành quân đến vị trí tập kết ở Suối Chình (Km 17) và theo Đường 21 lên triển khai phục kích ở Dốc Đất. 3 giờ sáng ngày 13-4-1947, đơn vị đã chiếm lĩnh xong trận địa. Khoảng 8 giờ ngày 13-4-1947, một đoàn xe quân sự gồm 16 chiếc từ Ninh Hòa chạy lên và lọt vào trận địa phục kích của ta. Hà Vy Tùng chỉ huy đại đội chặn đầu bằng một quả bom nhưng không nổ, chiếc xe đi đầu chạy thoát về hướng Buôn Ma Thuật, lập tức các chiến sỹ của đại đội chặn đầu dùng súng máy bắn chặn đứng đoàn xe. Tuy bị quân ta tiến công bất ngờ, song binh lính Âu Phi vẫn không chịu buông súng đầu hàng, chúng bám sát vào thành xe và lẻ đường chống trả quyết liệt. Từ trên sườn núi, cán bộ, chiến sỹ nhảy ào xuống đường, xung phong tiêu

diệt địch. Trước sức tấn công ào ạt của ta, binh lính Pháp tháo chạy xuống Suối Chình, bị lực lượng ta đón lõng nổ súng tiêu diệt. Một số xe chạy sau vội vàng quay đầu tháo chạy về Ninh Hòa. Sau hơn 20 phút chiến đấu ta phá hủy được 11 xe quân sự, loại khỏi vòng chiến đấu 50 tên trong tổng số hơn 100 lính Pháp đi hộ tống, thu nhiều vũ khí và quân trang, quân dụng.

Trận đánh trên đèo Phượng Hoàng là trận giao thông chiến lớn nhất từ khi bắt đầu cuộc kháng chiến ở Khánh Hòa. Trận đánh đã để lại cho các đơn vị Trung đoàn 80 và bộ đội địa phương những kinh nghiệm quý báu về chiến thuật vận động phục kích đánh giao thông trong điều kiện trang bị của bộ đội còn rất thô sơ. Có thể nói, thắng lợi của trận phục kích này, ngoài Tiểu đoàn 6 và Trung đội danh dự Ninh Hòa còn có vai trò rất lớn của nhân dân huyện Ninh Hòa, đã tham gia tiếp đạn, tải thương, cứu chữa binh sỹ, góp từng lon gạo, từng vật dụng tư trang... như ông Nguyễn Du, thay mặt nhân dân xã Ninh Quang gửi tặng bộ đội 300 đôi dép da trâu do hai ông Nguyễn Miêu và Lương Vỹ bí mật làm suốt 4 ngày đêm để kịp cho bộ đội khắc phục chướng ngại tiến công diệt địch [95, tr. 86].

Các hoạt động quân sự của quân và dân Bắc Khánh đã làm cho tinh thần binh lính địch bị hoang mang, nhất là nguy binh. Tại Vạn Ninh, quân Pháp chỉ dám lùng sục, càn quét khu vực xung quanh vị trí Vạn Giã và dọc theo các trục đường giao thông chính. Trong suốt hai tháng (12-1948 và tháng 1-1949), quân Pháp không dám tổ chức lực lượng đi lùng sục vùng núi, thậm chí như ở Tu Bông, ít khi quân Pháp ra khỏi đồn quá 500 mét [118, tr. 4].

Ở Vạn Ninh, chiều ngày 26-4-1949, Đại đội 208 do Lê Phi Hùng chỉ huy cùng một đại đội địa phương huyện tấn công tiêu diệt đoàn xe 3 chiếc tại Ninh Lâm (Suối Hàn, Tu Bông). Song vì chủ quan, lực lượng kháng chiến đã bị quân Pháp bao vây nhiều phía, mặc dù cán bộ, chiến sỹ đã anh dũng đánh trả, nhưng lực lượng của ta cũng chịu tổn thất 1 trung đội, Chỉ huy trưởng Lê Phi Hùng đã hy sinh.

Ngày 27-7-1949, Liên Trung đoàn 80 - 83 sử dụng Tiểu đoàn 365 đánh trận giao thông chiến tại thôn Ninh Mã (Tu Bông). Kết quả, sau một giờ chiến đấu, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 1 đại đội địch, phá hủy đoàn xe tiếp tế của địch (13/14 chiếc), thu toàn bộ vũ khí, đạn dược trong đó có 4 trung liên, 1 súng cối và toàn bộ

quân trang, quân dụng. Trong trận này tuy ta có giành được thắng lợi, song vì không có kế hoạch bảo vệ dân chu đáo, nên sau khi bộ đội rút ra vùng tự do, địch đã quay lại triệt hạ toàn bộ thôn Ninh Mã. Hai trăm nóc nhà bị đốt, 36 đồng bào (hầu hết là đàn bà, trẻ em) bị sát hại. Các trận đánh của quân ta ở Suối Hàn, Ninh Mã có ảnh hưởng không tốt đến phong trào tại Vạn Ninh [36, tr. 126].

- *Tấn công đồn bót, phá thế bao vây kìm kẹp của quân Pháp*

Đầu năm 1947, nhằm “bình định” vùng chiếm đóng Khánh Hòa, quân Pháp đã cho tiến hành chiến thuật nhằm “*tạo dáng, thanh làng*” với hình thức và quy mô ngày càng lớn. Đồng thời, thực dân Pháp cũng tăng cường xây dựng hệ thống đồn bót, đẩy mạnh các hoạt động lùng sục vùng núi, vùng làng, cho quân bí mật “*xuyên sơn*”, “*bọc hậu*” hay đánh úp các căn cứ kháng chiến để tiêu diệt lực lượng kháng chiến [106, tr. 5].

Thực hiện âm mưu trên, quân Pháp tiến hành xây dựng thêm hệ thống đồn bót, nâng tổng số lên 14 đồn (9 đồn ở Nam Khánh Hòa, 5 đồn ở Bắc Khánh Hòa). Với hệ thống đồn bót đó, quân Pháp từng bước mở rộng vùng kiểm soát của chúng lên tận bìa núi và dọc các trục đường giao thông, mặt khác sử dụng đại đội lưu động phối hợp với các đồn lẻ để chiếm đóng ở các vùng đồng bằng và các trục đường giao thông chính. “*Địch chủ trương tạo thành thế mạnh ở Khánh Hòa, tuần tiểu khủng bố ráo riết ở làng và tích cực tấn công các căn cứ rừng núi của ta. Chúng thực hiện mạnh ở Nam Khánh và Bắc Khánh với quy mô hơn bao giờ hết để tấn công các căn cứ kháng chiến, quân sự ta*” [106, tr. 5].

Việc quân Pháp củng cố đồn trại cũ, tăng cường lực lượng cho các đồn dọc đường giao thông hay đóng các pháo đài, chứng tỏ rằng chúng cũng đang gặp phải những khó khăn trong nhiệm vụ bảo vệ giao thông và các vị trí chiếm đóng trước sự tấn công của ta. Tại Nha Trang, trong các tháng 6 và 7-1947, các đơn vị du kích thoát ly phối hợp với bộ đội chủ lực đánh đồn Bang Tá Nha Trang¹⁵, diệt 1 trung đội địch. Tự vệ nội thành tập kích các đồn bót xung quanh thị xã như Trường Đông, Trường Tây, Vĩnh Diêm, Phước Hải, phá sập bót Xóm Cồn, diệt một tiểu đội lính “Partisan”.

¹⁵ Theo Nghị định số 126 của Phủ Thủ hiến Trung Việt, tại khoản 6 về Nha Bang tá: “Ở mỗi tỉnh lỵ hoặc các nơi phồn thịnh có dân cư tập trung đông đúc và xa Tỉnh lỵ có thể thiết lập một hay nhiều Nha Bang tá. Các viên Bang tá có thể trực tiếp thuộc dưới quyền các ông Phủ, Huyện trưởng, phụ trách những việc sau: Thi hành những mệnh lệnh của Tỉnh đường hoặc Phủ, Huyện trưởng giao phó; kiểm soát dân cư trong địa hạt mình; tiếp tế vật phẩm; thu các hạng thuế; điều khiển các việc trị an, cầm phòng, trật tự, vệ sinh và cảnh sát”.

Đêm 14-7-1947 (ngày Quốc khánh của nước Pháp), một tổ công an xung phong gài mìn ở cầu lạc bộ sĩ quan tại nhà hàng Pocogol, tiêu diệt và làm bị thương 20 sĩ quan Pháp và lính lê dương. Ngày 25-7-1947, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng công an tỉnh Phan Văn Nhượng, biệt động đội phối hợp với chị Năm Soạn - cơ sở nội tuyến, đột nhập tàu Aten của Pháp tại cảng Cầu Đá, bắt tên đại úy thuyền trưởng, đồng thời dùng mìn đánh chìm tàu, làm cho nhiều sĩ quan, thủy thủ chết và bị thương [66, tr. 15].

Tại Vạn Ninh, đêm 7-9-1947, Tiểu đoàn 7 (Trung đoàn 80), do Lư Giang chỉ huy đã bí mật tập kích tiêu diệt đồn Khố Xanh (Vạn Giã). Sau 2 giờ chiến đấu quyết liệt, Tiểu đoàn 7 đã chiếm được đồn, tiêu diệt và làm bị thương 90 lính Pháp, thu hơn 50 súng các loại và nhiều quân trang, quân dụng ¹⁶.

Đêm 7-12-1947, Đại đội 98 phối hợp với LLVT huyện Cam Ranh tổ chức tập kích vào chi khu Đá Bạc, trung tâm chính trị - quân sự của quân Pháp ở Ba Ngòi, tiêu diệt 30 lính Pháp và phá hủy kho vũ khí. Trận đánh này đã làm cho tinh thần binh sỹ Pháp hoang mang khi mà chúng cho rằng đây là nơi an toàn nhất, Việt Minh không thể đánh phá được.

Những hoạt động quân sự trên chiến trường Khánh Hòa trong năm 1947 còn gây không ít khó khăn cho thực dân Pháp về mặt chính trị, tiêu biểu nhất là việc thực dân Pháp muốn lập chính quyền bù nhìn tại Nam Trung Bộ cũng bị thất bại. Cơ quan tuyên truyền kháng chiến tỉnh Khánh Hòa thời bấy giờ là tờ báo “Kháng”, đã chỉ rõ: *“Mới rồi Trần Văn Lý ở Thuận Hóa vào Nha Trang, một tên đại diện là Thân Trọng Lạc đi quan sát tình hình và vận động cho Mặt trận Quốc gia Liên hiệp của chúng để lập Chính phủ tự trị miền Nam Trung Bộ. Điều nhận xét của Thân Trọng Lạc có lẽ không làm cho y lạc quan lắm. Khi nhận thấy rằng ở đây người ta không lạ gì cái thứ bù nhìn nữa và đã đánh giá bọn bù nhìn một cách đúng lắm rồi. Nhưng đau đớn nhất cho y là câu trả lời khẳng khái mà một nhà trí thức Nha Trang đã ném vào mặt y trong một bữa tiệc: “Thanh niên Việt Nam đã hy sinh xương máu trên hai năm nay vì bốn phạm thiêng liêng đối với Tổ quốc, nay đã gần đến kết quả ta không nên vì lẽ gì mà ngăn cản quấy rối họ, mà có ngăn cản cũng vô ích,...”* [30, tr. 1].

¹⁶ Sau trận này, Chính trị viên Tiểu đoàn 7, Lương Phan Hồ được điều về làm Tỉnh đội trưởng Khánh Hòa thay cho ông Hồ Như Hải, cùng với Bùi Đoàn Tinh đội phó và Tống Đình Phương là Chính trị viên.

Sang năm 1948, quân và dân Khánh Hòa tiếp tục mở các đợt hoạt động quân sự, chính trị nhằm làm suy yếu lực lượng địch. Tại huyện Ba Ngòi, sau khi được Tỉnh ủy Ninh Thuận và Liên khu 5 bổ sung cho 6 cán bộ có kinh nghiệm, LLVT huyện được củng cố và có bước phát triển mới. Do đây là vùng địch hậu, nên có số lượng binh sĩ Pháp khá lớn, nên tổ chức bộ máy nguy quân, nguy quyền ở đây khá lỏng lẻo, tại các vùng ven thường xuyên bị dân quân du kích tập kích nên quân Pháp không kiểm soát chặt chẽ. Vì vậy, vào đầu tháng 4-1948, Huyện ủy Ba Ngòi quyết định tiêu diệt đồn Trại Cá, nơi có 2 sĩ quan Pháp và 1 trung đội nguy trấn giữ. Nắm được lịch trình của hai sĩ quan người Pháp cứ đến chiều thì về Ba Ngòi ăn nhậu, thỉnh thoảng mới ở lại đêm. Để chiếm đồn, ta tiến hành công tác binh vận, lôi kéo được Đồn phó Cai Ngỗng và một số binh lính trong đồn trước đó đã có cảm tình với cách mạng trở thành cơ sở nội ứng của ta. Kết quả là ta bắt được tên Đồn trưởng Cai Dụ và cả trung đội địch đều đầu hàng và xin đứng vào hàng ngũ cách mạng. Có thể nói, đây là trận đánh đã kết hợp tốt giữa binh vận với đấu tranh vũ trang, tạo được tiếng vang lớn trong hàng ngũ binh lính địch và gây sự hoang mang cho binh lính Pháp. [5, tr. 87].

Ở Ninh Hòa, giữa tháng 4-1948, các LLVT huyện quyết định tấn công tiêu diệt đồn Thương Chánh (Hòn Khói). Đây là đồn lớn nhất trong hệ thống đồn bốt của địch ở khu Hòn Khói, thường xuyên có một trung đội lính lê dương với nhiều vũ khí, do một đại úy Batesti làm đồn trưởng, được canh gác rất cẩn mật. Thực hiện kế hoạch tấn công đồn, cán bộ xã liên hệ được với 2 người làm việc trong đồn là Nguyễn Thắng Ân (thông ngôn cho đồn trưởng Batesti) và Lê Giáp ở trung đội bảo vệ đồn để làm nội ứng. 12 giờ đêm 13-4-1948, phối hợp với Nguyễn Thắng Ân, hai Đại đội Lê Hồng Phong do Nguyễn Văn Vịnh (Đại đội trưởng) và Đại đội Hồng Liên do Châu Võ (Đại đội trưởng) chỉ huy, phát lệnh tấn công đồn. Trận đánh kết thúc thắng lợi, bên ta không có những thương vong lớn. Sau trận đánh, ta thu giữ toàn bộ vũ khí và gần 3 triệu đồng Đông Dương cùng nhiều quân trang, quân dụng. Đến 6 giờ sáng, ta tập trung chiến lợi phẩm đưa xuống thuyền chở về căn cứ Hòn Hèo [96, tr. 139].

Cuối năm 1948, quân và dân Ninh Hòa tiếp tục mở cuộc tấn công nhằm tiêu diệt đồn Phước Thuận. Đây là đồn mới được quân Pháp xây dựng vào đầu tháng 8-1948, là một cứ điểm kiên cố của quân Pháp ở phía Đông Bắc Ninh Hòa. Để xây

dựng đồn này, quân Pháp cho càn quét các thôn lân cận, phá dỡ nhà dân, chặt cau, tre, làm vật liệu xây dựng và bắt nhân dân trong vùng đi làm đồn. Đồn được xây dựng trên một khu đất rộng ở phía Đông Bắc thôn Phước Thuận. Về cấu trúc của đồn, quân Pháp xây dựng 4 lô cốt ở 4 góc nối liền với nhau bằng 4 bức thành, mỗi cạnh thành dài 40m. Ngoài đồn là lớp vật cản bằng chông tre cắm xiên, cao 0,3m, dày 30m nhằm chống bộ binh của ta tiến công. Ngoài cùng là lớp hàng rào khá vững chắc bằng tre vót nhọn, cao 1,60m. Tại các lô cốt và thành đều có lỗ bắn kiểm soát từ xa đến gần. Quân số chiến đấu trong đồn có khoảng 40 người, trong số đó có 4 hạ sĩ quan người Pháp. Trang bị, vũ khí của địch đóng trong đồn có 4 trung liên, 1 súng cối, còn lại là tiểu liên và súng trường.

Tiểu đoàn 360 tiến hành công tác chuẩn bị rất chu đáo và được nhân dân hết lòng giúp đỡ. Để đảm bảo chắc thắng, lực lượng trinh sát của Tiểu đoàn cùng Hà Vi Tùng cải trang thành nông dân làm ruộng, tiếp cận hàng rào để quan sát nắm tình hình, do vậy mọi hoạt động trong đồn ta đều nắm chắc. Sau khi trinh sát nắm tình hình, nghiên cứu phương án đánh đồn, Tiểu đoàn 360 đã tổ chức luyện tập tại thôn Ninh Tịnh để chuẩn bị cho trận đánh. Nhằm tăng thêm sức mạnh cho Tiểu đoàn, Liên Trung đoàn tăng cường thêm một đại đội trợ chiến gồm một trung đội tiểu pháo 20 ly, một trung đội 12 ly 7 và một tiểu đội Bazoka 60 ly. Việc bắn phá lô cốt, áp chế lỗ bắn của địch vào ban đêm được giao cho các khẩu đội hỏa lực giải quyết. Nhằm phối hợp đồng bộ trong khi tác chiến đảm bảo chắc thắng, các cơ quan an ninh, kinh tế huyện Ninh Hòa thường xuyên làm nhiệm vụ phong tỏa tin tức, chuẩn bị dân công tải thương và lo lương thực, thực phẩm cho trận đánh.

24 giờ ngày 12-11-1948, trận chiến đấu bắt đầu. Tiểu pháo 20 ly, trọng liên 12 ly 7 bắn cấp tập vào lô cốt địch, yểm hộ cho tổ phá rào tiến lên mở đường; trung liên và Bazoka yểm hộ cho tổ xung kích tiếp cận vượt rào. Bị đánh bất ngờ, quân Pháp đã chống trả quyết liệt, từ các lô cốt, lỗ bắn ở các bờ thành, hỏa lực các loại của địch bắn mạnh vào đội hình ta. Đạn cối địch cùng với hỏa châu xanh, đồ xin tiếp viện làm sáng cả một vùng. Lợi dụng ánh sáng, Bazoka và trọng liên của ta bắn phá có hiệu quả hơn. Trên hướng đột phá, địch vẫn bám sát và ném lựu đạn ra chặn xung kích ta. Đạn lửa của súng 12 ly 7 bắn cháy một nhà địch trong đồn. Nắm thời cơ, Đại đội phó

Nguyễn Đức Hộ hô xung phong. Các tổ xung kích đặt mê tre lên bãi chông, hình thành chiếc cầu để bộ đội ta vượt qua. Quân địch trong đồn chống trả quyết liệt, Đại đội phó Nguyễn Đức Hộ và Sie Bert¹⁷ xạ thủ súng 29 ly 7 trúng đạn hy sinh. Sau 1 giờ kịch chiến, đồn Phước Thuận bị tiêu diệt, trừ vài tên lính chạy ra hàng, gần như toàn bộ binh lính địch đều bị tiêu diệt và bị thương. Bộ đội ta hạ lá cờ ba sắc xuống, thu chiến lợi phẩm, làm công tác cứu chữa thương binh, đưa liệt sỹ và thu quân về Cung Hòa. Tuy trận đánh đồn Phước Thuận giành được thắng lợi nhưng lực lượng kháng chiến cũng bị tổn thất khá nặng (bị thương 30 người và hy sinh 15 cán bộ, chiến sỹ, đều là những cán bộ chiến sỹ ưu tú của Tiểu đoàn 360).

Trận đánh đồn Phước Thuận là trận đánh địch trong công sự vững chắc đầu tiên bằng chiến thuật cường tập trên chiến trường Khánh Hòa, được Bộ Tư lệnh Liên khu 5 đánh giá cao và tặng thưởng tiểu đoàn Huân chương Chiến công hạng Nhất. Chiến thắng Phước Thuận đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào thi đua đánh địch, khắc phục mọi khó khăn để diệt giặc lập công trong các đơn vị Liên Trung đoàn và các đơn vị bộ đội địa phương [96, tr. 143].

Chiến thắng đồn Thương Chánh và Phước Thuận là những chiến thắng hết sức quan trọng của LLVT huyện Ninh Hòa, đồng thời là một trong những chiến công tiêu biểu của quân và dân tỉnh Khánh Hòa trong năm 1948. Sau chiến thắng này, toàn bộ khu Hòn Khôi được giải phóng, các hoạt động kháng chiến phát triển sâu rộng trong quần chúng.

Sang năm 1949, nhằm đẩy mạnh chính sách “bình định” ở Khánh Hòa và đối phó với các đợt tấn công của ta, thực dân Pháp ra sức tăng cường lực lượng, đẩy mạnh chiến thuật “vết dầu loang”. Tính đến giữa năm 1949, tại Khánh Hòa, “*quân số của Pháp đã có khoảng 7.000 tên, trong đó có khoảng 5.600 lính khố xanh, chủ yếu đóng ở Nha Trang và Cam Ranh. Ở mỗi huyện, thực dân Pháp cho đóng một đại đội lính cơ động. Cụ thể như sau: Tại Ninh Hòa có 1.000 tên, Vạn Ninh: 214 tên, Diên Khánh: 1.300 tên, Vĩnh Xương: 410 tên, Ba Ngòi: 220 tên, Nha Trang: 1.500 tên*” [159, tr. 1]. Cùng với đó, thực dân Pháp đã thiết lập được một hệ thống hơn 200 đồn, bót, tháp canh trên toàn tỉnh. Chỉ tính riêng tại huyện Ba Ngòi, quân Pháp đã cho xây dựng 31 đồn và

¹⁷ Sie Bert là một thanh niên người Đức, đã rời hàng ngũ địch gia nhập lực lượng kháng chiến của Việt Nam từ hồi đầu kháng chiến và được ta đặt tên là Hồ Chí Hồ.

tháp canh, trong đó lính Âu Phi chiếm hơn 70%. Từ Cà Rôm ra đến Hòa Tân, cứ 2 đến 3 km có 1 đồn hoặc tháp canh. Riêng ở Hòa Tân có đến 6 đồn, tháp canh, nhằm bảo vệ căn cứ Cam Ranh và hệ thống chỉ huy, hành chính ở Khánh Hòa và các trục đường giao thông quan trọng” [159, tr. 1].

Đặc biệt, khi biết tin lực lượng của Tiểu đoàn 360 rút ra Phú Yên, quân Pháp còn liên tiếp tổ chức nhiều cuộc càn quét để tiêu hao, tiêu diệt bộ đội và dân quân du kích ở các địa phương, đồng thời tăng cường củng cố và kìm kẹp dân chúng với hệ thống cứ điểm, tháp canh ken dày đến tận thôn xóm.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy chuyển hướng hoạt động mạnh vào Nam Khánh, bộ đội chủ lực phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương và dân quân du kích, đã tổ chức một số trận đánh gây ảnh hưởng tốt trong phong trào quần chúng. Tháng 3-1949, lực lượng kháng chiến tấn công tiêu diệt các đồn Xuân Phong, Đại Điền Trung (Diên Khánh). Ngày 27-3-1949, Tiểu đoàn 360 tiến công tiểu đoàn Âu Phi tại đồn Am Chúa (Đại Điền Trung), loại khỏi vòng chiến đấu một đại đội, thu khoảng 100 súng.

Để đối phó với âm mưu của Pháp trong việc áp dụng chiến thuật “*vết dầu loang*”, từng bước đánh chiếm vùng tự do Liên khu 5 trên cả 3 mặt, Liên khu ủy 5 chủ trương cần phải tổ chức những trận đánh lớn nhằm tiêu hao sinh lực địch, gây lòng tin trong nhân dân nhất là vùng địch tạm chiếm.

Triển khai chủ trương trên, ngày 5-5-1949, một số cán bộ và chiến sỹ thuộc Tiểu đoàn 360 và Tiểu đoàn 115 được điều động tập trung về Tuy Hòa, Phú Yên để thành lập Tiểu đoàn 365 trực thuộc Liên Trung đoàn 80 - 83. Đồng thời, Tỉnh ủy Khánh Hòa chủ trương lấy đơn vị Trinh sát do Hoàng Tiệp chỉ huy làm nòng cốt và bổ sung thêm lực lượng vũ trang của Ninh Hòa thành lập Đại đội mang tên 360 hoạt động ở vùng Ninh Hòa, bám trụ địa bàn, tiếp tục tiến công địch ở Ninh Hòa.

- Phá âm mưu chính trị và bao vây kinh tế của địch

Các hoạt động quân sự của lực lượng vũ trang Khánh Hòa đã hỗ trợ tích cực cho quần chúng đấu tranh phá âm mưu chính trị và bao vây kinh tế của địch. Cuối năm 1947, ở Nha Trang - Vĩnh Xương, quân Pháp thiết lập các tổ chức chính trị phản động như: Mặt trận Liên hiệp quốc gia, Phong trào dân chúng miền Nam Trung Bộ xuất xứ từ nhóm Ngô Xuân Tích (Ninh Thuận) liên hệ với nhóm Cung Giũ Nguyên,

Tạ Ngọc Liên, Võ Đình Dung (Khánh Hòa) do Trương Văn Như làm thủ lĩnh nhằm lôi kéo nhân dân, chống phá cách mạng [57, tr. 2].

Thực hiện sự chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, Liên đoàn Công chức và Giáo giới kháng chiến thị xã đã tập hợp được đông đảo quần chúng, trí thức yêu nước Nha Trang phản đối, vạch mặt bọn cầm đầu, thủ lĩnh Trương Văn Như đã phải gặp lãnh đạo Việt Minh nhận tội. Từ đó, các tổ chức phản động này dần dần tiêu tan rã. Riêng Vương Gia Ngại thủ lĩnh đảng Hắc Long trước làm tay sai cho Nhật, tiếp tục làm tay sai cho Pháp bị công an xung phong nghiêm khắc xử trị. Công tại các huyện Vĩnh Xương - Diên Khánh, quân Pháp dùng lực lượng ép buộc nhân dân đi biểu tình ủng hộ Bảo Đại. Ngày 11-9-1947, tại Phú Vinh ta bố trí cán bộ và tự vệ luồn vào đám đông vận động quần chúng hô “*đả đảo giặc Pháp và bù nhìn tay sai*”, quân Pháp tiến hành đàn áp, bắn xối xả vào đám đông làm 7 người chết và nhiều người bị thương, quần chúng nhân dân càng thêm phẫn nộ [57, tr. 3].

Ngày 10-9-1947, Bolaert, Cao ủy Pháp ở Đông Dương vào Nha Trang để cổ động cho “giải pháp Bảo Đại”. Tại chợ Đầm Nha Trang, khi Bolaert vừa bước lên bục diễn thuyết, một tổ tự vệ gồm 3 chị¹⁸ đã ném lựu đạn vào cách Cao ủy Pháp đứng 15 mét, lựu đạn không nổ nên không gây ra thương vong cho địch, nhưng đây là lời cảnh cáo của nhân dân Nha Trang đối với quân xâm lược Pháp, buộc y phải lên xe, rời khỏi Chợ Đầm [57, tr. 3].

Ngày 16-1-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi đồng bào phá hoại để kháng chiến: “*Vì ta không chịu làm trâu ngựa cho Pháp, vì ta phải giữ gìn non sông đất nước ta, cho nên ta phải đánh thực dân Pháp. Đánh thì phải phá hoại, ta không phá thì Pháp cũng phá,... Vì vậy ta phải phá trước, cho Pháp không dùng được. Dù ta muốn để cống, để đường, để nhà mà dùng cũng không dùng được, vì Pháp cũng chiếm hết, phá hết. Bây giờ ta phải phá để chặn chúng lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng. Ta vì nước mà hy sinh, chịu khó một lúc. Đến ngày kháng chiến thắng lợi, ta sẽ cùng nhau kiến thiết và sửa sang lại...*” [122, tr. 25]. Hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc phá hoại để kháng chiến trở thành phong trào quần chúng toàn tỉnh, kể cả trong vùng địch kiểm soát. Nhiều đoạn đường xe

¹⁸ 1 Tổ tự vệ Nha Trang có 8 chị, trong đó có các chị Bờ, Bồi, Quyên...

hơi, xe lửa bị băm nát, cầu, cống trên quốc lộ, thiết lộ bị phá sập, đường ray xe lửa bị gỡ từng mảng, nhiều nhất là các đoạn từ Phú Vinh đến Suối Dầu, Nam - Bắc Ninh Hòa, Nam - Bắc Vạn Ninh, có những đêm sáng trăng, từng đoàn nam, nữ thanh niên cùng dân quân du kích dùng cuộc xêng đào phá suốt đêm. Địch phản ứng, đốt nhà, bắt đồng bào đem bắn tại những đoạn đường và cầu cống bị phá hoại¹⁹. Ta phá địch sửa lại, ta lại phá hết chỗ này đến chỗ khác.

Các cuộc phá hoại đã góp phần ngăn chặn bước tiến của địch trong các cuộc hành quân, vận chuyển lương thực, vũ khí và tạo thuận lợi cho LLVT ta tác chiến tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Trong nhiều trường hợp, địch không lợi dụng được nhà dân, phải bỏ ra nhiều công, sức, mất nhiều thời giờ để xây dựng và củng cố đồn, bót.

Sang năm 1948, nhằm đẩy mạnh hoạt động phá hoại kinh tế địch, Đại đội 200 của Tiểu đoàn 360 phối hợp với lực lượng du kích địa phương đã phục kích tiêu diệt toàn bộ Trung đội biệt kích gồm 22 tên tại Phú Sơn, do tên Pôlô - một trong những nhân vật khét tiếng chỉ huy, giải thoát 80 tù binh bị áp giải đi gặt lúa, thu nhiều quân trang, quân dụng, cũng như góp phần bảo vệ được 50% diện tích lúa, hoa màu (Vạn Ninh) và 30% diện tích lúa (Ninh Hòa). Tiếp đó, LLVT Ninh Hòa tiếp tục đốt cháy tàu Amiral Vernon ở cửa biển Hòn Khói và tiêu diệt hầu hết trung đội lính lê dương trên tàu [146, tr. 6].

Trên đà thắng lợi, phong trào phá tề, trừ gian cũng đã phát triển rầm rộ, từng mảng bộ máy tề ở cơ sở lần lượt bị phá rã. Nếu như đầu năm 1948 toàn tỉnh Khánh Hòa có 195 thôn có hội tề nguy thì đến cuối năm 1948 chỉ còn lại khoảng 100 thôn có hương lý làm việc nhưng cầm chừng. Còn ở các huyện Vĩnh Xương, Ba Ngòi lúc này đa số hương lý làm theo chỉ dẫn của ta. Riêng Ninh Hòa, có 35 thôn được coi như giải phóng vì lực lượng tề nguy đã bỏ trốn, nhiều tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân bị trừng trị [147, tr. 25].

Bước sang năm 1949, thực dân Pháp được Mỹ tăng cường viện trợ, chúng ra sức đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược. Trên chiến trường Khánh Hòa, quân Pháp tăng cường càn quét “bình định” các vùng chiếm đóng. Đặc biệt, để đối phó lại chủ trương “*tiến về làng*” của ta, thực dân Pháp thi hành chính sách dồn dân, “ngủ đồn”

¹⁹ Tỉnh trưởng Khánh Hòa Hoàng Phúc Hải ra lệnh: “*Phá dây điện thoại thì mang 2 tên tù nhân ra bắn, phá đường thì bắn 3 người ngay tại hiện trường*”.

nhằm bình định vùng nông thôn Khánh Hòa. Để tiến hành thủ đoạn này, quân Pháp tiến hành bắt nhân dân các vùng gần núi, gần căn cứ, sát quốc lộ và các trục đường lớn ban đêm phải vào đồn ngủ. Có thể nói, chính sách “ngủ đồn” của thực dân Pháp được triển khai ở Khánh Hòa là hết sức thâm độc: *“Việc bắt nhân dân đi ngủ đồn, một mặt là để và tăng cường sự bóc lột, vơ vét, nhân vật lực trong nhân dân. Mặt khác, nhằm tăng cường việc kiểm soát dân chúng, cắt đứt mối liên lạc giữa nhân dân với cán bộ xây dựng cơ sở cách mạng”*. Tại những nơi đồng bào tập trung ngủ đồn, quân Pháp *“bày ra nhiều cảnh ăn chơi trụy lạc cốt ru ngủ, lừa gạt, tha hóa một bộ phận nam nữ thanh niên làm cho họ quên nhiệm vụ kháng chiến. Ngoài ra, địch còn sử dụng nhiều hình thức chiêu hàng như rải truyền đơn, đặt loa phát thanh gần rừng, tổ chức các quán chiêu an, đãi sở để lôi kéo cán bộ, đảng viên và lực lượng vũ trang ta rời bỏ hàng ngũ cách mạng”* [115, tr. 37].

Do bị quân Pháp kìm kẹp, đánh phá liên tục và hết sức ác liệt với những thủ đoạn hết sức thâm độc, lực lượng kháng chiến Khánh Hòa thời gian này gặp không ít khó khăn, tổn thất. *“Chỉ riêng ở Ninh Hòa trong 6 tháng giữa năm 1949, đã có hàng trăm cán bộ bị địch bắt và giết. Các cơ sở cách mạng lần lượt bị vỡ, điều kiện sinh hoạt của lực lượng vũ trang quá thiếu thốn nên cán bộ chiến sỹ bị đau ốm nhiều. Một số cán bộ, đảng viên hoang mang dao động, nằm im không dám hoạt động hoặc chạy vào vùng địch, thậm chí có người đã phản bội đầu hàng”* [7, tr. 209].

Nhìn chung những tháng giữa năm 1949, mặc dù quân và dân Bắc Khánh đã giành được một số thành tích, nhưng do mắc phải một số khuyết điểm nên sau đó phong trào bị địch đàn áp mạnh. Quân Pháp đã lợi dụng lúc chủ lực ta chuyển ra Phú Yên, lực lượng địa phương mỏng, đã tập trung lực lượng phản kích phong trào, tiến hành khủng bố quần chúng, thực hiện chính sách “bình định” gắt gao hơn. Phong trào quần chúng Khánh Hòa bị mất thế, có nơi giảm dần xuống như vùng Tây Ninh Hòa, vùng Bắc Vạn Ninh và trong đó đặc biệt là vùng Nam Khánh [7, tr. 232].

- Chiến dịch Trường Chinh

Trước các hoạt động mạnh của quân Pháp, đầu tháng 10-1949, nhằm phối hợp với chiến trường Tây Nguyên và Quảng Nam - Đà Nẵng, Liên khu 5 quyết định mở

chiến dịch Trường Chinh²⁰ để hỗ trợ cho hoạt động ĐTQS ở Khánh Hòa. Mục tiêu của chiến dịch là nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, phá bỏ thế kiểm soát của chúng, đồng thời tạo điều kiện cho chính quyền địa phương xây dựng phong trào kháng chiến. Tham gia chiến dịch Trường Chinh có Tiểu đoàn 365 thuộc Liên Trung đoàn 80 - 83; Tiểu đoàn 50 thuộc Trung đoàn 120 và Tiểu đoàn 121 đang hoạt động ở Nam Khánh. Phối hợp tham gia chiến đấu trong chiến dịch là lực lượng bộ đội địa phương, dân quân du kích của tỉnh.

Các đơn vị tham gia chiến dịch sau một thời gian luyện tập ở Bình Định được lệnh chuyển vào chiến trường Khánh Hòa. Để đảm bảo bí mật cho chiến dịch, các đơn vị phải thực hiện “đêm đi, ngày nghỉ”. Tuy nhiên, suốt một chặng đường dài, lại đúng vào mùa mưa ở vùng này, nên cuộc hành quân rất gian khổ. Khi vào đến Bến Ghe (Bắc Khánh Hòa), trong lúc tạm dừng chân, Tiểu đoàn 50 do chưa có kinh nghiệm hoạt động ở chiến trường mới, kỷ luật giữ bí mật trong vùng địch kiểm soát không nghiêm, trong lúc bộ đội tắm giặt và phơi phóng quần áo không kín đáo đã để cho máy bay trinh sát địch phát hiện. Chúng cho hai máy bay chiến đấu từ sân bay Nha Trang ra oanh tạc vào đội hình trú quân của tiểu đoàn, làm cho tiểu đoàn bị thương vong gần một đại đội.

Nghỉ ngừng hoạt động của ta, quân Pháp đã tổ chức lực lượng đi tuần tiểu, phục kích và bắt được một chiến sỹ trinh sát của Tiểu đoàn 365. Trước sự dụ dỗ và tra tấn dã man của quân Pháp, chiến sỹ Hoành không chịu nổi đã đầu hàng và khai báo về kế hoạch của chiến dịch. Vì vậy, kế hoạch tác chiến của chiến dịch chưa được triển khai đã bị bại lộ.

Theo kế hoạch đã định thì khi vào đến chiến trường, Tiểu đoàn 365 sẽ phối hợp cùng Tiểu đoàn 121 mở đợt hoạt động đầu tiên. Nhiệm vụ của Tiểu đoàn 121 sẽ đánh đồn Cây Dầu Đôi, còn Tiểu đoàn 365 phục kích đánh đoàn tàu quân sự ở Suối Dầu. Tuy nhiên, trước tình hình cụ thể, Ban Chỉ huy chiến dịch đã phải thay đổi kế hoạch tác chiến trên đường hành quân và phân công lại nhiệm vụ cụ thể cho Tiểu đoàn 365 và Tiểu đoàn 121. Do biết trước kế hoạch của ta nên thực dân Pháp đã thay đổi lịch chạy tàu, trận đánh giao thông và đánh đồn trong đợt đầu không

²⁰ Tên gọi chiến dịch Trường Chinh cũng có lúc gọi là chiến dịch Nam Khánh hoặc là chiến dịch Hè 1949.

thực hiện được. Vì vậy, Đại đội 98 của Tiểu đoàn 121 cùng Đại đội 160 chuyển hướng vào hoạt động ở Cam Ranh và tổ chức đánh trận giao thông chiến ở Cồn Ké, phá hủy được 3 xe quân sự, thu 17 súng, trong đó có 1 đại liên. Mặc dù trận phục kích thu được một số kết quả, nhưng về phía ta cũng chịu một tổn thất lớn, trong đó có Mai Đình An - Phó Bí thư Huyện ủy Cam Ranh và hai chiến sỹ hy sinh. Sau trận đánh, quân Pháp cho quân tiếp viện đánh phản kích, lực lượng của ta buộc phải rút vào vùng núi [125, tr. 1].

Chiến dịch Trường Chinh về mặt quân sự lúc này không còn yếu tố giành thắng lợi; kế hoạch ban đầu bị đảo lộn, nguồn tiếp tế bị thiếu hụt, sức khỏe cán bộ chiến sỹ giảm sút. Một số cán bộ bị đau ốm, sinh ra bi quan, trong khi đó quân Pháp vẫn hoạt động mạnh ở các vùng nông thôn, lùng sục bắt dân chúng “ngủ đồn”, cấm ghe thuyền hoạt động để ngăn cản đường liên lạc của ta.

Để tăng cường sức mạnh cho hoạt động quân sự ở Nam Khánh, hỗ trợ cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và lực lượng dân quân, du kích đánh địch, Tỉnh ủy và Ủy ban quân sự tỉnh tổ chức các Hội nghị nuôi quân tại Đá Đen (Diên Khánh) và Đồng Bò (Nha Trang) nhằm giải quyết vấn đề đời sống hậu cần cho các LLVT. Tỉnh ủy chủ trương huy động lúa gạo trong nhân dân và các điền chủ đóng góp, ủng hộ kháng chiến. Kết quả là *“chỉ trong mấy tháng cuối năm 1949 đã gặt và chuyển lên rừng được 25.000 gia lúa (1 gia bằng 9kg). Đây là một trong những chủ trương cần thiết và được đông đảo quần chúng đồng tình ủng hộ. Tuy nhiên, do công tác giáo dục quán triệt có nơi làm chưa tốt, thiếu vận động thuyết phục nên một số điền chủ ca thán. Lúa gạo đưa lên rừng nhưng ý thức bảo quản giữ gìn không tốt để địch phát hiện đốt phá, thú rừng ăn phá gây thiệt hại lớn”* [110, tr. 8].

Tháng 12-1949, một đại đội Commandos gồm 70 quân Âu Phi hành quân từ Cam Ranh đi Thủy Triều, Hòa Tân, ráo riết truy lùng các lực lượng kháng chiến. Nắm được hành trình của địch, Đơn vị 98 do Hồ Xuân Anh chỉ huy đã bố trí 3 trung đội cùng với Đơn vị 300 của huyện Cam Ranh, lực lượng du kích Hòa Tân phục kích địch từ Đồng Cau đến gò Xóm Bùn. Do địa hình ở Lỗ Vực (Thủy Triều) là rừng đước, bùn lầy, cây cối um tùm rất thuận lợi cho việc mai phục nên khi quân Pháp lọt vào trận địa phục kích, các mũi mai phục đã bất ngờ nổ súng tấn công làm cho quân

địch không kịp đổi phỏ, bị tiêu diệt 40 tên, trong đó có 6 lính Pháp, 1 lính Đức bị bắt sống, ta thu 40 súng trong đó có 1 trung liên, 4 tiểu liên.

Trong chiến dịch Trường Chinh, lực lượng Vệ quốc đoàn đã phối hợp với lực lượng của huyện Ba Ngòi và du kích các xã đánh một số trận trên đường hành quân của địch; mỗi xã tổ chức từng tổ dùng súng trường bắn tỉa, tiêu diệt từng mục tiêu di động. Kết hợp với các trận đánh, ta còn tổ chức phá hoại đường giao thông, phá kế hoạch xây dựng sân bay và tổ chức trừ gian diệt tề. Tại đồn Đá Bạc, xã trưởng Đỗ Xuân Dương bị trừng trị, còn Ngô Kim Cửu thì chết hụt. Đây đều là những nhân vật đã đầu hàng Pháp ở Vạn Giã, được Pháp đưa vào làm quận trưởng Ba Ngòi ²¹.

Như vậy, mặc dù chiến dịch Trường Chinh sớm bị bại lộ, nhưng sự phối hợp và tinh thần chiến đấu anh dũng giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích trong các trận đánh đồn, phục kích giao thông cũng đã gây cho quân Pháp một số khó khăn, tổn thất. Tuy nhiên, trên toàn chiến trường Khánh Hòa từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1950 đối với ta là cực kỳ khó khăn, thử thách. Quân Pháp từng bước lấn chiếm, kìm kẹp quần chúng nhân dân và o ép phong trào, khủng bố cơ sở. Bên cạnh đó, lực lượng quân sự của ta còn lại quá nhỏ yếu, *“không đủ sức gây tác động mạnh đến cơ sở chính trị và cầm cự tích cực với địch”* [110, tr. 7]. Sau chiến dịch Trường Chinh, bộ đội chủ lực của Liên khu rút ra vùng tự do nên trên địa bàn Nam Khánh chỉ còn lại một bộ phận nhỏ chủ yếu là lực lượng du kích thoát ly. Còn tại Bắc Khánh, do chủ trương tập trung lực lượng mở chiến dịch ở Nam Khánh nên lực lượng còn lại ở đây rất mỏng nên phong trào bị sa sút. Trong khi đó, quân Pháp tăng cường đánh phá ác liệt nhằm thực hiện kế hoạch “bình định” với các thủ đoạn tập trung dân “ngủ đồn”, tập trung lúa gạo, phát canh, thu thuế,... nên phong trào quần chúng bị mất thế, có nơi tụt dần như ở vùng Tây Ninh Hòa, Bắc Vạn Ninh. Mặt khác, sau chiến dịch Trường Chinh nguồn lương thực thiếu hụt, sự tiếp tế khó khăn nên sức khỏe của bộ đội cũng bị giảm sút. Chính vì vậy, Khu ủy quyết định rút bộ đội chủ lực phải ra vùng tự do Phú Yên để bổ sung và củng cố. *“Sau chiến dịch Trường Chinh, đại bộ phận Liên Trung đoàn 80 - 83 rút ra vùng tự do, chỉ còn một số đơn vị nhỏ biên chế từ 1 đến 2 trung đội làm công tác tại địa phương. Đại đội 300 phụ trách*

²¹ Ngô Kim Cửu đã lôi kéo một số tay chân, tổ chức làm chi điểm trà trộn với người dân ở bìa rừng để phát hiện cơ sở cách mạng, bắt đi 13 cán bộ chiến sỹ và tra tấn đánh đập, còn những người không khai báo thì bị chúng giết hại.

vùng Ba Ngòi, Đại đội 256 phụ trách Tây Tiến, Đại đội 252 phụ trách Nha Trang. Diên Khánh có một đại đội, Vạn Ninh có hai trung đội. Du kích mỗi xã chỉ còn 5 đến 7 người với vài ba khẩu súng. Huyện Ninh Hòa có ba trung đội bộ đội địa phương, du kích thoát ly mỗi xã có từ 10 đến 30 chiến sỹ. Tính chung toàn tỉnh, lực lượng du lịch thoát ly của các xã có 642 người, trong đó có 242 nữ. Về trang bị vũ khí, trung bình mỗi xã có từ 2 đến 7 súng trường còn lại phần lớn là vũ khí tự tạo” [110, tr. 8].

Trải qua 3 năm kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1949, mặc dù ĐTQS gặp nhiều khó khăn, thử thách khi phải đối phó với những âm mưu và thủ đoạn hết sức tinh vi và xảo quyệt của thực dân Pháp, nhưng quân và dân Khánh Hòa dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Liên khu ủy 5, Tỉnh ủy đã tích cực thực hiện nhiều hoạt động đấu tranh, từng bước làm thất bại các kế hoạch đánh chiếm của kẻ thù. Qua thực tiễn chiến đấu, các đơn vị vũ trang đã ngày càng lớn mạnh về tổ chức, quân số cũng như kinh nghiệm tác chiến; tổ chức Đảng, chính quyền kháng chiến các cấp đã không ngừng trưởng thành về tư duy cũng như phương thức chỉ đạo kháng chiến; các căn cứ địa cách mạng - nơi đứng chân của cơ quan lãnh đạo, chỉ huy kháng chiến từng bước được mở rộng về quy mô cũng như vững chắc về vị thế.... Đây là những yếu tố cơ bản, tạo cho quân và dân Khánh Hòa một sức mạnh tiến công mới, cổ vũ mạnh mẽ cho cán bộ, chiến sỹ và nhân dân trong tỉnh phát triển phong trào kháng chiến.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền và chỉ huy LLVT đã nhận thức đúng đắn về vai trò chủ yếu và quyết định của ĐTQS đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Do vậy, trên mặt trận đấu tranh rất quyết liệt này, Khánh Hòa đã huy động được sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp, mọi lực lượng tham gia trên cơ sở lấy LLVT làm nòng cốt. Khả năng và trình độ hiệp đồng tác chiến của bộ đội địa phương, của dân quân trong việc chuẩn bị chiến trường và tiến hành chiến tranh du kích đã được nâng lên một bước.

Mặc dù còn một số hạn chế, khuyết điểm, nhưng nhìn một cách tổng quát có thể nhận định rằng, bằng những hoạt động ĐTQS tích cực, hiệu quả, quân và dân Khánh Hòa trong những năm 1947 - 1949 không những đã tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, xây dựng được phong trào du kích chiến tranh, kìm chân được quân Pháp, bảo vệ được chính mình và cho vùng tự do, mà còn trực tiếp góp phần làm thất bại kế hoạch “*đánh nhanh thắng nhanh*” của thực dân Pháp đối với Nam Trung Bộ, tạo ra thế và lực để bước vào giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.

3.2. VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, CÙNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG KHÁNG CHIẾN (1950 - 1952)

3.2.1. Thực dân Pháp đẩy mạnh chính sách “bình định” ở Khánh Hòa

Chiến thắng Biên giới năm 1950 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lực lượng kháng chiến Việt Nam, cục diện chiến trường trên toàn quốc đã có những chuyển biến tích cực, lực lượng kháng chiến đã lớn mạnh về mặt quân sự và về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh. Tuy nhiên, tình hình phát triển không đều, trên chiến trường chính Bắc Bộ, quân ta đã chủ động về mặt chiến lược, nhưng tại các chiến trường phối hợp, phong trào du kích chiến tranh vẫn chưa đủ mạnh để kìm chế lực lượng địch.

Trên chiến trường Nam Trung Bộ, thực dân Pháp vẫn giữ được thế chủ động, tiếp tục chính sách xâm lược của chúng đối với vùng bị tạm chiếm nhưng với một mức độ cao hơn, thủ đoạn tinh vi và hiểm độc hơn. Kết quả đã gây cho ta nhiều khó khăn, thử thách. Tại vùng bị tạm chiếm, quân Pháp đã thành công phần lớn trong việc nắm dân, vơ vét tài sản, phát triển nguy binh. Tại vùng du kích, địch ra sức càn quét, cố tiêu diệt lực lượng địa phương, phá cơ sở kinh tế, bóp hẹp các căn cứ du kích [65, tr. 2].

Cùng với đó, thực dân Pháp tiếp tục đẩy mạnh chính sách “bình định” bằng việc thực hiện chiến thuật tháp canh, đồn bốt, tập trung lúa gạo, dồn dân “ngủ đồn”... Đây được coi là biện pháp hữu hiệu nhất do tướng Revers sau khi đến chiến trường Đông Dương vạch ra: *“Quân đội chính quy đóng ở bìa của từng vùng phải “bình định” và cố gắng khuyến khích ở mỗi làng lập một công sự để phòng ngự, thường thường là xây một đồn nhỏ do một đội quân tuyển chọn ở địa phương. Trong đồn tập trung lúa gạo của điền chủ để khỏi bị Việt Minh thu và lý-hương đến ngủ để khỏi bị Việt Minh bắt giết”* [149, tr. 4].

Tại Khánh Hòa, quân Pháp tiếp tục thực hiện chính sách “*lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*”, ra sức tuyên truyền lừa bịp, nói xấu kháng chiến, tuyên truyền chống phá Việt Minh với chính sách chiêu an, xây dựng bộ máy nguy quyền, phát triển tôn giáo, khuyến khích mê tín dị đoan. Bằng mọi biện pháp và thủ đoạn hiểm độc, quân Pháp muốn làm nhụt khả năng đấu tranh và tinh thần ủng hộ kháng chiến của quân và dân Khánh Hòa; thực hiện âm mưu bắt lính, phát triển nguy quân, củng cố chính quyền, vơ vét của cải phục vụ cuộc chiến tranh xâm lược.

Tại Nha Trang, thực dân Pháp cho thiết lập cơ quan hành chính quân sự nhằm chỉ huy các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (F.T.C.V.N.P)²² do Đại tá Vallier chỉ huy. Dưới F.T.C.V.N.P còn có các cơ quan quản lý trực tiếp đặt tại các vùng Tây Nguyên, Bình Thuận, Khánh Hòa và Phan Rang. Tại đây, thực dân Pháp thiết lập một hệ thống cứ điểm phòng thủ quân sự được gọi là Place Nha Trang - tương đương như một chi khu (Sous secteur) nhưng trực thuộc Bộ Chỉ huy F.T.C.V.N.P. Cơ quan của Chi khu này đóng tại nội thành Nha Trang, trực tiếp chỉ huy các đội quân tiếp viện, các bộ phận làm việc tại các cứ điểm quân sự, chính trị tại thành phố [66, tr. 4].

Bên cạnh hệ thống cơ quan hành chính quân sự do người Pháp điều khiển còn có hệ thống hành chính bù nhìn tỉnh Khánh Hòa do Hoàng Phúc Hải (Thomas Hải) làm tỉnh trưởng kiêm đốc lý thị xã Nha Trang. Bộ máy tổ chức ngụy quyền của Pháp được thiết lập từ tỉnh đến làng, tỉnh có tỉnh trưởng, quận có quận trưởng, dưới quận có nhiều bang tá [129, tr. 3]

Sau khi thiết lập bộ máy tổ chức, thực dân Pháp tăng cường phá hoại sản xuất của quần chúng nhân dân, bắt các tề xã cung ứng thực phẩm bằng cách mua rẻ hoặc cướp của dân trong lúc tổ chức hậu cần của chúng chưa kịp triển khai. Bên cạnh đó, nhằm cắt đứt nguồn tiếp tế lương thực cho lực lượng cách mạng trên địa bàn, chúng còn tiến hành gom dồn các nhà dân ở hẻo lánh gần rừng vào vùng kiểm soát của chúng.

Cũng trong thời gian này, hoạt động chủ yếu của thực dân Pháp là tập trung củng cố các vị trí chiếm đóng tại thị xã Nha Trang, thị trấn và các trục đường giao thông; đồng thời ra sức bình định vùng chúng kiểm soát, bằng việc phát triển các cứ điểm nhỏ thành hệ thống cứ điểm ngoại vi (Point d'appui), kết hợp với các cứ điểm mạnh (Point fort) gồm các lô cốt kiên cố có khả năng đảm bảo phòng thủ cao trong điều kiện quân số thiếu hụt. Tính đến đầu năm 1950, tại Khánh Hòa, quân Pháp đã đóng được 109 đồn và 213 tháp canh [29, tr. 3].

Ở Nam Khánh, thực dân Pháp cho xây dựng hệ thống đồn, bốt, tháp canh, lập tề ngụy, thu lúa gạo và bắt thanh niên đi lính; tiến hành kiểm soát gắt gao các trục đường giao thông và các thị xã, thị trấn, vùng nông thôn và vùng sâu với hàng chục tháp canh và đồn bốt được bố trí dọc theo Quốc lộ 1 và Đường 21 tạo thành hệ thống

²² Forces ternaires du Centre Việt Nam et des Hauts Plateaux, Zone Sud.

cứ điểm liên hoàn. Ngoài ra, quân Pháp còn thành lập chi khu Đá Bạc với 1 tiểu đoàn lính lê dương và 1 đại đội lính cơ động ứng chiến do Thiếu tá Kem phụ trách đóng tại các đồn với lực lượng như sau: Cà Rôm (một đại đội), Hiệp Mỹ (một đại đội), Trại Cá (một trung đội), Hòn Kẽm (một đại đội), Chi khu Vĩnh Bình và đồn Cửu Lợi (một đại đội) [129, tr. 4].

Tại Nha Trang, thực dân Pháp tăng cường bố phòng chặt chẽ, tạo thành hành lang phong tỏa, ngăn chặn sự đột nhập của ta từ bên ngoài vào và kiểm soát nghiêm ngặt từ bên trong, biến Nha Trang thành cứ điểm mạnh, hậu cứ an toàn, cơ quan đầu não về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của chúng ở tỉnh Khánh Hòa. Tại đây, thực dân Pháp đã đóng tất cả 72 cứ điểm quân sự, chính trị lớn nhỏ với khoảng 1.000 lính các loại trong phạm vi nội thị nhỏ hẹp. Với lực lượng đông, quân Pháp tiến hành kiểm soát, kiểm tra liên tục không kể ngày đêm. Ban ngày, giao cho lực lượng cảnh sát P.S²³, cảnh sát P.M²⁴ kiểm soát. Ban đêm, đủ các loại lực lượng tuần tiễu trong thị xã. Các hệ thống đèn chiếu sáng được tăng cường tại các cứ điểm quan trọng.

Sân bay Nha Trang được mở rộng và tăng cường khoảng 310 nhân viên, gồm phi công, thợ máy và bảo vệ. Tại đây có 5 máy bay ném bom, 4 máy bay vận tải và 1 máy bay trinh sát, phụ trách việc yểm trợ cho toàn bộ Cục Nam Trung Bộ và Tây Nguyên [149, tr. 4].

Tại cảng Nha Trang có một hải đoàn gồm 6 chiếc tàu trực thuộc hệ thống hải cảng Sài Gòn, chủ yếu làm nhiệm vụ vận tải. Ngoài ra, quân Pháp còn có lực lượng chuyên phục kích, kiểm soát mặt biển cả ban ngày và ban đêm từ Bình Định đến Bình Thuận. Tàu kiểm soát có trang bị cả lưới để bắt người nhái. Ngoài ra, thực dân Pháp còn mở trường huấn luyện hải quân và không quân, đào tạo các phi công và thuyền trưởng người Việt.

Ngoài ra, để củng cố các vị trí đóng quân, thực dân Pháp còn ráo riết bắt nhân dân lao dịch để xây dựng hệ thống đồn bót, tiến hành lùng sục vào các làng xóm xung quanh để tìm diệt lực lượng cách mạng, đốt nhà, cướp của hòng uy hiếp tinh thần nhân dân. Do không đủ sức chiếm toàn bộ huyện Vạn Ninh, nên quân Pháp chỉ chốt giữ một số vị trí trên Quốc lộ 1 và chủ yếu như: “*Tại nhà ông Giáo Thành ở Lạc Ninh*

²³ Tương tự cảnh sát khu vực ngày nay

²⁴ Cảnh sát cơ động

(đồn Lạc An) để bảo vệ giao thông và vùng Vạn Giã. Tại trung tâm Vạn Giã, thực dân Pháp đóng 1 đồn tại trạm Giã, một đồn tại nhà ông Mười Còm (đầu chợ Giã), đồn cầu Hiền Lương. Đồn nhà ông Mười Còm dùng đóng lính Khố xanh (gọi là đồn quận), với diện tích khoảng 1km². Ở Phú Hội, chúng dựng một đồn tại nhà bà Loi để án ngữ đường tiến quân của ta từ Tu Bông vào phía sông Gốc” [3, tr. 76].

Ở miền núi, địch xây dựng và phát triển các ổ vũ trang trong vùng ta kiểm soát và thi hành chính sách chia rẽ dân tộc, giữa đồng bào và cán bộ người Kinh với đồng bào các dân tộc.

Như vậy, trên chiến trường Khánh Hòa, thực dân Pháp đã chuyển sang dùng chiến tranh tổng lực, kết hợp cả quân sự, chính trị, kinh tế để bình định vùng tạm chiếm.

Tuy nhiên, đánh giá về khả năng của quân đội “Quốc gia Việt Nam” trên chiến trường Khánh Hòa, báo cáo ngày 1-2-1950 của Tỉnh trưởng Khánh Hòa gửi Phủ Thủ hiến Trung Việt đã nêu rõ: “*Quân sỹ kém tinh thần, phần đông phụng sự vì hoàn cảnh bắt buộc. Không hiểu và trọng kỷ luật, không am hiểu mưu lược. Khi tác chiến dễ bị địch thắng. Không có cấp chỉ huy Việt Nam trực tiếp bằng mệnh lệnh quân sự. Không có và được trọn quyền về tài chánh để cấp và thiếu quân nhu (súng, đạn)*” [129, tr. 4].

Với việc thực dân Pháp đẩy mạnh chính sách “bình định” trên các mặt chính trị, kinh tế, quân sự đã gây những khó khăn, thử thách hết sức to lớn đòi hỏi quân và dân Khánh Hòa cần phải vượt qua. Sau thất bại của chiến dịch Trường Chinh cuối năm 1949, sang đầu năm 1950, nhiều cuộc họp nhằm kiểm thảo, rút kinh nghiệm giữa Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Liên Trung đoàn 80 - 83 đã tổ chức và đi đến nhận định rằng: “*Phong trào đang xấu đi, nhưng xấu đến mức nào thì chưa có sự đánh giá một cách đầy đủ*” [110, tr. 2].

Bước sang đầu năm 1950, quân và dân Khánh Hòa phải đương đầu với không ít khó khăn, thử thách. Trong *Nhận xét và bổ cứu tình hình Khánh Hòa (1950)* của BCH Đảng bộ Liên khu 5 nêu rõ những khó khăn cụ thể tại các huyện trên địa bàn tỉnh như sau: “*Ở Bắc Khánh (Vạn Ninh, Ninh Hòa), sau Chiến dịch Hè 1949, do bộ đội chủ lực rút vào Nam Khánh, địch lại càn dữ, phong trào bắt đầu sụt. Các huyện Diên Khánh, Vĩnh Xương, phong trào có bước phát triển trong Chiến dịch Hè (hạ đồn Phú Cốc, đồn quận,...). Nhưng sau khi chiến dịch hè kết thúc, phong trào im lìm*

vì cán bộ nặng tư tưởng “đánh giặc mùa”. Việc thực hiện kế hoạch khuếch trương chiến quả không đúng hướng phát triển cơ sở dân chúng và du kích chiến tranh. Đặc biệt, trong chiến dịch Thu - Đông, địch đối phó gặt gạo, ta không thu được thắng lợi căn bản, nên trong chiến dịch và cuối chiến dịch, phong trào giảm sút, cán bộ đồng bào hoang mang, bị quan trước sự quả quyết của giặc (tổng số cán bộ ra đầu thú giặc khoảng 50 và cơ sở quận bị địch đánh úp cũng chừng 50 cơ quan). Ở Cam Ranh, trong chiến dịch Hè, phong trào giảm sút, địch càn quét dữ, ta mất một số cơ sở ở thị xã và chi khu Đá Bạc” [110, tr. 1-2].

3.2.2. Vượt qua khó khăn, củng cố và phát triển lực lượng kháng chiến

Từ ngày 10 đến ngày 17-3-1950, tại Hòn Ngang (Hòn Hèo - Ninh Hòa), Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh Khánh Hòa lần thứ I được tổ chức với sự tham gia của 100 đại biểu thay mặt cho 2.949 đảng viên toàn tỉnh. Trong Báo cáo chính trị do Bí thư Tỉnh ủy Tôn Thất Vỹ trình bày, bên cạnh những thành tích và những thuận lợi cơ bản, báo cáo cũng đã thẳng thắn vạch ra những khuyết điểm lớn của Tỉnh ủy là: “Chưa chỉ đạo được công tác quân sự, nhất là đối với lực lượng chủ lực đứng chân tại địa bàn, chưa tạo được mối quan hệ gắn bó giữa Tỉnh ủy với lực lượng này. Trong chiến dịch Trường Chinh, ý thức lãnh đạo có tiến bộ hơn. Mặc dù, trong thời gian chiến dịch diễn ra có đại diện của tỉnh bên cạnh Ban Chỉ huy chiến dịch để phối hợp lãnh đạo, nhưng đối với kế hoạch toàn bộ của chiến dịch chỉ một vài đồng chí lãnh đạo chủ chốt trong Tỉnh ủy biết” [110, tr. 4]. Đồng thời Tỉnh ủy cũng nêu lên một số nguyên nhân chủ yếu của những khuyết điểm trên là: “Do cán bộ và nhân dân chưa thấm nhuần quan điểm và nội dung chiến tranh du kích, quá ý vào bộ đội chủ lực; bộ đội địa phương và dân quân du kích chưa đủ sức thay thế bộ đội chủ lực chống càn quét; ý thức “đánh giặc mùa” của bộ đội, không chú trọng khuếch trương chiến quả sau mỗi trận đánh; việc chỉ đạo chiến tranh của đảng bộ các cấp trong tỉnh chưa thực hiện đầy đủ do việc thi hành chế độ chính ủy còn chưa chặt chẽ và chưa có sự phối hợp các cơ quan tại chính nơi hoạt động” [110, tr. 5].

Nhằm khắc phục những khó khăn trên chiến trường Khánh Hòa, cũng là những khó khăn chung của cả Liên khu 5, ngày 20-5-1950, Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy 5 đã họp và đề ra chủ trương mới nhằm đẩy mạnh hoạt động ĐTQS và chỉnh đốn sự lãnh đạo quân sự của Đảng trong những năm tiếp theo:

Một là, phải xây dựng trở lại các đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung, phát động phong trào du kích và nhân dân chiến tranh, tiêu hao tiêu diệt sinh lực của địch, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến của ta. Tăng cường sức mạnh cho đại đội độc lập và phải có tiểu đoàn tập trung thường lưu đóng trên chiến trường Bắc và Nam Khánh.

Hai là, phương thức hoạt động của đại đội độc lập là phân tán tập trung, linh động, vừa tiêu hao quấy nhiễu được địch vừa nâng đỡ du kích, huấn luyện được phong trào dân quân. Phải cải tiến sự liên hệ giữa bộ đội quốc gia và bộ đội địa phương, dân quân du kích xã. Bố trí thực dụng bộ đội địa phương và du kích xã trong việc phục dịch cho bộ đội quốc gia (như tiếp tế, vận tải, canh gác, liên lạc,...). Bộ đội chủ lực cũng phải phối hợp và dìu dắt bộ đội địa phương và du kích xã trong việc tác chiến.

Ba là, phải phát triển du kích xã mạnh mẽ, sửa chữa ý thức chỉ dùng du kích trong việc cảnh vệ, bố phòng trong các cơ quan. Xây dựng du kích phải đi đôi với tác chiến du kích: Du kích xã làm nòng cốt cho nhân dân nhưng hòa lẫn với dân quân làm mất hình thức tổ chức du kích gương mẫu ở mỗi xã. Du kích xã phải thiết thực dìu dắt dân quân luyện tập quân sự và tác chiến, đẩy mạnh du kích chiến tranh và nhân dân chiến tranh đến cực độ. Phối hợp công tác dân quân với công tác các đoàn thể dân chúng.

Bốn là, các cấp đảng bộ phải học tập công tác lãnh đạo quân sự, lãnh đạo chiến tranh, kiện toàn tỉnh đội, bộ đội dân quân. Phải có một tỉnh ủy viên hoặc cán bộ tỉnh đứng trong Ban Chỉ huy tỉnh đội, chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy. Nhưng Tỉnh ủy không phó thác việc lãnh đạo quân sự cho ủy viên hoặc cán bộ phụ trách mà phải theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và thiết thực lãnh đạo trên phương châm kế hoạch chung. Kiện toàn các chỉ huy đại đội độc lập, đại đội địa phương và các xã đội, tăng cường thêm cán bộ cho bộ đội địa phương và dân quân du kích, các cấp ủy đều phải có ủy viên phụ trách, các chi bộ phải vừa lãnh đạo vừa thiết thực tham gia phong trào du kích và nhân dân chiến tranh ngay trong địa phương mình.

Năm là, phải giải quyết vấn đề vũ khí cho bộ đội địa phương và dân quân du kích. Nguồn tiếp tế chính vẫn là mặt trận nhưng việc sản xuất vũ khí cung ứng cho mặt trận cần phải nêu thành vấn đề quan trọng để giải quyết [77, tr. 3-5].

Sau Hội nghị, Liên khu ủy 5 biệt phái một số đơn vị bộ đội chủ lực qua làm nhiệm vụ địa phương và đặt dưới quyền chỉ huy của địa phương. Đồng thời giao

nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị đóng trên địa bàn Khánh Hòa như: C 256 (Nha Trang), C 252 (Bắc Khánh), C 300 (Ba Ngòi) và C 360 (Ninh Hòa).

Thực hiện chủ trương của Liên khu ủy 5, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, có sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương Khánh Hòa đã không ngừng được củng cố và tăng cường. Tuy nhiên, do nhận thức chuyển mạnh sang tổng phản công chưa phù hợp với thực tế lúc bấy giờ, nên cũng đã gây ra nhiều ảnh hưởng bất lợi đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo trên các mặt, nhất là công tác quân sự. Mặt khác, lúc này trên chiến trường Khánh Hòa, thực dân Pháp đã chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh chính sách “bình định” vùng tạm chiếm bằng một cuộc chiến tranh tổng lực, kết hợp cả quân sự, chính trị, kinh tế với hệ thống tháp canh, đồn bốt dày đặc; sử dụng các đội quân ứng chiến liên tục càn quét, đánh phá phong trào du kích, tấn công căn cứ kháng chiến, thực hiện mưu đồ tập trung lúa gạo, tập trung dân “ngủ đồn”, bắt giết cán bộ và ráo riết thi hành chính sách chiêu an chính trị, mị dân; trong khi cơ quan chỉ huy, chỉ đạo kháng chiến địa phương lại thiếu sự nghiên cứu phân tích sâu sắc để có một chủ trương toàn diện; vấn đề chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công được truyền đạt giản đơn, vội vàng, nên đã ảnh hưởng đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy. Điều này cũng đã được thể hiện rõ trong các nội dung của Hội nghị quân sự của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa tại Cổ Cò (Ninh Tịnh, Ninh Hòa) vào tháng 10-1950. Ngoài ra, còn có một số vấn đề chưa thống nhất liên quan đến công tác chỉ đạo ĐTQS như: cần phải làm rõ cách thức tổ chức xây dựng và sử dụng lực lượng, việc áp dụng các hình thức chiến thuật cụ thể trên từng chiến trường, từng địa bàn... Mặc dù sau Hội nghị, nhiều tuần lễ tổng động viên, tuần lễ giết giặc, tuần lễ chống “ngủ đồn”, tuần lễ giành lúa liên tục được đề ra nhưng vẫn không giải quyết được khó khăn mà tình hình còn có chiều hướng gay gắt hơn [36, tr. 141].

Sang năm 1951, nhằm khắc phục những khó khăn, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã tích cực đẩy mạnh công tác giáo dục, động viên tinh thần hy sinh, chịu đựng khó khăn, gian khổ cho cán bộ chiến sỹ, kiên định niềm tin ở thắng lợi của cuộc kháng chiến, đấu tranh với những biểu hiện bi quan, dao động, mất lòng tin. Phong trào kháng chiến từ đó cũng đã có bước phát triển theo hướng tích cực như trong *Báo cáo tình hình chiến trường Khánh Hòa năm 1951 - 1952* đánh giá: “*Nhìn chung, tuy có hiện tượng bỏ việc, thậm chí đầu hàng giặc trước sự chết chóc, hy sinh, đói khát diễn*

ra hàng ngày, nhưng tuyệt đại đa số đảng viên, cán bộ, chiến sỹ vẫn kiên cường bám trụ, thực hiện phương châm “kiên trì vận động cách mạng” do tỉnh đề ra, tích cực đánh địch bảo vệ cơ sở” [113, tr. 3].

Trong khi quân và dân Khánh Hòa đang từng bước khắc phục những khó khăn, thử thách trên chiến trường thì thực dân Pháp tiếp tục đẩy mạnh chính sách “dùng người Việt đánh người Việt”, “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, tăng cường chiến tranh tổng lực, đánh phá ác liệt cơ sở kháng chiến, cướp thóc lúa, bắt lính, phát triển LLVT và bán vũ trang địa phương, tăng cường lực lượng chiếm đóng trên địa bàn tỉnh, dùng các đội lính cơ động ứng chiến (Commandos) càn quét liên tiếp vào các căn cứ kháng chiến nhằm truy kích quyết liệt lực lượng kháng chiến của ta.

Trước các hoạt động đánh phá, càn quét ác liệt của quân Pháp với quy mô, tính chất và cường độ ngày càng lớn vào căn cứ kháng chiến của ta, thì căn cứ Hòn Hèo trở nên nhỏ hẹp, dễ bị cô lập, không còn phù hợp với tình hình mới: “Mạng lưới giao thông đường bộ về Hòn Hèo thường bị ách tắc. Việc tiếp tế bằng đường biển từ vùng tự do Liên khu 5 vào không còn an toàn. Lực lượng của tỉnh chưa nhiều nhưng rất bị động về vấn đề lương thực, chi phối rất nhiều đến việc chỉ đạo phong trào chung, nhất là đối với các huyện phía Nam” [4, tr. 257]. Trong khi đó, “Đá Bàn có địa thế thuận lợi để lập căn cứ kháng chiến vì ở trên tuyến hành lang chiến lược Bắc - Nam và nối liền với đường dây liên lạc vùng tự do Liên khu 5 và thuận lợi cho việc đi về các địa phương trong tỉnh chỉ đạo phong trào” [1, tr. 149]. Vì vậy, Tỉnh ủy Khánh Hòa quyết định chuyển toàn bộ các cơ quan của tỉnh, của huyện Ninh Hòa lên Đá Bàn, xây dựng nơi đây thành căn cứ của tỉnh và cho cả hai huyện ở Bắc Khánh.

Cùng với việc di chuyển căn cứ lên Đá Bàn, Tỉnh ủy Khánh Hòa chủ trương tinh giảm biên chế bằng việc thực hiện kế hoạch “tam chế”, các cơ quan quân dân chính của tỉnh và huyện chỉ còn ba ban: Ban Chính trị, Ban Quân sự và Ban Cung cấp. Nhờ sự nỗ lực khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ của cán bộ chiến sỹ và được sự giúp đỡ tận tình của đồng bào vùng căn cứ, sự chi viện của vùng tự do, tình hình ở căn cứ Đá Bàn đã từng bước được ổn định.

Mặt khác, nhằm khắc phục khó khăn về vũ khí, trang bị, hậu cần bảo đảm cho hoạt động ĐTQS, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã cử người ra Phú Yên làm công tác tiếp vận,

đồng thời, thành lập Ban Kinh tài của Tỉnh ủy do Tôn Thất Chí làm Trưởng ban lo đảm bảo về lương thực và vũ khí đạn dược. Đặc biệt, Ủy ban căn cứ đã mở tuyến đường từ căn cứ Đá Bàn qua Dốc Chanh, Dốc Nón để đưa lúa gạo từ Phú Yên, Bình Định vào chiến trường Khánh Hòa. Từ đó, đời sống của cán bộ, chiến sỹ cũng dần dần được cải thiện.

Để tập trung sức mạnh cho ĐTQS, UBKCHC miền Nam Trung Bộ, ban hành Nghị định số 272 - MN5, sáp nhập hai huyện Ninh Hòa và Vạn Ninh hợp nhất thành Liên huyện Bắc Khánh. Do vậy, lực lượng vũ trang địa phương theo đó cũng có sự thay đổi, các đơn vị vũ trang của hai huyện cũ được sáp nhập thành một Đại đội bộ đội địa phương lấy tên là Đại đội Lê Hồng Phong do Võ Cừ làm Đại đội trưởng, Nguyễn Thặng làm Chính trị viên. Một thời gian sau, Đại đội tiếp tục sáp nhập với Đại đội Vệ quốc quân 360 của Liên Trung đoàn 80 - 83 thành Liên Đại Bắc Khánh, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội Khánh Hòa, đây là lực lượng chủ lực tỉnh, có nhiệm vụ bảo vệ căn cứ kháng chiến phía Bắc tỉnh. Sau khi được sáp nhập, Liên Đại Bắc Khánh đã tổ chức nhiều đội vũ trang cắm ở các vùng để hỗ trợ cho công tác xây dựng cơ sở, giúp đỡ, kèm cặp dân quân du kích, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh trên toàn địa bàn. Còn Đại đội 252 thuộc Liên Đại Nam Khánh phụ trách địa bàn Vĩnh Xương, Diên Khánh và khu vực Nha Trang.

Quán triệt phương châm hoạt động ở vùng sau lưng địch của Tỉnh ủy, bộ đội địa phương và dân quân du kích Khánh Hòa đã thọc sâu xuống vùng địch hậu để diệt tề, trừ gian, xây dựng cơ sở, hỗ trợ phong trào quần chúng đấu tranh chống “*ngu đôn*”, chống tập trung lúa gạo.

Ở Nam Khánh Hòa, do đường biển bị phong tỏa, các cơ quan của thị xã Nha Trang ở Hòn Tre phải chuyển về Đồng Bò Hạ. Trước đó (5-1950), do yêu cầu mở rộng bàn đạp cho nội thị, 3 xã của huyện Vĩnh Xương được sát nhập vào thị xã Nha Trang để tổ chức lại thành 3 khu ngoại ô. Huyện Vĩnh Xương còn một xã là Khánh Xương sát nhập vào Diên Khánh thành một huyện mới lấy tên là Vĩnh Khánh. Từ đó, căn cứ Đồng Bò thuộc Nha Trang được xây dựng ngày càng vững chắc, là một trong những căn cứ lớn của tỉnh, có vị trí lợi hại. Căn cứ của huyện Diên Khánh là vùng Đá Đen mở rộng lên phía Tây, lấy tên là căn cứ 175A. Đồng bào miền núi các vùng Dinh

Ông, Suối Ốc, Suối Mít... đã tích cực góp phần xây dựng, bảo vệ căn cứ và giúp huyện giải quyết nạn đói năm 1951. Nhân dân nhiều vùng đem lúa gạo đến căn cứ kháng chiến ủng hộ một nửa, bán rẻ một nửa. Vì vậy, tuy căn cứ 175A nằm sát nách địch (tính đường chim bay chỉ cách địch 3 km về phía Bắc và cách sông Cái về phía Nam), nhưng sự tồn tại của căn cứ là sự uy hiếp trực tiếp đối với vùng địch kiểm soát. Không những vậy, thời gian này căn cứ 175A còn mở rộng được sản xuất, phát triển mạnh lực lượng dân quân, du kích. Tại đây, những trại viên sản xuất được rèn luyện thành những tay súng giỏi, vận dụng chiến thuật du kích, lợi dụng địa thế núi rừng hiểm trở và hầm chông, cạm bẫy để tiêu diệt địch. Nhờ vậy, mà qua nhiều đợt càn quét đánh phá ác liệt của địch, căn cứ vẫn đứng vững.

Để bảo đảm nguồn cung cấp vũ khí cho hoạt động của LLVT và tăng cường bố phòng, bảo vệ các căn cứ kháng chiến, tại căn cứ Đồng Bò, quân giới Khánh Hòa đã thiết đặt một trạm quân giới, đồng thời bố trí hai tổ quân giới lưu động, luân phiên phục vụ các LLVT tác chiến trên địa bàn toàn tỉnh. Các trạm, tổ quân giới khẩn trương làm nhiệm vụ sửa chữa vũ khí, vừa tham gia hướng dẫn sử dụng chông mìn, cạm bẫy, đồng thời bố phòng và trực tiếp chiến đấu bảo vệ đơn vị. Ngoài ra, các chiến sỹ quân giới còn giành nhiều thời gian hướng dẫn cho dân quân du kích sản xuất các loại vũ khí thô sơ như: lưu đạn gài, mìn muỗi, mìn đĩa, đập lôi, bàn chông, mang cung, cạm bẫy... *“Trạm quân giới Đồng Bò tuy không đông công nhân, nhưng nhờ có lực lượng bảo vệ căn cứ, có nhân dân giúp đỡ và với tinh thần nỗ lực rất cao, nên vừa làm tốt công tác sửa chữa, đồng thời còn sản xuất nhiều loại vũ khí thô sơ phù hợp với chiến tranh du kích”* [113, tr. 5].

Những biện pháp tích cực nói trên đã có tác dụng nâng cao tinh thần đấu tranh của quân và dân Khánh Hòa, phong trào kháng chiến từng bước được phục hồi. Các đơn vị vũ trang Vũ Trung Ân, Hồng Liên, Lê Hồng Phong, biệt động khu phố Ninh Hòa,... hoạt động theo phương thức linh hoạt, có lúc phân tán thành từng trung đội hỗ trợ phong trào đấu tranh hoặc tạo điều kiện cho cán bộ, chiến sỹ công an bám làng diệt tề, trừ gian. *Tài liệu tổng kết các tài liệu học tập Khánh Hòa* trong đợt chính huấn 1951 tại Liên Khu ủy 5 viết: *“Nhờ có lực lượng du kích hoạt động mạnh, nhiều xã từ chỗ giành quyền chủ động ban đêm đã tiến lên làm chủ cả ban ngày. Khi Trung*

đoàn 80 vào Khánh Hòa, lực lượng địa phương của huyện đã cùng với lực lượng của Trung đoàn hoạt động theo phương thức đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung, dân quân du kích làm nòng cốt cho nhân dân du kích chiến tranh. Với phương thức hoạt động trên, ta đã làm chủ được một vùng khá rộng, các căn cứ du kích từng bước được hình thành” [115, tr. 17].

Trước sự phát triển của phong trào kháng chiến ở Bắc Khánh và vùng núi Nam Khánh, từ đầu năm đến những tháng giữa năm 1951, quân Pháp đã mở nhiều cuộc càn quét dài ngày lên vùng núi Vĩnh Khánh, với lực lượng gần 2.000 quân, có máy bay yểm trợ nhằm triệt phá các căn cứ cách mạng, tiêu diệt LLVT và dồn dân vào các khu tập trung. Tuy nhiên, quân Pháp đi đến đâu cũng vấp phải chông thờ, cạm bẫy và du kích bắn tỉa. Trong mỗi trận càn, có đến hàng chục binh sĩ bị chết, bị trúng tên thuốc độc và sập hầm chông, cạm bẫy nên các cuộc hành quân càn quét của địch bị thất bại và không thể khống chế được vùng núi Khánh Hòa. Những tổn thất lớn về quân số trong các cuộc càn quét ở vùng núi làm cho tinh thần của các sĩ quan, binh lính Pháp ngày càng suy sụp mà đỉnh điểm là việc Đồn trưởng Karom tại Vĩnh Khánh tự tử, Tỉnh trưởng Khánh Hòa đã gửi tư văn cầu cứu Phủ thủ hiến Trung Việt và được Phan Văn Giáo, Thủ hiến Trung Việt phúc đáp trấn an: “*Bản phủ có tiếp quý tỉnh sao gửi tư văn số 268-SS ngày 3-3-1951 về việc Đồn trưởng đồn Karom tự tử. Nhân trước cái chết thảm thương ấy, quý tỉnh nên ra thông lệnh cho toàn thể binh sỹ vệ binh thuộc quý tỉnh phải hết sức bình tĩnh trong bất cứ trường hợp nào, để đủ sức sáng suốt tìm những phương pháp thích hợp đấu tranh và bình vực cho lập trường của mình, và phải hiểu rằng là không phải khi nào cũng phải thắng, chứ còn quá nôn nóng - nổi máu chán nản và kém suy nghĩ thì chỉ thiệt thân mình và không lợi ích gì cho đại cuộc cả” [131, tr. 1].*

Cuối tháng 9-1951, quân Pháp sử dụng một đại đội đánh phá các căn cứ cách mạng Suối Giáng và Đồng Bò, nhằm ngăn chặn không cho quân ta tiến về làng. Đại đội 340 do Trần Trọng Sơn và Châu Nhu chỉ huy vừa từ chiến trường Bắc Khánh vào Nam Khánh phối hợp với LLVT của thị đội Nha Trang tổ chức chống càn, tiêu diệt địch. Đại đội 252 do Võ Hòa và Nguyễn Sơn chỉ huy phối hợp với Đại đội 340 tổ chức phục kích đón đánh địch trên đường hành quân trước khi quân Pháp triển khai lực lượng. Khi quân địch lọt vào trận địa phục kích, bộ đội ta từ ba mặt bất ngờ nổ

súng mãnh liệt làm cho quân Pháp không kịp đối phó. Trận này quân Pháp bị diệt 30 tên, trong đó có một Trung úy Pháp, ta thu 1 trung liên, 1 súng bắn đạn AT, 4 súng trường, 1 súng ngắn và một số vũ khí khác. Kế hoạch càn quét khu căn cứ Đồng Bò của địch hoàn toàn thất bại [36, tr. 159].

Sang năm 1952, sau khi quân Pháp gặp phải những thất bại liên tiếp trên chiến trường chính Bắc Bộ, thực dân Pháp ra sức bình định vùng tạm bị chiếm và vùng du kích, nhằm thực hiện âm mưu “*lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*”, “*dùng người Việt đánh người Việt*”. Trên chiến trường địch hậu Khánh Hòa, thực dân Pháp tích cực chiêu an, dồn dân càn quét, ra sức giết người, cướp của, triệt hạ làng mạc, đốt phá thóc lúa, củng cố nguy quyền, thành lập các tổ chức phản động tay sai, dùng những luận điệu xảo trá để lôi kéo, lừa bịp nhân dân, phát triển nguy binh. Mặt khác, trong khi tiến hành việc rút bớt lực lượng đưa ra chiến trường chính, thực dân Pháp vẫn kết hợp việc nghi binh với việc đánh phá liên tiếp vào các căn cứ cách mạng nhằm phá hoại kinh tế, đẩy lùi lực lượng kháng chiến, như: Căn cứ Hòn Hèo (từ tháng 4 đến 7-1952), các căn cứ ở Vĩnh Khánh (từ tháng 5 đến tháng 8-1952), Căn cứ 148 (trong các tháng 4, tháng 9 và 11-1952). Các căn cứ này bị quân Pháp tiến công liên tiếp với lực lượng từ 1 đại đội đến trên 1 tiểu đoàn gồm phần lớn là nguy quân được tập hợp từ các đồn trên địa bàn [118, tr. 1]. Trong những cuộc càn quét lớn, quân Pháp có sự phối hợp của các đơn vị đồn trú ở Ninh Thuận hay Đắk Lắk, thậm chí Pháp còn huy động cả số quân về nghỉ dưỡng từ các chiến trường tham gia.

Tuy nhiên, do số lượng quân thiếu hụt trong khi khả năng chiến đấu và tinh thần binh lính Âu - Phi giảm sút nên thực dân Pháp đã tìm mọi cách để đẩy mạnh việc bắt lính, nhưng kết quả thu được cũng rất hạn chế. Điều này đã được thể hiện rõ trong *Báo cáo công tác địch, nguy vận* của Tỉnh ủy Khánh Hòa gửi Liên khu ủy 5: “*Việc bắt lính được thực dân Pháp tiến hành tích cực vào đầu năm 1952 với trên 2.000 lính, nhưng do nhân dân đấu tranh mạnh nên đến cuối năm này đã giảm xuống. Đợt bắt lính vừa rồi chúng làm rỉ rả và bị nhân dân đấu tranh mạnh hơn trước. Nên chúng mới bắt độ trên 200. Bắt lính cũng vẫn luận điệu cũ là nếu không đi, sau sẽ phải đi Việt Bắc, vào lính thì khỏi ra trận, hay như cho một số lưu manh nhảy ra tình nguyện để lừa phỉnh thanh niên*” [63, tr. 2]. Đối với khu vực miền núi,

thực dân Pháp tìm mọi cách để mua chuộc, dụ dỗ các thủ lĩnh đồng bào dân tộc ít người, “*chúng cho lính đi bắt đồng bào nhưng mặt khác giả la rầy, yên ủi; giả cán bộ ta vào cướp của đồng bào để ly gián lực lượng kháng chiến với đồng bào như ở Khánh Sơn*” [63, tr. 2].

Cùng với việc càn quét căn cứ và ra sức bắt lính, thực dân Pháp đã tăng cường xây dựng và sửa chữa lại một số đồn bót theo kiểu mới như: đồn Cầu Đức, Lương Sơn, Chánh Bình, Tiên Mao (Bắc Khánh)... và một số bót xung quanh thị xã Nha Trang như: bót Cầu Khum, Vĩnh Xuân, Bến Lẽ... chúng còn mở thêm nhiều lớp đào tạo phi công, mở rộng phi trường và xây dựng thêm một số kho tàng và nhà lính gần Cầu Đá [63, tr. 2].

Bên cạnh các hoạt động nói trên, thực dân Pháp còn ra sức củng cố bộ máy tệ ngục, huấn luyện lý - hương, thành lập ở mỗi xã một Hội đồng Hòa mục (gồm lý hương và các cựu chức sắc cũ), các Ban Canh nông và Ban Thông tin, cùng các tổ chức các đoàn thể như Thương gia, Công đoàn, Phụ nữ, Thiếu nhi (Nha Trang), các Hội Lao động (Bình Ba), Hội Vĩnh Sơn (Cam Ranh) cũng được thành lập với danh nghĩa từ thiện để rút tiền của đồng bào Công giáo. Bên cạnh đó, thực dân Pháp tiếp tục tuyên truyền xuyên tạc kháng chiến của ta nhân có một số đồng bào vùng tự do chạy vào và một số cán bộ về đầu hàng. Chúng phao tin rằng: “*Việt Minh đã gần thất bại*”, hòng làm cho một số đồng bào hoang mang, dao động. Nhân đó, chúng đẩy mạnh việc mua chuộc một số gia đình để họ kêu gọi người thân về... bên cạnh đó, thực dân Pháp còn tích cực phát triển mạng lưới gián điệp, trong đó chú ý sử dụng số binh lính, cán bộ đã đầu hàng và một số ở tù ra hay ở vùng tự do vào. Tuy nhiên, thực tế đời sống của nhân dân trong vùng bị tạm chiếm cũng đang hết sức khó khăn nên kết quả của các hoạt động trên cũng rất hạn chế. Và điều này cũng được thể hiện rõ trong *Báo cáo về tình hình dân chúng Khánh Hòa* của Ty Trưởng Thông tin Khánh Hòa gửi Phủ Thủ hiến Trung Việt như sau: “*Sự sinh sống ở đây ngày càng khó khăn hơn. Giá cả của thực phẩm, so với năm 1947, đã tăng lên có thứ 300%, có thứ tới 700 hoặc 800%. Mức sinh hoạt của dân chúng thôn quê còn thấp kém lắm, ăn mặc thiếu thốn*” [134, tr. 1].

Từ ngày 15 đến 24-2-1952, Hội nghị Liên khu ủy 5 đã đề ra: *Nhiệm vụ cụ thể cho vùng bị tạm chiếm và vùng du kích* là: “*Đẩy mạnh du kích chiến tranh; phát triển*

công tác nguy vận; tăng cường công tác dân vận” [150, tr. 2]. Đồng thời, Liên khu ủy 5 cũng có chỉ đạo đặc biệt đối với vùng tạm bị chiếm nhằm sắp xếp lại tổ chức bộ máy và lực lượng kháng chiến cho phù hợp với tình hình mới: Thứ nhất là công tác cán bộ, phải đưa cán bộ có năng lực xuống bám sát nhân dân, chú trọng số cán bộ có uy tín ở cấp dưới, hiểu biết việc mà hiện đang giúp việc ở cấp trên về địa phương cũ để tạo thuận lợi bảo đảm việc hoạt động trong nhân dân. Soát lại số cán bộ thoát ly ở chiến khu để giải quyết tình trạng ứ trệ, trong đó phải chú ý phát triển cán bộ thôn, tổ trưởng kèm cặp số hội viên tích cực trong các cuộc đấu tranh của nhân dân để đào tạo thành cán bộ nằm trong nhân dân; cán bộ phải vào hoạt động trong các tổ chức của địch cần phải được chọn lựa kỹ lưỡng hơn, ngoài phẩm chất trung thành lại còn phải có lập trường chính trị vững chắc và cấp ủy luôn luôn theo dõi để kịp thời chấn chỉnh những sai lầm, khuyết điểm. Điều cần chú trọng là phải làm cho cán bộ và nhân dân thông cảm nhau, giải quyết những thắc mắc của nhân dân đối với cán bộ. Thứ hai là về lề lối làm việc, phải xây dựng bộ máy gọn nhẹ, trọng chất lượng, hợp với khả năng đóng góp của nhân dân và hoàn cảnh của chiến trường, càng xuống dưới càng giản đơn, lồng các bộ máy quân - dân - chính - đảng vào nhau, bớt các ngành chuyên môn không cần thiết. Luôn luôn chú ý đứng trên danh nghĩa chính quyền để vận động nhân dân. Thống nhất ngân sách dưới sự kiểm soát của cấp ủy các cấp... Đặc biệt, trong sự chỉ đạo cần phải nhận rõ công tác vùng tạm bị chiếm và vùng du kích; gồm nhiều mặt và liên quan với nhau. Vì vậy cần phải nắm vững chủ trương chung kết hợp với các mặt đấu tranh kinh tế, chính trị, quân sự cho phù hợp với điều kiện thực tế mỗi lúc, mỗi nơi [112, tr. 16].

Tiếp đó, Liên khu ủy 5 trong Chỉ thị về *Nhiệm vụ trọng tâm công tác trong vùng địch chiếm* đã chỉ rõ: “Hiện nay, phải thấy rằng, trước âm mưu bắt lính, cướp bóc của địch, tính mệnh và tài sản của nhân dân đang bị hăm dọa, việc lãnh đạo nhân dân đấu tranh là nhiệm vụ trọng tâm công tác trong vùng địch”, và phương châm đấu tranh là: “Trong vùng tạm chiếm thì đấu tranh kinh tế, chính trị, đấu tranh hợp pháp là chính và vùng du kích thì đấu tranh vũ trang là chính, đồng thời kết hợp đấu tranh kinh tế, chính trị” [114, tr. 7]. Đồng thời Khu ủy cũng chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động ĐTQS trong vùng tạm bị chiếm là phải: “*Tổ chức lực lượng về mọi mặt,*

phá kế hoạch củng cố phòng tuyến, ăn cướp nhân tài, vật lực của địch. Giữ vững và phát triển võ trang đấu tranh chống Pháp. Giữ chân địch không cho lan rộng ra vùng tự do. Giữ vững và mở rộng các khu du kích, bảo toàn lực lượng lâu dài đối phó với giặc và để chuẩn bị phản công” [114, tr. 7].

Thực hiện Chỉ thị của Liên khu ủy và Bộ Tư lệnh Liên khu 5, Liên Đại Bắc Khánh được lệnh rút ra vùng tự do để củng cố và sinh hoạt chính trị, “*rèn cán, chỉnh quân*”. Sau đợt chỉnh huấn, Tiểu đoàn 365 thuộc Trung đoàn 803 được đưa trở lại Bắc Khánh và phân tán thành từng trung đội, cùng bộ đội địa phương và du kích đi xuống các xã tham gia diệt tề, trừ gian, hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng và phát triển du kích chiến tranh. Còn các đơn vị đang hoạt động ở Nam Khánh vừa tiến hành chỉnh quân, vừa hoạt động đánh địch để giữ thế của chiến trường. Đây là đợt sinh hoạt chính trị và huấn luyện quân sự tập trung với thời gian dài của bộ đội địa phương Khánh Hòa, nhằm làm cho cán bộ chiến sỹ quán triệt sâu sắc quan điểm “*trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh*”.

Đến giữa tháng 5 -1952, Liên Đại Bắc Khánh được đưa vào lại chiến trường và trở thành lực lượng chủ lực tỉnh, với nhiệm vụ bảo vệ căn cứ kháng chiến và một số địa phương ở Bắc Khánh. Còn Liên Đại Nam Khánh phụ trách địa bàn Vĩnh Xương, Diên Khánh. Khu vực Nha Trang có Đại đội 252. Ở Đông và Bắc Ninh Hòa và huyện Cam Ranh mỗi nơi có một trung đội. Riêng cơ quan Tỉnh đội có một trung đội Trinh sát. Đây là những lực lượng làm nòng cốt cho ĐTQS trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Bên cạnh đó, công tác chăm lo cho bộ đội, du kích cả về tinh thần, trang bị vũ khí cũng được cải thiện. Vì vậy, tinh thần của cán bộ, chiến sỹ không ngừng được nâng cao trong mọi hoạt động. Các LLVT địa phương đã tiến sâu vào các vùng địch hậu, diệt tề trừ gian, hỗ trợ cho phong trào quần chúng chống “ngủ đôn”, chống tập trung lúa gạo.

Tại các căn cứ kháng chiến, bộ đội ta dựa vào địa thế có lợi và hệ thống chông mìn đã bày sẵn ở những nơi xung yếu, tổ chức đánh địch bằng hình thức tập kích, bắn tỉa, cài cắm chông mìn làm cho hàng chục binh lính Pháp chết và bị thương trong mỗi trận càn. Từ đầu năm đến tháng 6-1952, trong lúc bộ đội ra vùng tự do chỉnh huấn, dân quân du kích và các đơn vị bộ đội còn lại đã tích cực chống lại các cuộc càn quét của

quân Pháp và làm bị thương trên 2 trung đội địch. Từ tháng 9-1952, cuộc càn quét của thực dân Pháp vào Căn cứ 148 đã bị quân ta chống trả và gây cho địch nhiều tổn thất. Ngoài ra, các cuộc càn quét ven rừng của địch đều vấp phải các cạm bẫy, chông mìn của ta, đã gây cho quân Pháp tâm lý dè dặt trong các cuộc truy lùng sau đó [113, tr. 3].

Diễn hình trong các đợt chống quân địch càn vào căn cứ là trận đánh tại Căn cứ Đá Đen (175A) vào tháng 9-1952. Để tấn công vào Căn cứ 175A, quân Pháp dùng một tiểu đoàn tiến hành càn quét dài ngày với âm mưu tiêu diệt Đại đội địa phương 367 và các cơ quan của huyện Diên Khánh. Nhằm đối phó lại cuộc càn quét của địch, Đại đội 367 chủ trương phân tán thành từng trung đội để đánh du kích, cùng các cơ quan bám địch trong các khu Đông, Tây và khu Trung của căn cứ. Ở mỗi khu đều được bố trí nhiều bãi chông, hầm chông, kết hợp với còi, cạm mìn và lựu đạn. Các con đường vào các lán trại, cơ quan, nếu không phải là người trong căn cứ thì khó lòng lọt qua được. Bộ đội và du kích được tổ chức thành từng tiểu đội, mai phục ở những địa hình phức tạp, bắn vào đội hình của địch, rồi nhanh chóng chuyển về vị trí khác. Quân Pháp không dám đuổi theo vì sợ vướng chông, mìn và các loại cạm bẫy. Suốt trong 20 ngày, cả tiểu đoàn địch không đánh bật được LLVT ra khỏi căn cứ, ngược lại còn bị tiêu diệt hơn 100 tên và bị bắn rơi 1 máy bay trinh sát. Có tên bị sập hầm chông có ngành không rút ra được, phải khiêng cả người và bàn chông đi. Tuy không đạt được mục tiêu đề ra, nhưng quân Pháp cũng không chịu rút lui mà dẫn quân lên đóng tại đồi Bà Ba Bụi. Với quyết tâm tiêu diệt địch, bộ đội và du kích cơ quan trong căn cứ đã bí mật đem chông mìn, lựu đạn gài vào những nơi địch thường xuyên qua lại, bao vây nơi đóng quân của địch, làm cho mỗi lần quân địch nóng ra, lại tiếp tục vướng chông mìn, bị thương vong lớn nên phải rút về. Và từ đây, Đá Đen đã trở thành một căn cứ khá vững chắc và cũng từ đây LLVT xuất phát tiến công địch ở khắp các nơi khác.

Với những thắng lợi trên đây: *“đến cuối năm 1952, quân và dân Khánh Hòa đã cơ bản vượt qua thời kỳ khó khăn, tạo được thế và lực mới để cùng quân và dân cả nước đưa cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn cuối cùng của cuộc kháng chiến”* [113, tr. 3].

Trải qua 3 năm (1950 -1952) chiến đấu gay go chống địch trên chiến trường địch hậu, quân và dân Khánh Hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chiến đấu anh

dũng, thể hiện tinh thần quyết tâm kháng chiến và giành được những thắng lợi nhất định. Hoạt động ĐTQS ở đây đã có bước phát triển mới, đặc biệt là sự phối hợp hoạt động giữa các lực lượng chính trị của quần chúng và LLVT địa phương, giữa LLVT địa phương với lực lượng chủ lực được xác định đúng đắn, chặt chẽ, hợp lý, phù hợp với thực tế và đặc điểm của chiến trường vùng sau lưng địch. Với sự chi viện, giúp đỡ của các LLVT Liên khu 5 và nhân dân các tỉnh Trung Bộ, quân và dân Khánh Hòa đã từng bước khắc phục khó khăn, nỗ lực hoạt động, tiến công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, bẻ gãy các trận càn, các cuộc phản công ác liệt của thực dân Pháp [149, tr. 1]. Cùng với đó, hệ thống các căn cứ kháng chiến của tỉnh và một số huyện được củng cố, ngày càng vững mạnh, là một thắng lợi quan trọng, làm thất bại một bước kế hoạch “chiêu an”, “bình định” của thực dân Pháp, đưa phong trào chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân ở Khánh Hòa phát triển.

3.3. ĐẨY MẠNH ĐẤU TRANH QUÂN SỰ, ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN ĐẾN THẮNG LỢI (1953 - 1954)

3.3.1. Thực dân Pháp ra sức củng cố vùng chiếm đóng và chủ trương của Đảng

Bước sang năm 1953, sau 8 năm tiến hành chiến tranh, thực dân Pháp ngày càng lún sâu vào thế bị động. Song, nhờ đế quốc Mỹ tiếp sức, từ giữa năm 1953, thực dân Pháp bắt đầu thực hiện kế hoạch Navarre, tập trung mọi cố gắng nhằm đẩy mạnh chiến tranh hòng tìm ra một “*lối thoát danh dự*” bằng các thắng lợi quân sự. Một mặt, quân Pháp tập trung lực lượng để mong xoay chuyển tình thế, mặt khác phân tán lực lượng để chiếm đất giành dân, đối phó với chiến tranh du kích. Tuy nhiên, trước sự ứng biến của chiến tranh nhân dân Việt Nam thì đây là mâu thuẫn về chiến lược chiến tranh của thực dân Pháp không những không tháo gỡ được mà thậm chí ngày càng gay gắt thêm.

Tại Liên khu 5, cũng có những điểm khác biệt với chiến trường Bắc Bộ, dù còn ở trong thế bị động, nhưng từng nơi, từng lúc ta nỗ lực tiến công địch, khiến cho chúng chống đỡ lúng túng, khó khăn. Ngược lại, địch cũng đã cố gắng nhiều và đã thành công một phần trong việc xây dựng nguy quân, đàn áp phong trào du kích, phá hoại vùng tự do của ta và nhất là trên mặt trận kinh tế, giao thông, tăng cường gián điệp [116, tr. 1].

Trên chiến trường Khánh Hòa, thực dân Pháp tiếp tục đẩy mạnh chính sách “bình định” vùng tạm chiếm với những nỗ lực cao hơn, như củng cố bộ máy nguy quyền, phát triển hệ thống tề điệp, phát triển đạo Tin Lành, tập trung lực lượng mở các cuộc hành quân càn quét vào các căn cứ kháng chiến, các vùng du kích và ra sức kìm kẹp nhân dân bằng hệ thống đồn bốt và tháp canh. Cụ thể, lực lượng quân Pháp trên chiến trường Khánh Hòa trong thời gian này ngoài quân chính quy, còn có lực lượng địa phương và bộ máy tề nguy có vũ trang, gián điệp khá đông đảo. Trong *Báo cáo đặc biệt*, số 238/QS/2 của Tỉnh đội Khánh Hòa gửi Liên khu ủy 5 về việc tổ chức và phân bố lực lượng của quân Pháp đã nêu rõ: “*Tại Khánh Hòa, quân Pháp đóng quân ở 2 vùng chính là phân khu Ninh Hòa (Sous Secteur Ninh Hòa) và phân khu Nha Trang (Sous Secteur Nha Trang) và 2 khu (Quartier) trực thuộc tại Cam Ranh và Bình Ba. Tại Sous Secteur Ninh Hòa do các lực lượng Tiểu đoàn 261 (G.V.M) với quân số 604 quân; Tiểu đoàn Bắc Phi (2/4 R.T.T) có 680 quân, C.S.M có 563 quân và lính Bảo Chính đoàn và Hương vệ Trung phần là 513 người, được chia làm 4 khu và đóng tại Trung tâm Ninh Hòa, Lạc An, Quảng Cư, Vạn Giã. Còn tại Sous Secteur Nha Trang đóng quân tại Thành Diên Khánh do các Tiểu đoàn 262 (G.V.N) với 5 đại đội; Tiểu đoàn C.S.M với 4 đại đội đóng ở Đá Bạc và Vườn Xoài. Ngoài ra, còn có lực lượng Bảo Chính binh đóng ở các huyện Vĩnh Xương, Diên Khánh*”... [150, tr. 3-4].

Với lực lượng như trên, sau một thời gian đối phó với các hoạt động của ta, cuối tháng 5 đầu tháng 6-1953, thực dân Pháp đã có những toan tính mới nhằm ra sức phòng ngự bằng việc tăng cường cho hệ thống cứ điểm một loạt lô cốt bằng bê tông, cốt sắt kiên cố tại các khu tập trung hành chính Tu Bông, Lạc Ninh (Vạn Ninh), Đại Mỹ, Mỹ Lệ, Phú Thọ (Ninh Hòa), Phú Lộc, An Định, Cẩm Sơn (Vĩnh Khánh); tổ chức đội quân ứng chiến mạnh hơn từ một đại đội đến một tiểu đoàn biệt kích và càn quét, đánh phá dài ngày vào các khu du kích; chiếm đóng thêm nhiều đồn, bốt vào sâu trong vùng căn cứ, bìa rừng. Ngoài việc tăng cường phòng ngự, địch vừa ra sức phản kích phong trào kháng chiến bằng các hoạt động tăng cường, củng cố bộ máy tề điệp nhằm kìm kẹp nhân dân, bắt người, cướp của phục vụ cuộc chiến.

Mặc dù, thực dân Pháp tiến hành một số biện pháp như trên nhưng chúng cũng gặp phải không ít khó khăn. Một mặt, nhân dân Khánh Hòa đã hiểu rõ bản chất xâm

lược của thực dân Pháp, nên đã không ngần ngại tranh đấu, nhất là trong phong trào đấu tranh chống bắt lính dưới hình thức bất hợp pháp rộng rãi. Mặt khác, còn do các hoạt động quân sự của ta được triển khai liên tiếp, làm cho tinh thần tề ngụy bị dao động mạnh, mâu thuẫn nội bộ sâu sắc dẫn đến việc nhiều nơi binh lính giết chết chỉ huy; mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán lực lượng, tập trung thì khó kiểm soát nhân dân mà bố trí phân tán thì dễ bị ta tiêu diệt [64, tr. 3].

Cùng với đó là những thắng lợi quân sự trên phạm vi cả nước và trên địa bàn Liên khu 5 đã cổ vũ to lớn phong trào kháng chiến của quân và dân Khánh Hòa. Căn cứ chủ trương của Trung ương Đảng, Khu ủy 5, tháng 3-1953, Tỉnh ủy Khánh Hòa chỉ đạo: *“Trước hết, là phá cho được thủ đoạn dồn dân, tập trung lúa gạo, ly gián nhân dân với các lực lượng vũ trang trong tỉnh, thì đưa đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, ra sức tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, ra sức thu hẹp phạm vi chiếm đóng của chúng, hướng hoạt động của các lực lượng vũ trang được xác định về nông thôn và đồng bằng”* [150, tr. 4].

Từ chỉ đạo cụ thể nói trên, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Khánh Hòa chọn Bắc Khánh là hướng tấn công chính, Nam Khánh là hướng phối hợp. Nhiệm vụ phối hợp chiến trường Bắc Khánh đặt ra cho quân và dân Vạn Ninh là phải nỗ lực phối hợp với quân và dân Ninh Hòa để đẩy mạnh tiêu hao, tiêu diệt địch, triệt phá giao thông, đồng thời đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị lên cao theo đà chiến thắng quân sự. Tuy nhiên, Tỉnh ủy cũng nhận định một số thuận lợi và khó khăn trên chiến trường như: *“Khánh Hòa được xem là nơi tốt nhất để ta tiến hành tiêu diệt sinh lực địch, nhưng tại thời điểm này, chủ lực của ta chưa thể triển khai các trận đánh lớn vì cơ sở của nhân dân còn non, nên việc tiếp tế sẽ khó khăn, nhất là từ khi vùng tự do Nam Trung Bộ rơi vào thiếu đói. Bên cạnh đó, cơ sở Bắc Khánh vẫn trệt dài chưa bảo đảm tạo thế nối liền với vùng tự do, việc lãnh đạo đấu tranh vẫn kém sút, cán bộ chưa bám chặt được nhân dân”* [118, tr. 1]. Từ đó, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Khánh Hòa xác định chiến thuật tấn công thích hợp nhất trong giai đoạn này là phát triển lối đánh nhỏ, sau đó sẽ tiến dần lên các trận đánh lớn.

Nhiệm vụ trước mắt của quân và dân Khánh Hòa được xác định là đánh vào chỗ yếu nhất của địch trong hệ thống tháp canh. Đây là một chủ trương đúng đắn,

chính xác và phù hợp với nguyện vọng của nhân dân trong tỉnh. Nhờ học tập và vận dụng tốt phương châm công tác vùng sau lưng địch của Trung ương Đảng, kết hợp chặt chẽ giữa ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích), LLVT tỉnh Khánh Hòa đã tiếp thu và nâng cao được những yếu tố kỹ thuật, chiến thuật của quân đội trong cách đánh tháp canh, đánh cù điểm đồng thời phát động nhân dân đứng lên đánh địch, phát triển phong trào kháng chiến.

Tuy nhiên, do địa bàn Bắc Khánh khá rộng, sự chỉ đạo của tỉnh, huyện đối với phong trào kháng chiến nói chung và các hoạt động tác chiến của LLVT nói riêng gặp nhiều khó khăn, nên Tỉnh ủy Khánh Hòa quyết định chia Bắc Khánh (Vạn Ninh, Ninh Hòa) thành 4 vùng. Mỗi vùng thành lập một Ban cán sự quân - dân - chính đảng, tương đương đơn vị hành chính cấp huyện. Ở mỗi vùng đều có đơn vị vũ trang được xây dựng làm nòng cốt cho phong trào kháng chiến. Huyện vùng Đông có Đại đội 900 do Châu Võ, Nguyễn Văn Thành chỉ huy; Vùng Tây có Đại đội 700 do Trần Đồng, Nguyễn Văn Vinh, Trần Ngưỡng chỉ huy; Tại vùng Nam, đơn vị vũ trang do Cao Văn Cầm và Trần Năng chỉ huy; vùng Bắc do Nguyễn Văn Vinh chỉ huy.

Liên Đại Bắc Khánh được biên chế lại thành hai đại đội là Đại đội 200 và Đại đội 222, trực thuộc tỉnh đội Khánh Hòa. Ngoài ra còn có Tiểu đội Trinh sát và tiểu đội Đặc công mới được huấn luyện từ Liên khu 5 cũng được đưa vào chiến trường Khánh Hòa. Tính đến giữa năm 1953, quân số về Đặc công, Trinh sát của Khánh Hòa đã có tới 720 người, dân quân du kích ở các căn cứ có 342 người, bên cạnh đó còn có lực lượng du kích mật đang hoạt động ở thị xã và các vùng cơ sở với quân số là 206 người. Số đảng viên trong lực lượng bộ đội địa phương tỉnh, huyện có 420 chiến sỹ [36, tr. 172]. Cùng chiến đấu bên cạnh bộ đội địa phương, dân quân du kích trong thời gian này còn có Tiểu đoàn 59 do Nguyễn Lữ (Tiểu đoàn Trưởng), Phạm Đào (Chính trị viên) sau khi tham gia chiến dịch An Khê đã được Liên khu 5 đưa vào Bắc Khánh để phối hợp chiến đấu nhằm đẩy mạnh các hoạt động quân sự tại vùng này. Tại chiến trường Bắc Khánh, Tiểu đoàn 59 hoạt động với nhiệm vụ như một đơn vị địa phương, thọc sâu xuống các địa bàn ven đường Quốc lộ 1, vùng Nam đường 21, khu vực xung quanh Hòn Khói và thị trấn Ninh Hòa.

Để có thể thực hiện nhiệm vụ thống nhất, hiệu quả, các đơn vị quân chủ lực cùng với địa phương thành lập Ban Chỉ huy chung gồm có đại diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Trung đoàn 803, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 59 và các Ban cán sự vùng, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quyết định mở đợt tấn công mới, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, phối hợp với chiến trường toàn quốc.

3.3.2. Đánh bại hệ thống đồn bốt, tháp canh và các cuộc hành quân càn quét vào căn cứ kháng chiến; phối hợp chiến trường cả nước đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi

- Đánh bại hệ thống đồn bốt, tháp canh

Để tiêu diệt, phá bỏ hệ thống đồn bốt, tháp canh của thực dân Pháp, mấu chốt của thắng lợi là phải dựa vào dân, nắm chắc phương châm vùng sau lưng địch là “*dân vận, nguy vận và chiến tranh du kích*”, tiêu diệt và tiêu hao sinh lực địch, phát triển và mở rộng vùng du kích, phá tan chính sách bình định của địch, ra sức hoạt động kim chân địch không cho chúng tự do vơ vét sức người, sức của, đưa quân đánh Phú Yên và vùng tự do Liên khu 5. Từ đó, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã chọn Bắc Khánh là hướng chính, Nam Khánh là chiến trường phối hợp, hướng tác chiến nhằm vào các lực lượng đang kìm kẹp quần chúng, nhất là các khu hành chánh mới thành lập, các căn cứ hậu cần và kho tàng của địch.

Mở đầu hoạt động quân sự trong năm 1953, Đại đội 222 do Nguyễn Thặng chỉ huy, có sự phối hợp của Đại đội 500 đóng tại Vạn Ninh phục kích đánh địch tại cầu Bà Gành (Ninh Lâm), tiêu diệt một tiểu đội, trong đó có tên Trần Chánh - Quận trưởng Vạn Ninh, bắt 5 tù binh, còn Moal - đại úy sĩ quan tham mưu đi chuẩn bị chiến trường cho cuộc hành quân Atlante thoát chết. Ta thu toàn bộ vũ khí và đốt cháy hai xe quân sự. Quận trưởng Vạn Ninh bị tiêu diệt đã làm tăng nỗi sợ hãi của lực lượng tề ngụy địa phương. Thêm vào đó, tin chiến thắng từ trận đánh của tổ đặc công tỉnh và du kích mật Nha Trang đốt cháy hàng triệu lít xăng (đêm 21-1-1953) và các Khu Hành chính Mỹ Lệ, Đại Mỹ (Ninh Hòa) bị tiêu diệt, toàn bộ binh lính và tề ngụy bị bắt nhanh chóng truyền về làm nức lòng đồng bào trong huyện, càng làm cho quân địch ở địa phương thêm hoang mang.

Mục tiêu tiên công chính của đợt hoạt động này là nhằm vào hệ thống tháp canh và đồn bốt của địch nhằm phá vỡ thế kìm kẹp của Pháp, mà tiêu biểu trong số đó là hai tháp canh Tân Phong và Nhĩ Sự (Ninh Hòa). Đây là 2 tháp canh quan trọng nằm trong vùng bình định kiểu mẫu của Pháp, có bộ máy tề ngụy khá vững chắc, đã gây nhiều đau thương cho cán bộ và đồng bào và cũng là nơi điển hình về việc tập trung lúa gạo, tập trung dân ngu đồn. Vì vậy ta xác định, muốn đánh thắng trước tiên phải dũng cảm và mưu trí, kết hợp với các loại vũ khí cải tiến, dám đánh và đánh thắng địch. Sau khi nhận lệnh của cấp trên, Ban Chỉ huy Huyện đội hạ quyết tâm phải tiêu diệt 2 tháp canh Tân Phong và Nhĩ Sự để mở đầu cho các trận đánh tháp canh tiếp theo.

Đêm 3-4-1953, Tiểu đoàn 59 đã phối hợp với LLVT địa phương được lệnh tiến công tháp canh Tân Phong và Nhĩ Sự. Đại đội 700 được giao nhiệm vụ bao vây đồn Quảng Cư, pháo kích kiềm chế lực lượng và khống chế hỏa lực súng cối 80 ly của địch nhằm yểm trợ cho mục tiêu tấn công chính. Bị tấn công bất ngờ và bị bao vây tứ phía nên hai tháp canh đã bị ta tiêu diệt 2 tiểu đội lính địch bị loại khỏi vòng chiến đấu, thu toàn bộ vũ khí, bắt sống toàn bộ tề, ngụy. Trong lúc thu dọn chiến trường, bộ đội chấp hành đúng các chính sách của Chính phủ và Điều lệ của Quân đội, bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, chỉ thu vũ khí quân trang, quân dụng, không động chạm đến tài sản của gia đình vợ con binh lính địch. Ta tập trung đồng bào ngu đồn, tổ chức mít tinh tại chỗ vừa khuếch trương thanh thế, vừa giải thích các chính sách của Đảng và Chính phủ cách mạng, kêu gọi nhân dân đoàn kết đấu tranh xóa bỏ ngu đồn và không đưa lúa gạo vào trong đồn nữa. Nhân dân nhận thấy thái độ, cử chỉ bảo vệ dân của bộ đội, được giải thích về chính sách kháng chiến đã giải tỏa được những hiểu lầm trước đây đối với cán bộ cách mạng. Tin chiến thắng được loan truyền khắp vùng Ninh Hòa đã làm cho binh lính Pháp ban đêm không dám ở trong các tháp canh còn lại.

Chiến thắng Tân Phong và Nhĩ Sự đã mở ra một hình thức tác chiến mới dựa vào dân, nắm chắc địch tình, nắm chắc mục tiêu và cách bố phòng của chúng, tuy chỉ dùng lực lượng ít, đánh lực lượng địch đông, nhưng với ý chí chiến đấu và tinh thần dũng cảm, gan dạ, mưu trí, tấn công bất ngờ đã làm cho địch trở tay không kịp. Với kinh nghiệm này chứng tỏ quân và dân ta đã có khả năng đánh phá hệ thống đồn bốt kiên cố của địch trên chiến trường Khánh Hòa.

Tiếp đó, ngày 9-4-1953, bộ đội tiếp tục tổ chức tiến công tiêu diệt tháp canh Cầu Lớn trên đường Ninh Hòa - Hòn Khói. Đây là tháp canh được quân Pháp xây dựng kiên cố, với hỏa lực mạnh nhằm bảo vệ cầu, đường, đồng thời để cắt đứt con đường liên lạc của ta từ Hòn Hèo đi Đá Bàn. Chính trên đoạn đường giao thông chiến lược này, nhiều cán bộ, chiến sỹ trên đường công tác đã bị địch bắt và hy sinh, gây cho ta nhiều tổn thất to lớn²⁵. Để tiêu diệt tháp canh này, quân ta đã sử dụng súng SKZ (súng không giật) bắn xuyên tháp canh, áp đảo ngay từ đầu, làm cho nhiều lính địch bị thương và chết cháy. Hoang mang trước sức tấn công của ta, toàn bộ tề nguỵ tại đây đã đầu hàng và bị bắt sống, tháp canh này bị đánh sập. Với thắng lợi của trận Cầu Lớn, ta đã giải phóng nhân dân thoát khỏi ách kìm kẹp của địch tại vùng này, khai thông được con đường nối liền giữa hai căn cứ Đá Bàn và Hòn Hèo. Do vậy, nhân dân Ninh Hòa đã rất hân hoan trước chiến thắng này nên có bài ca:

“Ai đi Hòn Khói, Ninh Hòa
Thấy bột Cầu Lớn quân ta diệt rồi.
Sau đêm mừng 9 tháng 4,
Chỉ còn vách đá, rào hư tiêu điều.
Trăng lên sáng ngập Hòn Hèo,
Quân dân từ đó sớm chiều hân hoan”.

Phát huy thể tiến công, LLVT tỉnh Khánh Hòa tiếp tục tiêu diệt một số tháp canh trên địa bàn Vạn Ninh, Ninh Hòa, Vĩnh Xương, Diên Khánh, Cam Ranh và bức rút nhiều tháp canh khác.

Có thể nói, thắng lợi của các trận đánh tháp canh của LLVT Khánh Hòa trong thời gian này đã tạo bước ngoặt mới trong việc đánh bại chính sách “bình định” của quân Pháp trên toàn chiến trường Khánh Hòa. Những chiến thắng này càng làm cho quân Pháp hoang mang, khiếp sợ, uy tín của LLVT cách mạng càng lên cao, nhân dân càng thêm tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng.

- Đánh bại các cuộc hành quân càn quét của quân Pháp vào căn cứ kháng chiến.

Từ giữa năm 1953, nhận thấy chiến thuật tháp canh không thể đứng vững do trang bị của ta đã mạnh hơn và chiến thuật của ta cũng khá hơn, nên quân Pháp đã

²⁵ Đêm 20-1-1951, Nguyễn Sắc Kim, Chính ủy Trung đoàn 803 khi hành quân qua đây bị giặc bắn bị thương nặng và sau đó hy sinh.

chuyển hướng hoạt động, thay đổi phương thức hoạt động. Cụ thể là lập các khu hành chính, cho xây các lô cốt kiên cố vừa chìm, vừa nổi, có tính chất co cụm hơn. Đồng thời tăng cường lực lượng cho các cứ điểm như Gò Bà Bụi (ki-lô-mét 12 trên Đường 21), tiểu khu Mỹ Lệ (vùng Đông Ninh Hòa), tiểu khu Đại Mỹ (vùng Tây Ninh Hòa)... Mặc khác, chúng tiếp tục tập trung quân càn quét, đánh phá vào căn cứ kháng chiến quyết liệt hơn.

Ngày 18-4-1953, thực dân Pháp tổ chức cuộc hành quân quy mô lớn với gần 5.000 quân do Thiếu tướng Blance chỉ huy, có phi pháo yểm trợ từ Nha Trang tiến đánh căn cứ Đá Bàn. *“Đây là cuộc tấn công quy mô lớn hơn bao giờ hết của quân Pháp ở Khánh Hòa từ trước đến giờ. Gần 20 tàu thủy và ca nô đổ bộ lên Bà Hà (Hòn Khói) và 180 cơ giới từ Nha Trang tiến ra Bắc Khánh”* [150, tr. 5]. Với ưu thế về lực lượng và trang thiết bị vũ khí, quân Pháp từ Đường 21, Dục Mỹ, Tân Xuân, đến Dốc Dài,... Hóc Chim, Dốc Mỏ tiến hành bao vây, tiến vào căn cứ Đá Bàn. Tại mỗi địa điểm trên, địch sử dụng từ 1 đến 2 đại đội. Nhằm đối phó với hoạt động mạnh của địch, Tiểu đoàn 59 đứng chân tại căn cứ Đá Bàn đã rút ra khỏi căn cứ và tổ chức phục kích chờ địch lui quân để chặn đánh. Trong căn cứ, ta tổ chức bố phòng nhằm tiêu hao, tiêu diệt địch bằng chông, mìn, cãm bẫy và tổ chức các cuộc đánh nhỏ. Đến 13 giờ ngày 20-4-1953, khi quân Pháp tiến sâu vào căn cứ Đá Bàn tại Bến Ghe, Tiểu đoàn 59 đã phục kích bất ngờ, bắn vào giữa đội hình địch, loại khỏi vòng chiến đấu 1 đại đội Âu Phi, thu 1 đại liên và một số súng trường. Cuộc càn quét thất bại, buộc quân Pháp phải rút về Nha Trang [150, tr. 5].

Ngày 21-5-1953, quân Pháp đem quân đóng lại đồn Tân Lâm (Ninh Hòa), xây dựng lại công sự theo kiểu boongke, đồng thời tăng cường hoạt động biệt kích lùng sục tại các vùng giáp ranh căn cứ nhằm phát hiện chủ lực ta, tiến hành tập kích chỗ ở, phục kích đường về làng của cán bộ các xã. Ban đêm chúng cho lính cải trang giả bộ đội gọi cửa nhà dân, gia đình nào mở cửa, sẽ bị chúng khủng bố dã man. Tại vùng Tây Ninh Hòa, ban đêm quân Pháp điều động binh lính tại các đồn và tháp canh ra phòng thủ bên ngoài để khỏi bị ta tấn công tiêu diệt. Các hoạt động này lúc đầu có gây cho lực lượng kháng chiến và nhân dân một số khó khăn, tổn thất. Để tiếp tục đánh bại thủ đoạn hoạt động mới của địch, một mặt, ta thông báo, giáo dục cơ sở,

quần chúng cảnh giác và đấu tranh vạch mặt thủ đoạn lừa dối của địch, mặt khác, phân tán lực lượng tìm diệt lực lượng biệt kích địch, tiếp tục truy quét, trừng trị bọn tề điệp gian ác tiếp tay cho địch giết hại đồng bào.

Tiếp đến, ngày 16-6-1953, quân Pháp tăng quân chiếm đóng cứ điểm ở Hòn Cỏ (Ninh Hòa), bao vây càn quét căn cứ Hòn Hèo nhằm cô lập, tiêu diệt lực lượng kháng chiến của ta tại đây. Trong suốt hai tháng, nhân dân, du kích và bộ đội địa phương đã bám đánh địch, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch [150, tr. 5].

Khuếch trương thanh thế kháng chiến, ngày 16-6-1953, Tỉnh ủy Khánh Hòa tổ chức Đại hội thi đua tại Đá Bàn, nhằm tuyên dương những đơn vị, cá nhân, địa phương đã lập nhiều thành tích trong chiến đấu, sản xuất tự túc và các mặt hoạt động khác đóng góp cho kháng chiến. Trong số 23 chiến sĩ thi đua được bầu trong toàn tỉnh, có 10 chiến sĩ thi đua của LLVT.

Từ tháng 8-1953, các LLVT trên chiến trường Khánh Hòa tiếp tục được chỉnh đốn về quân số và tăng cường thêm trang thiết bị quân dụng, vũ khí. Tiểu đoàn 30 do Mông Dực chỉ huy được Liên khu 5 tăng cường vào Khánh Hòa thay cho Tiểu đoàn 59 đi làm nhiệm vụ mới. Tiểu đoàn 30 gồm phần lớn là cán bộ, ngoài nhiệm vụ chiến đấu chống địch, đã được Tỉnh ủy phân công về Ninh Hòa để làm công tác tuyên truyền, phát động quần chúng, giúp đỡ cho các đơn vị địa phương, kèm cặp nâng cao trình độ chiến đấu cho dân quân du kích. Mặt khác, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Khánh Hòa cũng đã chỉ đạo sắp xếp lại lực lượng du kích hoạt động bí mật ở Nha Trang và Cam Ranh. Tính đến giữa năm 1953, ở huyện Vĩnh Khánh có 37 tổ du kích bí mật, vùng Tây 87 tổ, vùng Bắc 29 tổ, vùng Đông 14 tổ, Nha Trang 13 tổ (chủ yếu là ở Khu Nam) [150, tr. 5]. Hệ thống các cơ sở kháng chiến tiếp tục phát triển, lực lượng du kích bí mật đã nắm bắt được cách thức điều tra tình hình, báo tin, liên lạc, canh gác, rải truyền đơn, phối hợp với bộ đội bắt tề điệp... Đặc biệt, đầu tháng 10-1953, 25 cán bộ, chiến sĩ của LLVT tỉnh sau khi được cử đi học tập, huấn luyện kỹ thuật đặc công ở Liên khu trở về đã được tổ chức thành đội Đặc công do Nguyễn Cự (Đội trưởng), Phạm Đình Ý (Đội phó). Tuy mới được thành lập, nhưng đơn vị Đặc công đã phối hợp cùng với các đơn vị vũ trang trong tỉnh lập được nhiều thành tích trong các trận đánh.

Trước thất bại nặng nề trong các đợt càn quét căn cứ kháng chiến và các hoạt động mạnh của ta, cuối tháng 10-1953, quân Pháp tung một lực lượng lớn với trên 4.000 quân tấn công vào Căn cứ 175 nhằm tiêu diệt LLVT và cơ quan lãnh đạo huyện Vĩnh Khánh, phá hoại cơ sở sản xuất, triệt phá nguồn hậu cần của ta. Lúc này, tại căn cứ chỉ có một trung đội bộ đội địa phương và 74 du kích đã tổ chức đánh địch bằng chiến thuật du kích kết hợp với bố phòng cạm bẫy, chông, mìn và phục kích bắn tỉa. Nhân dân các xã xung quanh đã phối hợp đấu tranh, đòi trả chồng con, loan tin thất bại của địch, vận động binh lính địch đào ngũ. Sự phối hợp chặt chẽ giữa công tác quân sự, chính trị và binh vận đã làm cho địch bị thất bại nặng nề, buộc phải kết thúc cuộc càn quét. Chỉ sau 15 ngày chiến đấu với địch, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 500 tên địch, ách kìm kẹp của địch tan rã ở nhiều nơi, thế và lực của ta và địch trên địa bàn Vĩnh Khánh đã có những thay đổi căn bản. Căn cứ địa được mở rộng, giao thông giữa vùng căn cứ và vùng địch kiểm soát được khai thông. Cơ sở cách mạng trong lòng địch được củng cố và phát triển.

Tính từ đầu năm đến cuối năm 1953, các LLVT tỉnh Khánh Hòa đã tiêu diệt 1.063 quân địch, làm tan rã và vô hiệu hóa nhiều cơ sở nguy quân, nguy quyền, ách kìm kẹp kéo dài của địch ở cả nông thôn, vùng ven và thành thị trên thực tế đã mất hiệu lực. Hàng chục cuộc càn quét lớn nhỏ của Pháp vào căn cứ kháng chiến đã bị đập tan [36, tr. 171].

Những thắng lợi trên mặt trận quân sự của các lực lượng vũ trang đã có tác dụng cổ vũ, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chống địch của nhân dân Khánh Hòa trên các mặt trận khác. Phong trào đấu tranh chống bắt lính, chống ngu độn, chống tập trung lúa gạo nổi lên khá mạnh mẽ ở Bắc Khánh, rồi phát triển vào Nam Khánh. Tiêu biểu là cuộc biểu tình chống bắt lính của nhân dân Nha Trang vào ngày 3-4-1953, huy động được hơn 4.000 người tham gia, nổ ra trước dinh Tỉnh trưởng Khánh Hòa. Đây là cuộc biểu tình nhằm phản đối quân Pháp và chính quyền tay sai Nguyễn Văn Tâm, Thủ tướng chính quyền bù nhìn cường bức thanh niên vào nguy quân. Nhân dân đã hô vang hô vang các khẩu hiệu: *“Thà ở tù không đi lính”*, *“Đánh giặc xâm lăng chứ không đánh Việt Minh”*, *“Đả đảo chính phủ Quốc gia”*. Nhân dân đã bám quanh xe địch, có người đã nằm ngang đường để chặn xe của địch. Do vậy, quân pháp chỉ bắt được khoảng hơn 200 thanh niên trong khi dự định sẽ bắt gần 500 [150,

tr. 13]. Hướng ứng cuộc đấu tranh, cả Nha Trang đình công, bãi thị. Hầu hết các tiệm buôn đều đóng cửa, chợ vắng người, các công sở, tư sở lãnh công. Để đối phó, quân Pháp đã điều động 3 đại đội đến để đàn áp, giải tán cuộc biểu tình.

Làn sóng đấu tranh của quần chúng ở nông thôn chống chính sách khủng bố, đàn áp của địch lan rộng vào thị xã Nha Trang, Cam Ranh và một số nơi khác, đã lôi cuốn nhiều tầng lớp nhân dân các đô thị, kể cả một số người trong hàng ngũ nguy quân, nguy quyền cũng tham gia, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp trên cả hai mặt trận ĐTQS và đấu tranh chính trị, làm thất bại một phần chính sách bình định, chiêu an của thực dân Pháp.

Cùng với những thắng lợi trên mặt ĐTQS, đấu tranh chính trị, công tác binh vận, nguy vận cũng được đẩy mạnh. Từ đó, các cơ sở của ta cũng có điều kiện củng cố và hoạt động mạnh hơn và dẫn đến các gia đình nguy quân, nguy quyền cũng bị phân hóa mạnh. Nhiều người đã bỏ hàng ngũ trở về với gia đình làm ăn, một số người đã cùng nhân dân tham gia kháng chiến. Nhân cơ hội này, ta đẩy mạnh công tác binh vận, phóng thích nhiều tề nguy bị bắt trong trong các trận đánh, tuyên truyền, giáo dục cho họ thấy rõ những sai lầm của mình khi chống lại Tổ quốc, chống lại nhân dân, mặt khác, làm cho họ hiểu rõ những chính sách đúng đắn, chính nghĩa của Đảng và Chính phủ đối với những người sai đường, động viên họ góp phần cùng đồng bào tham gia kháng chiến. Qua kết quả thực hiện công tác binh vận, nguy vận, LLVT không những đã làm tốt chức năng chiến đấu, mà còn là một đội quân công tác có hiệu quả.

- Đẩy mạnh hoạt động đấu tranh quân sự, phối hợp với chiến trường cả nước đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi

Đến cuối năm 1953, cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp tại Việt Nam ngày càng bị sa lầy, các kế hoạch quân sự của địch thay nhau phá sản. Ở miền Nam Trung Bộ, quân Pháp cũng bị co kéo, bị động và bị tiêu diệt nhiều sinh lực. Trước thất bại khó tránh khỏi của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ ngày càng trắng trợn can thiệp vào cuộc chiến tranh Việt Nam²⁶. Nhiều phái đoàn cố vấn và chuyên viên quân sự cao cấp của Mỹ được phái sang giúp đỡ, đốc thúc và giám sát thực hiện các kế hoạch quân sự.

²⁶ Năm 1954, viện trợ quân sự của Mỹ cho Pháp tăng gấp đôi năm 1953, chiếm gần 80% chi phí chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

Tại chiến trường Khánh Hòa, trước những hoạt động mạnh của ta, thực dân Pháp đã tổ chức phản kích, tăng cường lòng sục và hoạt động biệt kích; đồng thời củng cố một số đồn bót và xây dựng thêm hầm ngầm kiên cố như ở Cầu Đúc, Cỏ Mã, Mỹ Đồng, Phú Sơn, Quảng Cư... Bên cạnh đó, quân Pháp còn mở rộng đánh phá các căn cứ cách mạng, cho các trung đội lưu động đi vào các vùng dò xét, bắt đầu lòng sục ven rừng nhằm cắt đứt liên lạc giữa cán bộ và nhân dân.

Trong khi quân ta tiến hành cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 -1954 ở Bắc Bộ, Trung Lào, đầu tháng 12-1953, Khu ủy, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 mở Hội nghị quân sự và quyết định tập trung toàn bộ lực lượng chủ lực cho nhiệm vụ tiến công lên Tây Nguyên theo phương hướng chiến lược Đông Xuân do Bộ Tổng Tham mưu đề ra. Đối với vùng sau lưng địch, Hội nghị chủ trương: *“Đẩy mạnh chiến tranh du kích, đánh phá giao thông, bao vây các đồn bót, đánh sâu vào các thị xã, thị trấn gây rối loạn ngay trong sào huyệt địch. Đẩy mạnh công tác binh vận, phá kế hoạch xây dựng ngụy quân của địch. Khi chủ lực ta đánh mạnh ở Tây Nguyên hoặc lúc địch đánh ra vùng tự do, phải tổ chức các đội hoạt động mạnh, kìm giữ không cho địch rút lực lượng đi nơi khác. Đồng thời lợi dụng lúc địch sơ hở, ra sức tiêu diệt sinh lực địch mở rộng vùng du kích và vùng giải phóng”* [50, tr. 225].

Bước vào hoạt động trong Đông - Xuân 1953 - 1954, thế và lực của ta ở Khánh Hòa đã có bước phát triển hơn trước. Bộ đội địa phương và du kích mạnh hơn, nhân dân nhiều nơi đã thoát khỏi ách kèm kẹp của địch, sẵn sàng chống bắt lính và tham gia các công tác kháng chiến khác [119, tr. 6].

Thực hiện yêu cầu đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch theo chủ trương của Khu ủy và Bộ tư lệnh Liên Khu 5, Tỉnh ủy Khánh Hòa động viên toàn quân, toàn dân trong tỉnh nỗ lực khắc phục khó khăn, vươn lên đánh tiêu hao, tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch, phát triển và mở rộng vùng du kích, phá tan chính sách bình định của địch, không để địch yên ổn tự do bắt lính, vơ vét của cải, đưa quân đánh chiếm vùng tự do Liên khu 5. Các cấp ủy Đảng, nhân dân các địa phương trong toàn tỉnh phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vũ trang chuẩn bị chiến trường. Nguyễn Xuân Hữu, Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chính trị viên Tỉnh đội cùng Phan Văn Đường, Tham mưu trưởng Tỉnh đội trực tiếp chỉ huy các LLVT, quyết tâm tiêu diệt địch.

Mở đầu đợt hoạt động, ngày 9-1-1954, Đại đội 222 phục kích ở cầu Bà Gành trên đường Vạn Giã - Đại Lãnh, tiêu diệt Quận trưởng Nguyễn Chánh và một tiểu đội bảo vệ. Đêm 11-1-1954, quân ta tiêu diệt đồn Mỹ Lễ (cách Ninh Hòa 2 ki-lo-mét) và đồn Cầu Sắt (Nha Trang) bắt sống 1 tiểu đội địch, thu 3 xe díp, 14 trung liên và súng trường. Cũng trong đêm này, *“Đặc công tỉnh được du kích mật Nha Trang dẫn đường đột nhập kho xăng Phước Hải (Nha Trang) đốt cháy gần 3 triệu 70 vạn 3 nghìn lít xăng. Ngọn lửa bốc cao 100 thước làm thiêu rụi 2 nhà chứa dầu nhớt, 2 nhà lính và 2 xe tăng, 94 tên địch bị cháy trong trận này”* [25, tr. 1].

Ngày 20-1-1954, 22 tiểu đoàn quân Pháp tiến đánh Phú Yên bắt đầu thực hiện một bước của kế hoạch Atlante với sự tiếp ứng phối hợp của số quân có sẵn ở hệ thống đồn bốt trên các trục Đường số 21 và Quốc lộ số 1. Chấp hành kế hoạch chung của Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Tư lệnh Liên khu 5, quân và dân Khánh Hòa đã tăng cường hoạt động tiêu hao, tiêu diệt, tìm chân địch. Các LLVT của tỉnh và các huyện Ninh Hòa, Vạn Ninh liên tiếp tiến hành các trận phục kích uy hiếp, quấy rối giao thông địch. Đồng bào dân tộc xã Y Bát (nay là xã Ninh Tây, Ninh Hòa) đã cùng du kích và lực lượng tự vệ chặt cây, đắp ụ đất, đào phá Đường 21 làm cho tuyến đường chiến lược này bị tắc nghẽn nhiều đoạn.

Trên đoạn Quốc lộ 1 từ Phước Thiện ra Đại Lãnh, tuy quân Pháp rải quân ngày đêm sục sạo, bảo vệ, song các đoàn xe quân sự của chúng cũng không tránh khỏi những trận phục kích đánh mìn, bắn tĩa của bộ đội địa phương và du kích. Đại đội 500 của vùng Bắc Khánh phân công một trung đội đặc trách làm nhiệm vụ đánh phá giao thông không chệch đoạn đường từ Gành Bà đến Đèo Cả.

Đầu tháng 2-1954, Đại đội 500 phối hợp với một tổ đặc công, tiêu diệt đồn bang tá Tu Bông, bắt gọn một trung đội lính bảo an, thu toàn bộ vũ khí. Tại Gò Hoàn (Đồng Xuân) một tiểu đoàn địch ở đồn Mỹ Đồng đi lũng sục về, bị bộ đội phục kích, một số tên bị diệt, số còn lại bỏ chạy không dám chống cự. Tiếp đến, cuối tháng 2-1954, một đại đội địch ở đồn Lạc An hành quân bảo vệ đoạn đường từ dốc Đá Trắng đến Xuân Tự bị Đại đội 222 chặn đánh, hai trung đội địch bị tiêu diệt tại Láng Chu (Xuân Tự - Đồng Xuân), ta bắt 28 tù binh và thu toàn bộ vũ khí.

Ở Nam Khánh Hòa, đêm 2-2-1954, bộ đội địa phương tiến công trại huấn luyện tân binh và hạ sĩ quan của địch ở Suối Dầu, đốt cháy một triệu lít xăng, phá hủy nhà máy điện, trên 1.000 tân binh và hạ sĩ quan nguy bỏ chạy.

Ở Nha Trang, nhiều đồn bót bị đánh sập nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng bên ngoài với nội ứng bên trong, như bót Lương Sơn, Rù Rì, Lò Vôi (Phương Sài), cầu Dứa, và các đồn Thủy Tú, Bình Tân, Trường Đông, Ngọc Hồi, Xuân Lạc, Phú Vinh. Bộ đội đặc công phục kích bắn chết Quận trưởng Vĩnh Xương tại cổng Chợ Mới; tấn công địch đóng ở gara Charmer, đánh sập cầu Xóm Bóng, cầu Dứa.

Trên chiến trường Bắc Khánh, phân chi khu Cầu Đúc của địch là một cứ điểm mạnh với hệ thống boong-ke kiên cố, hỏa lực được bố trí dày đặc (pháo 75 ly, cối 201 ly, cối 81 ly), hàng rào ngoại vi chín lớp rộng hàng trăm mét, gài đủ loại mìn, do một đại đội Comandos đóng giữ. Do đó, quân Pháp đã rất tự huênh hoang về sự kiên cố của đồn này: *“Chừng nào nước sông Tu Bông chảy ngược thì Việt Minh mới lấy được đồn”* [7, tr. 286].

Đồn Cầu Đúc nằm sát bờ sông Tu Bông, kẹp giữa Quốc lộ 1 và đường sắt, làm nhiệm vụ bảo vệ giao thông và khu hành chính Tu Bông. Căn cứ quan trọng này giữ vai trò là một đầu cầu của quân Pháp trong cuộc hành quân đánh ra vùng tự do Phú Yên. Vì vậy, ta xác định, tiêu diệt được đồn này đồng nghĩa với việc cắt giao thông thiết yếu của cuộc hành quân Atlante và phá thế kìm của địch ở phía Bắc huyện.

Nắm chắc tình hình, sau một thời gian chuẩn bị chu đáo, đêm 25 rạng ngày 26-3-1954, Tiểu đội Đặc công tỉnh dưới sự chỉ huy của Nguyễn Cự, Phạm Đình Ý cùng với các Đại đội 222, 200 và Đại đội 500 vùng Bắc Khánh được lệnh phối hợp tiêu diệt cứ điểm Cầu Đúc và chặn đánh quân tiếp viện. Để tấn công đồn, Đại đội Đặc công đã nguy trang, chia làm hai mũi, bí mật đột nhập, áp sát vào các lô cốt, hầm ngầm xung kích tấn công. Sau hai giờ chiến đấu, đồn Cầu Đúc đã bị đánh sập. Ngoài số binh lính địch bị chết, ta đã bắt sống được toàn bộ binh lính trong đồn và thu tất cả vũ khí, đạn dược. Cùng lúc đó, một tổ khác đã đánh sập Cầu Lớn sát đồn trên Quốc lộ 1. Đây là trận đánh có giá trị về kỹ thuật, chiến thuật, hiệu suất chiến đấu cao và có tiếng vang trên chiến trường Bắc Khánh. Tuy nhiên, bên ta cũng có hai chiến sỹ hy sinh và một số cán bộ chiến sỹ bị thương như Nguyễn Cự, Võ Cứ, Mai Xuân Hồng, Nguyễn Duy Kỳ...

Phát huy chiến thắng Cầu Đức, cán bộ, du kích đã về làng vận động đồng bào đứng lên phá kềm, đẩy mạnh công tác địch vận, chống bắt lính, xoá “ngủ đồn”. Nhân dân trong vùng hồ hởi quyên góp tiền bạc, lương thực, thực phẩm ủng hộ cho bộ đội.

Trong khi quân và dân Khánh Hòa đang đẩy mạnh tấn công địch, tin thắng lợi Điện Biên Phủ đã dội đến Khánh Hòa, trở thành động lực to lớn cổ vũ quân và dân địa phương vùng lên mạnh mẽ. Giữa tháng 5-1954, Đại đội 700 do Trần Đồng chỉ huy, tổ chức tiến công tiêu diệt và làm chủ đồn Lạc An. Đồn này cũng là một cứ điểm mạnh ở phía Nam huyện Ninh Hòa, là một phân chi khu có hệ thống phòng thủ rất kiên cố, do hai đại đội lính ngự và một đơn vị cơ động ứng chiến đóng giữ. Lạc An là vị trí án ngữ cửa ngõ Đông Nam Căn cứ 148, bảo vệ Quốc lộ 1, là nơi tập trung tề ngự các xã Phước Đông, Phước Trung. Trận đánh diễn ra nhanh chóng, 200 quân địch bị tiêu diệt và bị bắt làm tù binh. Ta thu toàn bộ vũ khí, trong đó có một đại bác 75 ly.

Sau khi triệt hạ cứ điểm Lạc An, bộ đội địa phương đã phối hợp với Đại đội 222 (Tiểu đoàn 365) tiến công cầu Hiền Lương, đánh sập cầu Đồng Điền, uy hiếp mạnh cứ điểm Vạn Giã. Trước những thất bại ở Vạn Ninh, quân Pháp ở đồn Dục Mỹ (Ninh Hòa) bỏ chạy, ta thu hàng chục tấn đạn, quân trang, quân dụng. Tiếp đó, ta tiêu diệt đồn Thương Chánh, Phú Thọ, Mỹ Lương, Đông Hà,...toàn bộ binh lính địch tại các đồn còn lại ở Hòn Khói cũng tháo chạy, thực dân Pháp đã phải điều động trực thăng và tàu thủy từ Nha Trang ra bốc quân chạy khỏi cứ điểm Hòn Cỏ (Ninh Tịnh) để tránh bị quân ta tiêu diệt.

Một loạt các đồn ở phía vùng Đông bị đánh sập đã làm cho binh lính Pháp ở đồn Phú Sơn hoang mang, lo sợ và bỏ đồn rút chạy. Dọc đường rút chạy chúng đã bị Đại đội 700 (vùng Tây) đón đánh tại Gò Khệt, tổn thất nặng nề. Tiếp theo là đồn Quảng Cư lâm vào thế cô lập và bị du kích bao vây. Đến đây, toàn bộ vùng Phước Thiện, cửa ngõ Đông Nam của Căn cứ 148 đi về hướng Ninh Hòa được hoàn toàn giải phóng. Nhân dân vô cùng phấn khởi, hăng hái tham gia xây dựng chính quyền cách mạng.

Ở phía Bắc Ninh Hòa, từ Xuân Tự trở ra, bộ đội địa phương huyện tổ chức diệt bớt cầu Vông (Đồng Xuân), đồng thời thường xuyên nổ súng vào các đồn bớt còn lại, uy hiếp binh lính địch, buộc chúng co cụm lại, không dám lung sục như trước. Đồn Mỹ Đồng là một cứ điểm mạnh án ngữ cửa ngõ phía Đông Bắc Căn cứ

148, khống chế con đường Dốc Mỏ và bảo vệ vùng Vạn Giã. Tại đây, có một tiểu đoàn địch đóng giữ, bị bộ đội địa phương và du kích bao vây, binh lính co lại trong đồn, thỉnh thoảng mới dùng pháo bắn ra. Do đó, trên tuyến “đường máu” từ Dốc Mỏ đến Xuân Sơn, bộ đội có thể cơ động vào ban ngày.

Sau khi triệt hạ một loạt đồn ở vùng Vạn Ninh và phía Đông Bắc (Ninh Hòa), lực lượng chủ lực tỉnh đã được tập trung dồn về phía Bắc Ninh Hòa cùng với bộ đội địa phương huyện tiếp tục tổ chức đánh địch ở Tây và Tây Nam huyện Ninh Hòa. Đến đầu tháng 7-1954, toàn bộ địa bàn huyện Ninh Hòa chỉ còn lại 3 vị trí đóng quân của địch là đồn Quảng Cư, bót đèo Rọ Tượng và trung tâm chỉ huy chi khu Ninh Hòa (Sous Secteur Ninh Hòa).

Trước sức ép của ĐTQS đã làm cho bộ máy quyền cơ sở còn lại ở phía Bắc Vạn Ninh hoàn toàn bị tê liệt, các thế lực tay sai đều bỏ trốn.

Hòa cùng tiếng súng với chiến trường Bắc Khánh, ở Nam Khánh, các Đại đội 367, 252 tổ chức đánh nhiều trận và giành được thắng lợi. Đầu tháng 6-1954, Đại đội 200 chủ lực tỉnh từ phía Bắc tỉnh được điều vào cùng bộ đội Vĩnh Khánh đánh địch đang hành quân tại Khánh Giang, Diên Lâm, bao vây bức rút đồn Gò Bà Bụi nằm trong Căn cứ 175, phối hợp với bộ đội địa phương diệt đồn Cẩm Sơn.

Như vậy, bằng những trận đánh lớn nhỏ khác nhau, các LLVT tỉnh Khánh Hòa được sự giúp đỡ và phối hợp chặt chẽ của nhân dân các địa phương trong tỉnh, sau một năm chiến đấu đã tiêu diệt, bức hàng, bức rút 44 đồn bót, tháp canh, loại khỏi vòng chiến đấu 1.800 quân địch, đốt cháy hơn 5 triệu lít xăng và phá hủy hàng chục kho vũ khí cùng các loại phương tiện chiến tranh khác. Hệ thống đồn bót của địch ở Bắc Khánh Hòa, ở Diên Khánh, Vĩnh Xương bị xóa sổ gần hết. Phần lớn vùng nông thôn, đồng bằng được giải phóng. Đồng bào tại các vùng ven núi, ven biển trước đây bị địch dồn đến, nay đã có thể trở về làng cũ dựng nhà, làm ăn, sinh sống. Hàng ngàn thanh niên trong các vùng giải phóng đã hăng hái tự nguyện tham gia LLVT.

Ngày 21-7-1954, Hiệp định Genève về kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Ngày 23-7-1954, phái đoàn Ban liên lạc đình chiến Trung ương vào Khánh Hòa truyền đạt việc thi hành Hiệp định, chuyển quân tập kết và nhiệm vụ cách mạng mới.

0 giờ ngày 1-8-1954, trên chiến trường Khánh Hòa ngưng tiếng súng. Tổ liên lạc đình chiến của ta và Pháp bàn việc tập kết chuyên quân và bảo đảm thi hành các điều khoản về không trả thù và phân biệt đối xử những người tham gia kháng chiến. Chỉ trong hai ngày, nhân dân hai xã Ninh An và Ninh Thọ đã chuyển toàn bộ vũ khí, quân dụng từ căn cứ Đá Bàn về Bến Quế (Lạc Ninh), bốc lên 5 chiếc thuyền lớn để chuyển ra Quy Nhơn. Cùng chuyển đi có 50 thương binh, bệnh binh và các cháu thiếu nhi đi tập kết. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Khánh Hòa kết thúc thắng lợi.

Tiểu kết chương 3

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), Khánh Hòa là chiến trường sau lưng địch, tiếp giáp với vùng tự do Phú Yên nên địch tập trung đánh phá rất quyết liệt, nhằm ngăn chặn sự chi viện của vùng tự do Liên khu 5 vào phía Nam. Nhưng với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, tự lực, tự cường, quân và dân Khánh Hòa vừa xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng kháng chiến, củng cố căn cứ địa; vừa đẩy mạnh ĐTQS, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Qua quá trình kháng chiến, quân và dân Khánh Hòa đã được tôi luyện, trưởng thành và có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh.

Khác với giai đoạn trước, ĐTQS trong giai đoạn 1950 - 1954 trên chiến trường Khánh Hòa diễn ra quyết liệt hơn, trên một phạm vi rộng khắp, với các hình thức đấu tranh phong phú. ĐTQS giai đoạn này phải đương đầu với những thử thách cam go, địch đánh phá liên tục, ác liệt với những thủ đoạn hết sức thâm độc như: bắt dân ngủ đồn, tập trung thóc gạo, triệt phá giao thông, càn quét vào khu du kích và căn cứ. Cùng với hệ thống tháp canh, đồn bót và lực lượng ứng chiến nhỏ, địch đã xiết chặt ách kìm kẹp của chúng đối với nhân dân ta. Mặc dù vậy, dưới sự lãnh đạo của Liên khu ủy 5, Bộ Tư lệnh Liên khu, Tỉnh ủy, LLVT tỉnh Khánh Hòa đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, liên tục bám dân, bám đất với tinh thần “tiến về làng”, “lấy dân làm thành lũy”, xây dựng cơ sở kháng chiến trong lòng địch, làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân, tích cực xây dựng và phát triển lực lượng kháng chiến, dựa vào ĐTQS từng bước làm thất bại âm mưu bình định của địch, góp phần cùng cả nước đập tan kế hoạch Navarre của địch, đưa sự nghiệp kháng chiến chống thực dân

Pháp xâm lược đến thắng lợi hoàn toàn. ĐTQS thực sự là nòng cốt, chỗ dựa của phong trào du kích chiến tranh, tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch, phá lỏng thể kìm kẹp, hỗ trợ quần chúng đứng lên đấu tranh, cùng với đấu tranh chính trị và binh vận tiến công địch mọi lúc, mọi nơi, trên khắp các mặt trận.

Khi cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn cuối, LLVT tỉnh Khánh Hòa đã vận dụng tốt phương châm công tác vùng sau lưng địch, kết hợp chặt chẽ giữa 3 thứ quân trong tác chiến và phát động quần chúng đứng lên đánh địch. LLVT tỉnh đã nâng cao được kỹ thuật, chiến thuật trong cách đánh tháp canh, đánh cứ điểm.

Sự lúng túng, thiếu đồng bộ và những hạn chế trong ĐTQS giai đoạn đầu đã dần dần được khắc phục, góp phần tạo nên sức mạnh, vượt qua mọi ác liệt, khó khăn, tạo đà đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, tiến tới kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Chương 4

ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.1. ĐẶC ĐIỂM

ĐTQS trong kháng chiến chống thực dân Pháp ở Khánh Hòa diễn ra hết sức phong phú, thu hút được đông đảo lực lượng tham gia trên cơ sở lấy lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt, đồng thời thể hiện rõ nét nghệ thuật chiến tranh toàn dân “*lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh*”, nó vừa mang những nét chung của ĐTQS trên chiến trường Liên khu 5, vừa thể hiện một số đặc điểm riêng.

4.1.1. Đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp đã là nơi “hội quân” của cả nước

Chưa đầy một tháng sau khi nổ súng đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định, quân Pháp đã đổ bộ lên Nha Trang - Khánh Hòa, nhằm biến nơi đây thành bàn đạp để mở rộng phạm vi chiếm đóng ra Nam Trung Bộ.

Sớm nắm bắt được âm mưu của thực dân Pháp, Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Trung Bộ nhận định: “*Thực dân Pháp chiếm Nha Trang là uy hiếp trực tiếp con đường chi viện của các lực lượng miền Bắc, miền Trung vào Nam Bộ. Cho nên vây chặt giặc Pháp ở Nha Trang, kìm chân chúng là yêu cầu bức thiết mà Trung ương đã đặt ra cho Đảng bộ, chính quyền cách mạng miền Trung, trực tiếp là Đảng bộ, quân dân Khánh Hòa*” [39, tr. 44]. Trên tinh thần đó, Trung ương Đảng, Xứ ủy, Ủy ban nhân dân Trung Bộ đã giành sự quan tâm đặc biệt, ưu tiên tập trung lực lượng vũ trang cho Khánh Hòa. Lực lượng này nhanh chóng hòa nhập cùng với lực lượng vũ trang địa phương, lập Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa để đương đầu, ngăn chặn bước tiến của quân Pháp, tạo điều kiện cho các địa phương khác chuẩn bị kháng chiến.

Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa trở thành nơi khởi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Trung Bộ; nơi hội tụ lực lượng quân sự từ các tỉnh miền Bắc và Bắc miền Trung trong đoàn quân Nam Tiến. Có thể nói, so với các tỉnh Nam Trung Bộ, ĐTQS ở Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa đã nhận được sự chi viện của cả nước từ rất sớm; trên cơ sở đó lập các phòng tuyến để bao vây, tấn công và kìm chân quân Pháp ngay từ những ngày đầu khi chúng vừa mới đặt chân lên Nha Trang.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là một cuộc thử thách toàn diện đối với Đảng bộ, quân và dân Khánh Hòa. Để phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của chiến tranh nhân dân nhằm đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp trên địa bàn, quân và dân Khánh Hòa đã phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, huy động mọi nguồn lực tại chỗ, dựa vào lực lượng vũ trang địa phương là chủ yếu, đánh địch trên tất cả các mặt trận; đồng thời biết tranh thủ sự chi viện kịp thời về lực lượng của Liên khu 5 và của các đơn vị Nam Tiến. Ngay từ những ngày đầu kháng chiến, quân và dân Khánh Hòa đã xác định phải thắng địch về quân sự mới giành được thắng lợi trong kháng chiến. Chính vì vậy, mặt trận ĐTQS ở đây đã diễn ra hết sức nóng bỏng, ngay từ khi quân Pháp đặt chân lên Nha Trang. Đây không chỉ là nơi đụng đầu của đội quân viễn chinh Pháp với lực lượng vũ trang địa phương, mà còn là nơi đo sức của lực lượng chủ lực Liên khu 5, những chiến sỹ Nam Tiến giàu tinh thần cách mạng và dày dặn kinh nghiệm. Chính vì tầm quan trọng đặc biệt trong việc phá âm mưu mở rộng phạm vi chiếm đóng ra Nam Trung Bộ của thực dân Pháp mà mặt trận ĐTQS ở Khánh Hòa đã sớm trở thành nơi “*hội quân*” của cả nước, như lời của Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại buổi lễ kỷ niệm 48 năm ngày Nha Trang - Khánh Hòa kháng chiến (23-10-1993): “*Cả nước vì Khánh Hòa, Khánh Hòa vì cả nước*” [89, tr. 34].

Không phải ngẫu nhiên mà quân Pháp lại chọn Nha Trang - Khánh Hòa làm mục tiêu tiến công đầu tiên trên con đường mở rộng chiến tranh ra Nam Trung Bộ. Tại đây đang có khá đông kiều dân Pháp từ các tỉnh Nam Trung Bộ dồn về bị quân Nhật giam lỏng sau cuộc đảo chính ngày 9-3-1945 và cũng là nơi hàng ngàn quân Nhật đang chờ giải giáp. Đánh chiếm Nha Trang - Khánh Hòa, thực dân Pháp muốn cắt đứt tuyến chi viện từ các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ cho mặt trận Nam Bộ. Sớm nhận rõ âm mưu và hành động đó của thực dân Pháp, Trung ương Đảng, Xứ ủy đã yêu cầu chi viện lực lượng gấp cho Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa; đồng thời chỉ đạo quân và dân Khánh Hòa bằng mọi giá phải phá tan âm mưu của địch, giữ bằng được tuyến đường chi viện cho Nam Bộ. Để làm được điều đó, cần phải đẩy mạnh ĐTQS và lĩnh vực đấu tranh mang tính quyết định này phải tạo được sức mạnh áp đảo ngay từ đầu nhằm bao vây, giam chân quân Pháp tại Nha Trang,

không cho chúng mở rộng phạm vi chiếm đóng. Tuy nhiên, tương quan lực lượng tại Khánh Hòa là quá chênh lệch; mặc dù tại đây lực lượng vũ trang tập trung và dân quân tự vệ ở các huyện, xã, công sở, xí nghiệp đã được xây dựng, nhiều phân đội tự vệ đã được thành lập,... nhưng nhìn chung, lực lượng vũ trang tại chỗ của Khánh Hòa vẫn còn mỏng, khó có thể vừa triển khai bao vây, cầm chân quân Pháp, giữ vững liên lạc Bắc - Nam, bảo đảm thông suốt cho tuyến chi viện Nam Bộ; lại vừa có thể tiêu hao, tiêu diệt được sinh lực địch. Để giải quyết bài toán đó, Trung ương một mặt chỉ đạo và động viên quân và dân Khánh Hòa huy động sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân địa phương, tập trung cho mặt trận ĐTQS; mặt khác chỉ đạo Liên khu ủy 5 phải ưu tiên kịp thời bổ sung lực lượng cho mặt trận đấu tranh mang tính quyết định này ở Khánh Hòa. Một số đơn vị Nam tiến lẽ ra theo kế hoạch sẽ tiến vào sâu hơn nhưng khi vào đến Nha Trang - Khánh Hòa đã được lệnh dừng lại để chiến đấu ngăn chặn quân Pháp.

Cũng cần phải thấy rằng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), nhất là vào giai đoạn đầu, rất nhiều địa phương ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ cũng đều nhận được sự chi viện của các đơn vị Nam tiến. Tuy nhiên, Khánh Hòa mới là tỉnh tập trung nhiều lực lượng Nam tiến nhất và đây cũng là một “*điểm nóng*” về ĐTQS.

Trong giai đoạn đầu kháng chiến chống Pháp, hiếm có nơi nào mặt trận ĐTQS lại diễn ra một cách quyết liệt, thu hút đông đảo lực lượng tham gia như ở Nha Trang - Khánh Hòa. Tại đây, bên cạnh quân và dân địa phương còn có sự hiện diện và sát cánh chiến đấu của các đơn vị vũ trang đến từ 19 tỉnh, thành trong cả nước. Họ là những chiến sĩ Nam tiến, là con, em của nhiều tỉnh, thành trong cả nước đã có mặt ngay từ những ngày đầu kháng chiến như: Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi... Đây chính là lực lượng nòng cốt có sức ngăn chặn và có khả năng tiêu diệt sinh lực địch lớn, tạo điều kiện thuận lợi để địa phương củng cố, phát triển lực lượng, chủ động tổ chức cuộc kháng chiến.

Có thể thấy, Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa từ rất sớm đã trở thành nơi “*hội quân*” của cả nước. Điều đáng nói nữa là tuy được tập hợp, quy tụ nhiều lực

lượng đến từ nhiều địa phương, nhiều chiến trường khác nhau, nhưng giữa họ và lực lượng vũ trang tại chỗ đã có sự phối hợp, hiệp đồng và hòa nhập khá tốt, nhờ vậy mà đã tạo nên sức mạnh áp đảo cho mặt trận ĐTQS, góp phần làm thất bại âm mưu “*đánh nhanh, thắng nhanh*” của thực dân Pháp tại Nam Trung Bộ.

4.1.2. Chủ động tiến công địch là nét quán xuyên trong đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Trước hết, sự chủ động được thể hiện ở việc sớm nắm bắt âm mưu của kẻ thù, chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, lập thế trận ngăn chặn quân Pháp một cách phù hợp. Chủ động là một trong những nhân tố quan trọng để giành thắng lợi trong ĐTQS. Gained được thế chủ động ngay từ đầu sẽ tạo điều kiện thuận lợi để không bị bất ngờ và có điều kiện chuẩn bị cũng như triển khai thế trận phù hợp. Sự chủ động đó được thể hiện trước hết ở việc phán đoán đúng âm mưu của địch. Ngay từ khi quân Pháp tiến công đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định, Xứ ủy, Ủy ban nhân dân cách mạng Trung Bộ trên cơ sở phân tích tình hình một cách khoa học đã dự đoán sớm muộn quân Pháp cũng sẽ đánh chiếm Nha Trang để làm bàn đạp tiến công ra các tỉnh Nam Trung Bộ. Tỉnh ủy Khánh Hòa đã theo sát từng động thái của quân Pháp, phán đoán các kế hoạch quân sự của quân Pháp sau khi chúng đổ quân đánh chiếm Nha Trang. Nhờ chủ động trong nắm bắt tình hình, hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của địch mà Tỉnh ủy Khánh Hòa đã chỉ đạo quân và dân địa phương triển khai công tác chuẩn bị kháng chiến một cách tích cực và hiệu quả. Một số đơn vị vũ trang cách mạng đã được thành lập. Công tác sơ tán dân, tiêu thổ kháng chiến được triển khai tích cực. Công tác vận động Pháp kiều, vận động giới tư sản, trí thức đi theo cách mạng được đẩy mạnh. Nhiều căn cứ “lõm” được gấp rút xây dựng. Công tác nắm dân được đôn đốc kịp thời. Huy động nguồn hậu cần nhân dân được đẩy mạnh...

Nhờ có sự chủ động chuẩn bị chu đáo về mọi mặt nên trong khi một số địa phương như Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ và các tỉnh, thành khác như Đồng Nai, Ninh Thuận, Bình Thuận, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, Quy Nhơn, Kon Tum bị quân Pháp đánh chiếm một cách nhanh chóng, thì ở Khánh Hòa, tình thế khác hẳn. Tại đây, ĐTQS diễn ra trong thế giằng co, dai dẳng. Quân Pháp không những bị bao vây, kìm chân mà còn bị tiêu hao một lực lượng lớn binh lực.

Sự chủ động trong ĐTQS ở Khánh Hòa không chỉ được thể hiện ở việc nắm bắt âm mưu, sự bình tĩnh đối phó âm mưu và các kế hoạch, thủ đoạn của địch, mà còn được biểu hiện ở việc chủ động tạo lập thế trận. Một thế trận hợp lý đã được quân và dân Khánh Hòa thiết lập phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và so sánh tương quan lực lượng hai bên. Nhờ vậy mà ĐTQS đã đạt hiệu quả rất cao. Một điểm nữa cần thấy rõ là lâu nay, phần nhiều trong giới nghiên cứu mới chỉ nhìn thấy sự chủ động tạo lập thế trận của quân và dân Khánh Hòa khi xây dựng phòng tuyến để ngăn chặn cuộc tiến công của quân Pháp trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến, nhưng khi đi sâu vào nghiên cứu hoạt động ĐTQS trong kháng chiến chống thực dân Pháp ở Khánh Hòa một cách có hệ thống, sẽ thấy rõ hơn tính chủ động tạo lập thế trận là nét quán xuyên trong suốt cả cuộc kháng chiến.

Cuộc chiến đấu tại Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa buổi đầu kháng chiến đã thể hiện rõ tính chủ động trên nhiều lĩnh vực, từ chủ động nắm bắt âm mưu, thủ đoạn của địch, chủ động trong chuẩn bị đối phó; chuẩn bị trong tạo lập thế trận hợp lý, chuyển trạng thái thời bình sang thời chiến kịp thời, ngay từ trước khi quân Pháp kéo ra Nha Trang.

Trong điều kiện công tác bảo đảm vũ khí, trang bị, hậu cần cho hoạt động ĐTQS gặp muôn vàn khó khăn, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã chủ động cử người ra Phú Yên làm công tác tiếp vận, mặt khác, thành lập Ban Kinh tài của Tỉnh ủy lo đảm bảo về lương thực và vũ khí đạn dược. Đặc biệt, Ủy ban căn cứ đã mở tuyến đường từ căn cứ Đá Bàn qua Dốc Chanh, Dốc Nón để đưa lúa gạo từ Phú Yên, Bình Định vào. Do đó, đời sống của cán bộ, chiến sỹ dần dần được cải thiện.

Để có thể đảm bảo chiến đấu lâu dài, các cấp ủy Đảng, chính quyền và tất cả các cơ quan cũng như các LLVT tỉnh Khánh Hòa đều phải đồng thời thực hiện ba nhiệm vụ: tăng gia sản xuất tự túc, đi tiếp vận từ vùng tự do vào, luyện tập quân sự và bảo vệ căn cứ. Thực hiện các nhiệm vụ trên, các cơ quan đã đề ra biện pháp thực hiện là: một phần ba số người trong cơ quan làm nhiệm vụ luyện tập quân sự, một phần ba đi tăng gia sản xuất và số còn lại làm nhiệm vụ tiếp vận và sau đó luân phiên các nhiệm vụ khác.

Quán triệt phương châm hoạt động ở vùng sau lưng địch của Tỉnh ủy, bộ đội địa phương và dân quân du kích Khánh Hòa đã chủ động bám làng, thọc sâu xuống vùng địch hậu để diệt tề, trừ gian, xây dựng cơ sở, hỗ trợ phong trào quần chúng đấu tranh chống “ngủ đồn”, chống tập trung lúa gạo.

Nhờ nắm bắt và đánh giá chính xác âm mưu và hành động của thực dân Pháp, quân và dân Khánh Hòa đã có đối sách thích hợp với từng đối tượng; chủ động tranh thủ thời gian củng cố, phát triển thực lực cách mạng; chủ động sử dụng LLVT làm nòng cốt cho chiến tranh nhân dân; chủ động điều chỉnh kịp thời về tổ chức hành chính và chuẩn bị chiến trường; chủ động điều động lực lượng, bố trí hệ thống chỉ đạo, chỉ huy tác chiến. Mọi công việc cấp bách đều được chuyển vào thời chiến, đồng thời các địa phương, các đơn vị trên địa bàn đều chủ động xây dựng kế hoạch tác chiến. Đó là những bước đi cơ bản và cần thiết, là cơ sở tạo thế chủ động trên chiến trường.

Chủ trương của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Khánh Hòa về xây dựng LLVT trong những ngày đầu là vừa phát triển số lượng, vừa dần dần tăng cường chất lượng. Mặc dù thời điểm này, ngành hậu cần Quân đội đã ra đời, song mọi nguồn cung cấp cho ĐTQS ở Khánh Hòa đều phải dựa vào nhân dân thông qua các đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh.

Vũ khí, trang bị cho các đơn vị vũ trang tập trung chủ yếu là súng trường, một ít súng phóng lựu và lựu đạn, còn trang bị cho tự vệ và dân quân du kích thì hầu hết là vũ khí thô sơ, tự tạo. Tuy vũ khí trang thiết bị thiếu thốn, nhưng từ cán bộ đến chiến sỹ, dân quân tự vệ đều nêu cao tinh thần chủ động bằng nhiều hình thức tự bảo đảm trang bị, vũ khí cho mình.

Tinh thần chủ động còn thể hiện ở việc biết mở đầu cuộc tiến công bao vây và rút lui đúng lúc để bảo toàn thực lực cho cuộc kháng chiến lâu dài. Cuộc chiến đấu của quân và dân Nha Trang - Khánh Hòa trong những ngày đầu chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra khi so sánh tương quan lực lượng trên chiến trường là quá chênh lệch. Song, dưới sự chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Khu ủy 6, Tỉnh ủy Khánh Hòa, Mặt trận Việt Minh tỉnh... quân và dân Khánh Hòa với truyền thống yêu nước và cách mạng, cùng với lực lượng Nam tiến quán triệt sâu sắc chủ trương:

“Tiêu hao, ngăn chặn địch, kìm chân chúng tại bàn đạp quan trọng này, tạo điều kiện cho các địa phương khác chuẩn bị chiến đấu” [39, tr. 50], đã chủ động đánh phủ đầu ngay khi quân Pháp vừa đặt chân lên Nha Trang. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy đều được đưa ra bám trụ ở tuyến trước. Các đơn vị vũ trang địa phương, các đơn vị Nam tiến đều được triển khai đóng quân tại những vị trí thuận lợi cho việc bao vây, kìm chân quân Pháp ngay trong lòng thị xã Nha Trang.

Mặc dù biết chủ động mở các cuộc tiến công quân sự đúng lúc, phù hợp hoàn cảnh để phát huy hiệu quả của ĐTQS một cách tốt nhất, bao vây, kìm chân được quân Pháp và tiêu hao tiêu diệt được một lực lượng lớn quân Pháp, song khi tình hình thay đổi, các lực lượng quân sự ở Khánh Hòa đã chủ động biết rút lui đúng lúc để bảo tồn lực lượng, buộc quân Pháp phải căng mỏng lực lượng đối phó với một thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp.

Sau khi được tăng viện, quân Pháp chiếm được Nha Trang, mở rộng phạm vi chiếm đóng và ra sức bình định Khánh Hòa, biến địa bàn này trở thành hậu phương vững chắc với một hệ thống đồn bốt xung quanh Nha Trang, các thị trấn, các chốt bảo vệ đường giao thông quan trọng, bến cảng, công sự vừa để kiểm soát dân, vừa bảo vệ căn cứ hải quân và các trục đường giao thông huyết mạch... Các lực lượng vũ trang có mặt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa gồm: bộ đội chủ lực (Trung đoàn 80, Tiểu đoàn 252, 121,...), bộ đội địa phương cùng dân quân du kích, bằng nhiều hình thức khác nhau, các lực lượng đã phối hợp tổ chức những trận chiến có sức công phá mạnh, gây khó khăn rất lớn cho quân Pháp, phá vỡ hệ thống đồn bốt, tháp canh, đánh tan các cuộc hành quân càn quét của địch vào căn cứ kháng chiến. Lực lượng du kích được tăng cường, phục kích quanh đồn địch vào ban đêm để quấy rối địch, đồng thời cũng sáng tạo ra nhiều hình thức đánh địch, điển hình là cách *“đánh lẻ, ăn chắc”* của du kích các huyện, xã ở Ninh Hòa, Vạn Ninh, Diên Khánh, Cam Ranh, Vĩnh Xương, Nha Trang. Nhiều toán địch bị du kích phục kích chặn đánh đã không dám đi tuần vào ban đêm. Không những thế, dân quân du kích Khánh Hòa còn phối hợp với đại đội độc lập của các huyện liên tục chặn đánh địch tuần tra, gây rối ở các đồn Phước Thuận, Thương Chánh, Trại Cá, các đồn trong thị xã Nha Trang. Những hình thức đánh du kích như thế, đã làm cho lực lượng của địch bị phân tán, quân ta

ở phía Bắc Khánh để bề hoạt động... Tuy nhiên, sau 101 ngày đêm giam chân quân Pháp, ĐTQS dựa trên nền tảng của phòng tuyến đã không còn phù hợp. Từ thực tiễn đó, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã có những nhận định sát hợp với tình hình chiến trường, chủ động đề ra những chủ trương, biện pháp kịp thời nhằm chuyển hóa thế trận, rút các đơn vị ra khỏi thành phố, thị xã, triển khai hình thái chiến tranh nhân dân rộng khắp. Nhờ chủ động rút lui đúng lúc nên lực lượng vẫn được bảo tồn, hoạt động ĐTQS vẫn được duy trì thường xuyên, làm nòng cốt cho chiến tranh nhân dân địa phương tiếp tục phát triển.

4.1.3. Lực lượng chủ yếu trong đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa là bộ đội địa phương và dân quân du kích

Nói đến ĐTQS, thông thường phải đề cập đến vai trò nòng cốt của bộ đội chủ lực, bởi chỉ có bộ đội chủ lực mới có thể tổ chức được những trận đánh lớn tạo được thế và lực nhằm áp đảo kẻ địch. Tuy nhiên, lực lượng nòng cốt trong ĐTQS ở Khánh Hòa lại không phải là bộ đội chủ lực, mà là bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Lực lượng vũ trang địa phương Khánh Hòa ra đời trong cao trào Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Ngay từ khi ra đời, tuy trang bị còn thô sơ nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức vũ trang đã hỗ trợ toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã Nha Trang đúng cùng ngày với Thủ đô Hà Nội (19-8-1945). Ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, biết trước âm mưu của thực dân Pháp là sớm muộn chúng cũng sẽ tiến công ra Nha Trang, nên cùng với việc xây dựng, củng cố chính quyền non trẻ, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã hết sức chú trọng công tác xây dựng LLVT trên địa bàn. Đây là công cụ chủ yếu để bảo vệ chính quyền và trấn áp các thế lực phản cách mạng, đồng thời chuẩn bị thực lực để đối phó khi quân Pháp tiến công, đánh chiếm.

Trong suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp trên chiến trường Khánh Hòa, mặc dù có sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực (phần lớn là một số đơn vị Nam tiến, một số đơn vị cấp phân đội của Khu 6 và sau này là của Liên khu 5), song bộ đội địa phương, lực lượng tự vệ và dân quân du kích Khánh Hòa vẫn là lực lượng chủ yếu, giữ vai trò nòng cốt trong suốt cuộc chiến đấu để giữ đất, bảo vệ nhân dân, góp phần làm thất bại âm mưu mở rộng phạm vi chiếm đóng ra vùng tự do Liên khu 5.

Mở đầu và trong suốt cuộc kháng chiến, tương quan so sánh lực lượng trên chiến trường Khánh Hòa giữa ta và địch là luôn chênh lệch, lực lượng quân đội của địch đông về số lượng và mạnh về kỹ thuật, chiến thuật; trong khi LLVT của ta chủ yếu là bộ đội địa phương, lực lượng tự vệ và dân quân du kích, với trang bị vũ khí thô sơ và cũng chưa dày dặn kinh nghiệm trận mạc.

Lực lượng quân địch ở Khánh Hòa có gần 9.000 lính Nhật với đầy đủ vũ khí, chốt giữ các vị trí quan trọng ở Nha Trang và Ba Ngòi, phía Pháp có hơn 1.200 quân, bố trí tập trung tại Nha Trang. Đầu tháng 10-1945, chiến hạm Richelieu tới vùng biển Khánh Hòa, và trong ngày 6 và 12-10-1945, 1.000 quân Pháp từ chiến hạm này đã đổ bộ lên bãi biển Nha Trang. Với một LLVT địa phương được huy động tối đa, quân và dân Khánh Hòa đã bình tĩnh chống trả, bẻ gãy các cuộc tiến công của quân Pháp, bảo vệ được nhân dân, bảo vệ địa bàn ngăn chặn không cho quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng.

Về lực lượng vũ trang ở Khánh Hòa, mỗi phủ, huyện có đại đội tự vệ, mỗi làng, tổng có trung đội tự vệ, một số cơ quan tổ chức được lực lượng tự vệ. Để có nguồn cán bộ quân sự, tỉnh Khánh Hòa đã mở nhiều lớp huấn luyện quân sự, chính trị tại Trường Quân sự Đồng Đế, Trường Huấn luyện Quân sự Lạc An (Ninh Hoà), Trường Quân chính Diên Khánh, đào tạo cán bộ chính trị, quân sự cấp trung đội, đã đào tạo cấp tốc được một số cán bộ chỉ huy LLVT và bán vũ trang ở cơ sở.

Tuy lực lượng vũ trang địa phương là chủ yếu, song nói đến ĐTQS ở Khánh Hòa không thể không đề cập đến sự góp mặt của một số đơn vị Nam tiến cùng chiến đấu tại mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa giai đoạn đầu kháng chiến chống Pháp như đã đề cập ở trên. Tuy nhiên, sau khi mặt trận Nha Trang bị vỡ, các đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ Quốc phòng đều rút ra vùng tự do. LLVT địa phương là lực lượng nòng cốt, chủ yếu trên mặt trận ĐTQS.

Để duy trì hoạt động ĐTQS và hỗ trợ cho LLVT địa phương, đầu năm 1947, Trung đoàn 80 được Bộ Tư lệnh Quân khu 5 điều vào đứng chân và hoạt động tại Khánh Hòa, 3 tiểu đoàn của Trung đoàn được phân về Vạn Ninh, Ninh Hòa, Nha Trang, một bộ phận được đưa về Cam Ranh hỗ trợ cho lực lượng tại chỗ xây dựng cơ sở, phát động quần chúng đánh địch. Nhiều đơn vị bộ đội địa phương được thành lập, các huyện lần lượt tổ chức các đội biệt động.

Sau khi các đơn vị chủ lực của Trung đoàn 80 lần lượt về các địa phương hỗ trợ LLVT địa phương hoạt động, lực lượng dân quân du kích trên các địa bàn được củng cố, tổ chức lại và bổ sung thêm quân số, vũ khí, trang bị. Đại đội 101 giữ lại 1 trung đội cơ động, còn lại phân ra từng tiểu đội về làm nòng cốt xây dựng lực lượng du kích thoát ly hoạt động ở Vạn Ninh. Ở Ninh Hòa, ngoài Đại đội 200 và Đại đội 160 của Tiểu đoàn 360, các đơn vị Vũ Trung Ân, Hồng Phong, Hồng Liên và Trung đội Danh dự đều được củng cố một bước. Ở Nha Trang, có 2 Đại đội Tự vệ bí mật và Công an xung phong. Ở Diên Khánh có Đại đội 98 hoạt động.

Sau thất bại của chiến dịch Nam Khánh, đại bộ phận Liên Trung đoàn 80 - 83 của Liên khu 5 rút ra vùng tự do, chỉ còn một số đơn vị nhỏ biên chế từ 1 đến 2 trung đội bám trụ tại địa phương. Đại đội 256 phụ trách Tây Tiến, Đại đội 252 phụ trách Nha Trang. Bộ đội địa phương giai đoạn này phát triển chậm. Diên Khánh có 1 đại đội, Vạn Ninh có 2 trung đội, du kích mỗi xã chỉ còn 5 đến 7 người với vài ba khẩu súng. Huyện Ninh Hòa có 3 trung đội bộ đội địa phương, du kích thoát ly mỗi xã có từ 10 đến 30 chiến sỹ. Tính chung toàn tỉnh, lực lượng du kích thoát ly của các xã có 642 người, trong đó có 242 nữ. Về trang bị vũ khí, trung bình mỗi xã có từ 2 đến 7 súng trường, còn lại phần lớn là vũ khí tự tạo.

Đến năm 1953, LLVT địa phương được phát triển lên thành 3 đại đội tập trung (C 200, C 222 ở Bắc Khánh và C 252 ở Vĩnh Khánh) và 3 trung đội (vùng Tây Bắc Khánh), quân số khoảng hơn 700 người, riêng C 200 và C 222 thì số tân binh chiếm đến 1/3 quân số.

Có thể nói, kể từ sau khi lực lượng Nam tiến rút khỏi mặt trận Nha Trang, trên chiến trường Khánh Hòa, LLVT của ta quá mỏng và luôn biến động về số lượng. Lực lượng quân chủ lực của Liên khu 5 hoạt động ở đây chỉ khoảng 1 trung đoàn (Trung đoàn 80-83), còn lại chủ yếu là bộ đội địa phương và dân quân du kích. Điều khó khăn là trang thiết bị rất thiếu thốn, vũ khí chiến đấu chủ yếu là súng trường, lựu đạn, các vũ khí tự tạo và thô sơ. Trong khi đó, lực lượng quân sự của địch đông về số lượng, có thời điểm gần 13.000 quân, cùng với hệ thống đồn bốt, tháp canh vững chắc, được trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại như máy bay, xe bọc thép, pháo cối và tàu chiến [150, tr. 5]. Như vậy, để giữ vững được

vùng nông thôn, hệ thống căn cứ kháng chiến và những cơ sở cách mạng trước sự tấn công của đối phương, bộ đội địa phương và dân quân du kích đã đóng vai trò hết sức quan trọng. Bộ đội địa phương và dân quân du kích là lực lượng nòng cốt trong việc đập tan các kế hoạch, âm mưu chiến tranh của địch, là lực lượng chủ yếu trong ĐTQS chống thực dân Pháp ở địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh vai trò của lực lượng vũ trang ba thứ quân, thì sức mạnh của quần chúng nhân dân là vô cùng quan trọng. Mối quan hệ giữa lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị quần chúng nhân dân là quan hệ gắn bó máu thịt, từ lực lượng chính trị quần chúng mà hình thành lực lượng vũ trang, lực lượng vũ trang ra đời và phát triển trên cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng. Cũng như lực lượng vũ trang cả nước, lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa ra đời trong phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và do yêu cầu, nhiệm vụ của cuộc đấu tranh giành chính quyền cách mạng, giải phóng quê hương.

Bên cạnh những đòn tiến công quân sự của lực lượng vũ trang, quần chúng nhân dân Khánh Hòa vừa là nơi bổ sung lực lượng cho cuộc kháng chiến, vừa tích cực tham gia vào việc giáo dục, chăm sóc nuôi dưỡng và giúp đỡ mọi mặt cho các lực lượng vũ trang tỉnh trong quá trình xây dựng và chiến đấu. Nhân dân các vùng nông thôn, thành thị dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã đấu tranh bãi thị, bãi công, chống đồn dân “ngủ đồn”, cướp lúa, phá kèm làm cho hậu phương địch thêm rối loạn.

Có thể nói, sự kết hợp giữa tiến công quân sự và đấu tranh chính trị của quần chúng Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) đã tạo nên thế tiến công lợi hại, phát huy sức mạnh tổng hợp làm cho thế và lực của ta trên chiến trường từng bước thay đổi thay đổi, chuyển từ yếu thành mạnh, từ bị động tiến lên giành thế chủ động tiến công.

4.1.4. Đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa thể hiện sự phong phú về hình thức và linh hoạt về biện pháp chiến thuật

ĐTQS giành thắng lợi không chỉ có vai trò của lực lượng vũ trang, vũ khí trang bị mà điều quan trọng là cách đánh với những biện pháp và chiến thuật quân sự sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với điều kiện chiến trường. ĐTQS ở Khánh Hòa

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954 thể hiện sự phong phú và linh hoạt về biện pháp và chiến thuật.

Trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, dù vũ khí trang bị còn hạn chế, quân số lại ít ỏi, kiến thức về quân sự cũng chưa nhiều, nhưng quân và dân Nha Trang - Khánh Hòa đã anh dũng chiến đấu, vận dụng linh hoạt và sáng tạo các hình thức chiến thuật độc đáo, giam chân quân Pháp trong thị xã suốt 101 ngày đêm. Nét nổi bật của ĐTQS ở Nha Trang hồi đầu kháng chiến là lực lượng vũ trang của ta sử dụng chiến thuật phòng ngự để bảo vệ thị xã, ngăn chặn bước tiến quân của địch. Thị xã Nha Trang được tổ chức thành 3 khu vực phòng ngự với trận địa phòng ngự, tuyến phòng thủ được xây dựng và lối đánh là phòng ngự thế công, tiến công quân Pháp để phòng ngự.

Từ những kinh nghiệm chiến đấu ban đầu, quán triệt đường lối ĐTQS của Đảng, trong những năm kháng chiến sau đó, quân và dân Khánh Hòa đã phát triển các hình thức chiến thuật lên một tầm cao mới, giành thắng lợi trong từng trận chiến, từng đợt hoạt động, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Khi mà quân Pháp đã được tăng viện và rút được kinh nghiệm thì hoạt động quân sự chủ yếu dựa vào phòng tuyến trở nên lỗi thời và không phát huy được hiệu quả. Trước tình hình đó, trên cơ sở góp ý của Võ Nguyên Giáp và phái đoàn của Bộ Tổng Chỉ huy, quân và dân Khánh Hòa đã kịp thời điều chỉnh chiến thuật một cách linh hoạt.

Sau khi các đơn vị chủ lực rút khỏi Nha Trang, quân và dân Khánh Hòa đã chuyển hướng thực hiện chiến tranh du kích, vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật quân sự phù hợp với đặc điểm chiến trường và các giai đoạn của cuộc kháng chiến, tiêu biểu như tổ chức bố phòng chống càn quét căn cứ, phục kích giao thông, tập kích, công đồn và tháp canh...

Khánh Hòa là tỉnh có hệ thống giao thông chiến lược quan trọng, có Quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam chạy dọc theo chiều dài của tỉnh; ngoài ra còn có Đường 21 từ Tây Nguyên xuống, lại có sân bay và cảng biển. Đầu năm 1946, sau khi được tăng viện, quân Pháp thực hiện các cuộc hành quân ào ạt bằng xe cơ giới để chiếm giữ các thị trấn, huyện lỵ trong tỉnh đồng thời tập trung kiểm soát các đường giao thông chiến lược quan trọng này. Ở những nơi chiếm được, quân Pháp khẩn trương xây dựng đồn bốt, đào công sự, rải quân đóng chốt ở một số cầu trên Quốc lộ 1 từ Vạn Giã vào Ba Ngòi và trên trục Đường 21 từ Ninh Hòa đi Ban Mê Thuột.

Nắm bắt được tình hình trên, quân và dân Khánh Hòa đã vận dụng triệt để chiến thuật phục kích nhằm vào mặt trận giao thông. Từ tháng 8-1946, trên Quốc lộ 1 đoạn phía Bắc Khánh Hòa, LLVT đã tiến hành đánh phá nhiều đoàn xe quân sự của địch.

Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, quân Pháp đã thiết lập đến 350 đồn bót. Bằng hình thức tập kích, công đồn và đánh tháp canh của địch, LLVT tỉnh đã lập nên nhiều chiến công, tiêu diệt nhiều sinh lực của địch, làm thất bại một bước âm mưu phong tỏa giao thông của chúng. Tiêu biểu là các trận diệt đồn Phú Cốc, đồn bang tá Tu Bông, tập kích các đồn Trường Đông, Trường Tây, Vĩnh Diêm, Phước Hải và phá sập bót Xóm Cồn. Cũng bằng hình thức chiến thuật này, bộ đội địa phương của tỉnh đã tiến công đồn Thương Chánh - đồn lớn nhất trong hệ thống đồn bót ở khu Hòn Khói.

Trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954, phối hợp với các chiến trường trên cả nước, bộ đội địa phương Khánh Hòa đã tập kích hàng loạt đồn bót, tháp canh của địch. Riêng ở Nha Trang, nhiều đồn bót của địch bị đánh sập bởi các cuộc tập kích có sự liên kết giữa lực lượng bên ngoài với nội ứng bên trong như bót Lương Sơn, Rù Rì, Lò Vôi (Phước Sài), Cầu Dứa, đồn Thủy Tú, Bình Tân, Trường Đông, Ngọc Hồi, Xuân Lạc, Phú Vinh... Việc đánh phá đồn bót có ý nghĩa hết sức quan trọng. Sau khi chiếm được Khánh Hòa, để thực hiện âm mưu bình định, thực dân Pháp tiến hành dồn dân, bao vây căn cứ kháng chiến bằng việc xây dựng hệ thống đồn bót, tháp canh dày đặc dọc theo các tuyến giao thông, xung quanh thị xã, huyện lỵ và những vùng chiến lược. Các đồn bót, tháp canh bị đánh phá liên tục buộc địch luôn phải đối phó, không thể bình định địa bàn theo kế hoạch đã định.

Với sự vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật quân sự cùng với sự phối hợp và hỗ trợ của bộ đội chủ lực Liên khu 5, quân và dân Khánh Hòa đã tiêu diệt được nhiều đồn bót, giành những thắng lợi giòn giã. Sự liên kết, hợp đồng tác chiến của LLVT ba thứ quân trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa cùng với sự tham gia đánh địch của toàn dân trong thế trận chiến tranh nhân dân, đã tạo được sức mạnh to lớn, cải thiện được tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch theo hướng có lợi cho ta, tạo ra thế trận liên hoàn khiến cho quân Pháp đi đến đâu cũng luôn bị đánh phá và tấn công.

Có thể nói, trong từng giai đoạn kháng chiến, căn cứ vào tình hình chiến trường, quân và dân Khánh Hòa đã vận dụng tốt các hình thức chiến thuật quân sự để đánh địch có hiệu quả. ĐTQS trên chiến trường Khánh Hòa thể hiện rõ nét nghệ thuật chiến tranh toàn dân “*lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh*”, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các thứ quân trên địa bàn tỉnh, giữa bộ đội chủ lực Liên khu 5 với bộ đội tỉnh, huyện và dân quân du kích, từng bước làm thất bại các kế hoạch chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. ĐTQS qua đó đã thể hiện sự dũng cảm, mưu trí của quân dân Khánh Hòa, làm cho thực dân Pháp không thực hiện được âm mưu biến toàn bộ tỉnh Khánh Hòa thành vùng hậu cứ vững chắc của chúng.

4.2. VAI TRÒ

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), ĐTQS là hình thức đấu tranh chủ yếu, đóng vai trò quyết định đập tan các kế hoạch chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. ĐTQS trên địa bàn Khánh Hòa trong suốt cuộc kháng chiến 9 năm đã góp phần kìm chân quân Pháp, bảo vệ vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú; tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, góp phần làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp; hỗ trợ nhân dân địa phương đấu tranh giải phóng, giành quyền làm chủ; cùng với quân dân Liên khu 5 và cả nước giành thắng lợi cuối cùng.

4.2.1. Góp phần kìm chân quân Pháp, bảo vệ vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú

Như đã phân tích ở trên, sau khi đánh chiếm Sài Gòn, quân Pháp tập trung lực lượng tiến công ra Nha Trang với ý đồ đánh chiếm vùng đất này để làm bàn đạp tấn công ra Nam Trung Bộ. Tuy nhiên, quân Pháp đã bị quân và dân Khánh Hòa cùng với bộ đội Nam tiến ngăn chặn quyết liệt, tấn công, bao vây tại thị xã Nha Trang. Trải qua 101 ngày đêm chiến đấu quyết liệt, quân và dân Khánh Hòa bằng nội lực là chính cùng với sự chi viện kịp thời từ Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, đã kìm chân quân Pháp, không cho chúng thực hiện ý đồ mở rộng ra đánh chiếm Nam Trung Bộ. ĐTQS trên mặt trận Nha Trang đã góp phần làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp, phá tan ý đồ đánh ra Nam Trung Bộ của chúng.

Sau khi quân Pháp tăng cường lực lượng, tạm chiếm được Khánh Hòa, mặc dù chúng tiến hành bình định, tổ chức kìm kẹp chặt chẽ nhưng ĐTQS ở đây vẫn diễn ra mạnh mẽ, bền bỉ.

Với nhiều chiến thuật quân sự linh hoạt, ĐTQS trên địa bàn Khánh Hòa đã trực tiếp tấn công các cơ sở hậu cần của địch, đánh phá giao thông và giữ chân địch trên chiến trường Khánh Hòa. Khi địch thực hiện âm mưu đánh ra vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú của Liên khu 5 thì hoạt động ĐTQS ở Khánh Hòa được đẩy mạnh hơn nhằm kìm chân địch.

Quân và dân Khánh Hòa đã tổ chức các trận đánh quan trọng để ngăn cản sự tiến công của quân Pháp ra Phú Yên như trận đánh Đèo Cổ Mã, Đèo Cả. Đặc biệt đầu năm 1954, 22 tiểu đoàn quân Pháp đánh ra Phú Yên theo kế hoạch của Tổng Chỉ huy Navarre, mở đầu cuộc hành quân Atlante, quân dân Khánh Hòa đã tăng cường hoạt động, ra sức tiêu hao, tiêu diệt, kìm chân địch. Các LLVT của tỉnh và các huyện Ninh Hòa, Vạn Ninh liên tiếp tổ chức nhiều trận phục kích, quấy rối giao thông địch, đắp ụ đất, đào phá Đường 21, Quốc lộ 1 làm cho các tuyến đường chiến lược này bị tắc nghẽn nhiều đoạn...

Có thể nói, ĐTQS ở Khánh Hòa có vai trò hết sức quan trọng trong việc kìm chân quân Pháp mở rộng chiến tranh ra Nam Trung Bộ, góp phần bảo vệ vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú, vùng tự do rộng lớn và quan trọng của Liên khu 5 và cả nước.

4.2.2. Tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, góp phần làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp

ĐTQS luôn đặt ra mục tiêu hàng đầu là tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Có tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch mới có thể từng bước làm thất bại các chiến lược quân sự, các kế hoạch chiến tranh của địch; tiến tới làm thất bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của chúng.

Trên địa bàn Khánh Hòa, ĐTQS trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược luôn đặt ra mục tiêu nói trên ở trong từng trận đánh, từng chiến dịch quân sự và cả trong những lần chống địch đi càn quét, chống phá phong trào kháng chiến.

Trong cuộc chiến đấu kéo dài 101 ngày đêm (từ ngày 23-10-1945 đến hết ngày 2-2-1946) ở Mặt trận Nha Trang, mặc dù tương quan so sánh lực lượng giữa ta

và địch rất chênh lệch, nhất là về vũ khí, phương tiện chiến tranh, các LLVT tại Mặt trận đã tiêu hao, tiêu diệt được một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, nhất là tại các phòng tuyến La San - Chợ Mới - Bretelles và phòng tuyến Cây Da - Quán Giếng. Trong các đợt tiến công, quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục tên Pháp.

Sau khi chuyển hướng đấu tranh từ “*trận địa chiến*” sang “*du kích chiến*” (từ tháng 2-1946 đến tháng 12-1946), quân dân Khánh Hòa đã mở cuộc tiến công ngăn cản quân địch ở tứ thôn Đại Điền (1-5-1946) tiêu diệt hàng chục tên Pháp, làm chúng phải từ bỏ cuộc tấn công vào các cơ quan lãnh đạo kháng chiến ở địa phương.

Sang giai đoạn củng cố lực lượng, phát triển chiến tranh du kích (1947 - 1949), ĐTQS trên địa bàn Khánh Hòa tiếp tục được đẩy mạnh, tiêu hao, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, góp phần làm thất bại chính sách bình định của thực dân Pháp. Trong tháng 4-1947, quân và dân Ninh Hòa phối hợp với các đại đội chủ lực của Trung đoàn 80 liên tiếp đánh địch càn quét ra vùng giáp ranh và vào các căn cứ Hòn Hèo, Hòn Lớn. Ngày 12-4-1947, diễn ra trận phục kích giao thông trên Đường 21 - tuyến đường duy nhất đảm bảo tiếp tế của Pháp từ Nha Trang lên các tỉnh Tây Nguyên, loại khỏi vòng chiến đấu 50 tên địch. Đêm 7-9-1947, Tiểu đoàn 7 thuộc Trung đoàn 80, tập kích tiêu diệt đồn Khố Xanh ở Vạn Giã (Vạn Ninh), tiêu diệt và làm bị thương 90 lính Pháp. Đêm 13-4-1948, tấn công đánh đồn Thương Chánh (Hòn Khói), tiêu diệt và bắt toàn bộ quân địch. Ngày 12-11-1948, với trận công kiên chiến tiêu diệt đồn Phước Thuận, Tiểu đoàn 360 được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất. Sau đó, Tiểu đoàn 360 tổ chức tiến công đồn Am Chúa (Đại Điền Trung), loại khỏi vòng chiến đấu một đại đội lính Âu Phi vào ngày 27-3-1949,...

Trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, quân dân Khánh Hòa ra sức khắc phục khó khăn, nỗ lực trong tác chiến đánh địch, nhất là trong Đông Xuân 1953 - 1954, sự phối hợp với mặt trận chính của Liên khu cũng như toàn quốc hết sức chặt chẽ, hiệu quả và giành được những thắng lợi quan trọng. Bộ đội địa phương Khánh Hòa đã vận dụng tốt cách đánh đặc công và trưởng thành qua các đợt đánh phá hệ thống tháp canh và tiêu diệt cứ điểm (Cầu Lớn), công sự (Cầu Đức), phá giao thông trên Quốc lộ 1 và Đường 21 thu nhiều thắng lợi, góp phần làm thất bại kế hoạch Atlante của thực dân Pháp.

4.2.3. Hỗ trợ nhân dân địa phương đấu tranh giải phóng, giành quyền làm chủ

ĐTQS không chỉ thực hiện mục tiêu tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch mà quan trọng là hỗ trợ nhân dân đứng lên làm chủ, giải phóng quê hương. Nói cách khác, ĐTQS cũng đặt ra một mục tiêu không kém phần quan trọng là giải phóng nhân dân khỏi ách thống trị, kìm kẹp của kẻ thù xâm lược. LLVT càng được củng cố, phát triển cả về lượng và chất, thế trận càng thuận lợi thì càng có điều kiện đánh thắng kẻ địch, từ đó mở rộng vùng tự do - hậu phương, cũng tức là thu hẹp vùng sau lưng địch. Ngược lại, khi kẻ địch với quân số đông, dày dạn kinh nghiệm trận mạc, được trang bị vũ khí hiện đại, trong khi các LLVT cách mạng còn mỏng về lực lượng, non yếu về chất lượng thì ách kìm kẹp của địch không những không lỏng mà vùng tự do - hậu phương của cách mạng cũng bị thu hẹp.

Trên địa bàn Khánh Hòa, mặc dù quân Pháp đẩy mạnh hoạt động quân sự, mở rộng vùng chiếm đóng, dồn sức đánh phá, càn quét nhằm bình định cho được vùng nông thôn, nhưng ĐTQS ở Khánh Hòa vẫn luôn hướng vào mục tiêu giải phóng nhân dân, giành quyền làm chủ. Phấn đấu vượt qua khó khăn, gian khổ, sẵn sàng chấp nhận hy sinh, nỗ lực trong hoạt động tác chiến, quân và dân Khánh Hòa đã từng bước khôi phục và phát triển phong trào chiến tranh du kích, từ “*du kích chiến*” tiến lên “*vận động chiến*”, “*công kiên chiến*”. Trên cơ sở đó, góp phần thiết thực hỗ trợ nhân dân trong toàn tỉnh vùng lên giành quyền làm chủ.

ĐTQS phát triển, phong trào phá tề, trừ gian phát triển rầm rộ trong năm 1948 đã phá vỡ từng mảng bộ máy tề nguỵ ở cơ sở. Đầu năm 1948, toàn tỉnh Khánh Hòa có 195 thôn có hội tề thì cuối năm chỉ còn khoảng 100 thôn nhưng hương lý chỉ làm việc cầm chừng. Ở Vĩnh Xương, Ba Ngòi đa số hương lý làm theo chỉ dẫn của cơ sở cách mạng (tề 2 mặt). Riêng Ninh Hòa có 35 thôn tề nguỵ đã bỏ trốn, nhân dân thực sự làm chủ, cán bộ, bộ đội ở trong làng đánh địch giữa ban ngày.

Trong năm 1953, hoạt động của các LLVT trên địa bàn tỉnh đã góp phần làm tan rã và vô hiệu hóa nhiều tổ chức tề nguỵ, ách kìm kẹp kéo dài của địch ở cả nông thôn, vùng ven và thành thị. Đến cuối chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954, phối hợp với các chiến trường trong cả nước, quân và dân Khánh Hòa đã nỗ lực chiến đấu,

giải phóng hầu hết vùng nông thôn phía Nam các huyện Vạn Ninh, Ninh Hòa và Vĩnh Khánh, tạo điều kiện để phá các khu tập trung đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện miền núi, với trên 10.000 người dân được làm chủ hoàn toàn.

4.3. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

ĐTQS ở Khánh Hòa không chỉ có vai trò quan trọng, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước nói riêng, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay nói chung.

4.3.1. Phát huy tinh thần chủ động, tự lực, tự cường, bám sát tình hình, kịp thời chuyển hóa thế trận kháng chiến

Phát huy tinh thần chủ động, kịp thời chuyển hóa thế trận kháng chiến khi tình hình chiến trường thay đổi vừa là nét đặc trưng, cũng là bài học kinh nghiệm trong ĐTQS ở Khánh Hòa.

Ngay sau ngày Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Khánh Hòa thắng lợi, mặc dù chính quyền cách mạng vừa mới thành lập với muôn vàn khó khăn, thử thách nhưng quân và dân Khánh Hòa đã chủ động bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhân dân, kiên quyết trấn áp quân Nhật khiêu khích và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong bối cảnh quân Pháp đổ bộ lên Nha Trang, mở đầu cuộc xâm chiếm Nam Trung Bộ, Đảng bộ và quân dân Khánh Hòa đã chủ động mở mặt trận tấn công và bao vây quân Pháp trong nội thị, kịp thời ngăn chặn âm mưu đánh chiếm Khánh Hòa làm bàn đạp phát triển chiến tranh ra Nam Trung Bộ. Có thể nói, ngay từ những ngày đầu, quân và dân Khánh Hòa đã phát huy cao độ tinh thần tự lực cánh sinh, không ỷ lại, trông chờ. Khi mà các đơn vị Nam tiến chưa chi viện vào kịp, quân và dân Khánh Hòa đã huy động tất cả sức mạnh nội lực, nhanh chóng sử dụng lực lượng tại chỗ triển khai thế trận chiến tranh bao vây, kịp thời làm giảm tốc độ tiến công của quân Pháp. *“Trong cuộc kháng chiến ấy, bộ đội và dân chúng hậu phương đã có tinh thần hy sinh, chiến đấu rất cao và đã phối hợp tất cả các lực lượng kháng chiến một cách rất có hiệu quả. Kinh nghiệm của Mặt trận Nha Trang cho thấy: Phải bình tĩnh chuẩn bị kháng chiến lâu dài và phải gây một sự đoàn kết chặt chẽ giữa nhân dân mới giành được thắng lợi”* [21, tr. 1].

Khi quân Pháp được tăng cường, mở cuộc tiến công lớn với hai gọng kìm nhằm giải vây cho Nha Trang, quân và dân Khánh Hòa đã chủ động rút bỏ phòng tuyến, chuyển sang chiến tranh du kích, thực hiện kháng chiến lâu dài. Đây là một quyết định đúng đắn, bám sát thực tiễn chiến trường khi tình thế đã thay đổi có lợi cho quân Pháp, vì vậy ta đã bảo tồn được lực lượng, tránh được sự hy sinh, tổn thất.

Bước vào cuộc kháng chiến lâu dài với thực dân Pháp, để giành thế chủ động trên chiến trường, các cấp ủy Đảng, chính quyền kháng chiến tỉnh Khánh Hòa đã tích cực làm tốt công tác giáo dục, động viên tinh thần hy sinh, chịu đựng khó khăn, gian khổ của cán bộ chiến sỹ, kiên định niềm tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Trong những năm tháng cam go, do chính sách bình định của Pháp, quân và dân Khánh Hòa đã chủ động trong mở các trận đánh nhỏ nhưng hiểm vào hệ thống hậu phương của địch, vừa góp phần tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, vừa giành và giữ được thế chủ động trên chiến trường. Trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, tình hình chiến trường thay đổi có lợi cho ta, quân và dân Khánh Hòa đã chủ động phối hợp mở các trận đánh quan trọng, vừa mở rộng vùng giải phóng, vừa tiếp tục tiêu diệt sinh lực địch, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến.

Trong suốt cuộc kháng chiến, các cấp ủy đảng, chính quyền, quân và dân Khánh Hòa đã bám sát tình hình chiến trường, quán triệt các chủ trương của Đảng, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Tùy tình hình thực tế từng lúc, từng nơi, Tỉnh ủy đã đánh giá đúng tình hình, đề ra các chủ trương, nhiệm vụ, các hình thức, biện pháp đấu tranh cụ thể, sát thực tiễn, tránh giáo điều, chủ quan nóng vội. Các cấp ủy Đảng và lực lượng vũ trang đã chủ động linh hoạt trong mọi hoạt động với tinh thần tự lực, tự cường cao nhất.

Khánh Hòa thuộc vùng sau lưng địch, bị kìm kẹp gắt gao bởi chính sách bình định và hệ thống đồn bốt, tháp canh của địch nên lực lượng kháng chiến gặp rất nhiều khó khăn. Hơn nữa, địa bàn tỉnh ở xa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, điều kiện chi viện của cấp trên về vũ khí, lương thực... còn hạn chế. Cán bộ chỉ huy và chiến sỹ thường là ở các nơi khác bổ sung, khi đến chưa được bao lâu thì hy sinh

hoặc được điều đi nơi khác, nên việc am hiểu địa hình và móc nối, liên lạc với cơ sở phải mất nhiều thời gian. Tuy vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, quân dân Khánh Hòa đã tự lực tự cường, vượt lên bao gian khổ, hy sinh, vươn lên trong kháng chiến với ý chí “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Các cán bộ, chiến sĩ, các đơn vị lực lượng vũ trang chiến đấu trên địa bàn tỉnh đã phải chịu đựng bao khó khăn, gian khổ về nhiều mặt. Có những giai đoạn bị địch đánh phá làm ngưng hoạt động, có những giai đoạn hết sức khó khăn về hậu cần, đói cơm, lạt muối, mọi thứ đều thiếu thốn, vũ khí đạn dược càng khó khăn. Trong những lúc thuận lợi hay khó khăn nhất, lực lượng vũ trang tỉnh đã luôn phát huy tinh thần tự lực, tự cường, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tự mình nỗ lực vươn lên.

Có thể nói, do phát huy tinh thần chủ động, tự lực, tự cường, đồng thời tranh thủ sự chi viện của Trung ương và Liên khu, kết hợp chặt chẽ với các chiến trường trong cả nước mà quân dân Khánh Hòa đã làm nên thắng lợi cuối cùng, và đó cũng là bài học kinh nghiệm từ thực tiễn cuộc kháng chiến trên địa bàn này.

4.3.2. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân phù hợp với điều kiện của chiến trường địa phương làm nòng cốt cho đấu tranh quân sự

Trong chiến tranh giải phóng dân tộc, để bảo đảm giành thắng lợi quyết định cần phải có đòn tiến công quân sự. Việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh có ý nghĩa hết sức quan trọng. Sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân địa phương dựa chủ yếu vào ĐTQS, trong đó LLVT có vai trò đặc biệt quan trọng. Trong xây dựng LLVT, tỉnh vừa quan tâm xây dựng các đơn vị tập trung của tỉnh, huyện, vừa quan tâm xây dựng lực lượng dân quân du kích, xây dựng các đội vũ trang đánh địch ngay trong sào huyệt của địch.

Tỉnh ủy chủ trương không trông chờ, ỷ lại mà chủ động xây dựng và phát triển LLVT nhân dân, hỗ trợ và làm chỗ dựa cho phong trào đấu tranh chính trị và binh vận. Trong ĐTQS có sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả của bộ đội chủ lực Liên khu 5, song bộ đội địa phương tập trung của tỉnh, huyện và dân quân du kích của các xã vẫn là lực lượng nòng cốt. Trong cuộc chiến đấu 101 ngày đêm ở Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa, ĐTQS diễn ra quyết liệt nhờ huy động được sức mạnh tổng lực, đặc biệt từ các đơn vị LLVT địa phương. Sau khi mặt trận này bị vỡ, quân

và dân Khánh Hòa đã kịp thời triển khai thế trận chiến tranh du kích rộng khắp, đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến.

Trong ĐTQS, LLVT cần phải bám dân, bám chiến trường để không bị tách ra khỏi quần chúng nhân dân trong bất kỳ tình huống nào và phải thấm nhuần tư tưởng kiên quyết tấn công kẻ thù. Thực tế chiến trường Khánh Hòa cho thấy chỉ có bám dân, bám đất, bám chiến trường thì mới quán triệt và vận dụng đường lối quân sự của Đảng một cách sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với thực tế luôn biến động của tình hình từng nơi, từng lúc, mới xác định phương hướng và phương pháp ĐTQS tốt nhất nhằm giành thắng lợi cho cuộc kháng chiến.

Để tạo chỗ đứng chân cho LLVT, Tỉnh ủy đã căn cứ điều kiện tự nhiên của tỉnh và thực tế của chiến trường để xây dựng các căn cứ địa kháng chiến. Không phải chỉ một mà có nhiều căn cứ của tỉnh, của huyện được thiết lập để có chỗ đứng chân và làm bàn đạp tiến công địch. Các căn cứ luôn luôn được thay đổi tùy theo cục diện chiến trường như: Tứ Thôn Đại Điền, Đồng Trăn, Hòn Dũ, Hóc Chim, Hòn Tre, Đồng Bò, Hòn Hèo, Hòn Lớn, Đá Bàn, Xuân Sơn, 175A... Bên cạnh đó, trong hoạt động ĐTQS, *“cần phải quán triệt cho lực lượng vũ trang một số điểm sau: phải có một nhận thức về chiến tranh, về chiến dịch cho đúng đắn thì mới lãnh đạo đấu tranh, lãnh đạo chiến dịch đúng đắn được, mới đưa chiến tranh, chiến dịch đến thắng lợi. Trong chiến dịch, vấn đề chỉ đạo toàn diện, đi đôi với vấn đề chỉ đạo chuyên môn là cần thiết, nếu không thực hiện được thì không thể đưa chiến dịch đến thắng lợi. Phải thấy rõ việc chuẩn bị chiến dịch quyết định một phần lớn sự thành công hay thất bại của chiến dịch,...”* [111, tr. 12].

Xây dựng LLVT phù hợp với điều kiện của chiến trường địa phương làm nòng cốt cho ĐTQS, đồng thời theo đó là xây dựng căn cứ địa làm chỗ đứng chân cho các lực lượng kháng chiến, trong đó có LLVT chính là nhân tố làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến trên cả nước nói chung và ở tỉnh Khánh Hòa nói riêng.

4.3.3. Kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và binh vận để nâng cao hiệu quả của đấu tranh quân sự

Kinh nghiệm từ thực tiễn kháng chiến ở Khánh Hòa cho thấy ĐTQS muốn đạt hiệu quả cao thì phải gắn với đấu tranh chính trị và binh vận. Chỉ có gắn bó mật thiết với nhau, hỗ trợ cho nhau giữa các lĩnh vực đấu tranh đó thì mới tạo được áp

lực lên quân địch. Trong quá trình kết hợp “3 mũi giáp công” đó phải luôn coi ĐTQS giữ vai trò quyết định. Tại Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa những ngày đầu chống Pháp, nếu không có ĐTQS thì không thể nào ngăn chặn được bước tiến của quân Pháp tấn công ra vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú.

Tỉnh ủy Khánh Hòa đã vận dụng đúng đắn và sáng tạo đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng vào điều kiện cụ thể của tỉnh, chỉ đạo cụ thể và kịp thời các địa phương; chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân, sử dụng và khéo léo kết hợp chặt chẽ hai hình thức đấu tranh chính trị và ĐTQS để đánh đổ kẻ thù, giành thắng lợi; tập trung xây dựng LLVT ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích; thực hiện toàn dân đánh giặc, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân...

Phương thức ĐTQS phải rất linh hoạt nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của việc xây dựng cơ sở và làm chuyển biến phong trào. Khi địch còn kìm kẹp nặng, cơ sở của ta còn yếu thì hình thức đội vũ trang công tác với phương châm luôn sâu, bám sát, phá kìm kẹp, xây dựng cơ sở là thích hợp. Nhưng khi ách kìm kẹp của địch đã bị phá vỡ từng phần do tác động của hoạt động ĐTQS và phong trào đấu tranh của quần chúng trong địa phương và thắng lợi trên toàn chiến trường, thì phải xây dựng những đơn vị tập trung của tỉnh, của huyện để có quả đảm mạnh hơn trong ĐTQS, hỗ trợ kịp thời cho phong trào kháng chiến và cùng với các chiến trường khác trong toàn quốc tiến lên giành thắng lợi. Theo đà chiến thắng về quân sự, phong trào đấu tranh chính trị, trừ gian diệt tề được phát động trong quần chúng nhân dân, được người dân hưởng ứng mạnh mẽ, trực tiếp góp phần phá vỡ từng mảng bộ máy tề nguỵ ở cơ sở. ĐTQS không chỉ phối hợp trong đấu tranh phá tề mà còn hỗ trợ xây dựng nên những “tề hai mặt”.

Sau thất bại ở Việt Bắc trong Thu Đông 1947 trở đi, thực dân Pháp ráo riết thực hiện chính sách “dùng người Việt đánh người Việt”, ra sức bắt thanh niên đi lính, xây dựng nguỵ quân để cùng phối hợp với quân Âu Phi hành quân càn quét, lùng sục tại địa bàn, thực hiện chính sách bình định. Trong bối cảnh đó, Tỉnh ủy Khánh Hòa căn cứ chủ trương của Trung ương Đảng, Liên khu ủy 5 và thực tế địa phương đã luôn nhấn mạnh đến vai trò của đấu tranh binh vận, coi mặt trận đấu tranh này phải luôn được duy trì để phối hợp chặt chẽ với đòn tiến công quân sự,

giành thắng lợi cho phong trào kháng chiến. Vì thế, tuy thực dân Pháp bằng mọi cách để bắt lính qua các trận càn và qua đội ngũ tề ngụy, nhưng kết quả đạt được là không thật khả quan, nguyên nhân là do các cuộc đấu tranh binh vận được quan tâm đẩy mạnh một cách thường xuyên, liên tục. Với ĐTQS đóng vai trò quyết định và kết hợp chặt chẽ ĐTQS với đấu tranh chính trị và binh vận, quân và dân Khánh Hòa đã duy trì và từng bước đẩy mạnh phong trào kháng chiến, cùng với Liên khu 5 và cả nước giành được thắng lợi.

ĐTQS trong kháng chiến chống Pháp ở Khánh Hòa vừa mang những nét chung của ĐTQS ở Việt Nam, vừa có những đặc điểm riêng. Những đặc điểm riêng đó xuất phát từ điều kiện, hoàn cảnh lịch sử; từ sự vận dụng sáng tạo và linh hoạt đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng. Xuất phát từ tình hình thực tế, quân và dân Khánh Hòa đã vận dụng một cách sáng tạo các hình thức ĐTQS phong phú, phù hợp với đặc điểm và điều kiện của chiến trường, phù hợp với phương thức chiến tranh du kích, lấy nhỏ đánh lớn, thoát ẩn thoát hiện đối phó với lực lượng quân địch đông và vũ khí hiện đại.

ĐTQS ở Khánh Hòa trong kháng chiến chống Pháp đã góp phần quan trọng hỗ trợ cho lực lượng chính trị quần chúng nhân dân nổi dậy, phá ách kìm kẹp của địch, bảo vệ vùng tự do Liên khu 5. Từ đó, ĐTQS ở Khánh Hòa đã để lại một số bài học kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, nhất là bài học về phát huy tinh thần tự lực, tự cường, đồng thời tranh thủ sự chi viện của Trung ương và Liên khu, kết hợp chặt chẽ với các chiến trường trong cả nước.

KẾT LUẬN

Đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) là hình thức đấu tranh chủ yếu, với những nét đặc điểm riêng, góp phần làm phong phú lý luận quân sự, chiến tranh nhân dân, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước trong lịch sử Việt Nam hiện đại.

1. Ngay từ những ngày đầu kháng chiến, ĐTQS ở Khánh Hòa đã trở thành một mặt trận nóng bỏng và quyết liệt, một phương thức đấu tranh chủ yếu mang tính quyết định trong cuộc đối đầu với quân xâm lược Pháp. Cũng như cả nước, LLVT tỉnh Khánh Hòa ra đời trong phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân, do yêu cầu của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Quan hệ giữa LLVT nhân dân với lực lượng chính trị quần chúng là quan hệ gắn bó máu thịt. Trên cơ sở đó, ĐTQS ở Khánh Hòa với LLVT làm nòng cốt đã diễn ra liên tục, trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1945 đến năm 1954 với nhiều lực lượng tham gia, nhiều phương thức tác chiến phong phú. ĐTQS ở Khánh Hòa thể hiện rõ nét cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc. ĐTQS ở Khánh Hòa diễn ra trên nền tảng của thế trận chiến tranh du kích, thực hiện phương châm “lấy nhỏ đánh lớn”, “lấy ít địch nhiều”. Kết hợp với những đòn tiến công về quân sự của LLVT và hỗ trợ cho ĐTQS, nhân dân các vùng nông thôn, thành thị dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, thông qua các tổ chức cách mạng của quần chúng, đã tiến hành đấu tranh chính trị, chống đồn dân, bắt lính, cướp lúa, làm cho hậu phương địch thêm rối loạn. Sự hỗ trợ bởi đấu tranh chính trị của quần chúng đã tạo nên thế tiến công lợi hại cho ĐTQS, phát huy được sức mạnh tổng hợp của cuộc chiến tranh nhân dân.

Lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho ĐTQS của tỉnh Khánh Hòa phát triển từ ít đến nhiều, từ nhỏ đến lớn. Tỉnh Khánh Hòa bị địch chiếm đóng sớm, phần lớn thời gian là vùng sau lưng địch. Do vậy, LLVT phát triển một cách linh hoạt là một tất yếu, nhờ đó mới tồn tại và phát triển được. LLVT từ những đội quân, những đơn vị nhỏ lẻ, hoạt động phân tán, từng bước phát triển thành những đơn vị tập trung với quy mô trung đội, đại đội hoạt động có kế hoạch thống nhất. Nơi nào thuận lợi, có

đủ điều kiện cần thiết thì xây dựng trước rồi mở rộng dần ra. Trang bị cho các lực lượng tham gia ĐTQS, thời gian đầu chủ yếu là vũ khí thô sơ tự tạo, về sau tiến lên trang bị được nhiều hơn, mạnh hơn nhờ sự chi viện của Trung ương và Liên khu.

Chiến đấu trên địa bàn Khánh Hòa không chỉ có LLVT của địa phương mà còn có lực lượng bộ đội chủ lực của Khu, của Bộ tăng cường và cùng phối hợp với quy mô tiểu đoàn, trung đoàn. Lực lượng quan trọng này được trang bị đầy đủ, có sức cơ động nhanh và hiệu quả chiến đấu cao, vừa phối hợp với các lực lượng tại địa phương tác chiến đánh địch, vừa thực hiện nhiệm vụ giúp đỡ địa phương phát triển dân quân du kích và nâng cao khả năng chiến đấu. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, ĐTQS trên chiến trường Khánh Hòa đã có sự tham gia của cả ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Vai trò của bộ đội chủ lực trong ĐTQS đã có tác dụng rất quan trọng đối với quá trình phát triển của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Khánh Hòa. Bộ đội chủ lực là chỗ dựa đáng tin cậy của các lực lượng vũ trang địa phương. Đây là lực lượng nòng cốt có sức ngăn chặn và có khả năng tiêu diệt sinh lực địch lớn, tạo điều kiện thuận lợi góp phần để tỉnh Khánh Hòa củng cố, phát triển lực lượng, chủ động tổ chức cuộc kháng chiến.

Do yêu cầu của ĐTQS, các LLVT địa phương đã từng bước phát triển rộng khắp trên các địa bàn, đảm nhiệm vai trò tác chiến chủ yếu. Trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, do yêu cầu của chiến trường Liên khu và cả nước, lực lượng chủ lực phải cơ động, tác chiến quy mô lớn trên nhiều địa bàn khác nên phải rút dần khỏi địa bàn Khánh Hòa, các lực lượng vũ trang địa phương đã đóng vai trò chính và chủ yếu trên mặt trận ĐTQS. Trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, ĐTQS ở Khánh Hòa đã đập tan hệ thống kìm kẹp của địch, đánh bại chính sách “bình định”, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, kìm chân chúng, phối hợp với chiến trường toàn Liên khu, mở rộng vùng làm chủ của ta, góp phần vào thắng lợi chung, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

2. ĐTQS ở Khánh Hòa góp phần tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, phá hoại tiềm năng quân sự, đặc biệt là cơ sở hạ tầng của địch như phá hệ thống giao thông, sân bay, đồn bót, cảng biển, tàu chiến, kho xăng dầu,... ĐTQS đã góp

phần mở rộng vùng làm chủ của nhân dân, vùng giải phóng ở địa phương, thu hẹp vùng địch tạm chiếm.

LLVT tỉnh Khánh Hòa ngoài chức năng là một đội quân chiến đấu làm nòng cốt trong ĐTQS, còn là một đội quân công tác góp phần phát triển cơ sở, động viên quần chúng bổ sung lực lượng cho ĐTQS. Muốn đánh bại từng bước âm mưu, thủ đoạn của địch, tiến tới đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của chúng, cần phải có những đòn tiến công quân sự đủ mạnh, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ĐTQS ở Khánh Hòa tuy trải qua những bước thăng trầm, song đã thể hiện được vai trò quyết định thắng lợi trong các chiến dịch, các trận đánh và cả cuộc kháng chiến.

3. ĐTQS ở Khánh Hòa diễn ra ngay từ những ngày đầu quân Pháp đặt chân lên vùng đất này và trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nó luôn ở trong trạng thái giằng co căng thẳng, quyết liệt, liên tục với nhiều hình thức phong phú, phù hợp với thực tiễn trên chiến trường và khả năng của địa phương. ĐTQS ở Khánh Hòa đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ vùng tự do Liên khu 5 và đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại đây đi đến thắng lợi. Đặc biệt, sự hiện hữu của Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa bao vây quân Pháp 101 ngày đêm có ý nghĩa vô cùng to lớn, góp phần ngăn chặn quân Pháp đánh ra Nam Trung Bộ, tạo điều kiện cho quân và dân Nam Trung Bộ cũng như cả nước có thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Nói một cách khác, ĐTQS nơi đây đã góp phần giam chân địch, “chia lửa” với các chiến trường chung của cả nước, mà trực tiếp là ngăn chặn quân Pháp đánh chiếm vùng tự do Nam Trung Bộ.

4. ĐTQS ở tỉnh Khánh Hòa vừa mang những nét chung của ĐTQS ở Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh; vừa có những đặc thù. Thực tiễn ĐTQS ở Khánh Hòa trong kháng chiến chống Pháp đã để lại nhiều kinh nghiệm quý: Chủ động nắm bắt tình hình để phát động chiến tranh; phát huy tinh thần tự lực tự cường, đồng thời tranh thủ sự chi viện của cả nước; vận dụng sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân địa phương, lấy LLVT làm nòng cốt, tạo nên sức mạnh quân sự để đánh thắng địch; xây dựng LLVT nhân dân thích hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương.

Những thành tựu và kinh nghiệm ĐTQS ở Khánh Hòa trong kháng chiến chống thực dân Pháp được phát huy, kế thừa, vận dụng có hiệu quả không chỉ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà còn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Nghiên cứu về ĐTQS ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, phân tích những đặc điểm, xác định vai trò và đúc rút những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn sinh động của cuộc chiến đấu, không chỉ giúp nhận thức có hệ thống hơn chặng đường 9 năm (1945 - 1954) quân và dân Khánh Hòa đã trải qua, mà còn góp phần định hướng cho công tác xây dựng và phát triển LLVT địa phương trong giai đoạn tỉnh Khánh Hòa nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung đổi mới và hội nhập quốc tế.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Hồ Hải Hưng (2013), “Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa (1945 - 1946)”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, (11), tr. 48-53.
2. Hồ Hải Hưng (2014), “Hoạt động quân sự ở Khánh Hòa trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954”, *Hội thảo khoa học 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954 - 7-5-2014)*, Nxb. Đại học Huế, tr. 140-145.
3. Hồ Hải Hưng (2014), “Phong trào du kích ở Khánh Hòa và sự phối hợp với chiến trường cả nước trong kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954)”, *Hội thảo khoa học 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ*, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Hồ Chí Minh.
4. Hồ Hải Hưng (2016), “Vận dụng linh hoạt, sáng tạo một số chiến thuật quân sự trong kháng chiến chống Pháp ở Khánh Hòa”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 256 (2), tr. 33-42.
5. Hồ Hải Hưng (2016), “Quân và dân Khánh Hòa đấu tranh phá kế hoạch “ngủ đông” của thực dân Pháp”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 6, (2016), tr. 40-44.
6. Hồ Hải Hưng (2016), “Căn cứ Đá Bàn - Điểm tựa kháng chiến chống Pháp của quân và dân Khánh Hòa giai đoạn 1951 - 1954”, *Tạp chí khoa học Đại học Huế*, số 8/2016.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Khánh Sơn (2008), *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Khánh Sơn 1945 - 2005*, BCH Đảng bộ huyện Khánh Sơn ấn hành.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vạn Ninh (2008), *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Vạn Ninh (1945 - 1975)*, BCH Đảng bộ huyện Vạn Ninh ấn hành.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vạn Ninh (2011), *Lịch sử lực lượng vũ trang huyện Vạn Ninh (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, HN.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ Nha Trang (2000), *Chiến khu Đồng Bò*, BCH Đảng bộ Nha Trang ấn hành.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Cam Ranh (2006), *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Cam Ranh (1945 - 1975)*, BCH Đảng bộ thị xã Cam Ranh ấn hành.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ Nha Trang (1996), *Lịch sử Đảng bộ Nha Trang (1925 - 1975)*, Ban Thường vụ Thành ủy Nha Trang ấn hành.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (2001), *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa (1930 - 1975)*, BCH Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa.
8. Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử Chính phủ Việt Nam (2006), *Ủy ban Kháng chiến miền Nam Trung Bộ 1945 - 1954*, Nxb ĐHSP, HN.
9. Ban Chỉ đạo kỷ niệm Khánh Hòa 350 năm, *Khánh Hòa xưa và nay* (2003), Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa ấn hành.
10. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, Hà Nội.
11. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 - 1975) - Thắng lợi và bài học*, Nxb CTQG, HN.
12. Ban Liên lạc 23/10 (1993), *Mặt trận Nha Trang 23-10-1945*, tập 1, Ban Liên lạc 23/10 ấn hành.
13. Ban Nghiên cứu lịch sử Quân đội thuộc Tổng cục Chính trị - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1994), *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Nxb QĐND, HN.
14. Ban Nghiên cứu lịch sử Tỉnh ủy Phú Khánh (1980), *Năm mươi năm hoạt động của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Phú Khánh*, BNCLS tỉnh Phú Khánh ấn hành.

15. Ban Thường vụ Tỉnh ủy - BCHQS tỉnh Phú Yên (1993), *Phú Yên - 30 năm chiến tranh giải phóng*, BCHQS tỉnh Phú Yên ấn hành.
16. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận (1995), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (1945 - 1975)*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận ấn hành.
17. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa (1990), *Bác Hồ trong lòng dân Khánh Hòa*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa ấn hành.
18. Báo *Cứu Quốc*, số 306, “Quân Pháp móc mắt, moi ruột người”, ngày 31-7-1946, Thư viện Quốc gia.
19. Báo *Cứu Quốc*, số 166, “Sau ngót 1 tháng trời kinh lý Nam Bộ, ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp nói về tình hình chiến sự và dân sự trong ấy”, ngày 18-12-1946, Thư viện Quốc gia.
20. Báo *Cứu Quốc*, số 163, “Mặt trận Nam Trung Bộ trở lên ác liệt từ nửa tháng nay”, ngày 14-2-1946, Thư viện Quốc gia.
21. Báo *Cứu Quốc*, số 173, “Cuộc hội họp giữa đại biểu quốc hội với quốc dân chung quanh vấn đề kháng chiến”, ngày 28-2-1946, Thư viện Quốc gia.
22. Báo *Cứu Quốc*, 163, “Mặt trận Nam Trung Bộ trở lên ác liệt từ nửa thán nay”, ngày 14-2-1946, Thư viện Quốc gia.
23. Báo *Cứu Quốc*, số 193, “Những vết tích lịch sử trong giai đoạn chiến đấu đã được trưng bày tại Nhà Thông tin Trung ương”, ngày 21-3-1946, Thư viện Quốc gia.
24. Báo *Cứu Quốc*, số 223, “Tại Nam Bộ, các nhà tri thức vẫn nhất định không hợp tác với Việt gian Nguyễn Văn Thỉnh”, ngày 24-4-1946, Thư viện Quốc gia.
25. Báo *Cứu Quốc*, số 2522, “Quân ta đột nhập Hội An, Nha Trang, tiêu diệt 200 địch, đánh chìm một tàu chiến, 1 ca nô và đốt cháy 4 triệu lít xăng”, ngày 29-11-1954, Thư viện Quốc gia.
26. Báo *Cứu Quốc*, số 360, “Mặt trận Nam và Tây Nam Trung Bộ: Lên mặt trận X”, ngày 29-9-1946, Thư viện Quốc gia.
27. Báo *Cứu Quốc*, số 406, “Phải tìm ngay các phương pháp thích đáng để kết liễu các cuộc khủng bố ở Miền Nam”, ngày 16-11-1946, Thư viện Quốc gia.
28. Báo *Cứu Quốc*, số 410, “Đoàn đại biểu Nam Trung Bộ vào yết kiến Hồ Chủ tịch”, ngày 19-11-1946, Thư viện Quốc gia.

29. Báo *Cứu Quốc*, số 769, “Một ca-mi-ông chở 30 địch bị tiêu diệt ở Ái Nghĩa”, ngày 5-12-1947, Thư viện Quốc gia.
30. Báo *Cứu Quốc*, số 783, “Một nhà tri thức ở Nha Trang tuyên bố: Không thể cản trở được cuộc kháng chiến”, ngày 20-12-1947, Thư viện Quốc gia.
31. Báo *Cứu Quốc*, số 779 “Lính Pháp và bọn Quốc gia Liên hiệp dí súng vào ngực dân chúng bắt ký tên, điểm chỉ mời Bảo Đại về”, ngày 15-12-1947, Thư viện Quốc gia.
32. Báo *Sự Thật*, số 11, “Qua miền kháng chiến Nha Trang”, tháng 12-1946, Thư viện Quốc gia.
33. Báo *Sự Thật*, số 13, “Mặt trận Nam Trung Bộ”, ngày 20-11-1946, Thư viện Quốc gia.
34. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Định (1992), *Bình Định - Lịch sử chiến tranh 30 năm (1945 - 1975)*, BCHQS tỉnh Bình Định ấn hành.
35. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Thuận (1992), *Bình Thuận - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 2*, BCHQS tỉnh Bình Thuận ấn hành.
36. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Khánh Hòa (1992), *Lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa - Ba mươi năm xây dựng chiến đấu và chiến thắng, tập 1 (1945 - 1954)*, BCHQS tỉnh Khánh Hòa ấn hành.
37. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Ninh Thuận (1998), *Lực lượng vũ trang tỉnh Ninh Thuận - Ba mươi năm xây dựng chiến đấu và chiến thắng (1945 - 1975)*, BCHQS tỉnh Ninh Thuận ấn hành.
38. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Yên (1998), *Lực lượng vũ trang tỉnh Phú Yên - Ba mươi năm xây dựng chiến đấu và chiến thắng (1945 - 1975)*, BCHQS tỉnh Phú Yên ấn hành.
39. Bộ Quốc phòng - Viện LSQS Việt Nam (1994), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, tập 1, Nxb QĐND, HN.
40. Bộ Quốc phòng - Viện LSQS Việt Nam (1994), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, tập 2, Nxb QĐND, HN.
41. Bộ Quốc phòng - Viện LSQS Việt Nam (1997), *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, HN.
42. Bộ Quốc phòng - Viện LSQS Việt Nam (2002), *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Nxb QĐND, HN.

43. Bộ Quốc phòng và Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2007), *60 năm toàn quốc kháng chiến - kỷ ức lịch sử và bài học kinh nghiệm xây dựng, bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, HN.
44. Bộ Quốc phòng - Viện LSQS Việt Nam (2014), *Lịch sử quân sự Việt Nam*, 10 tập, Nxb CTQG, HN.
45. Bộ Quốc phòng - Viện LSQS Việt Nam (2014), *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam*, tập 4 (Từ năm 1945 đến năm 1975), Nxb CTQG, HN.
46. Bộ Quốc phòng - Viện LSQS Việt Nam (2014), *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam*, tập 5 (Tổng luận), Nxb CTQG, HN.
47. Bộ Tổng tham mưu (1954), *Tài liệu giáo dục chính trị căn bản cho dân quân du kích*, Thư viện Quân đội, HN.
48. Bộ Tổng tham mưu (2000), *Tổng kết cách đánh của lực lượng Dân quân du kích - tự vệ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 – 1975)*, Nxb QĐND, HN.
49. Bộ Tư lệnh Đại đoàn 27 (1948), *Báo cáo hai năm 1946 - 1947 gửi về Bộ Tổng Tư lệnh*, BNCLSD tỉnh Phú Khánh, phòng Tư liệu và Thư viện, Hồ sơ số 11, cặp số 3.
50. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 1 (1945 -1975)*, Nxb Đà Nẵng.
51. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 và Tỉnh ủy Lâm Đồng (2004), *Vai trò đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ trong 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1975)* Nxb CTQG, HN.
52. Lê Huy Bình (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)*, Luận án tiến sĩ sử học, Học viện Chính trị Quân sự, Thư viện Quốc gia Hà Nội.
53. Ngô Văn Ban (2010), *Địa danh Khánh Hòa xưa và nay*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
54. Vũ Tang Bồng (1986), *Về công tác hậu cần quân đội*, Nxb QĐND, HN.
55. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1998), *Lịch sử bộ đội đặc công Quân khu 5 (1952 - 1975)*, Nxb QĐND, HN.
56. Cứu Quốc Hội thị xã Nha Trang (1948), *Biên bản Hội nghị khuếch đại*, BNCLSD tỉnh Phú Khánh, phòng Tư liệu và Thư viện, số 09, cặp số 3.

57. Cứu Quốc Hội (1948), *Báo cáo tam cá nguyệt của ban chấp hành thị xã Nha Trang*, BNCLSD Phú Khánh, phòng Tư liệu và Thư viện, số 08, cặp số 3.
58. Trần Quý Cát (1998), *Chiến tranh du kích trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Nxb QĐND, HN.
59. Trường Chinh (1967), *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
60. Đảng bộ Liên khu 5 (1949), *Báo cáo và Quyết nghị án, Tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công*, cặp 1, ĐVBQ 21, Phòng Khu ủy 5, Văn phòng Trung ương Đảng.
61. Đảng bộ Liên khu 5 (1953), *Biên bản Hội nghị thường vụ Khu ủy Liên khu 5*, cặp 5, ĐVBQ 61, Phòng Khu ủy 5, Văn phòng Trung ương Đảng.
62. Đảng bộ Liên khu 5 (1953), *Chỉ thị hướng dẫn kế hoạch thi hành chính sách ruộng đất 1953*, cặp 8, ĐVBQ 142, Phòng Khu ủy 5, Văn phòng Trung ương Đảng.
63. Đảng bộ Liên khu 5 (1953), *Nghị quyết công tác địch vận 20-8-1953*, cặp 7, ĐVBQ 121, Phòng Khu ủy 5, Văn phòng Trung ương Đảng.
64. Đảng bộ Liên khu 5 (1951), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu 5 lần thứ 2 (3-1951)*, cặp 2, ĐVBQ 24, Phòng Khu ủy 5, Văn phòng Trung ương Đảng.
65. Đảng bộ Liên khu 5 (1952), *Nghị Quyết về quân sự (2-1952)*, cặp 3, ĐVBQ 37, Phòng Khu ủy 5, Văn phòng Trung ương Đảng.
66. Đảng bộ Thị xã Nha Trang (1950), *Báo cáo tình hình Nha Trang*, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.
67. Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), *Văn kiện quân sự của Đảng*, tập 1, Nxb QĐND, HN.
68. Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), *Văn kiện quân sự của Đảng*, tập 2, Nxb QĐND, HN.
69. Đảng Cộng sản Việt Nam (1976), *Văn kiện quân sự của Đảng*, tập 3, Nxb QĐND, HN.
70. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng - Toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG, HN.
71. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng - Toàn tập*, tập 5, Nxb CTQG, HN.
72. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng - Toàn tập*, tập 6, Nxb CTQG, HN.
73. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng - Toàn tập*, tập 7, Nxb CTQG, HN.
74. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng - Toàn tập*, tập 8, Nxb CTQG, HN.

75. Đảng ủy - BCH Quân sự tỉnh Khánh Hòa (2013), *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Khánh Hòa 1945 - 2010*, Nxb QĐND, HN.
76. Đảng ủy - BTL Quân khu 5 (2002), *Công tác Đảng, công tác chính trị Lực lượng vũ trang Quân khu 5 1945 - 2000 (Biên niên)*, quyển 2, Nxb QĐND, HN.
77. Đảng ủy Liên khu 5 (1950), *Nghi quyết Nhiệm vụ quân sự Đông Xuân*, (16-11-1952), hồ sơ số 23, cấp 1, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
78. Đảng ủy Bộ Tư lệnh Liên khu 5 (1951), *Báo cáo gửi anh Văn, Thanh, Ninh về tình hình Liên khu 5*, hồ sơ PQ 84, Phòng Tổng cục Chính trị, Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng.
79. Đảng ủy Quân sự huyện Diên Khánh - Phòng Tuyên giáo Huyện ủy Diên Khánh (2001) *Lịch sử lực lượng vũ trang Diên Khánh (1945 - 2000)*, Đảng ủy Quân sự huyện Diên Khánh ấn hành.
80. Đảng ủy Quân sự thành phố Nha Trang (2003), *Lịch sử Lực lượng vũ trang thành phố Nha Trang (1945 - 2000)*, BCHQS tỉnh Khánh Hòa ấn hành.
81. ĐU - BTL QK 5 (1950), *Báo cáo công tác tổ chức 1950*, Bộ Tư lệnh Quân khu 5, Đà Nẵng, ký hiệu HS-01.
82. Ph. Devillers (1993), *Paris - Sài Gòn - Hà Nội, tài liệu lưu trữ của cuộc chiến tranh 1944 - 1947 (Bản dịch Hoàng Hữu Đản)*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
83. Yves Gras (1979), *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương*, Nxb Plon, Pari. Tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.
84. Võ Nguyên Giáp (1959), *Chiến tranh nhân dân và quân đội nhân dân*, Nxb Sự Thật, HN.
85. Võ Nguyên Giáp (1961), *Những kinh nghiệm lớn của Đảng ta về lãnh đạo đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng cách mạng*, Nxb Sự Thật, HN.
86. Võ Nguyên Giáp (1970), *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta*, Nxb Sự Thật, HN.
87. Võ Nguyên Giáp (1973), *Vị trí chiến lược của chiến tranh nhân dân địa phương*, Nxb QĐND, HN.
88. Võ Nguyên Giáp (1974), *Dân quân tự vệ một lực lượng chiến lược*, Nxb Sự Thật, HN.
89. Võ Nguyên Giáp (1996), “Cuộc hội quân của cả nước”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 6 (12), tr. 34-35.

90. Henri Navarre (1994), *Thời điểm của những sự thật*, (Nguyễn Huy Cầu dịch), Nxb CAND, HN.
91. Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam tỉnh Khánh Hòa (1948), *Tuyên ngôn của Đại hội Liên hiệp Quốc dân tỉnh Khánh Hòa (ngày 1-9-1948)*, Phòng Phủ thủ tướng, TTLTQG III, HN.
92. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2010), tập 1 (1945 - 1954)*, Nxb CTQG, HN.
93. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (1999), *Phụ nữ Nam Trung Bộ trong sự nghiệp kháng chiến cứu nước (1930 - 1975)*, Nxb Đà Nẵng.
94. Huyện ủy Khánh Sơn (1995), *Lịch sử Đảng bộ huyện Khánh Sơn 1930 - 1975*, Huyện ủy Khánh Sơn ấn hành.
95. Huyện ủy Ninh Hòa (1999), *Lịch sử truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân huyện Ninh Hòa 1945 - 1954*, Huyện ủy Ninh Hòa ấn hành.
96. Huyện ủy Ninh Hòa (2006), *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Ninh Hòa 1930 - 1975*, Huyện ủy Ninh Hòa ấn hành.
97. Nguyễn Mạnh Hà (1996), *Chính sách chính trị, quân sự của Pháp ở Việt Nam trong giai đoạn 1945 - 1954 và nguyên nhân thất bại của chúng*, Luận án Tiến sĩ khoa học quân sự, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.
98. Vũ Quang Kha (1986) (Bản dịch), *Lịch sử chiến tranh và Nghệ thuật quân sự*, tập 2, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, HN.
99. Dương Đình Lập (2000), *Dân quân tự vệ và du kích là bức tường sắt của Tổ quốc*, Nxb QĐND, HN.
100. Dương Đình Lập (2005), *Bộ Tổng tham mưu với quá trình tổ chức, xây dựng Lực lượng vũ trang ba thứ quân (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, HN.
101. Chu Đình Lộc (1999), *Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng thời kỳ 1945 - 1946*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.
102. Chu Đình Lộc (2015), “Những khóa huấn luyện quân sự đầu tiên ở Trường huấn luyện Quân sự Đồng Đế (1945 - 1946)”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 8, tr. 7-9.

103. Chu Đình Lộc (2016), *Căn cứ địa cách mạng ở Cực Nam Trung Bộ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*, Nxb ĐHQG, Tp. HCM.
104. Hà Văn Lâu (2015), “Từ mặt trận Chợ Mới - Ngọc Hồi đến phòng tuyến Cây Da - Quán Giếng”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 286 (2015).
105. Lê Kinh Lịch (1960), *Dân quân tự vệ một Lực lượng vũ trang của toàn dân*, Nxb QĐND, HN.
106. Liên khu ủy Khu 5 (1949), *Báo cáo tổng quát tình hình liên khu 5 của phái viên Bộ tổng tư lệnh ký Dương Quốc Chánh, (26-3-1949)*, hồ sơ số 04, cặp số 1, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
107. Liên khu ủy Khu 5 (1949), *Báo cáo tình hình quân sự của Liên khu 5 từ ngày toàn quốc kháng chiến đến nay (tháng 1-1946 đến tháng 3-1949)*, hồ sơ số 03, cặp số 1, Phòng Phủ Thủ tướng, TTLTQG III, HN.
108. Liên khu ủy Khu 5 (1949), *Báo cáo tổng kết tình hình ta và địch từ tháng 1-1946 đến tháng 3-1949 toàn Liên khu 5*, hồ sơ số 03, cặp số 06, Phòng Phủ Thủ tướng, TTLTQG III, HN.
109. Liên Khu ủy Khu 5 (1950), *Báo cáo tình hình quân số và tổ chức bộ đội chủ lực và dân quân Liên khu 5 (1950)*, hồ sơ số 03, cặp số 06, Phòng Phủ Thủ tướng, TTLTQG III, HN.
110. Liên khu ủy Khu 5 (1950), *Nhận xét và bố cứu tình hình Khánh Hòa*, cặp 11, ĐVBQ 174, Phòng Khu ủy 5, Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
111. Liên khu ủy Khu 5 (1950), *Kiểm thảo chiến dịch Thu - Đông ở Khánh Hòa (1949 -1950)*, cặp 32, ĐVBQ 683, Phòng Khu ủy 5, Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
112. Liên Khu ủy Khu 5 (1952), *Nghị quyết về công tác vùng bị tạm chiếm và vùng du kích 1952*, hồ sơ số 23, cặp 3, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
113. Liên khu ủy Khu 5 (1952), *Báo cáo tình hình chiến trường Khánh Hòa năm 1951 - 1952*, hồ sơ số 17, cặp 12, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.

114. Liên khu ủy Khu 5 (1952), *Chỉ thị về trọng tâm công tác hiện nay trong vùng địch* (5-1952), hồ sơ số 12, cặp 8, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
115. Liên khu ủy Khu 5 (1952), *Tài liệu tổng kết các tài liệu học tập Khánh Hòa*, hồ sơ số 24, cặp số 3, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
116. Liên khu ủy Khu 5 (1952), *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy 5 (lần thứ 5)*, cặp 3, ĐVBQ 39, Phòng Khu ủy 5, Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
117. Liên Khu ủy Khu 5 (1953), *Nghị quyết về xây dựng chính quyền 1953*, cặp 1, ĐVBQ 21, Phòng Khu ủy 5, Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
118. Liên khu ủy Khu 5 (1954), *Báo cáo gửi Trung ương tình hình từ tháng 20-2-1954 đến 31-3-1954*, cặp 12, ĐVBQ 183, Phòng Khu ủy 5, Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
119. Liên khu ủy Khu 5 (1954), *Báo cáo tình hình quân sự Liên khu 5 từ tháng 1 đến tháng 7-1954*, cặp 12, ĐVBQ 183, Phòng Khu ủy 5, Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
120. Liên khu ủy Khu 5 (1954), *Vài nét hoạt động của Liên khu 5 (từ 1950 đến năm 1954)*, cặp 12, ĐVBQ 183, Phòng Khu ủy 5, Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
121. Liên khu ủy Khu 5 (1954), *Báo cáo tình hình (từ ngày 20-12-1953 đến tháng 20-1-1954)*, cặp 12, ĐVBQ 183, Phòng Khu ủy 5, Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
122. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG, HN.
123. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb CTQG, HN.
124. Nhiều tác giả (2005), *Mặt trận Nha Trang 23-10-1945* (Hồi ký tư liệu), Ban liên lạc 23-10 ấn hành.
125. Phái đoàn Cục Nam (1949), *Báo cáo tình hình huyện Cam Ranh (tiếp theo bố khuyết và đánh chính một vài điểm đã nói trong báo cáo về Khánh Hòa hồi đầu tháng 6 năm 1949 đến nay)*, hồ sơ số 13, cặp số 2, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
126. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1950), *Ông tỉnh trưởng tỉnh Khánh Hoà kính gửi cụ thủ hiến Trung phần Việt Nam về việc chánh trị và hành chính Khánh Hoà*, ký hiệu 236, TTLTQG IV, Đà Lạt.

127. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1950), *Báo cáo quân sự giai đoạn đầu đến ngày 28-2-1950*, ký hiệu 25, TTLTQG IV, Đà Lạt.
128. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1950), *Báo cáo chính trị của giai đoạn đầu đến ngày 30-6-1950*, ký hiệu 25, TTLTQG IV, Đà Lạt.
129. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1950), *Về việc tổ chức cơ quan hành chính Trung Việt, ngày 01-02-1950*, ký hiệu 236, TTLTQG IV, Đà Lạt.
130. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1950), *Tờ khai lý lịch của ông Mai Xuân Cường*, ký hiệu 1467, TTLTQG IV, Đà Lạt.
131. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1951), *Công văn trao đổi về việc đồn trưởng Karom tự tử*, ký hiệu 1271, TTLTQG IV, Đà Lạt.
132. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1952), *Báo cáo về việc bắt một số cán bộ Việt Minh tại Khánh Hoà*, TTLTQG IV, Đà Lạt, ký hiệu 1410.
133. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1952), *Công văn về việc lính không quân Việt Nam cướp tiền tại ấp Hà Thanh năm 1952*, TTLTQG IV, Đà Lạt, ký hiệu 1370.
134. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1952), *Báo cáo tình hình dân chúng tỉnh Khánh Hòa của Ty trưởng Thông tin Khánh Hòa*, ký hiệu 1419, TTLTQG IV, Đà Lạt.
135. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1952), *Hồ sơ chính phủ Pháp cấp vũ khí quân dụng cho Nha Trang*, ký hiệu 1272, TTLTQG IV, Đà Lạt.
136. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1952), *Hồ sơ về các cuộc hành binh phục kích và giao chiến giữa lực lượng quân sự với Việt Minh tại Khánh Hoà 1950 - 1951*, ký hiệu 1258, TTLTQG IV, Đà Lạt.
137. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1952), *Hồ sơ về việc làm trại lính tại Suối Dầu, bảo vệ các đồn 1951*, ký hiệu 1261, TTLTQG IV, Đà Lạt.
138. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1952), *Hồ sơ về việc đưa căn cứ chính trị Khánh Hoà đi an trí giáo huấn tại Hà Đông*, ký hiệu 1419, TTLTQG IV, Đà Lạt.
139. Phủ Thủ hiến Trung Việt (1953), *Cuộc biểu tình ở Nha Trang trong cuộc động viên 1953*, ký hiệu 1419, TTLTQG IV, Đà Lạt.
140. Quân đội nhân dân Việt Nam - Bộ Tổng Tham mưu (2000), *Tổng kết cách đánh của lực lượng dân quân du kích - tự vệ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, HN.
141. Hoàng Minh Thảo (2007), *Bàn về nghệ thuật quân sự*, Nxb CTQG, HN.

142. Nguyễn Đình Tư (1969), *Non nước Khánh Hòa*, Nxb Sông Lam.
143. Quách Tấn (2002), *Xứ trầm hương*, Hội Văn học Nghệ thuật Khánh Hòa ấn hành.
144. Thành ủy Hà Nội - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam - Quân khu Thủ đô (2004), *Hà Nội mở đầu kháng chiến toàn quốc tâm vóc và ý nghĩa*, Nxb QĐND, HN.
145. Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa (1949), *Báo cáo tình hình huyện Cam Ranh số 9BC-TUKH*, ĐVBQ 7, Phòng Khu ủy 5, Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
146. Tỉnh ủy Khánh Hòa (1950), *Báo cáo công tác Đảng năm 1950 của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa*, hồ sơ số 31, cặp số 4, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
147. Tỉnh ủy Khánh Hòa (1950), *Cơ quan và tổ chức liên lạc của Tỉnh ủy Khánh Hòa*, hồ sơ số 30, cặp số 4, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
148. Tỉnh đội Khánh Hòa (1950), *Báo cáo của Tỉnh Khánh Hòa trong Thu - Đông năm 1948 - 1949*, Phòng Phủ Thủ tướng, gói: BA-16, hòm 342, TTLTQG III, HN.
149. Tỉnh ủy Khánh Hòa (1953), *Báo cáo Đảng Bộ liên Khu 5 gửi Ban Bí thư Trung ương ngày 1-3-1953*, hồ sơ số 24, cặp số 1, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
150. Tỉnh đội Khánh Hòa (1953), *Đặc điểm tình hình địch - ta từ tháng 3 đến tháng 8-1953 trên chiến trường Khánh Hòa*, số 238-QS-2, gói: BA - 15, hòm 63-4, Phòng Phủ Thủ tướng, TTLTQG III, HN.
151. Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Bộ Tư lệnh Quân khu 5 - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2005), *Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa - Nam Trung Bộ: Hồi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1947)*, Nxb QĐND, HN.
152. Tổng cục Chính trị - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1998), *Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ 1945-1975*, Nxb QĐND, HN.
153. Trần Văn Thúc (1999), *Về lực lượng vũ trang ba thứ quân thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)* của in trong cuốn “55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam - Miền đất khai sinh và quá trình phát triển”, Nxb QĐND, HN.
154. Trần Trọng Trung (1979), *Lịch sử cuộc chiến tranh bắn thủ*, tập 1, Nxb QĐND.

155. UBKCHC tỉnh Khánh Hòa (1948), *Báo cáo hàng tháng (lần cuối tháng 8-1948)*, số 787/KH/KC, Phòng Phủ Thủ tướng, TTLTQG III, HN.
156. UBKCHC Nam Trung Bộ (1949), *Báo cáo tình hình kháng chiến Nam Trung Bộ từ lúc toàn quốc kháng chiến đến nay*, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.
157. UBKCHC miền Nam Trung Bộ (1949), *Danh sách UBKCHC các tỉnh Cực Nam và Tây Nguyên*, Phòng Phủ Thủ tướng, TTLTQG III, HN.
158. UBKCHC tỉnh Khánh Hòa (1949), *Báo cáo tình hình chính quyền Khánh Hòa (từ tháng 1-1949 đến tháng 6-1949)*, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.
159. UBKCHC tỉnh Khánh Hòa (1949), *Báo cáo tình hình quân sự Khánh Hòa (từ tháng 1-1949 đến tháng 6-1949)*, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.
160. UBKCHC tỉnh Khánh Hòa (1949), *Báo cáo tình hình dân quân Khánh Hòa (từ tháng 1-1949 đến tháng 6-1949)*, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.
161. UBKCHC tỉnh Khánh Hòa (1949), *Báo cáo tình hình kinh tế Khánh Hòa (từ tháng 1-1949 đến tháng 6-1949)*, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.
162. UBKCHC tỉnh Khánh Hòa (1949), *Báo cáo tổng kết tình hình Khánh Hòa (từ tháng 1-1949 đến tháng 6-1949)*, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.
163. UBKCHC tỉnh Khánh Hòa (1951), *Kiểm thảo xây dựng chính quyền trong năm 1950*, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.
164. UBKCHC tỉnh Khánh Hòa (1951), *Báo cáo tình hình địch ở Khánh Hòa*, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.
165. UBKCHC tỉnh Khánh Hòa (1952), *Báo cáo tình hình địch ở Khánh Hòa*, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.
166. UBKCHC tỉnh Khánh Hòa (1952), *Tổng thuật cuộc đấu tranh chống bắt lính của đồng bào Nha Trang (3-4-1953)*, hồ sơ số 36, cặp số 3B, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
167. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (2003), *Địa chí Khánh Hòa*, Nxb CTQG, HN.
168. Nguyễn Việt (1957), *Nam Bộ và Nam Phần Trung Bộ trong hai năm đầu kháng chiến (1945-1946)*, Nxb Văn Sử Địa, HN.
169. Văn phòng Trung ương Đảng (1954), *Ban Bí thư Trung ương gửi Khu ủy 5 (26-1-1954)*, cặp 12, ĐVBQ 183, Phòng Khu ủy 5, Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng,

170. Viện Lịch sử Đảng - Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ (1994), *Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb CTQG, HN.
171. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1993), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954*, Nxb QĐND, HN.
172. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1997), *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, HN.

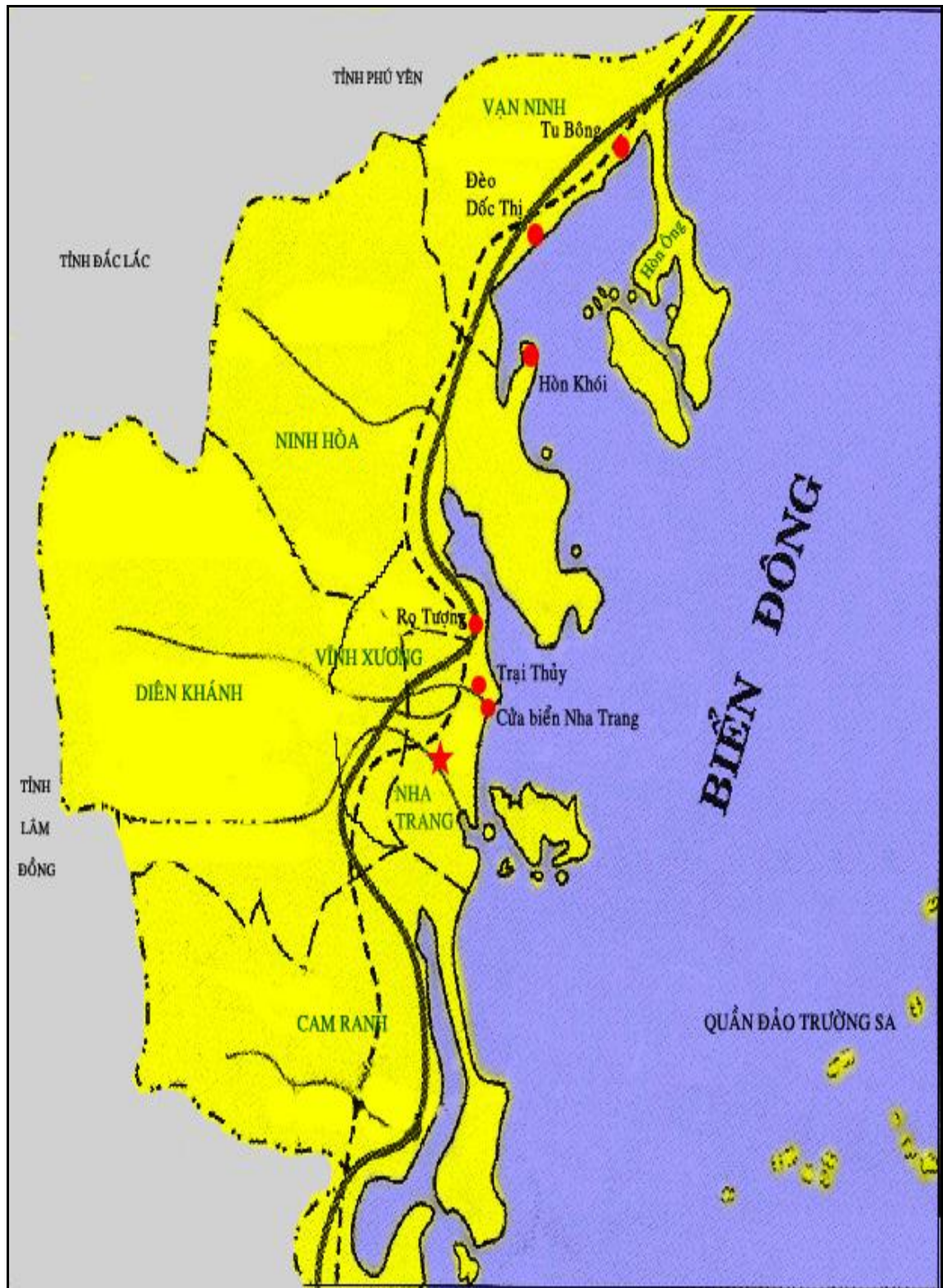
Một số Hồi ký tư liệu điền dã

180. Mai Dương (1980), “*Thời kỳ chống Pháp 9 năm*” (Hồi ký tư liệu), hồ sơ số 85, cặp 2, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
181. Mai Xuân Công (1980), “*Hồi ký về kháng chiến chống Pháp*”, hồ sơ số 86, cặp 2, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
182. Lương Phan Hồ (1988) (Nguyên tỉnh đội trưởng Khánh Hòa năm 1947 - 1948), *Hồi ký tư liệu*, hồ sơ số 83, cặp 2, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.
183. Võ Bá Lộng (1994), *Hồi ký tư liệu*, hồ sơ số 87, cặp 2, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa.

PHỤ LỤC

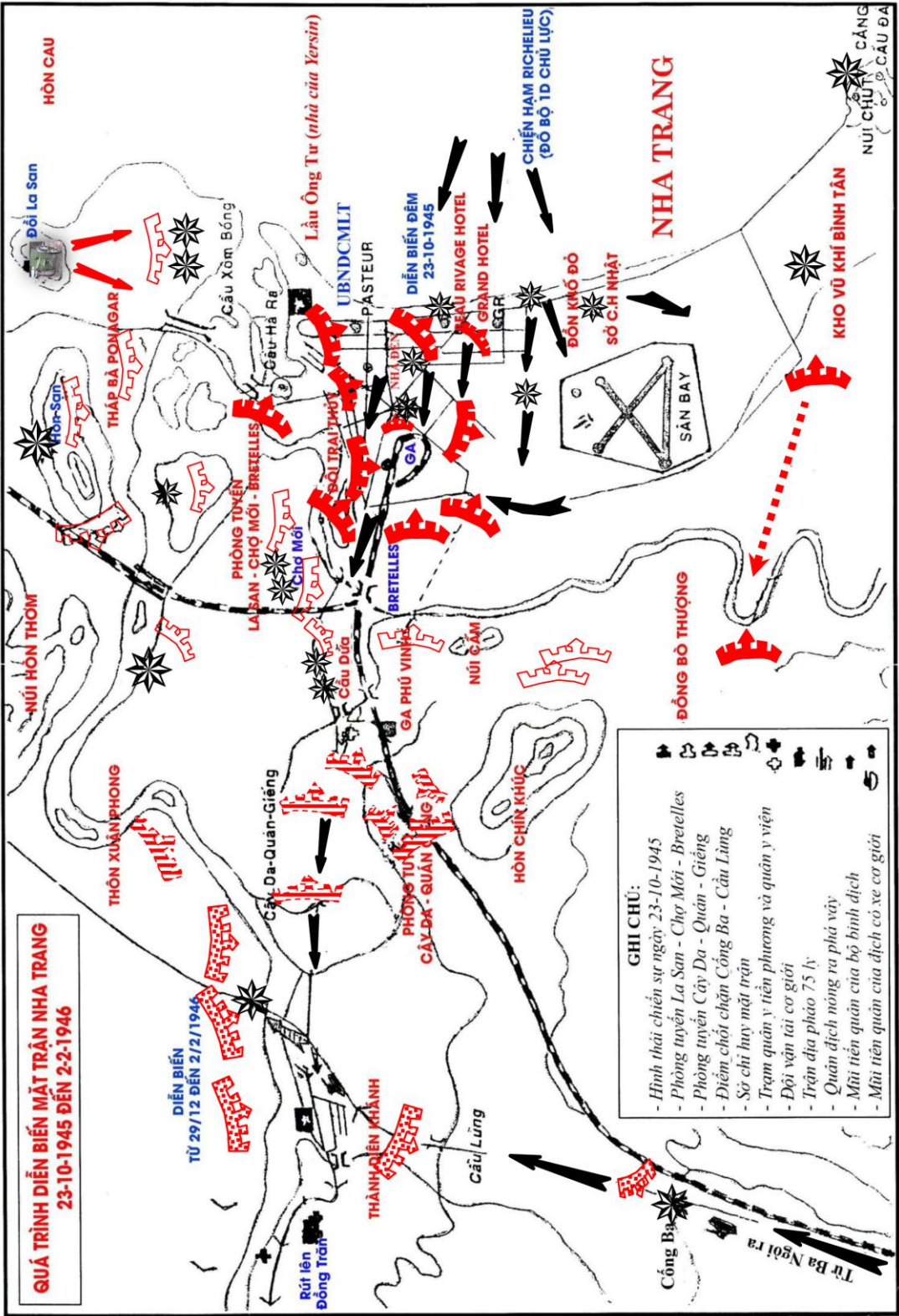
- Phụ lục 1: Lược đồ tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 1945- 1954
- Phụ lục 2: Sơ đồ Mặt Trận Nha Trang - Khánh Hòa
- Phụ lục 3: Sơ đồ cuộc hành quân của quân Pháp giải vây Nha Trang tháng 1-1946
- Phụ lục 4: Sơ đồ chiến lậ trận đánh đồn Phước Thuận của Tiểu đoàn 360 (11-1948)
- Phụ lục 5: Sơ đồ hình thái vùng tự do và căn cứ du kích Nam Trung Bộ đến tháng 7-1954
- Phụ lục 6: Bảng thống kê tổ chức LLQS Nha Trang năm 1950
- Phụ lục 7: Bảng thống kê tổ chức, thành phần quân số, vũ khí Bội đội biệt phái 252 (9-1950)
- Phụ lục 8: Bảng thống kê số cứ điểm của quân Pháp trên chiến trường Khánh hòa trước hoạt động Hè 1953
- Phụ lục 9: Bảng thống kê số cứ điểm của quân Pháp trên chiến trường Khánh Hòa còn lại đến ngày 20-8-1953
- Phụ lục 10: Danh sách tập thể và các nhân được tuyên dương AHLLVTND của tỉnh Khánh Hòa
- Phụ lục 11. Một số hình ảnh hoạt động đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)
- Phụ lục 12: Đại tướng Võ Nguyên Giáp lễ kỷ niệm 48 năm ngày Nha Trang - Khánh Hòa kháng chiến (23-10-1945 - 23-10-1993)
- Phụ lục 13: Hình ảnh các vị lãnh đạo và chỉ huy miền NTB trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)
- Phụ lục 14: Hình ảnh các vị lãnh đạo và chỉ huy mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa năm 1945
- Phụ lục 15: Hình ảnh các vị lãnh đạo Bộ chỉ huy Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa
- Phụ lục 16: Hình ảnh chỉ huy các đơn vị Nam tiến trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)
- Phụ lục 17: Báo cáo tình hình Khánh Hòa (1-1949 - 6-1949)
- Phụ lục 18: Báo cáo tình hình Quân sự Khánh Hòa (1-1949 - 6-1949)
- Phụ lục 29: Báo cáo thành tích của dân quân Khánh Hòa (1-1949 - 6-1949)
- Phụ lục 20: Báo cáo quân sự (giai đoạn đầu đến ngày 28-2-1950)
- Phụ lục 21: Báo cáo chính trị (giai đoạn đầu đến ngày 30-06-1950)
- Phụ lục 22: Công văn của Bang Tá Suối Dầu gửi Tỉnh trưởng Khánh Hòa
- Phụ lục 23: Công văn Tỉnh trưởng Khánh Hòa gửi Thủ hiến TrungViệt
- Phụ lục 24: Đặc điểm tình hình Địch - Ta trên chiến trường Khánh Hòa (3-1953 - 8-1953)
- Phụ lục 25: Báo Cứu Quốc, số 166, ngày 18-12-1946.
- Phụ lục 26: Báo Cứu quốc số 783, tháng 20 -12-1947.
- Phụ lục 27: Báo Sự Thật số 11, ngày 12-1-1946.
- Phụ lục 28. Tác giả viếng bia tưởng niệm liệt sỹ Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa
- Phụ lục 29. Tác giả với nhà thơ Giang Nam (Nguyên Phó Chủ tịch tỉnh Khánh Hòa)
- Phụ lục 30. Tác giả với ông Nguyễn Hữu Đức (Chiến sỹ trinh sát Mặt trận 23\10), địa chỉ số, 40 Tháp Bà, Nha Trang, Khánh Hòa

Phụ lục 1: Lược đồ tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 1945 - 1954



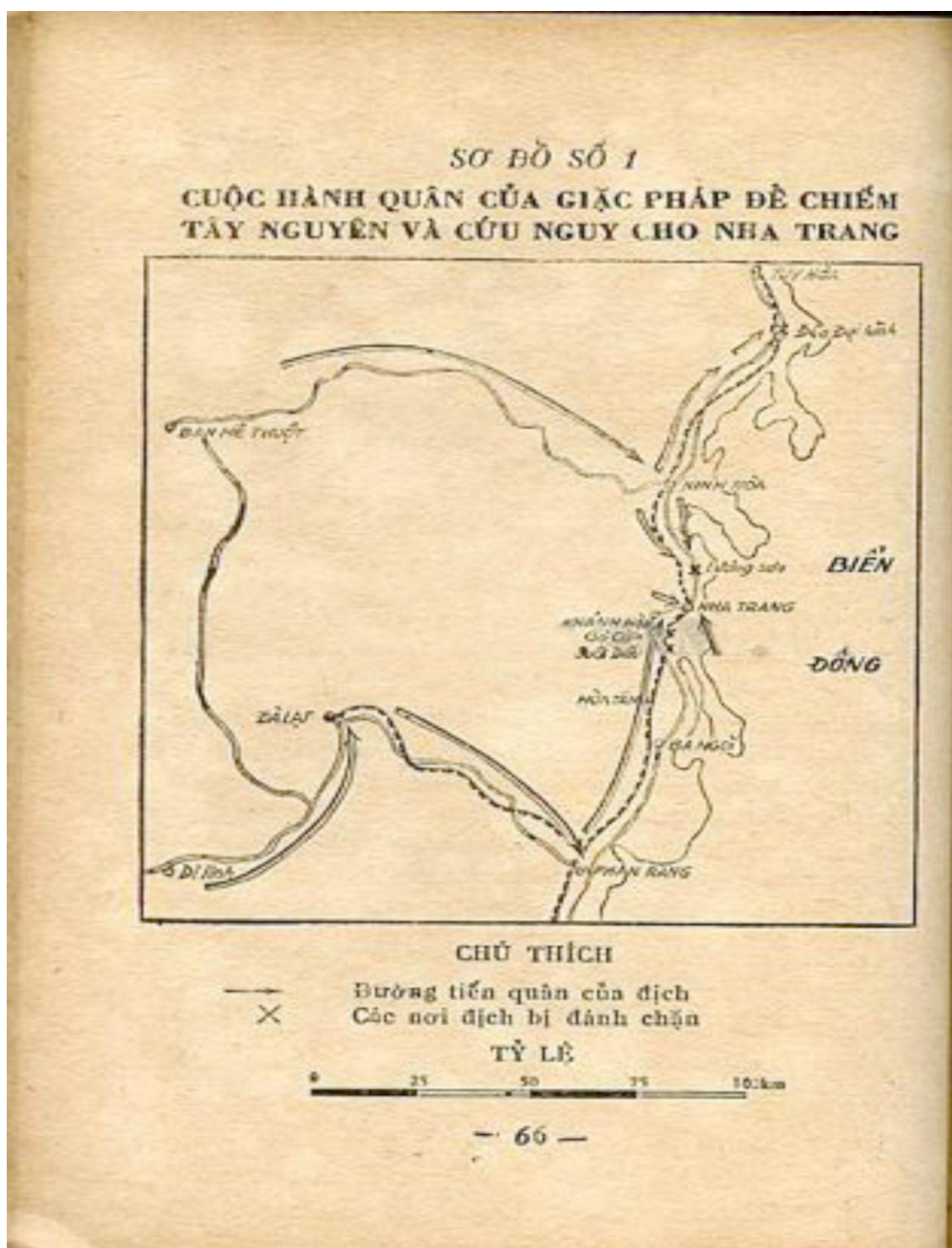
Nguồn: tác giả luận án tự lập

Phụ lục 2: Sơ đồ Mặt Trận Nha Trang - Khánh Hòa



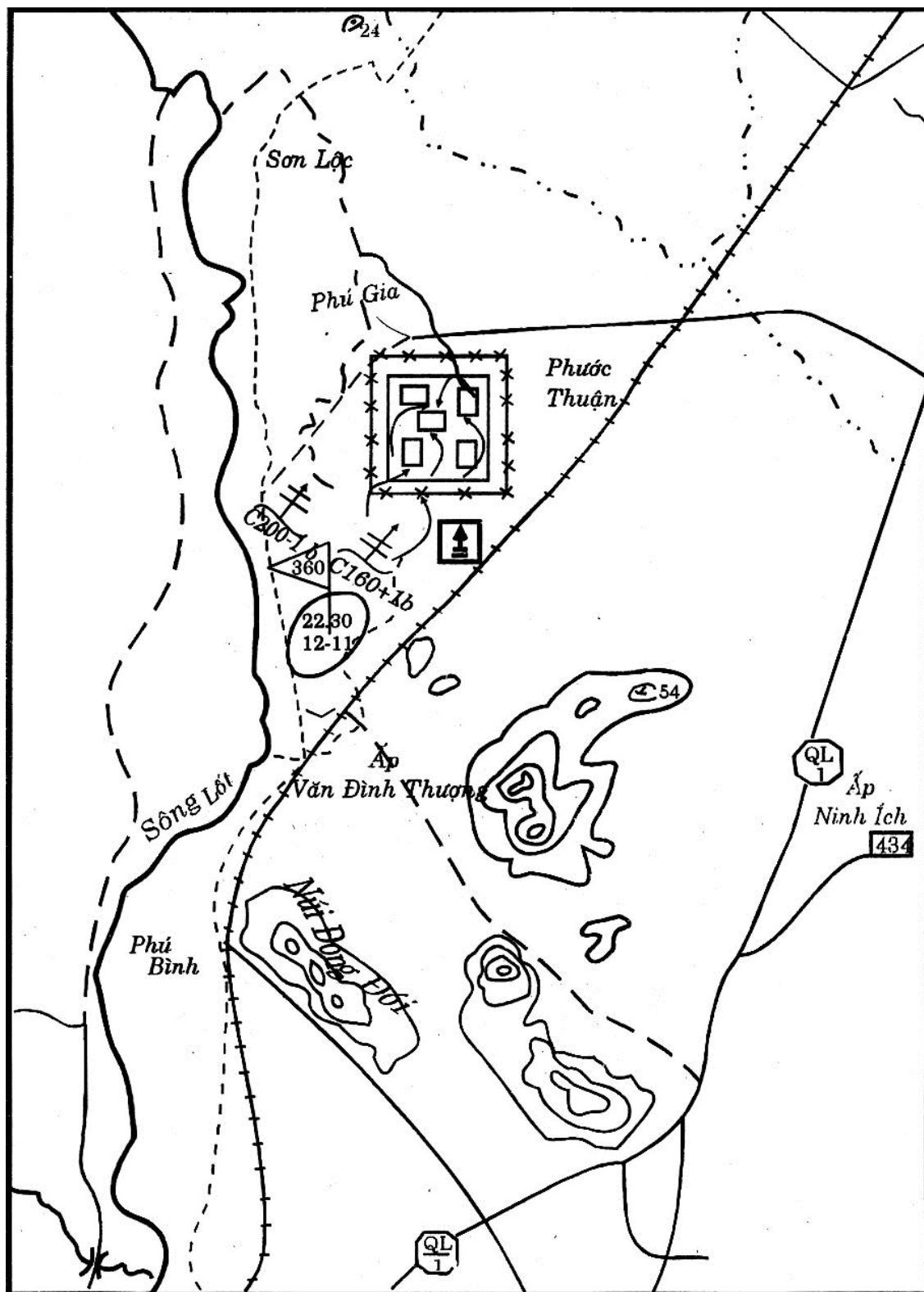
Nguồn: tác giả luận án tự lập

**Phụ lục 3: Sơ đồ cuộc hành quân của quân Pháp giải vây Nha Trang
tháng 1-1946**



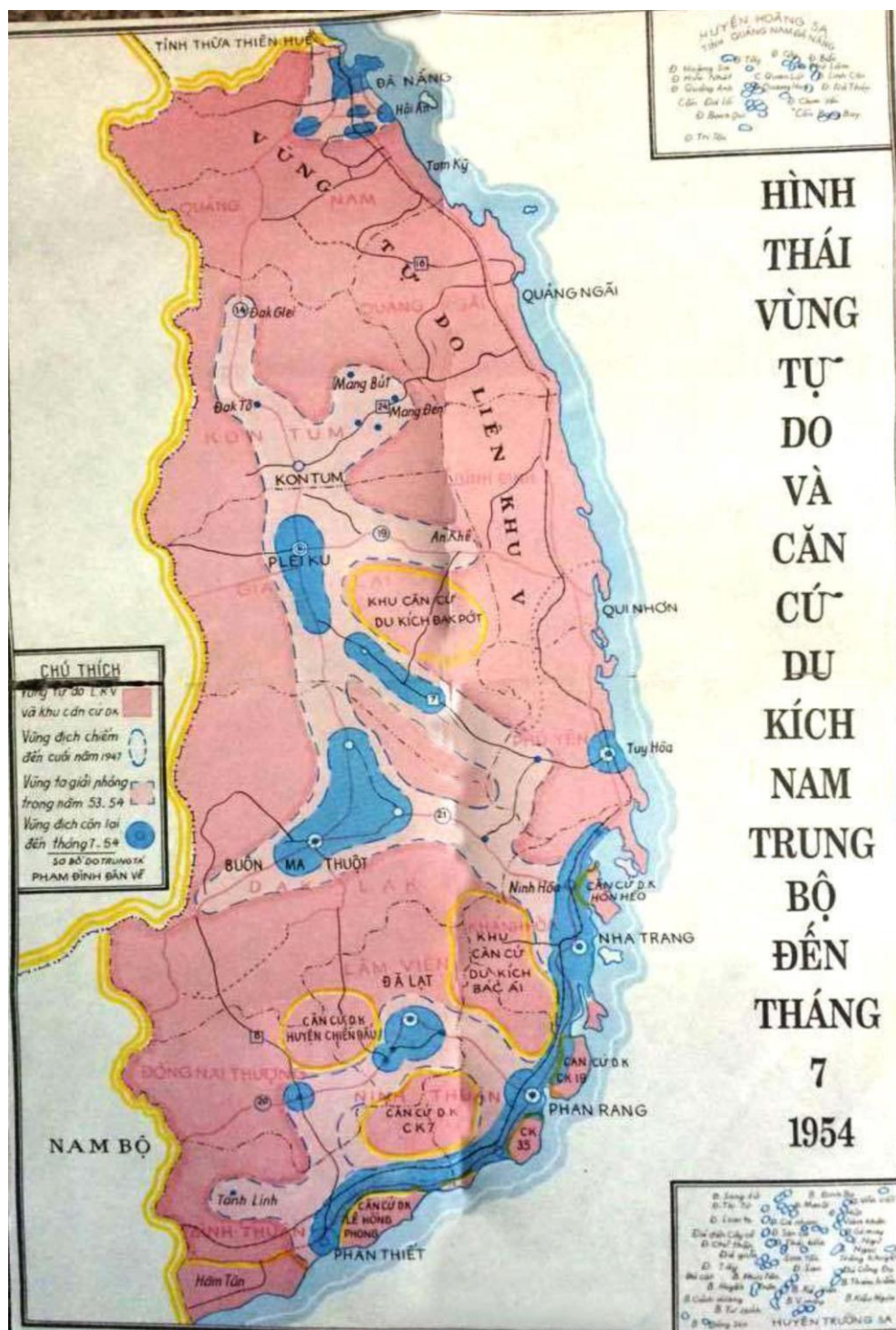
*Nguồn: Nguyễn Việt (1957), Nam Bộ và Nam Phần Trung Bộ trong hai năm đầu
kháng chiến (1945 - 1946), Nxb Văn Sử Địa, HN, tr. 66.*

**Phụ lục 4: Sơ đồ chiến lậ trận đánh đồn Phước Thuận
của Tiểu đoàn 360 (11-1948)**



Nguồn: Khánh Hòa xưa và nay, tr. 80

**Phụ lục 5: Sơ đồ hình thái vùng tự do và căn cứ du kích Nam Trung Bộ
đến tháng 7-1954**



Nguồn: Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 1 (1945 - 1975), Nxb Đà Nẵng.

**Phụ lục 6: BẢNG THÔNG KÊ TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ
NHA TRANG 1950**

BCH Thị đội Nha Trang có 4 người: 1 Đội trưởng, 2 Thị đội phó và 1 Chính trị viên.		
	Thành phần quân số, vũ khí bộ đội địa phương Nha Trang Năm 1950	
Quân số	Tổng số bộ đội	48 người
	- Tiểu đội tác chiến - Trung đội bộ: - Thư ký - Cứu thương - Quản lý - Cấp dưỡng - Liên lạc - Dưỡng luyện	3 Tiểu đội: 32 người 6 người 1 người 1 người 1 người 3 người 2 người 4 người
Vũ khí	- Trung liên thanh - Tiểu liên thanh - Súng trường (Remington) - Súng trường (Đức) - Súng trường (Pháp) - Bom (Bom VN) - Mortier - Lựu đạn đập, lựu đạn Mỹ - Dao găm	1 khẩu, đạn 300 viên 1 khẩu, đạn 120 viên 13 khẩu, đạn 240 viên 5 khẩu, 100 viên 2 khẩu, 60 viên 3 quả, mỗi quả nặng 15 kg 1 quả, 81 ly Lựu đạn đập 10 quả, Mỹ 13 quả 2 cái
Quân nhu	Đang thiếu thốn nhiều về bao đạn và nịt	

Nguồn: Tác giả tự lập dựa trên Báo cáo tình hình Nha Trang, Đảng bộ Thị xã Nha Trang (1950), Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.

**Phụ lục 7: BẢNG THÔNG KÊ THÀNH PHẦN QUÂN SỐ, VŨ KHÍ
BỘ ĐỘI BIỆT PHÁI 252 (9-1950)**

	Ban Chỉ huy 1 người	
	Tổng số bộ đội	48 người
Quân số	- Trung đội bộ: - Cứu thương - Cấp dưỡng - Dưỡng luyện - 3 Tiểu đội	2 người 1 người 2 người 20 người
Vũ khí	- Tiểu liên thanh (Thomson) - Tiểu liên thanh (Sten) - Súng trường (Remington) - Súng trường (Mousqueton) - Súng trường (Indochinois) - Súng trường (Mỹ) - lựu đạn đập	3 khẩu, đạn 60 viên 5 khẩu, đạn 40 viên 3 khẩu, đạn 62 viên 3 khẩu, 62 viên 2 khẩu, 17 viên 1 khẩu, 24 viên 5 quả
Quân nhu	Đang thiếu thốn nhiều về bao đạn và nịt	

Nguồn: Tác giả tự lập dựa trên Báo cáo tình hình Nha Trang, Đảng bộ Thị xã Nha Trang (1950), Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.

**Phụ lục 8: BẢNG THỐNG KÊ SỐ CỨ ĐIỂM CỦA QUÂN PHÁP TRÊN
CHIẾN TRƯỜNG KHÁNH HÒA TRƯỚC HOẠT ĐỘNG HÈ 1953**

Đơn vị	Chủ lực		SAV, SC		GVM		Cộng	
	Đòn	TC	Đòn	TC	Đòn	TC	Cộng	TC
S/S Ninh Hòa	19	15	24	51		9	43	75
S/S Khánh Hòa	13	10	33	74		10	46	94
Place Nha Trang	18	18				5	18	23
Cam Ranh + Bình Ba	2	23					2	23
	52	67	57			24	109	215

Nguồn: Đặc điểm tình hình Dịch - Ta từ tháng 3-1953 đến tháng 8-1953 trên chiến trường Khánh Hòa, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.

**Phụ lục 9: BẢNG THỐNG KÊ SỐ CỨ ĐIỂM CỦA QUÂN PHÁP TRÊN
CHIẾN TRƯỜNG KHÁNH HÒA CÒN LẠI ĐẾN NGÀY 20-8-1953**

Đơn vị	Chủ lực		SAV		B.C Bình		Hương vệ		GVF		Cộng	
	Đòn	TC	Đòn	TC	Đòn	T C	Đòn	T C	Đòn	TC	Đòn	TC
S/S Ninh Hòa	19	15	8	3			14	36		8	41	62
S/S Khánh Hòa	13	10	28	15	5	3		29		8	46	65
Place Nha Trang	18	22								5	18	27
Cam Ranh + Bình Ba	2	24									22	24
	52	71	36	18	5	3	14	65		21	107	178

Nguồn: Đặc điểm tình hình Dịch - Ta từ tháng 3-1953 đến tháng 8-1953 trên chiến trường Khánh Hòa, Phòng UBKCHC miền NTB, TTLTQG III, HN.

**Phụ lục 10: DANH SÁCH TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG
AHLLVTND CỦA TỈNH KHÁNH HÒA**

*** Tập thể:**

1. Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Nha Trang
2. Ban an ninh liên huyện thị Vĩnh Trang (nay là Công an TP Nha Trang)
3. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Vĩnh Ngọc - TP Nha Trang
4. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Diên Khánh
5. Lực lượng an ninh nhân dân huyện Diên Khánh
6. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Diên Sơn - huyện Diên Khánh
7. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Diên An - huyện Diên Khánh
8. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Diên Điền - huyện Diên Khánh
9. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Diên Lâm - huyện Diên Khánh
10. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Ninh Hòa
11. Lực lượng an ninh nhân dân huyện Ninh Hòa
12. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Ninh Thọ - huyện Ninh Hòa
13. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Ninh An - huyện Ninh Hòa
14. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Ninh Quang - huyện Ninh Hòa
15. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Ninh Thủy - huyện Ninh Hòa
16. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Khánh Sơn
17. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Ba Cùm - huyện Khánh Sơn
18. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Sơn Trung - huyện Khánh Sơn
19. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Khánh Vĩnh
20. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Khánh Nam - huyện Khánh Vĩnh
21. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Vạn Lương - huyện Vạn Ninh
22. Công an thị xã Cam Ranh
23. Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Cam Tân - thị xã Cam Ranh
24. Tiểu đoàn đặc công nước 407 (Quân khu 5) đứng chân trên địa bàn huyện Cam Ranh.
25. Đại đội 2 - Tiểu đoàn 407
26. Đoàn Trường Sa

27. Cán bộ chiến sĩ đảo Trường Sa

*** Cá nhân:**

1. Đ/c Bo Bo Tới - xã Sơn Trung - huyện Khánh Sơn - Khánh Hòa
2. Đ/c Cao Văn Bé - huyện Khánh Sơn - Khánh Hòa
3. Đ/c Trần Thị Tư - xã Vạn Lương - huyện Vạn Ninh - Khánh Hòa
4. Đ/c Nguyễn Thị Trừ - huyện Ninh Hòa - Khánh Hòa
5. Đ/c Nguyễn Thị Ngọc Oanh - huyện Ninh Hòa - Khánh Hòa
6. Đ/c Nguyễn Cự - xã Ninh Đa - huyện Ninh Hòa - Khánh Hòa
7. Đ/c Ngũ Hữu Tám - xã Diên An - huyện Diên Khánh - Khánh Hòa
8. Đ/c Trần Thị Tính - xã Diên An - huyện Diên Khánh - Khánh Hòa
9. Đ/c Cao Minh Phi - thành phố Nha Trang - Khánh Hòa
10. Đ/c Nguyễn Khắc Diện - Tuy Hòa - Phú Yên
11. Đ/c Bửu Đóa - Hương Trà - Thừa Thiên Huế.

*Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (2001), Lịch sử Đảng bộ Đảng
Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa (1930 - 1975)*

**Phụ lục 11: Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại buổi lễ kỷ niệm 48 năm ngày
Nha Trang - Khánh Hòa kháng chiến (23-10-1945 - 23-10-1993)**



“Cuộc chiến đấu ở mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa 23-10-1945 cả nước có mặt vì Khánh Hòa, vì miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Tôi mong rằng Khánh Hòa Hôm nay phát huy truyền thống của cuộc kháng chiến năm xưa, xây dựng quê hương giàu đẹp, vì Khánh Hòa và cũng vì cả nước”.

VÕ NGUYỄN GIÁP

**Phụ lục 12: Hình ảnh các vị lãnh đạo và chỉ huy miền NTB
trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)**

**CÁC VỊ LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ HUY MIỀN NAM VN -
TRUNG BỘ - MIỀN NAM TRUNG BỘ**



NGUYỄN CHÁNH
Ủy viên quân sự TB
1914 – 1957



NGUYỄN SƠN
Chủ tịch UBKC Miền Nam VN
1908 – 1956

BỘ CHỈ HUY MIỀN NAM TB



TRƯƠNG QUANG GIAO
Chỉ huy trưởng



PHẠM KIẾT
Chỉ huy trưởng
1912 – 1975



NGUYỄN ĐÔN
Phó Chỉ huy trưởng

Nguồn: Khánh Hòa xưa và nay, tr. 66

**Phụ lục 13: Hình ảnh các vị lãnh đạo và chỉ huy Mặt trận
Nha Trang - Khánh Hòa năm 1945**

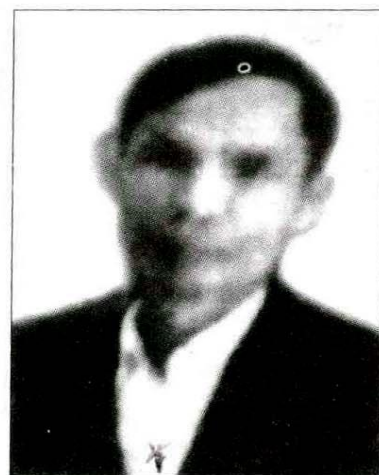
**LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ HUY
TRÊN MẶT TRẬN NHA TRANG - KHÁNH HÒA**



TRỊNH HUY QUANG
*Bí thư Tỉnh ủy lâm thời
năm 1945 – 1946*



TÔN THẤT VỸ (Nguyễn Minh Vỹ)
*Chủ tịch UBKC tỉnh
1914 – 2002*



PHẠM CỰ HẢI
*Phó Chủ tịch UBKC tỉnh
– 1974*

Nguồn: Khánh Hòa xưa và nay, tr. 67

Phụ lục 14: Hình ảnh các vị lãnh đạo BCH Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa

**BỘ CHỈ HUY
MẶT TRẬN NHA TRANG**



TRẦN CHÍ HIỀN
Chỉ huy trưởng
1917 – 2001



TRẦN CÔNG KHANH
Chỉ huy trưởng



BÙI ĐỊNH (Nguyễn Mô)
Chính trị viên
1914 – 1994



HÀ VĂN LÂU
Phó Chỉ huy trưởng
1918 –

Nguồn: Khánh Hòa xưa và nay, tr. 68

**Phụ lục 15: Hình ảnh chỉ huy các đơn vị Nam tiến trong kháng chiến
chống Pháp (1945 - 1954)**



NGUYỄN THẾ LÂM
Đơn vị Thuận Hóa (T.T.Huế)



LÊ KÍCH
Đơn vị Lê Trung Đình (Quảng Ngãi)
- 2004



NAM LONG
Chi đội 3 Nam tiến
1921 - 1999



THU SƠN
Chi đội Nam tiến Cao - Bắc - Lạng
1919 - 1998



LỮ GIANG
Chi đội Bắc Bắc
1920 - 1994

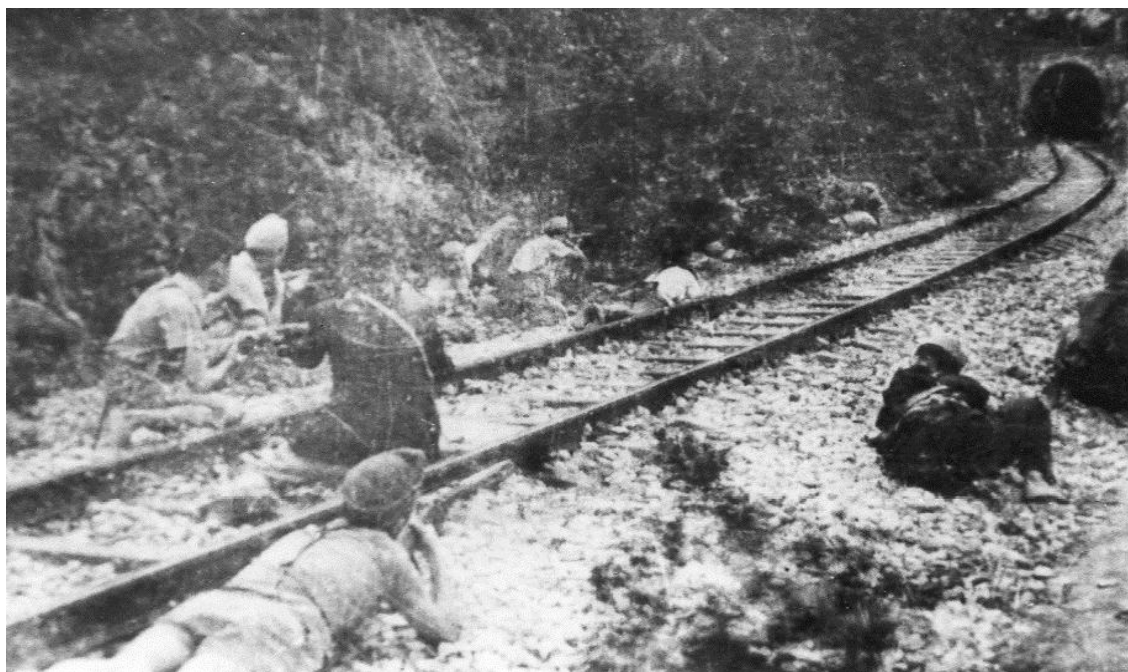


NGUYỄN VĂN VĨNH
*Đơn vị Nam tiến từ Nam bộ ra gồm
công nhân đồn điền cao su SIPH (*)*

(*) Société Indochinoise des Plantations d'Hévéas.

Nguồn: Khánh Hòa xưa và nay, tr. 69

**Phụ lục 16. Một số hình ảnh hoạt động đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa
trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)**



Trận đánh giao thông đường sắt tại hầm xe lửa số 1



Trận đánh giao thông đường bộ

Nguồn: Khánh Hòa xưa và nay, tr. 70



Bộ đội Lê Trung Đình (Quảng Ngãi) vào Nha Trang

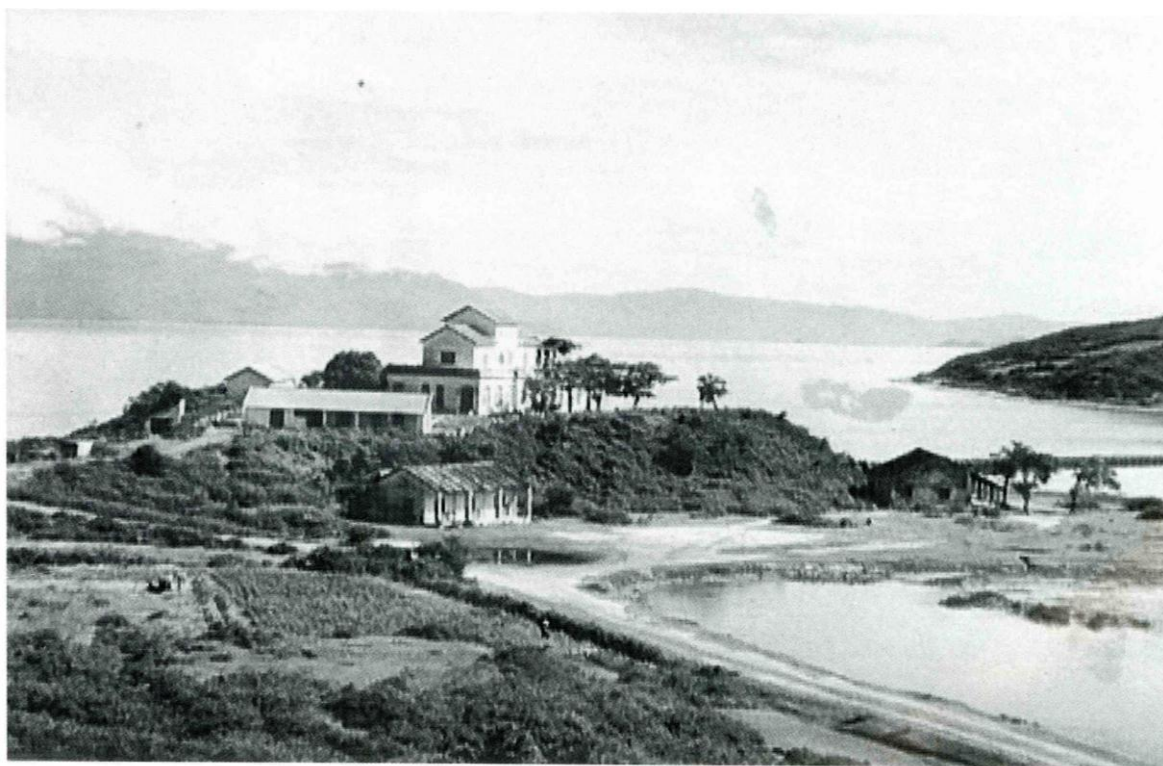


**Đoàn quân Nam tiến trên đường vào chuẩn bị chiến đấu
ở Mặt trận Nha Trang tháng 10-1945**

Nguồn: Khánh Hòa xưa và nay, tr. 71



Nhân dân Diên Khánh tiếp tế lương thực, thực phẩm cho bộ đội



Đồn Thương Chánh Hòn Khói - Ninh Hòa

Nguồn: Khánh Hòa xưa và nay, tr. 72



**Đội du kích đầu tiên người dân tộc Rắc-lây
trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)**

Nguồn: Khánh Hòa xưa và nay, tr. 73

Phụ lục 17. Báo cáo tình hình Khánh Hòa (Từ tháng 1-1949 đến tháng 6-1949)

**Bản sao
TTLTQG III**

VIET-NAM DAN-CHU CONG-HOA - NAM THU 5
ĐỘC-LẬP TU-ĐO HẠNH-PHÚC

UY-BAN KHANG-CHIEN
HANH-CHANH KHANH-HOA

NIEN DO :
1949

Báo cáo
Khánh hòa
TBN 1949

Độc lập - Hạnh phúc

TÌNH-HÌNH KHANH - HOA
(từ tháng 1-49 đến tháng 6-49)

Khánh-hòa, ngày 1 tháng 7 năm 1949
TM. UY-BAN KHANG-CHIEN HANH-CHANH KHANH - HOA



TÔN-THẬT-VY

Việt-nam dân-chu công-hoà - Nam thu 5
Độc-lập tu-do Hạnh-phúc

BAO-CAO TÌNH-HÌNH KHANH-HOÀ
(tu tháng I-49 đến 6-49)

TỔNG-KẾT TÌNH-HÌNH

I.-THÀNH-TÍCH.-

Kiểm-diểm thành-tích của 6 tháng kháng-chiến đầu năm 1949, ta nhận thấy Khanh-hoà đã tiến mạnh về mọi mặt :

a)QUÂN-SU :

-Vệ-quốc-đoàn đã thắng địch oanh-liệt ở Phước-thuần, Phước-my, Quang-thiền, Suối Hàn, làm thất-bại cuộc bao-vây Hòn-hèo trong tháng chạp 1948.

-Vệ-quốc-đoàn đã thắng địch ở Xuân-phong Nam Khanh-hoà.

-Dân-quân đã tiêu-diệt các đồn Trại Ca, Đại-diên-Trung, Cầm Dưa nhờ nổi-công và đã bằm đồn, giành lúa, giành làng mạc, quấy-rối tiêu-hao địch, cô-lập địch một phần nào, làm cho chúng bị-động.

-Bị thất-bại trong các vụ up Cong-an, Thi-xa Nhattrang, up Trung-đoàn-bộ, Dục-vu, up Vinh-xuong, up 2 đoàn liên-lạc và trận giao-thông-chiến Suối Hàn cuối tháng 4-49 nhưng không vì thế mà bot hoạt-động.

b)CHÍNH-TRỊ :

-Số-luong Liên-Việt thêm 10.000 so với tháng II-48.

-Khởi-phục lại cơ-sở ở các xã Tân-hương, Tây-sơn ở Ninh-hoà và đặc-biệt nhất là trong các-cuộc-bầu-cử thành-phố Nhattrang.

-Tổ-chức được các cuộc bầu-cử Hội-đồng nhân-dân xã.

-Pha được nguy-quyển ở miền Bắc, làm cho nguy-quyển ở miền Nam bớt uy-lực.

-Thu-phục được 24 trong số 28 Thôn thương-du Ba-ngôi.

-Đanh tan được anh-hương Vinh-Thuy.

c)VĂN-HOÀ :

-Binh-dân học-vu hoạt-động có quy-mô và quy-cu hơn : tháng II-48 có 14 lớp 683 học-viên - tháng 4-49 có 324 lớp 4.337 học-viên.

-Tiểu-học-vu cũng tiến : tháng II-48 có 6 lớp 215 học-sinh, tháng 4-49 có 12 lớp 360 học-sinh.

-Ninh-hoà có 13 thôn thanh-toan nạn mù chu.

d)KINH - TÀI :

-Giành được lúa voi địch trong mùa tháng 8, tháng chạp, tháng 3.

-Làm được một số ruộng đất bỏ hoang ở Xuân-sơn, Đông-gang.

-Bao-vây địch được chặt-chẻ hơn (đánh thuế-quan, thuế nhập thị, bat hàng lâu, tiết-kiểm xa-xi-phẩm ngoại-hoa).

-Thu được nhiều hơn trước.

Nhưng Kinh Tài là mặt-trên kém nhất vì :

-Tiếp-tê còn nhỏ Phuyền.

-San-xuất để tu-tục tại chỗ chưa được.

-Bạc Việt-nam không tiêu được.

II.-KHUYẾT-ĐIỂM.-

a)QUÂN-SU :

-Chương-trình hoạt-động không phối-hop giữa các Huyện.

-Phối-hop quân-su và các ngành chưa đầy-đu.

-Đại-đội độc-lập hoạt-động không đúng phương-châm.

-Các Bộ-đội dân-quân tập-trung hoạt-động không đúng phương-châm.

-Tinh-thần y lại Vệ-quốc-đoàn còn mạnh, không tin ở du-kích.

-Chưa biết đúng chiến-tranh cần náo để đối-pho với địch.

b)CHÍNH-TRỊ :

-Tu-tướng câu an vẫn chưa được đánh tan trong quân-chung và căn-bộ.

-Thu-tiểu tranh-dấu mỗi khi kỳ bị khủng-bộ (Ninh-hoà).

-Số pha-hoại, số làm gang voi địch (Bangôi, Ninh-hoà).

- 2 -

- Hoạt-dộng hợp-pháp rút rè, không lãnh-đạo quần-chúng tranh-đấu
kha mạnh trong những trường-hợp có thể.
- Bi-quan, lạc-quan không chung, tỉnh-thần lên xuống theo từng
trần danh.
- Đối-pho tình-hình không linh-dộng, kịp thời khi dịch giả tay
khung-bổ (Phước-dông, Ninh-hoà).
- Chưa phổ-biến rộng rãi khẩu-hiệu tích-cực cầm-cu chuẩn-bị
tổng phản-công.
- Bỏ chìm phong-trào thi-dua ai-quốc.

c) KINH-TẾ :

- Chưa tích-cực đặt kế-hoạch làm lại các ruộng đất bỏ hoang.
- Chưa đặt kế-hoạch thâm-canh.
- Chưa đặt kế-hoạch tiếp-tê tại chỗ.
- Thất-bại, lỗ vốn trong các trại sản-xuất.
- Chưa đặt kế-hoạch vận-dòng tu-tục cho nhân-dân.
- Không theo dõi việc pha-hoại kinh-tế địch.
- Chưa kiên-toàn ngành kinh-tế.

d) TÀI-CHÍNH :

- Chưa tích-cực thu (nhất là Vạn-ninh)
- Chưa tiêu được bạc Việt-nam mặc dù có hoàn-canh.
- Chưa pha to bạc Pháp.

III. - NHUNG VẤN-ĐỀ CẦN CHU-TRONG. -

Xét qua tình-hình chung trong 6 tháng, những vấn-đề hiện tại
cần phải chu-trong về mặt kháng-chiến hành-chanh là :

-Kinh-tế : làm ruộng hoang, nham mục-dịch tu-tục, giai-quyết
vấn-đề tiếp-tê tại chỗ.

-Tài-chính : Tiêu bạc Việt-nam, pha bạc Pháp.

-Quân-sự : Dẩy mạnh du-kích chiến-tranh (kiên-toàn du-kích
xa, dân-quân tập-trung nhất là các vùng dịch nam được chốt (Nhật-trang
Cam-ranh), và ca trên Thương-du.

Các vấn-đề trên đã được thảo-luận kỹ-luỡng và có kế-hoạch
thực-hiện trong cuộc Hội-nghị Quân-dân-chính toàn Tỉnh vừa qua
(ngày 5-7/7/49).

IV. - YÊU-CAU. -

- Tích-cực giúp đỡ về mặt tiếp-tê trong lúc địa-phương chưa tu-tục
được.
- Dẩy mạnh phong-trào do dẫu vùng bị chiếm để kết-qua thực-tế hơn
(có bao-gao riêng).

II ————— III

Khánh-hoà, ngày I tháng 7 năm 1949.



Nguồn: UBKCHC tỉnh Khánh Hòa, TTLTQG III

Phụ lục 18. Báo cáo tình hình Quân sự Khánh Hòa (Từ tháng 1-1949 đến tháng 6-1949)

Việt-nam dân-chu công-hoà - Bản sao
T.100 III
Độc-lập Tu-do Hạnh-phúc

BAO-CAO TINH-HINH QUAN-SU
(từ đầu năm đến tháng 6 năm 49)

A/-TINH-HINH DỊCH.-

1°) Quân số : Tổng cộng 6.100 tên kể cả các loại binh chủng, chia ra như sau :

-Ninh-hoà : 1.010 tên	-Van-ninh : 214 tên
-Diên-khanh : 1.300 tên	-Vinh-xuong : 410 tên
-Ba-ngoi : 1.400 tên	-Nha-trang : 1.500 tên
-Phu-khê (Phu-yên) : 220 tên	

Tổng số đồn trong toàn Tỉnh : 134 đồn cả lớn lẫn nhỏ (chưa kể Thi-xa).

- Quân số Ba-ngoi tăng gấp 3 : trước 500 nay 1.400)
- Tuyển thêm nhiều nguy-quân (Việt, Mof) phân nhiều бат cần.
- Đong thêm đồn ở Ba-ngoi, đồn Bến-khê (Diên-khanh) Quang-đội (Vanninh) xây phao-dài ở Dèo Ro-tuong (Ninh-hoà).
- Cho lính man hán về nước.
- Thay quân cho Bạc Khanh-hoà.
- Dân dân giao các đồn lẻ trong làng cho G.I. đong giu, rút bon Phao và Dục về bổ-sung cho các đồn gióc theo quốc lộ số 1 và đồn chính.

2°) Hoạt-động :

a) Nhưng vụ lung lộn :

- Bao-vây Hon-hèo trong 21 ngày (tháng 12-48).
 - Lung Đổng-bô (Vinh-xuong), vùng sản-xuất vùng Nguyên-công-Tru.
 - Lung Hon-lon, Đa-bàn (Van-ninh).
- Chiến-thuật đa dụng : bao-vây, di-động phụ-kích, phối-hop thủy, lúc không quân (nhất trong vụ bao-vây Hon-hèo).

b) Hoạt-động mao-nhiêm :

- Up cơ-quan Tỉnh-bao, Trung-đoàn 80, Ty Công-an, Thi-xa Nhatrang, UBKCHC Vinh-xuong (không kể các xa).
- Chiến-thuật đa dụng : Bô-dối đặc-biệt tu I Trung đến I Dai nhập rung, cho về trước một bộ-phần, một bộ-phần nam lại 5,3 ngày trên cao tìm nhưng nơi cơ khôi lua và nghe tiếng nơi rồi đánh úp.
- Nghĩ-bình : nhập rung rồi rút ra một bộ-phần, trong khi ấy tàu thủy đổ-bộ, quân phục sản trên up xuống. Phân nhiều nhưng vụ up cơ-quan đều do người của ta bị bắt dân duong, lối này đang ngại hơn cả.

c) Cần quét làng mạc :

- Miền Bắc : dùng lực-luong tập-trung của các đồn chính, nham thành toàn tung vùng. Đồn lẻ chỉ tu về.
- Miền Nam : bắt đầu dùng bô-dối tung khu cần quét, nhưng thành-fân là nguy-quân, thỉnh-thoang mới có Lê-duong hợp sức.

d) Bao-vệ đê-thị :

- Nhatrang : đặt thêm viên vọng dài, cung-cô hệ-thống cu-diêm quanh Nha-trang.
- Ba-ngoi : đong thêm đồn, tăng thêm quân.

e) Bao-vệ giao-thông :

- Đặt thêm vọng gác dọc đường để nhìn được xa, ban được xa (Ninh-hoà, Nhatrang).
- Đong thêm đồn voi lực-luong I Trung, phân-công giu tung khúc đường (Hoà-tân, Bangoi).

g) Bao-vệ miền núi :

- Lập bô-dối đặc-biệt lưu-động tu Bangoi lên Krongpha Bellevue.
- Đong thêm đồn Bến-khê.

n) Chân giao-thông liên-lạc của ta :

- Duong bố ra Phuyền : chân duong Đốc mọ - Ninh-hoà, vào Ninh-thuần : chân duong Vinh-xuong, Ba-ngoi.
- Duong thuy : dong thêm canot, chân Xuân-tu, My-giang, Mui co, Hải-dao Van-ninh, Kê gà, của biên Cam-ranh.

i) Chiến-tranh gian-diệp :

- Tổ-chức gian-diệp trong vùng ta.
- Cho gian-diệp chui vào trong hàng-ngu ta.
- Phao tin nham để lung-lạc tinh-thân ta.

k) Cho phi-co ban phá các căn-cu ta và dọc theo miền duyên-hải
- (Hòn-hèo, Đông-bò).

l) Bô-sung voi nguy-bình : bắt cần (đã làm ở Ninh-hoà) trong tháng 5 được độ 300 tấn.

3°) Du-doan về địch : Trong giai-doan cầm-cu, đối voi vùng bị chiếm địch sẽ thi-hành nhưng việc sau đây :

- Về quân-sự : củng-cố các vị-tri, các thi-trần, các duong giao-thông đồng-thời tìm cách tiêu-diệt lực-luong kháng-chiến của ta, cần quét tàn khốc để khủng-bỏ dân-chúng.
- Về chính-trị : củng-cố bu-nhìn.
- Về kinh-tế : phá kinh-tế ta, gây co-sơ kinh-tế cho chúng, lây chiến-tranh nuôi chiến-tranh.

4°) Công việc chung đã làm :

- a) Bao-vệ giao-thông, đồ-thi, cụ-diêm chặt-choe hơn, củng-cố thương-du :
- Có thể dong thêm nhiều đồn để làm việc này.
- b) Ký quân lung nui mao-hiêm hơn để tiêu-diệt chu-lực ta, phá co-quan ta, nhưng tuyệt-đối không rai không co nhưng vụ lung qui-mô.
- c) Tạo-dạng thôn-quê mạnh hơn, nhất là trong những vùng ta nắm được việc này địch củng, đang làm ở một vài xa thuộc Bắc Khanh-hoà (Tam-phuoc Van-ninh).
- d) Đồn làng dọc duong giao-thông hoặc chung quanh căn-cu ta : đưa dân tu chỗ phong-trào đến chỗ kém để dễ nam, để phá co-sơ quân-chúng ta và co-sơ kinh-tế, đang làm ở Vinh-xuong, Ninh-hoà, Vanninh.
- e) Tuyên-mô nguy-quân : hiện đã bắt cần ở Ninh-hoà, sẽ tiếp-tục chính sách này ở miền Nam và Thương-du nua.
- g) Gia-cuong chiến-tranh gian-diệp ; chiến-tranh cần náo để đo la tin-tục hoặc co-sơ, căn-cu ta, phao tin làm ta bị-dông.
- h) Tập-trung bô-đội, rút lực-luong các đồn nhỏ, lập các đối lưu-dông tang-gia lung làng, up nui.

B/- TÌNH-HÌNH TA.-

I°) Những sự thay đổi từ II-48 đến nay :

a) Về-quốc-doàn :

- Ban Chỉ-huy Trung-doàn : ông HUYEN đổi ra Liên-Trung 80-83, ông THAI vào thế. Ông GIAO đi công-tác 81-82.
- Bô-đội 360 chu-lực Khanh-hoà : sau thời-gian hoạt-dông ở miền Nam được đi nghỉ để bô-sung.
- Bô-đội 101 vào Nam Khanh-hoà nhập voi 98 thành Tiêu-doàn I21.
- Bô-đội 98 ở Nam Khanh-hoà nhập voi 101 thành Tiêu-doàn I21.
- Bô-đội I45 vào phu-trach Ninh-hoà, rút ra ngoài sau trên tháng ở My-luong (7-5-49).
- Bô-đội 208 vào Van-ninh thay 101, đang bô-sung sau trên thất-bai Suối Hàn.
- Bô-đội 240, đang được bô-sung và lập thành Bô-đội 360 phu-trach Ninh-hoà (Đại-đội độc-lập).
- Bô-đội 252 : thống-nhất các tổ-chức vo-trang trong thành-phố.

b) Dân-quân :

- Tinh-đội-bô : ông HAI thay ông HO, ông PHUONG đi, thiếu chính-tri-viễn. Các Ban thiếu người.
- Các Huyện-đội-bô :
Van-ninh : thiếu Huyện-đội.

.....

Ninh-hoà : Huyện-dôi-pho theo Dai-dôi, chính-tri-viên đi học văn-hoà ở miền Nam.

Diên-khanh : Ban Chi-huy dây-du.

Vinh-xuong : Huyện-dôi-truong kém. Chính-tri-viên kha, thiếu Huyện-dôi-pho.

Ba-ngoi : đủ 3 người nhưng chính-tri-viên và Huyện-dôi-pho mới ở Trung-dôi lên. Huyện-dôi-truong là cán-bộ chính-tri.

Ban Văn-thu và các Ban khác ở các Huyện đều kém.

-Các Xa-dôi-bổ : Nơi chung còn kém.

-Các Dai-dôi tập-trung :

Văn-ninh : Tinh-thân kha, vũ-khi kém, kỹ-thuật kém. Sau trận Suối Hàn đã bổ-sung lại gần 2 Trung.

Ninh-hoà : 3 Trung dây-du, vũ-khi kha (2 PM), tinh-thân vững nhưng hoạt-dộng không dùng hương. Tập luyện kém, 2/5 lính cũ, 3/5 lính mới. Cần phải theo dõi nâng-đo và đề-nghị lên Bộ-dôi địa-phương.

Diên-khanh : 1 Trung-dôi, lính mới 2/3, vũ-khi kha (1 PM), tinh-thân vững, kỹ-thuật kém.

Vinh-xuong : Trên 2 Tiểu, tinh-thân vững, kỹ-thuật kém.

Ba-ngoi : 1 Trung-dôi (2 PM) tinh-thân vững, lập nhiều chiến-công

Nơi chung, các Bộ-dôi du-kịch tập-trung tinh-thân vững, vũ-khi, tam-đủ, lưu-dan và dân thiếu, luyện tập, kỹ-thuật, cán-bộ kém, nhận-thức về du-kịch chiến-tranh còn kém.

e) Du-kịch xa :

Trong Tỉnh đều có tổ-chức. Mỗi xa tu 1 Tiểu đến 2 Trung. Vũ-khi trung-bình 5 sung truong ở miền Bắc, miền Nam phân nhiều là lưu-dan, thiếu dân, lưu-dan và bom. Thương-trục bám đồn có kết quả và nhiều kinh-nghiệm ở miền Bắc, nay đã phổ-biến vào miền Nam. (3 Xa ở Diên-khanh đã làm được).

g) Tu-vệ : Vẫn chưa tổ-chức rành-mạch.

h) Tình-hình dịch-vân : Thành-lập Ban dịch-vân Khanh-hoà vào cuối tháng 1-49. Bắt đầu thành hình tu Huyện đến xa. Hầu hết các đồn ta đã liên-lạc và tổ-chức được nguy-quân để làm nổi-ung cho quân-su ta hoạt-dộng hoặc thực-hiễn bí-mật chiến trong hàng-ngu dịch. Đã thu một vài thành-tích đáng kể.

1) Tình-hình Tỉnh-bao :

Trước tháng 3/49 bị tan vỡ. Từ tháng 3 đến nay đang chỉnh-dốn lại. Công việc đã làm :

-Đa tổ-chức các đơn-vị hoạt-dộng toàn Tỉnh, bộ-may đã bắt đầu chạy song thiếu cán-bộ và nhân-viên. Việc bộ-tri rất mong manh.

-Sưu-tầm dịch tểnh ở Bắc Khanh-hoà về bề mặt và một ít của Nam Khanh-hoà.

-Tiên được một phần nhỏ về bề sâu vào nổi-bộ dịch tại Nhatrang.

2) Hoạt-dộng của ta :

a) 3 thời-ky :

-Thang 11-48 đến 3-49 hoạt-dộng mạnh ở Bắc Khanh-hoà

-Thang 3-49 đến 5-49 hoạt-dộng mạnh ở Nam Khanh-hoà

-Thang 5-49 đến 6-49 hoạt-dộng kha ở các Nam Khanh-hoà (Vê-quốc và Dân-quân) - (Bangoi, Nhatrang) - Kém ở Bắc Khanh-hoà.

b) Những trận đánh lớn :

-Diệt cu-diêm bang cương tập : Phuoc-thuân (chiến-công của 80 cơ-màn chiến dịch Thu, Đông).

-Diệt cu-diêm bang ky-tập (có nổi-ung) : Dai-diên-Trung, Trai Ca, bót gác Cầu Dưa (chiến-công của Dân-quân).

-Giáo-thông chiến : Suối Hàn (2 trận : 1 thang, 1 bại).

-Tiểu-diệt bốn tuần-tiểu, cần quét làng mạc và lũng núi : Trận Phuoc-my, Quang-thiến, Xuân-phong, Bai-giêng, Phu-binh, My-luong, Cầu Hín (chiến-công của Vê-quốc-đoàn), Trận Suối-da, Bai-tranh (chiến-công của Dân-quân).

.....

Hoạt-dộng đồ-thị :

Xung-phong tuyên-truyền ở Thành, ném lựu-dạn vào Ninh-hoà, oanh-liệt nhất là đốt-kích vào trung-tâm thị-xa Nhatrang hôm 15-6 và tối 17-6.

Pha các khu an-toàn của địch : Xuân-hoà (Ninh-hoà), Diên-khanh (Vê-quốc-doàn và Dân-quân phối-hop).

Chống cuop lùa : Quang-thiên (chiến-công của 200), Vê-quốc và dân-quân phối-hop chống cuop lùa đặc sắc nhất ở Ninh-hoà, Vạn-ninh. Diên-khanh (dân-quân yểm-hỗ đồng-bào gặt lùa ở Đồng-tron).

Vo-trang tuyên-truyền : Chu-lục Dân-quân Ninh-hoà ở khu Xuân-hoà, Thanh-my, 98 ở Thành, Ngoc-hôi, Hoà-tân, 101 ở Tu-bông và My-dông.

Pha-hoai :

Danh-dam tàu Amiral Vernon (Hon-khoi) do Bô-dội 360 Đốt nhà mủ cao-su Suối-giầu do 98 và Công-nhân Suối-giầu. Dương giao-thông Ninh-hoà, Vạn-ninh pha nhiều nhất. Cát giấy diên-thoai nhiều nhất ở Diên-khanh.

3°) THANH-TỊCH :

a) Giành được chu-dồng chiến-thuật, buộc địch phải phong-ngu và đổi-pho voi ta nhiều.

b) Pha được khu an-toàn của địch ở Xuân-hoà (Ninh-hoà).

c) Phát-dộng được du-kích chiến-tranh, đẩy được phong-trào miền Nam tiến lên.

d) Hoạt-dộng trở lại được ở Nhatrang, thông-nhất được chỉ-huy ở Thị-xa.

e) Bồi-duong được lưc-luong, thu ha nhiều vũ-khi :

-Vê-quốc thu : 13 Brens
20 Sten
7 Mas
2 sung lục
81 sung trường

-Dân-quân thu : 3 Brens
5 Sten
3 sung lục
64 sung trường

-Tuyên thêm được 300 lính mới và 30 hàng binh.

4°) UU-KHUYET-DIEM :

KHUYET-DIEM :

a) Đại-dội Đốc-lập hoạt-dộng chưa dùng phương-châm : nang nhất là 98 làm cho du-kích chiến-tranh không phát-triển mạnh được ở Diên-khanh và Vinh-xuong, chỉ thực-hiễn được ở Hoà-tân. Việc giành lại làng mạc chưa thực-hiễn được đầy-dủ.

b) Phương-thuc phát-triển du-kích chiến-tranh còn kém : kém nhân-thuc về vo-trang tuyên-truyền, chưa làm trọn nhiệm-vu vo-trang tuyên-truyền.

c) Phối-hop giữa bô-dội, uy-ban và đoàn-thể còn kém : 98 và Dân-quân Vinh-xuong, Diên-khanh kém - 145 voi Ninh-hoà kém - Khả nhất là 101 và 208 voi Vạn-ninh.

d) Phối-hop giữa Bô-dội và Dân-quân còn kém : 98 và Dân-quân Vinh-xuong, Diên-khanh (trụ Hoà-tân) - 145 và Dân-quân Ninh-hoà, (khả nhất 360 voi Ninh-hoà, 101 và 208 voi Vạn-ninh).

e) Các Bô-dội dân-quân tập-trung hoạt-dộng không dùng phương-châm :
-Nang về quân-su, ít giúp chính-tri ở miền Bắc, miền Nam khá.
-Thiên tiêu-diệt, nhẹ tiêu-hao.

-Ganh đua lập công voi vê-quốc-doàn qua gang.

g) Bô-may chỉ-huy du-kích ở các cấp từ Tỉnh đến xã, thôn đều chưa kiên-toàn được :

-Huyện Vinh-xuong kém.
-Huyện Diên-khanh đầy-dủ hơn.

- 5 -

- Các bộ máy xa-dôi trong toàn Tỉnh đều kém nhất là miền Nam.
- Tỉnh chưa đủ người trong Ban chỉ-huy.
- Các Ban chuyên-môn kém nhất là Ban chính-trị.
- h) Cấp xa đang còn nặng về y-thức dân-quân tập-trung, nhẹ du-kích.
- i) Chưa có y-thức tổ-chức du-kích thương-du.
- k) Chưa có y-thức dùng chiến-tranh gian-diệp chống địch, thương bị đồng vi bị địch phao tin.
- l) Công-tác chính-trị trong Dân-quân kém, nhất là công-tác chính-trị đối với quân-chuông.

***NHUOC-DIEM :**

- a) Tiếp-tê kho nhất là đối với miền Nam (ca tiên lân gạo).
- b) Vũ-khí, đạn-dược đều thiếu-thốn, nhiều nhất là bom nhỏ, lựu-dan và đạn DAM.
- c) Cán-bộ dân-quân không nhưng đa kém mà còn thiếu nua, nhất là cán-bộ đại-dội.

TONG KET : Nhìn suốt từ Thu Đông 48-49 đến nay, bộ-dội và dân-quân Khanh-hoà đã cùng các ngành chuyên-môn của nó tiến một bước dài và đã góp một phần lớn trong việc đẩy mạnh cuộc kháng-chiến Khanh-hoà qua giai-đoạn cầm-cu. *Nhưng chỉ nhìn thấy là tiến chứ chưa thấy*

**CHUONG-TRINH HOAT-DONG VA CHU-TRUONG CUA TA TRONG
HA BAN NIEN 1949**

I. - DU-DINH PHAT-TRIEU ĐEN CUOI NAM 1949. -

1°) Về quốc-đoàn :

- Mỗi Huyện đều có 1 Đại-dội độc-lập.
- Toàn Tỉnh có 2 Tiêu-đoàn tập-trung không kê Tiêu-đoàn Chu-lục Liên-Trung.
- Trong 6 tháng phải tuyển cho được 500 lính (lấy thanh-niên hiện ở vị-tri Pháp để bổ-sung và tranh khỏi nhập nguy-quân).

2°) Dân-quân :

a) Tập-trung :

- Bộ-dội Ninh-hoà tiến lên Bộ-dội địa-phương.
- Nhưng Huyện khác phải có một Đại tập-trung hay ít nhất 2 Trung tập-trung.
- Các xa đều có từ 1 Tiêu đến 1 Trung độc-lập.
- Tháng 7-49 đến cuối năm, dân-quân cổ-gang bổ-sung cho Bộ-dội 250 người lấy trong hàng-ngu du-kích xa và tu-về.
- Kiên-toàn các đội du-kích tập-trung để tiến tới bộ-dội địa-phương.
- Kiên-toàn các cấp chỉ-huy dân-quân và các bộ-máy cơ-quan.
- Đào-tạo cán-bộ cho dân-quân.
- Giải-quyết vấn-đề vũ-khí (lập quy vũ-khí, ủng-hô cơ-xuống).
- và cấp-duyệt cho dân-quân.
- Giúp cán-bộ chính-trị để kiên-toàn các Ban chính-trị.
- Thành-lập các Ban chỉ-huy Dân-quân ở các thị-trấn biết lập dưới quyền trực-tiếp chỉ-huy của Huyện-dội-bộ để hoạt-dộng mạnh ở những thị-trấn này.

b) Du-kích xa :

- Không kể bộ-phân du-kích độc-tập trong xa, mỗi xa có từ 1 đến 2 Trung du-kích làng.

c) Dân-quân tu-về :

- Mỗi thôn có 3 Tiêu
- Thị-xa Nhatrang và Đa-bac (Bangoi) phải tổ-chức dân-quân địa-phương trong thành-phố.

3°) DỊCH-VÂN :

- Tổ-chức theo hệ-thống của quân-su.
- Hoat-dông trên các chiến-truong chính của quân-su.
- Tiến mạnh mỗi cho quân-su hoat-dông.
- Tu nhưng trên nhỏ đến trên lớn, phải tham-gia hoat-dông.

4°) TINH-BAO :

- Cung-cấp dịch tinh cho quân-su.
- Ngăn ngừa và đề-phòng gián-diệp dịch.
- Phối-hop với các ngành : quân-su, dịch-vân, công-an, trinh-sat, công-đoàn, các U.B.K.C.H.C. và đoàn-thể.

II.- CHU-TRƯỞNG CỦA TA.-

- a) Phát-triển du-kích chiến-tranh nhất là ở miền Nam và ngay trong thành-phố Nhatrang.
- b) Tiến gấp lên Dalat để uy-hiệp trung-tâm chính-trị này của dịch, củng-cố vùng thiếu-số Bangoi và phát-triển du-kích thương-du.
- c) Danh mạnh đồ-thị nhất là Nhatrang, Cam-ranh. Cố-gang hoat-dông ở Dalat.
- d) Giao-thông chiến : Triệt giao-thông tiếp-tê của dịch, nham bao-vây Nhatrang. Đặc-biệt chú-trọng duong Saigon Nhatrang, Nhatrang Phu-khê và Ninh-hoà Banmethuot.
- e) Danh cu-diêm bang cuong-tập hay ky-tập.
- g) Danh mạnh vào nguy-quân để giúp sức cho công-tác dịch-vân.
- h) Chống tạo-dạng những vùng tốt, giành lại làng mạc, xây-dựng làng chiến-dấu và tạo-thành những vùng xấu.
- i) Phá kế-hoạch đồn làng, cướp lùa của dịch, phổ-biên tiêu-bac V.N.
- k) Kiên-toàn Tinh-bao, Dịch-vân và giao-thông liên-lac.
- l) Cố-gang cô-lập các đầu cầu tuong-đối yếu của dịch để tiêu-diệt hay buộc chúng phải bỏ (chú-y đồn Bân-khê).
- m) Tổ-chức nhân-dân phong-diệp.
- n) Bồi-duong và tăng-cuong lực-luong ta (nham vào tiên-tuyên, nham vào vùng dịch-hầu).

----- E T

Khánh-hoà, ngày 1 tháng 6 năm 1949



Nguồn: UBKCHC tỉnh Khánh Hòa, TTLTQG III

**Phụ lục 19. Báo cáo thành tích của dân quân Khánh Hòa (Từ tháng 1-1949
đến tháng 6-1949)**

**Bản sao
TTLTQG III**

Việt-nam dân-chu công-hoà - Nam thu 5
Độc-lập tu-do Hạnh-phúc

BAO-CAO THANH-TICH CUA DAN-QUAN KHANH-HOA
(tu thang 1-49 đến tháng 6-49)

-Vận-dịch ha 2 Dồn, 1 bot :
-Dồn Đại-diễn-Trung (Diễn-khanh)
-Dồn Trai Ca (Bangoi)
-Bot gát Cầu Dưa (Vinh-xuong).
-Tuyên-truyền : 235 lần
-Tạc-chiến : 88 -
-Phục-kích : 168 -
-Tru gian : 61 -
-Pha bu-nhìn : 18 -
-Pha-rối : 106 -

DỒ VẬT TA THU :

-Súng máy : 2 Brens
-Mitraillette : 5 khẩu
-Súng trường : 70 cây
-Súng lục : 3 -
-Lựu-dan Mỹ và trái mù : 222 quả
-Xe đạp : 10 chiếc
-Đồng hồ : 1 cái
-Bạc Đồng-duong : 9.475 đồng
-Lúa : 17.493 gia
-Giấy diên-thoai : 148.382 thuốc
-May diên-thoai : 2 may
-Giấy đồng : 14.450 thuốc
-May danh đèn : 1 may
-Bao gai : 30 cái
-Bò : 6 con
-Trâu : 14 con
-Gạo : 50 ki-lô
-Suu-tầm, vận-dịch : 1.203 viên
-Ban Tromblon VB. : 5 viên
-Dan du co : 9.369 viên
: 7 bang mitraillette

THIỆT-HẠI CUA DỊCH :

-Chết : 146 tên
-Bị thương : 135 tên
-Bị bắt : 46 tên (gồm nguy-quân, huong-ly)
-Đào-ngu theo ta : 6 tên

TA PHA-HUY :

-Duong quốc lộ : 2.973 thuốc khố1
-Duong thiết-lộ : 5.013 thuốc
-Nhà trường bị đốt : 5 cái
-Cầu gỗ bị đốt : 77 cái
-Fong Thông-tin bị đốt : 1 cái
-Xà-lan và may cày : 5 cái
-May nhai da : 1 cái
-Đốt nhà Việt-gian : 28 cái
-Đô ciment : 85 bao
-Đốt lúa : 2.000 gia
-Pha vong hai : 300 cái
-Xế đồ ngoai-hoa : 5 cap
-Đô ruou : 140 lít

Bản sao
TTLTQG III

- 2 -

-Dốt cho	:	2 cái
-Xe bo	:	3 chiếc
-Hương-lô	:	84 thuốc khôi
-May nước	:	2 cái
-Mũ cao-su khô bị dốt	:	10.000 ki-lô
-Kho lương-thực bị dốt	:	1 cái
-Dập u đất	:	9 u

THIỆT-HẠI CỦA TA :

-Chết	:	56 người
-Bị thương	:	17 người
-Bị bắt	:	9 người

VU-KHI TA MẤT :

-Súng trường	:	32 khẩu
-Súng mitraillette	:	1 khẩu
-Dạn	:	140 viên
-Lựu-dạn	:	23 quả
-Bom 15 ky	:	2 quả



Khanh-hoà, ngày 1 tháng 7 năm 1949

Nguồn: UBKCHC tỉnh Khánh Hòa, TTLTQG III

Phụ lục 20: Báo cáo quân sự giai đoạn đầu đến ngày 28-2-1950

ETAT DU VIET-NAM. ADMINISTRATION DU CENTRE. PROVINCE DE KHANH HOA

RAPPORT MILITAIRE période du 1er au 28 Février

Effectifs - de 1.700 fin janvier, ils sont passés à 1.733 unités y compris officiers et hommes de troupe.

La plupart de ces unités sont rétribuées par des contributions volontaires apportées par les villageois dans une volonté réelle d'auto-défense.

Officiers supérieurs : néant

Officiers subalternes : 1 Lieutenant
2 S/Lieutenant
5 Aspirants

Sous-Officiers : 3 Adjutants-Chefs
12 Adjutants
45 Sergents

Hommes de Troupe : 83 Caporaux
1.582 P.A. de 1ère et 2ème classes

Nombre de Postes : 74 répartis, soit sur les axes routiers, soit au milieu des agglomérations, soit à la périphérie des plaines.

Les 8/10 des Postes encadrent des greniers à paddy où toute la récolte est concentrée.

Plusieurs nouveaux postes sont en cours de construction avec la participation enthousiaste de la population.

A Ninh-Hoa, où les matériaux de construction sont introuvables, nos P.A. font eux-mêmes la chaux et les briques pour bâtir leurs postes.

Matériel - a) Postes radio-émetteurs et récepteurs : 2 nous appartenant et

pruntés à l'Armée Française 4 en-
6

b) locomotion : 2 camionnettes
2 Jeeps

Ravitaillement -

a) Nourriture - pas abondante par suite de la solde trop basse que l'on paie aux P.A.

Ils sont ravitaillés par leurs familles dont les contacts quotidiens nous permettent d'avoir des renseignements.

...

Bản sao
TTLTQG IV

Nas défaites : néant

Désertion : néant

Réaction V.M. - J'ai l'impression que les V.M. se préparent à porter à la Province de Khanh-Hoa un coup sérieux pour reprendre le prestige perdu par la défaite récente du régiment 67 et asséner un coup de boutoir contre les organisations d'auto défense qui s'avèrent efficaces.

Ils utilisent maintenant la propagande pour jeter le doute dans les esprits, par suite du retard que notre Gouvernement apporte à la concrétisation de notre souveraineté intérieure.

Bản sao
TTLTQG IV

SITUATION - En aucun cas, le commandement des forces supplétives ne doit être soustrait aux Tinh-Truong, une armée régulière Vietnamienne est une nécessité, mais cette armée n'est pas faite pour le travail de pacification, travail parfois obscur, opiniâtre et humble.

Une amélioration doit être apportée d'urgence aux P.A., en ce qui concerne les soldes.

Des armes automatiques sont indispensables pour augmenter notre potentiel de guerre.

Des commissaires politiques doivent être envoyés dans les postes pour développer les sentiments nationalistes que tous nos hommes ont dans leur cœur mais avec des formes non précises. Il serait une erreur de dire que les P.A. font la police dans les villages et ne se battent pas pour un idéal, or les faits ont prouvé que plusieurs postes P.A. isolés ont résisté contre les assauts répétés des compagnies V.M., et crié des insultes à ceux-ci qui leur demandaient de se rendre à HO-CHI-MINH.

...

Nguồn: Phủ Thủ hiến Trung Việt (1950), TTLTQG IV.

Phụ lục 21: Báo cáo chính trị giai đoạn đầu đến ngày 30-06-1950

25/57

TRAIT DU VIET-NAM - ADMINISTRATION DU CENTRE - PROVINCE DE NHA-THANG

SECRET
432. De 16.7.50

RAPPORT POLITIQUE (période du 1er au 30.6.50)

RECEVÉ

RAPPORT AVEC LE G.K. - Pour marquer notre politique de ralliement et notre sympathie pour les résistants de bon aloi, un Centre d'Accueil a été installé à Nhatrang en Avril dernier, et en dépit d'une politique inspirée de ces données, les nationalités résistants ne se sont présentés qu'à un faible rythme pour se faire héberger.

**Bản sao
TTLTQG IV**

Ceci ne m'étonne guère car je ne saurais trop dire que la pacification du Viêt-Nam ne pourrait être réalisée dans de bonnes conditions tant que les Troupes Etrangères qui occupent encore le pays et que parmi eux des éléments indisciplinés se livrent à des exactions sur nos compatriotes, et que tant que cette situation équivoque existera et qui consiste à rabaisser les oreilles des pauvres Nhà-quê, taillables, corvéables, tumbles à merve qu'ils sont indépendants et souverains ! Hélas ! la guerre a ses impératifs, mais l'homme est aussi un être humain civilisé, il a besoin d'un minimum de dignité pour s'assurer une existence convenable. Ce minimum de dignité, on ne lui a pas accordé, il est battu, insulté comme une bête de somme, considéré comme un esclave jeté en prison sur une simple dénonciation, ou un geste mal à propos, comment veut-on que dans ces conditions, la propagande ne rapporte pas beaucoup et qui n'agit pas sur lui, pas moins sur les résistants acquiescents !

Mon point de vue est le suivant : l'Armée Française nous laisse faire nous-mêmes la pacification de notre pays dans la plaine, elle se concentrera dans des endroits déterminés, ou occupera des postes en montagnes en s'abstenant de tout contact avec la population. Elle servira de Troupes d'intervention ou de protection. Nos compatriotes nous reprochent d'avoir prétendu résoudre certains problèmes en signant certains papiers, mais, hélas ! le drame existe, nos frères de race souffrent, pleurent et se révoltent.

-9-

dépenser... des livres de discussions lyonnaises, de dissertations dans la
vide, et songer que nos ennemis se multiplient avec un coefficient dynamique
leur potentiel de lutte contre nous.

Je ne puis pas voir l'administration des différents pro-
vinciales, indiens, bleus ou bruns.

Le 1er d'octobre (d.i.) qui devrait être passé forces
viét-namites, suivant les leçons du M.H.S, nous soit remis le plus tôt
possible, le travail des hommes ne change pas tant qu'on conserve pour assurer
cette formation, des ~~généralistes~~ européens. Ce serait un non sens que de voir
les forces viet-namites commandées par des Européens. Il existerait toujours
une des conditions, un viet-nam, un élément à sa propagande.

- Le G.I. est censé passer au commandement du Viet-nam, cependant
les Gardes autochtones ne connaissent que le Vinh-Trung à l'exclusion de toute
autre autorité, et le personnel européen, à quelques exceptions près l'ignorant
absolument. Cet état de choses certes, n'est pas de nature à relever
le prestige de notre Gouvernement.

Bản sao
TTLTQG IV

- que les militaires européens qui occupent encore quelques rares
postes périphériques dans la Province, se conduisent correctement envers nos
compatriotes, qu'il n'y ait plus d'abus, d'arrestations, etc...

- que le facteur sécurité soit augmenté par la création de nouveaux
postes et le recrutement de nouveaux partisans, et création, dès que possible
de l'armée nationale.

- que l'équipement économique soit entrepris pour améliorer le
standard de vie de la population.

- que la lutte contre le Viet-minh communiste soit intensifiée,
en adaptant la politique et l'administration aux réalités vivantes de la
guerre.

- que les amis nous soient demandés d'urgence pour nos besoins pour
assurer l'auto-défense.

..

Source: Phủ Thủ hiến Trung Việt (1950), TTLTQG IV.

Phụ lục 22: Công văn của Bang Tá Suối Dầu gửi Tỉnh trưởng Khánh Hòa

CHIA VIET - NAM
TỈNH KHANH - HOA
QUAN SUOI DAU
SO. 130. SDM.

1258/47
SUỐI- DẦU, Ngày 5 tháng 4 năm 1950.

BANG - TÁ SUỐI DẦU
kính gửi
TỈNH TRƯỞNG TỈNH KHANH - HOA tại NHATRANG

Bản sao
TTLTQC

TRÍCH YẾU: Cuộc phục kích tại Gare Cây Cày.

Đoàn lữ động Bảo-trợ quân Suối-dầu, ngủ giữ tại viên-vong dài cầu Suối-dầu, lúc 6 giờ sáng ngày 5.4.50 do tên LÊ-BA-CÀ đem 20 người đi phục kích tại Gare Cây cày bỗng chạm trán với Bộ đội Việt-Minh độ 30 người, bọn này ra chặn ^{xe} đốt không cho cưỡi về thành-phố Nhatrang và không cho chỗ để vật liệu để làm viên vọng dài.

Hai bên kịch chiến bất dũ đội, quân ta cố xung phong và bắn chết 1 tên, và bắt sống được một tên lính Việt-minh, tên LÊ- NAM, 21 tuổi, người làng Phú-Khánh, trước có làm cán bộ làng, nay lại gia nhập vào bộ-đội Sông-lô số hiệu 360. Hai bên tác chiến gần đến nửa giờ đồng hồ, kế lại có đoàn lữ động Diên-Khanh cũng đóng giữ tại viên-vong dài đến tiếp viện có lượm thêm được một khẩu súng mousqueton, 21 viên đạn, dầu xăng, dầu lửa và bóng đèn.

Bọn chúng thật bại chạy toan loan vào rừng. Tên Lính Việt-Minh này đã đưa ra Quận Diên-Khanh lấy thêm ~~tên~~ tước và gọi lại Đệ-nhi-Phong Tiêu khu Khánh-hòa.

Vậy xin phúc trình về Tỉnh đường rõ.

Bang tá Suối dầu

Ký tên : NGUYEN TUAN và đóng dấu



HOANG-PHUC-HAI

Nguồn: Tỉnh trưởng tỉnh Khánh Hòa (1950), TTLTQG IV.

Phụ lục 23: Công văn Tỉnh trưởng Khánh Hòa gửi Thủ hiến Trung Việt

1655/08
CH
170

TRUNG - VIỆT
TỈNH KHÁNH - HÒA
THỊ-XÃ NHATRANG

MẬT

QUỐC - GIA VIỆT - NAM

Nhatrang ngày 22 , tháng tư , năm 19 53.

Số 94 VPM

TỈNH-TRƯỞNG TỈNH KHÁNH-HÒA,
kính gửi

Bản sao
TTLTQG IV

Ông THU HIEN TRUNG VIET ở HUE

TRÍCH YEU : v/v xui đượ các tân binh xin hoãn cuộc động-
viên hôm 3.4.53.
THAM CHIẾU: phúc qui tư-văn số 608.VPCTM ngày 11.4.53.
ĐÌNH HẬU : Hồ-sơ các can cuối vụ này.

Về việc này tỉnh tôi đã trình quý phủ biết ngay
ngày xảy ra tức là ngày 3.4.53 lúc 11 giờ, 15 bằng công điện
chữ số 8159.VPM (xin đình hậu bản sao điện-văn). Có lẽ
đã có sự sơ xuất chậm trễ của phần hành không trình kịp thời
lên Cụ điện tín ấy.

Tỉnh tôi cũng đã trình rõ ràng thêm trong công-
văn số 83.VPM ngày 14.4.53.

Sở dĩ tỉnh tôi mãi đến 14.4.53 mới trình thêm
bằng công văn là vì còn phải điều tra kỹ càng thêm và trong
thời gian ấy Ty Công-an đã bắt thêm thủ-phạm là LAM VAN VAN
và 2 tòng phạm là LÊ THU và NGUYEN THANH SƠN.

Còn 2 tên ĐÔ-VĂN-RỐT và NGUYEN-TỬ-HẢI kẻ
trong công-văn số 608.CTM ngày 11.4.53 cũng chỉ là 2 tòng
phạm và đã bị bắt ngay hôm 3.4.53.

Tỉnh tôi xin gởi theo đây hồ-sơ của can cuối
trong việc này và xin đề nghị quý phủ đưa nội-vụ ra Tòa-án
Quân-sự xét và nghị xử.

nay kính

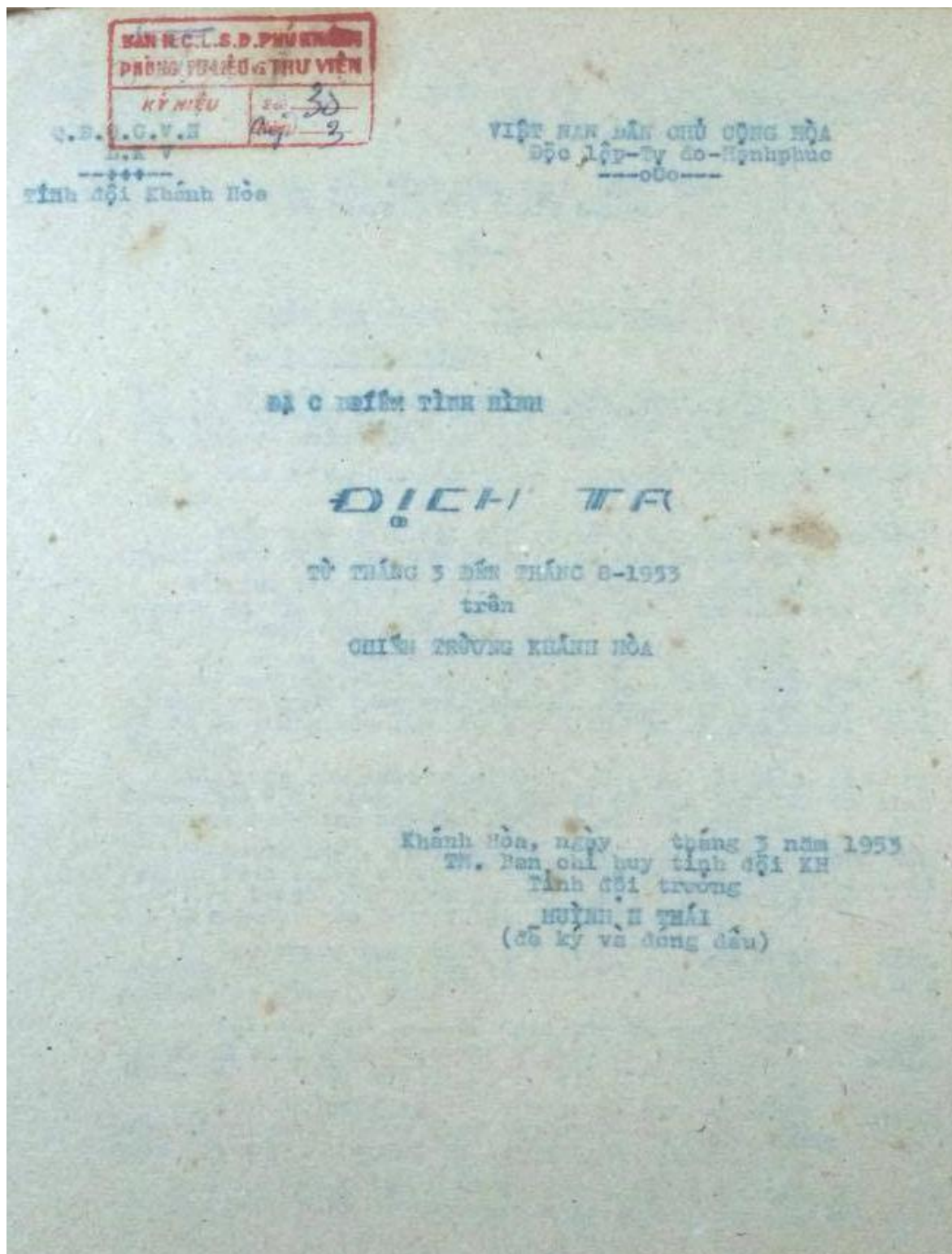
QUỐC-GIA VIỆT-NAM
TỈNH-TRƯỞNG
KHÁNH-HÒA
TRUNG-VIỆT

[Signature]

PHONG TONG-TRAN
HOC-THAM VIET-NAM
28-4
2701

Nguồn: Tỉnh trưởng Khánh Hòa (1953), TTLTQG IV.

**Phụ lục 24: Đặc điểm tình hình Dịch - Ta từ tháng 3-1953
đến tháng 8-1953 trên chiến trường Khánh Hòa**



- 400 tên ở tại thị xã Ninh Hòa.
- 1 c góa 100 Phi và ngày Thổ và Chăm đóng Lạc An.
- 5e Cie pionniers tại Ninh Hòa 120 tên.

Tổng số 680 tên (chưa rõ cụ thể đơn vị này).

Sau ngày 12-8 ta đánh bại Commandos My Dong, Vạn Giã ở Hóc Chim định đưa 1c Phi cùng đại bộ phận 2/4 RTĐ đóng Ninh Hòa ra tăng cường cho Gia và My Dong.

c/ S.A.V: trực thuộc hệ thống GVN. Trước gồm 69 , nhưng gần đây một số bộ sung cho GVN và đưa đi chiến trường khác, còn lại:

- 1c Tân Lâm, Đồn Bào, Quảng Cư, Phú Sơn (PC Quảng Cư) mỗi đơn 1 trung đội 140 tên
 - 1c Bình-Tu, Tân Hưng 90 tên
 - 1c Hòa Liên, núi Bạt, Hội Bình 147 tên
 - My Tường (PC Hòa Liên)
 - 1c Ninh Hòa-Tiên Hào, Phú Hội, Môn Một 100 tên (PC Ninh Hòa)
- 477 tên

d/ Bảo chính binh và hương vệ Trung phần:

- 1c khu vực miền Đông Bắc (PC Phú Thọ) 64 tên
 - 1c miền Đông P.C Tư Chánh 120 -
 - 1c miền Tây PC Đại Mỹ 90 -
 - 1c miền Tây Nam PC Bình Thành 95 -
 - 1c miền Bắc Bắc Khánh quận Vạn Giã, 120 -
 - Tu Dong
- 513 tên

e/ C.S.M: 5c:

- c. 544 do S/Lieutenant Desnebourg chỉ huy, đóng Cầu Đức (Tân Phước) quân số 105 tên
- c. 640 đóng Mỹ Dong, quân số 90 -
- (Mỹ Dong và Cầu Đức do CSM chỉ huy, chứ không phải GVN như báo cáo trước).
- C. Đức Mỹ (đóng 12) 120 -
- C. 632 Rọ Tượng (PC) và Phú Hữu 128 -
- C. Đông Thương Chánh và Ninh Hòa 120 -
- cộng 563 tên

2 CSM Đức Mỹ và Thương Chánh, mỗi c. có 1 trung đội tượng, các ở khác toàn người Việt.

g/ Commandos và Secteur Securite Ninh Hòa:

- 1 Section Commandos (trước 2b nhưng nay đã bổ sung qua CSM 1b), quân số 45 tên
- 1 Secteur Securite, quân số 30 -
- cộng 75 tên

h/ Binh chủng chuyên môn (tại thị xã Ninh Hòa)

- 1 Section Artillerie gồm 4 canons 75: 3 mobiles và 1 sans recul fixe.
- 1 Section Transmission.
- 1 Section 5e Cuir gồm 10 chiếc: 2 tank, 6 chenilles, 1 scoutcar, 1 halftrak.
- 1 Section auto gồm 30 camions, 1 GMC gắn 1 canon bofor.

Quân số các loại binh chủng chuyên môn này: 150 tên.
 Tổng số quân toàn Sous Secteur Ninh Hòa: 3.210 tên
 Thành phần: 30 Âu, 620 Bắc Phi, 2.485 Việt, 75 *
 thương.

II- S/S Ninh Hòa:

PC tại Thành Diên Khánh do các lực lượng GVN (giáo đoàn 262), GSM, Bảo chính đoàn và hương vệ Trung phân), (hệ thống tổ chức như cũ).

1) Tiểu đoàn GVN 262: gồm 5 c. mỗi c có 1 trung úy hay thiếu úy người Việt ở trường Đe Lát chỉ huy.

- C. An Bình (PC) Phú Cốc	104 tên
- C. No 5 (của 261 đưa vào: theo lời khai từ binh) PC Thành Diên Khánh	148 tên
- C. Sông Thủy Tu (PC) (C/S.A.V. 457 tiến lên)	98 -
- C. Đồng Đắc Lộc (PC) Vườn Kosi (c. SAV 458 tiến lên)	105 -
- C. Nha Dong (PC) Lương Sơn (c. SAV 459 tiến lên)	120 -
	<u>575</u> tên

Ngoài ra ở Thành còn 1 CHR GVN, quân số 139 tên
 cộng: 705 tên

2) C.S.M: có 4 c:

- c. 634 Đổng Đắc Bực quân số	210 tên (25 Ph, 185 thương)
- c. 630 Đổng Cẩm Sơn, quân số	47 - (rút 20 trong tháng 6)
- c. 630 thành	120 -
- c. 633 Subi Đồi	60 - (40 tên rút đi Huế t/6)

cộng 437 tên

3) S.A.V: 7 c:

- c. 450 Cam Lâm, quân số	175 tên
- c. 451 PC Cựu Lợi, Vĩnh Bình, Liên Nông, Ba Triêng do Quan Ca chỉ huy, quân số	150 -
- c. 452 PC Mỹ Lộc, Định Thành, Bình Khánh do Quan Khâm chỉ huy, quân số	96 -

- c. 453 PC Cây Đa, DD Trung, DD Đông do	1 01 tên
Quân Quan chỉ huy, quân số	
- c. 454 PC Phú Cốc, Phước Tuy, An Định	122 -
do Quân Kiện chỉ huy, quân số	
- c. 455 PC An Định, Võ Kiện do Quân	98 -
Châu chỉ huy, quân số	
- c. 456 PC DD Nam, An Chúa, DD Tây do	132 -
Quân Đông chỉ huy, quân số	
cộng:	874 tên

4) Bảo chính binh đóng các nơi :

- Huyện Vĩnh Xương (huyện trưởng Trần Xuân Phan, Võ Đông, Xuân Lạc.
- Diên Khánh (quan Đưa), Thanh Minh (bang tá Bình), Phú Lộc (bang tá Tắt), Nghiệp Thành, Phú An, Đông Dưa.
- Suối Dầu (bang tá Tuấn)

Tổng số 239 tên.

5) Hương vệ: đóng các nơi:

- Huyện Vĩnh Xương: tháp canh Cây Đa, Phú Vĩnh, Xuân Lạc, Ngọc Hải, Lý Cầm, Bà Nghệ, Thái An, Chợ Mới, Đông Đa, Chứt, Bình Tân, Hải Chua, Hà Ba, Xóm Bông.
- Phú Diên Khánh: tháp canh Phú Hậu, Hội Xương, Xuân Phú, Suối Đa, Trường Thành, Trường Lạc, Đông Dưa, Phước Trạch, Phước Thịnh, Cầu Lùng.

Tổng số: 242 tên.

6) Gao Đài vũ trang: đóng các nơi:

Tháp canh Hà Dừa, Đại Diên Tây, Phú Lộc (PC), Khu Phố, Bình Cang. Tổng số: 77 tên.

7) Binh chủng, chuyên môn: (đóng ở Thành)

- 1 b Transmission, quân số	35 tên
- 1 b Artillerie, quân số	35 -
- 1 b Service à auto, quân số	40 -
- 1 b Securite, quân số	35 -
	145 tên

8) Lực lượng tân binh huấn luyện ở:

- Phú An, quân số	22
- Quận Vĩnh Xương	30
- Thanh Minh	30
cộng	82 tên

Tổng số S.S Khánh Hòa: 2.801 tên

Thành phần: 50 Âu, 2.521 Việt, 230 Thượng.

III- Quartier Genie (Cơm Rán):

240 Âu Phi, thành phần: 219 Da đen và 21 Âu.

IV- Quartier de Regne (Bình Ba)

140 Âu (có 90 tù binh Đức)

V- Lực lượng G.V.P:

10 đồng từ Ninh Hòa vào Ba Ngòi. PC ở Phú Vinh.
Quân số: 267 tên.

VI- Camp Suối Dầu:

Hiện nay Suối Dầu là nơi bố túc cho các loại lính GVN, SAV và Commandos bố túc lớp hạ sĩ và nơi nghỉ dưỡng cho các loại lính.

Việc huấn luyện tên binh mới bắt đầu đưa vào Hình Chẽ (Bình Thuận) luyện tập.

Quân số: - Số cũ có Cie D'Instruction và bảo vệ gồm:
270 người (có 30 Âu)
- Số mới: 1.800 tên binh

VII- Nha Trang/Place:

Quân số: 4.213 tên

Thành phần: 2.943 Việt, 870 Âu, 400 Phi.

Định chỉnh các tin trong báo cáo trước:

- 7e Cie Transmission thành lập ngày 1-7, chứ không phải tiểu đoàn số 7. Đại đội nay đóng tại nhà Anh Sang bên kho dầu. Thành phần tân binh có học ở Suối Dầu và thành niên chuyên môn mới tuyển vào. Do sĩ quan chuyên môn Pháp huấn luyện. Quân số 120 tên.

- Tiểu đoàn số 9: quân số hiện nay 500 tên. Thành phần lực lượng, thật nghiệp, công an, bù nhìn, cảnh sát. Lương lính 9000 Đồng Dương. Do tên quen ba Việt tên Phước và quan hai Việt tên Tuân chỉ huy. Có 4 quan hai và ba quan một Việt. Lính thường đánh nhau, 7 cấp bọn lính Âu, công an. Đối với nhân dân ít hung hăng.

Cố tin bọn này đầu tháng 8-1953 sẽ đi Tây Nguyên.

Vụ khí: toàn tiểu đoàn có 27 PH

Mọi trung có: 3 PH, 6 mixep, còn súng trường tự động.

Mọi lính có 100 viên đạn.

- Trưởng thủy quân VN hiện nay có 850 tên

- Trưởng không quân VN hiện nay còn 180 tên.

- Caserne Colone: (Phi trưởng Pháp) có 600 tên, thành phần 49 sĩ quan, từ quan 1 đến quan 5, 300 hạ sĩ quan, 255 lính (có 135 da đen).

Tổng số toàn chiến trường Khánh Hòa: 12.793 tên

Thành phần: 10.108 Việt

1.239 Bắc Phi

1.141 Âu

305 Thượng

E- CÁC LOẠI HÌNH CHỮNG:

1) GVN: Hiện nay trên chiến trường Khánh Hòa có hai

tiểu đoàn chính quy này:

- Tiểu đoàn 261 trước là GC Ho 1
- Tiểu đoàn 262.

Nhiệm vụ:

- Thay thế chủ lực Pháp chiếm giữ các đồn lớn dọc ven rừng bọ các căn cứ ta như các cứ điểm Phú Sơn, Quảng Cư (Bắc Khenh) Phú Cốc, An Định (Nam Khenh) hay các cứ điểm trọng yếu như Vạn Cĩa, Bôn Giom (Bắc Khenh).

- Phối hợp với chủ lực Pháp càn quét các căn cứ ta đánh phá vùng tự do ta.

- Tiếp viện cho những nơi bị đánh.

Tổ chức phiên chế:

- Mỗi tiểu đoàn có 5c. Trong 5c có 1 CCB đóng bên giữ hay tiểu đoàn vừa lập việc cơ quan (một số) vừa phụ trách bộ phận trọng pháo của tiểu đoàn, đồng thời tiếp viện cho các nơi bị đánh (gần như nhiệm vụ vùng chiến).

- Mỗi C có 4 trung, mỗi trung có 3 tiểu, mỗi tiểu có 12 tên.

Chỉ huy: toàn tiểu đoàn có 1 tên sĩ quan Pháp chỉ huy. Tiểu đoàn 261 có capitaine Franche. Tiểu đoàn 262 có Com mandant Heudeletta. Giúp việc có một số sĩ quan Việt ở trường Ba Lạt ra.

Các đại đội đầu do sĩ quan Việt chỉ huy. Thành phần thiếu úy hay trung úy ở trường sĩ quan Ba Lạt ra.

Trang bị:

- Vũ khí: mỗi tiểu đội có 1 FN Brem hay 24/29, 2 mitrep, 1 tromblon.VN, còn toàn súng trường tự động.

Mỗi c thường có 2 trọng liên hay đại liên và 1 hay 2 mortiers, loại 60 và 61. Vũ khí trên phân nhiều để các đồn lớn PC của c.

Tên đơn trung liên, thường xuyên có 10 băng đạn. Ngoài ra tất cả lính trong tiểu đội có nhiệm vụ mang thêm đạn trung liên.

Mỗi lính có đến 150 viên đạn súng trường.

- Quần áo: mỗi năm mỗi tên lính lãnh 6 bộ quần áo (có 1 bộ dùng để đi trận), 6 khăn lau mặt.

- Lương: mỗi tháng: lính: 1.100đ, quan đơn thiếu úy : 3.600đ.

Tinh thần, chiến đấu: nói chung thường, sự re trận, lên căn cứ. Lệnh bắt buộc phải đi, cầu an.

Kỹ chiến thuật: phân đông số mỗi huấn luyện ra (Suối

Đầu) kén. Số cũ tương đối khá hơn, kỹ thuật xạ kích và hành quân dơ hơn bọn lính mới (phần này chưa rõ lắm).

2) S.A.V: lực lượng này dùng để công súng cho GVN. Có c đồng riêng, có c đồng chung với GN như ở Quảng Cư, Phú Sơn (Bắc Khanh).

Nhiệm vụ: cùng với GVN chiếm đóng các cứ điểm bọg căn cứ ta như Quang Cư, Phú Sơn, Đồn Dao (Bắc Khanh), Phú Cốc, An Bình (Nam Khanh). Các cứ điểm ven rừng như Ngã Liên, Mỹ Lương, Tân Hưng (Bắc Khanh), Đắc Lộc, An Châu, Đại Điện Nam (Nam Khanh). Các cứ điểm hay tháp canh dọc gào thông như Minh Ma, Tiên Mao, Phước Thuận (Bắc Khanh).

Lương: lính: 800đ, đội 900đ, quan: 1.500đ. Mỗi tháng trừ 15đ gạo, xa phòg.

Quần áo: mỗi năm 2 cặp quần áo, 1 khăn lau.

Vũ khí: mỗi trung có 1 trung liên. Từ 4-6 mi thường. Còn súng trường Mỹ, Đức, Mas 36.

Mỗi trung liên có từ 800 đến 1.000 viên đạn.

Mỗi lính có từ 100 đến 150 đạn súng trường.

Tinh thần và chiến, kỹ thuật: lính còn an, nhác gan, sợ đi trận, lên căn cứ, bỏ súng chính quy. Nặng gia đình, kỹ chiến thuật không thay gì, kén.

3) Bảo chính binh: thành phần số S.C khá đura lên và số S.A.V kén đura xuống. Người địa phương.

Nhiệm vụ: giữ các khu thành chính và các bót có hộp tù quan trọng. Có nơi làm nhiệm vụ chiêu an.

Tổ chức: chưa thấy tổ chức rõ ràng. Lực lượng phân tán các đơn bót. Ở tỉnh đương có tỉnh đoàn lo làm nhiệm vụ điều hòa lực lượng, kế hoạch xa, dụng ý mặt quân sự, phân phối lương, quan số chung cho toàn chiến trường. Mỗi quận có phòng quân vụ để mục vụ, làm nhiệm vụ như tỉnh đoàn bộ trong phạm vi quận.

Bỏ các gái hay kẻ cướp P.C cũ phụ trách. Trực tiếp chỉ huy chúng có các quận trưởng, riêng về quân sự có các chỉ huy quân sự phụ trách.

Lương: lính mỗi tháng 900đ, Do quỹ của Trung phần.

Quần áo: mỗi năm 2 bộ quần áo.

Vũ khí: lính: súng trường Anh và Đức, Mas. Mỗi lính có 100 viên đạn. Đội có mit.

Tinh thần: nội chung sợ, cầu an, một số lớn làm để có lương sống, chỉ huy hung hăng với nhân dân, hay tra tấn, đánh đập, hiếp dâm, cơ bạc, rầy rai, một số ít liên lạc, cầu, số lớn nhác gan.

4) Đương vệ: số S.C kén chuyển của.

Làm phiên vụ chiêu an, thi hành các thủ đoạn của tù nhân chiếm giữ các bót trong thôn xóm.

Không có tổ chức hình thức trung hay tiểu
Đương mỗi tháng: lính: 4000, cai: 5000.
Vũ khí: súng trường Anh và Đức, mỗi lính 100 viên
dạn.
Lính gác bắt lễ tề vũ trang lựu đạn. Lúc gác mang
lựu đạn hết gác cắt vào trong.
Loại này cầu an, nhát gan, có tư tưởng đầu hàng, vác
súng theo ta khi bị đánh.

C- CHI HUY:

Zonesud: Colonel L'Hermite Commandant Zone.
Lieutenant Colonel comibion Adjoint.

Etat major Zone:

- Commandant Techier chef S.B
- Capitaine Perrillon phụ trách Artillerie.
- - Jamet phụ trách thiên văn.
- - Lereun, phụ trách Conoure.
- - Courtambert, phụ trách Transport.
- - Fonville phụ trách Personnel
- Lieutenant Kleny phụ trách bộ phận hành chánh.
- - Feussend, phụ trách tàu bè qua lại, cấp
giấy tờ hàng hóa đường nước.
- - Dagonferrend, phụ trách đo đạc.
- - Hồ Quang Lợi, giúp việc cho Perrillon.
- - Hung, phụ trách thông dịch.

Secteur Nha Trang:

Chef Secteur: Lieutenant Colonel Daigny (ở Sài Gòn
mới về, Gastel đã đi trong tháng 7). Daigny kiêm
place Nha Trang, chef Garnison.

- Adjoint place: Commandant Sourlier
- Adjoint Garnison: Commandant le Maire
- Chỉ huy CCR/2e MEI: Capitaine Masfanini và Chail lent.
- Chỉ huy lữ C/MRA: Capitaine Result.
- Chỉ huy Gestion MSH: Capitaine Reassinier
- Chỉ huy võ tuyến điện: Lieutenant Leneur
- Chỉ huy Caserne Colomb: Commandant Mortinet (Colo-
nel Tissier đổi đi trong tháng 7).
- Giám đốc trường thủy quân VN: Commandant L.V. Hogeon
- Chỉ huy Casernement Cam Ranh: 1 commandant (chưa
biết tên) và Capitaine Bernard.
- Chỉ huy tiểu đoàn 9: Đại úy Phước và Trung úy Tuấn.

Chỉ huy S. Secteur Ninh Hòa:

- Chef S/S: Capitaine Franche kiêm chef tiểu đoàn 261.
- Chef bureau Renseignement: Lieutenant Buchard.
- Chef bureau Dettail: Capitaine Defout.
- Chef Section Transmission: Lieutenant Coode.

Chef S/Secteur Khanh Hoa kiêm tiêu chuẩn 262:
Commandant Roudollette.

C- CỬ ĐIỂM:

1) Tổng số cử điểm trước hoạt động hè 1953:

Đơn vị	Chuluc		SAV, SC		GVH		Công	
	Don: TC	Don: TC	Don: TC	Don: TC	Don: TC	Don: TC	Don: TC	Don: TC
S/s Ninh Hoa	19	15	24	51	9	43	75	
S.s Khanh Hoa	13	10	33	74	10	46	94	
Place N. Trang	18	18			5	18	23	
C. Ranh, B. Ba	2	23				2	23	
	52	67	57	125	24	109	215	

2) Số cử điểm bị ta tiêu diệt, bức dịch rút:

Số bị tiêu diệt:

Bắc Khánh: S.A.V: 1) Tân Phong
 2) Nhị Sự
 3) Cầu Lớn
 4) Kỳ Lễ
 5) Hội Ninh
 6) Cầu Vong
 G.V.F: 7) Cầu Sắt
 8) Phong Thanh

Nam Khánh: S.C: 1) Phú Cốc 3) Cầu Thành
 2) Phú Nam 4) Cây Đa

Bức dịch rút:

Bắc Khánh: Lòn: 1- Văn Khố
 2- Đông Thôn

TC SAV + SC: 1- Hữu Lộc
 2- Cô Chi Dồi
 3- Văn Đình

Nam Khánh: SAV + SC:
 1- Tu Văn
 2- Lạc Lợi
 3- Vĩnh Yên
 4- Thụy Tú
 5- Mỹ Khai
 6- Thị Trưởng
 7- Quảng Nước
 8- Ba Cầu
 9- Ngã Tư
 10- Ba Lã
 11- Phú Sơn
 12- Bình Giang

13- Phú Vĩnh Nam
 14- Bàng Ta Lành
 15- Quảng Lợi
 16- Đông Lăng
 17- Đông Lăng
 18- Chạy Mũi
 19- Phước Đa
 20- Vườn Xoài
 21- Hương Bò Đen
 22- Cây Sồng Cạn
 23- Hội Phước
 24- Xuân Lạc Bắc
 25- Ba Sầu
 26- Phú Cốc
 G.V.F:
 1- Cây Mọt
 2- Xuân Sơn

3) Số cử điểm bị ta đánh địch đồng loại:

Loại SAY và SC:

Bắc Khánh: Hội Bình - Mỹ Lộ

Nam Khánh: Phú Nam - Phú Cáp - Cầu Thành - Cây Đa

Loại GVF: Bắc Khánh: Cầu Sắt

4) Số cử điểm địch đồng thêm trong hoạt động:

4 đợt ở Phước Hải

1 đợt ở đầu thôn Cam Ranh

5) Tổng số cử điểm hiện tại (đến 20-8-1953)

Đơn vị	Chủ lực: SAY		B.C Bình: Hướng vệ: GVF		Cộng	
	Đòn	TC	Đòn	TC	Đòn	TC
Bình Hòa	19	15	8	3	14	36
Khánh Hòa	13	10	28	15	5	3
Trang B. Trang	18	22				
Cam Ranh B. Ba	2	24				
	52	71	36	18	5	3
					14	65
					21	107
						175

Khánh Hòa, ngày tháng 8 năm 1953

TM. Ban quân sự tỉnh đội Khánh Hòa

HOANG NHA

(đã ký và đóng dấu)

PHÒNG: Phủ Thủ Tướng

Kho Lưu trữ TW II

+++

Cấp: B2-15

Hon: 36 4

Người đánh máy: Lê Thanh

Người soát lại: Ngô Thái Long

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18-10-1980

SAO Y NGUYỄN VĂN BÀN CHÍNH

Trưởng Kho lưu trữ TW II



Võ Văn Lưu

Nguồn: Phòng Phủ Thủ tướng, Kho Lưu trữ Trung ương II.

Trung Bộ” ngày 18-12-1946.

THÔNG TƯ VỀ THUẾ ĐẶC BIỆT Đánh vào xe hơi vận tải

Thập theo nghị định số 130
40, ngày 5-2-1946, bản b)
của chính phủ quy định về thuế
đặc biệt áp dụng cho các
xe hơi vận tải, kể từ ngày
1-3-1946, các xe hơi vận tải
phải nộp thuế đặc biệt theo
quy định của pháp luật.

Các xe ô tô vận tải, kể từ
ngày 1-3-1946, phải nộp thuế
đặc biệt theo quy định của
pháp luật. Thuế này được
áp dụng cho các xe ô tô vận
tải có công suất động cơ từ
10 mã lực trở lên, dùng để
vận chuyển hàng hóa hoặc
hành khách.

Thuế này được tính theo
công suất động cơ của xe, và
được nộp một lần cho mỗi
năm. Các xe ô tô vận tải có
công suất động cơ dưới 10 mã
lực không phải nộp thuế này.

Việc tính thuế này dựa trên
các tài liệu do chủ xe cung
cấp, bao gồm hồ sơ kỹ thuật
của xe và các tài liệu khác
liên quan đến công suất động
cơ.

Chủ xe phải nộp thuế này
trước ngày 1-3-1946, và tiếp
tục nộp hàng năm vào ngày
đồng nhất.

Đến đây chúng ta đã biết
được về thuế đặc biệt đánh
vào xe hơi vận tải.

KINH-LÝ TRUNG-BỘ

(Tiếp theo trang 1)
đại quân kéo vào. Xem trong
số báo chí thì thấy quân của
địch đã bị đánh tan. Trong số
đó, có một số người đã bị bắt
sống.

Một hay hai...
(Tiếp theo trang 1)
4) Nước ta hiện
đang ở trong tình trạng
khó khăn. Mọi người phải
làm việc chăm chỉ để vượt
qua khó khăn này.

Nhưng để vượt qua khó
khăn này, chúng ta cần phải
có một kế hoạch rõ ràng.
Chúng ta cần phải biết cách
phân bổ nguồn lực một cách
hiệu quả.

Thế giới
hôm nay
(Tiếp theo trang 1)
vấn đề kinh tế thế giới hiện
đang rất phức tạp. Các quốc
gia đang phải đối mặt với
nhiều thách thức.

Thế giới
hôm nay
(Tiếp theo trang 1)
vấn đề kinh tế thế giới hiện
đang rất phức tạp. Các quốc
gia đang phải đối mặt với
nhiều thách thức.

Thế giới
hôm nay
(Tiếp theo trang 1)
vấn đề kinh tế thế giới hiện
đang rất phức tạp. Các quốc
gia đang phải đối mặt với
nhiều thách thức.

Thế giới
hôm nay
(Tiếp theo trang 1)
vấn đề kinh tế thế giới hiện
đang rất phức tạp. Các quốc
gia đang phải đối mặt với
nhiều thách thức.

TRIỂN LÃM TRANH ANH KHÁNG CHIẾN NAM-ĐÔ, NAM TRUNG-BỘ VÀ VIỆT-LÃO

1) Triển lãm này có
mục đích để kỷ niệm chiến
tranh anh hùng của nhân
dân Việt Nam.

2) Triển lãm này có
mục đích để kỷ niệm chiến
tranh anh hùng của nhân
dân Việt Nam.

3) Triển lãm này có
mục đích để kỷ niệm chiến
tranh anh hùng của nhân
dân Việt Nam.

4) Triển lãm này có
mục đích để kỷ niệm chiến
tranh anh hùng của nhân
dân Việt Nam.

5) Triển lãm này có
mục đích để kỷ niệm chiến
tranh anh hùng của nhân
dân Việt Nam.

6) Triển lãm này có
mục đích để kỷ niệm chiến
tranh anh hùng của nhân
dân Việt Nam.

7) Triển lãm này có
mục đích để kỷ niệm chiến
tranh anh hùng của nhân
dân Việt Nam.

8) Triển lãm này có
mục đích để kỷ niệm chiến
tranh anh hùng của nhân
dân Việt Nam.

Đến đây chúng ta đã biết
được về thuế đặc biệt đánh
vào xe hơi vận tải.

Đến đây chúng ta đã biết
được về thuế đặc biệt đánh
vào xe hơi vận tải.

Đến đây chúng ta đã biết
được về thuế đặc biệt đánh
vào xe hơi vận tải.

Đến đây chúng ta đã biết
được về thuế đặc biệt đánh
vào xe hơi vận tải.

Nguồn: Báo Cứu quốc, Thư viện Quốc gia

Phụ lục 26: Báo Cứu quốc số 783, “Một nhà trí thức ở Nha Trang tuyên bố”, tháng 12-1947.



Nguồn: Báo Cứu quốc, Thư viện Quốc gia

Từ ngày 10 đến 12-1-1946

Mỗi số 1500

Số 11

SỰ THẬT

CƠ QUAN TUYÊN TRUYỀN CỘNG HÒA VIỆT NAM CHỦ NGHĨA CÁC MẠC Ở ĐÔNG-DƯƠNG

Hà ngày thứ năm và chủ nhật - Tư, hai, tiền gửi về: LÊ-HỮU-KIỆU 65, Hàng Đào, Hà-Nội

Ngày 8-1-
mỗi ngày
hội. Không, nửa
thế nữa, ngày đoàn
kể. Ngày tranh đấu,
một ngày tưởng niệm. Một
ngày gồm đủ hai ý nghĩa
kháng chiến, kiến quốc;
một ngày yêu nước của
dân tộc Việt-Nam.

Phía đông Việt-Nam đã
đánh là phiếu giành dành
lần lấy từ đó độc lập,
đồng cơ từ đó độc lập.

Hết hết cơ từ đó độc lập
đó bắt cho là chủ tịch.
Xét toàn quốc, những
người trong cử hội
cũng đều là chủ tịch. Đó
là biết chọn đại biểu
xứng đáng vào quốc hội.

Kể cả một trận và hội
phương, từ 80 đến 95
phần trăm cơ từ đó độc
lập.

Lần đầu tiên, binh lính
và phụ nữ đi bầu. Thơ
thuyết nhiệt liệt tham
gia Tổng tuyển cử. Tất
cả các tầng lớp nhân
dân, ai này đều sung
sướng, hân hân làm tròn
bản phận công dân.

Sự thật đáng thép đã
đẹp tan như một của giấc
Pháp định pháp cuộc trưng
cầu dân nguyện vì đại
cải ta.

Sự thật đáng thép đã
đẹp tan như một của giấc
Pháp định pháp cuộc trưng
cầu dân nguyện vì đại
cải ta.

Cuộc Tổng tuyển cử
này đã gây cho dân ta
về chính trị, về dân chủ
nhiều lắm. Nó làm cho
người Việt-Nam cảm thấy
giá trị của nước độc lập
và của người công dân.

Nhất định hướng
của cuộc Tổng tuyển cử
Việt-Nam đầu tiên này
sẽ vượt ra ngoài bờ cõi
của nước Việt.

SỰ THẬT

NGHỊ Mac-tu'-khoa VÀ VẤN ĐỀ ĐÔNG-DU'ÔNG

Hội nghị Mac-tu'-khoa
đã giải quyết được nhiều
vấn đề thiết thực để xây
dựng Hội nghị lần thứ
vấn đề bom nguyên tử,
vấn đề một vài nước liên
cộng và vấn đề Viễn
đông.

Trong các vấn đề "Viễn
đông", bản Hội nghị, cơ
yếu để công quân nước
Nhật, và để lập Ủy ban
Vĩn-đông, vấn đề Tàu,
v.v. Nam-dương được Hội
nghị bàn tới, trả lời Đông
đương, Âu-đô, Viễn-đông,
Xiêm, Mái lai thì hoặc
không có một tiếng vang
ở Hội nghị, hoặc Hội
nghị nói đến nhưng không
quyết định gì.

Các nhà ngoại giao Anh
Mỹ, Nga khôn lăm. Họ
chỉ bàn những vấn đề
mâu thuẫn nhưng cần thiết,
và họ biết tranh những
vấn đề gay go, cơ thể
trở nại cho sự thành
công của Hội nghị. Cuộc
Hội nghị Luân-đôn thất
bại bởi chính người đã
khuyến người ta thực tế
hơn một chút và dù sao
cũng phải phá tan làm
không khí chính trị nặng
nề vậy học thế giới từ
hai tháng này.

Cho nên, là chớ đối Hội
nghị Mac-tu'-khoa nhiều
lắm. Không cần hỏi trong
bản thông cáo 6000 chữ
của Hội nghị ấy có chỗ
nào nói về vấn đề Đông-
dương không.

Cứ lý mà xét, thì trong
năm nước liên lạc của
đạo vào vấn đề Đông-
dương là Pháp, Tàu, Anh

Nhật và chính Đông-
dương nữa, chỉ mình Anh
có mặt tại Hội nghị.
Nhưng, vụ của Anh ở
Đông-dương lại gần hết.
Nền vấn đề Đông-dương
còn đem ra bàn cũng
không đủ điều kiện giải
quyết hay chỉ có thể giải
quyết một cách ỷ uổng.
Bây giờ quốc gia không
gì quyết định gì về vấn
đề Đông-dương chính một
phần cũng vì thế. Vì
chính, trong cuộc Hội
nghị này, Liên-Xô không
muốn lộ thái độ quá
nghe ngóng với Anh,
Pháp (đã bàn đến Đông-
dương, không thể không
nghe ngóng với Anh,
Pháp). Trước ngày cơ
Mỹ, Liên-Xô muốn hòa
hoàn với Anh, Pháp để
kéo hút nước ấy hồng
ngân nước ảnh hưởng
của Mỹ chăng?

Song, nếu Hội nghị
Mac-tu'-khoa đối với
Đông-dương có chỗ "ghé
lạnh" như thế, thì trái
lại nó đã giải quyết nhiều
vấn đề thiết thực quan
hệ đến Đông-dương. Vì
đó vấn đề Nam-dương,
Cao-ly, Tân, Nhật, v.v.

Về vấn đề Nam-dương,
báo "Sự thật" (Pravda)
cáo Liên-Xô cho hay
rằng: bản thông cáo của
Hội nghị Mac-tu'-khoa
"quán mạnh" vào chỗ
quyết tâm trọn nhiệm
vụ giữ trật tự mà Liên
hiệp quốc đã trao cho.
Cách giải quyết chính trị
sẽ xong xuôi nếu đại-

biểu Nam-dương và Hà-
Lan trực tiếp đàm phán
với nhau.

Về vấn đề Cao-ly, ba
cường quốc đồng ý làm
cho Cao-ly thành một
nước độc lập, song tam
thứ đặt nước ấy dưới
chế độ ủy nhiệm của bốn
cường quốc Xô, Mỹ, Anh,
Tàu trong 5 năm. Về vấn
đề này, báo "Sự Thật"
của Liên-Xô có viết:
"Cần phải chú ý rằng:
điều đó có ý nghĩa thực
ra ngoài dự giới Cao-ly
nữa. Đó là thí nghiệm
thực tế về chế độ ủy
nhiệm chung của bốn
(xem trang 2 cột nhất)

NHỮNG NỖI KHÓ KHĂN CỦA NƯỚC PHÁP

Nước Pháp đang gặp
nhiều nỗi khó khăn.
Về mặt kinh tế, Pháp
muốn sửa chữa những
tàn phá của chiến tranh,
cần có thêm 3 triệu nhân
công nữa; thế mà hiện
giờ hàng chục vạn thợ
thuyền thất nghiệp và
đói rét. Hơn nữa, vì
chính sách thực dân của
hội tư bản Pháp, nước
Pháp đang bị gạt ra
khỏi miền dầu lửa ở
Cận-đông, gạt ra khỏi
các kho thóc, cao su và
than đá ở Đông-dương.
Pháp không những thiếu
nhân công mà thiếu cả
nguyên liệu nữa.

Về mặt tài chính, việc
lạm phát giấy bạc của

TÌNH THẦN NHÂN DÂN TRONG NGÀY TỔNG TUYỂN CỬ

Ở khu Ngã-xã (Hà-nội), một bọn phá hoại muốn
ngăn trở cuộc bầu phiếu, mang một lễ đồng người
cả cùng liên thành nhờ đến đạo nạt dân phố,
cắm treo cờ đỏ sao vàng, không cho đặt hom
phiếu... Dân phố không chịu khuất phục, kéo cả
súng khu Nguyễn-thái-Học để bắt bọn. Kết cục,
bọn còn bị đánh phải chịu.

(Cử Quốc, ngày 7-1-46)

Từ một tỉnh Nam Bộ, 6-1-1946 (V.N.T.T.). — Giặc
Pháp được lệnh tìm hết cách phá hoại cuộc Tổng
tuyển cử Việt-Nam, nhưng sức chúng có chừng
và lòng dân vô hạn (cuộc Tổng tuyển cử ở Sa-đê
đã được kết quả mỹ mãn).

Tình thần dân chúng trong Tổng tuyển cử hàng
hải và sáng suốt một cách lạ lùng. Quân Trá-nh,
làng Đông-thanh, Cầu-Thơ, có 2188 cử tri. Số
hơn 2314 máy bay địch đến bắn phá lung tung.
Đến chiều, 1827 người đi bỏ phiếu như thường.

Những đặc biệt nhất là ở làng Mỹ-Hòa (làng này
có 2600 cử tri); sáng sớm giặc Pháp đi thả vào làng
bắn chết 13 người và lung tung cả làng. Một đứa
bé bị quân giặc bắn vào chân tay. Đón Pháp sách
đưa nhà người nông xóm. Đến chiều, 1927 người
trông làng Mỹ-Hòa đến bỏ phiếu. Tuy bị giặc Pháp
kháng bỏ mà trong 2500 cử tri, số đi bỏ phiếu đến
1927 người: một con số rất hàng hiếm.

★

Chúng tôi nhiệt liệt hoan hô tinh thần kiên quyết
của những đồng bào đã vượt mọi khó khăn, nguy
hiểm để làm tròn bản phận công dân.

Là những các bạn là một mặt đại diện dân
vào cơ quan thực dân và là người có phá hoại.

hơn tài chính Pháp và
phát xít Đức trong hồi
bị chiếm đóng làm cho
đồng phương mất hẳn
giá. Mỗi đại, Chính phủ
Pháp ra lệnh phá giá
đồng phương: 12 pho-
răng là một đồng bạc
Đông-dương bấy giờ,
nghĩa là 100 pho-răng
hàng giờ chỉ còn bằng giá
1 pho-răng trước chiến
tranh. Việc phá giá đồng
phương là triệu chứng

(xem trang 3 cột 3)

QUA MIỀN KHÁNG CHIẾN NHA-TRANG

Hạt gạo khuya đêm
29-12-45 chiếc ô-ô chúng
tôi qua đèo Đại-linh
(Khánh-hóa), xuống dốc
gần đến công các giữa
đường. Một loài vật quốc
quần mui phèo trong núi,
nghe tiếng xe chạy ra chĩa
súng hô: « đứng lại ». Đu
năm tay chĩa, chúng tôi
đưa giấy chứng minh. Các
đồng chí Việt quốc, quan
xem xong, liền hỏi:
« Đồng chí là thực

Việc phát hành báo

Cuộc cách mạng tháng Tám đã gây ra trong các tầng lớp nhân dân một phong trào sôi nổi về tinh thần yêu nước. Khắp nước, từ các xóm làng đến các thành phố, từ các đơn vị quân đội đến các cơ quan hành chính, tất cả đều sôi nổi hưởng ứng. Các báo chí đã đóng góp một phần không nhỏ vào việc này. Nhưng để việc phát hành báo có thể đạt được kết quả tốt, cần phải có một số điều kiện nhất định.

Các báo ở Hà Nội nên tổ chức một phòng phát hành chung, để thống nhất việc giao dịch với nhà bưu điện và các cơ quan vận tải và để các đại lý ở xa về lấy báo khỏi mất thì giờ chạy hết từ báo này đến tòa báo khác.

Các ban tuyên truyền của Việt-minh nay của Chính phủ ở các địa phương có nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, nên biết bổ trợ việc phát hành báo cho mình. Cần phải có một số người phụ trách việc này, để có thể tiếp xúc với các đại lý, các cơ quan vận tải, và các đơn vị quân đội, để có thể giao báo một cách đúng hạn.

Giữa phòng phát hành Hà Nội và các ban tuyên truyền ở các địa phương, cần phải có một số người phụ trách việc này, để có thể tiếp xúc với các đại lý, các cơ quan vận tải, và các đơn vị quân đội, để có thể giao báo một cách đúng hạn.

Nguyên nhân những sự thiếu sót và chậm trễ, mà phần lớn là do sự thiếu hiểu biết về việc phát hành báo, chứ không phải do sự thiếu quan tâm của các ban tuyên truyền.

Vi dụ ở Nha-Trang, báo chí đã gửi đến hàng đi về Hà-Nội; nếu người phụ trách biết giao thiệp với các chủ xe, Thanh-hóa có thể có báo đọc đúng ngày báo ra. Trong khi các cơ quan phân phát báo làm việc theo lối quan liêu, vừa chậm, vừa lười thì ở nhà quê các ban đọc lại lại hàng chục cây số để mua một tờ báo vừa cũ vừa nhàu với giá gấp đôi, gấp ba, có khi gấp năm.

Một vài nơi có báo riêng, muốn báo của địa phương mình bán chạy, một vài hiệu danh, huân vi trực lợi, nên đã có ý đim báo các nơi gửi tới.

Đường về dân tộc, về cách mạng, về quyền lợi chung của dân tộc, về công cuộc tuyên truyền chính sách của Chính phủ và của Mặt trận, về công cuộc huấn luyện chính trị cho nhân dân bị bóc lột địa phương trên đây, sự lười biếng, câu thả trên đây không thể tha thứ được.

Việc phân phát báo

chỉ cần được tổ chức lại, giao cho những cơ quan chuyên môn và những người có trách nhiệm, từ đó có thể giao báo một cách đúng hạn.

Các báo ở Hà-Nội nên tổ chức một phòng phát hành chung, để thống nhất việc giao dịch với nhà bưu điện và các cơ quan vận tải và để các đại lý ở xa về lấy báo khỏi mất thì giờ chạy hết từ báo này đến tòa báo khác.

Các ban tuyên truyền của Việt-minh nay của Chính phủ ở các địa phương có nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, nên biết bổ trợ việc phát hành báo cho mình. Cần phải có một số người phụ trách việc này, để có thể tiếp xúc với các đại lý, các cơ quan vận tải, và các đơn vị quân đội, để có thể giao báo một cách đúng hạn.

Giữa phòng phát hành Hà Nội và các ban tuyên truyền ở các địa phương, cần phải có một số người phụ trách việc này, để có thể tiếp xúc với các đại lý, các cơ quan vận tải, và các đơn vị quân đội, để có thể giao báo một cách đúng hạn.

Nguyên nhân những sự thiếu sót và chậm trễ, mà phần lớn là do sự thiếu hiểu biết về việc phát hành báo, chứ không phải do sự thiếu quan tâm của các ban tuyên truyền.

Vi dụ ở Nha-Trang, báo chí đã gửi đến hàng đi về Hà-Nội; nếu người phụ trách biết giao thiệp với các chủ xe, Thanh-hóa có thể có báo đọc đúng ngày báo ra. Trong khi các cơ quan phân phát báo làm việc theo lối quan liêu, vừa chậm, vừa lười thì ở nhà quê các ban đọc lại lại hàng chục cây số để mua một tờ báo vừa cũ vừa nhàu với giá gấp đôi, gấp ba, có khi gấp năm.

Một vài nơi có báo riêng, muốn báo của địa phương mình bán chạy, một vài hiệu danh, huân vi trực lợi, nên đã có ý đim báo các nơi gửi tới.

Đường về dân tộc, về cách mạng, về quyền lợi chung của dân tộc, về công cuộc tuyên truyền chính sách của Chính phủ và của Mặt trận, về công cuộc huấn luyện chính trị cho nhân dân bị bóc lột địa phương trên đây, sự lười biếng, câu thả trên đây không thể tha thứ được.

Việc phân phát báo

(tiếp theo trang nhất)

mở cõi, dân bà góa, những người tàn tật hiện đang cần được cứu giúp.

Ở Pa-ri đã xảy ra những cuộc xung đột giữa dân chúng và cảnh binh vì thiếu bánh mì.

Chịu ảnh hưởng những sự rối ren về kinh tế, tài chính và xã hội, nên về mặt chính trị, Pháp đang trải qua những cuộc xung đột nội bộ, mặc dầu các đảng phái lớn ở Quốc hội lập hiến đã cố gắng dàn xếp.

Mới đây, Đảng xã hội đã nghị giảm 20 phần trăm số tiền chi phí vào việc quốc phòng, viện trợ nhân đạo, và các công việc khác.

Việc này đã gây ra sự bất đồng giữa các đảng phái, và hiện tại dân Pháp đã phân tán, chia rẽ, nhà nước đang lâm vào tình trạng khủng hoảng.

Đó là một nỗi tai, Pháp đang bối rối. Về mặt ngoại giao, Pháp cũng

NHỮNG NỖI KHÓ KHĂN CỦA NƯỚC PHÁP

lũng túng thêm. Pháp đã bị gạt xuống hàng cường quốc thứ hai. Trong các cuộc hội nghị hòa bình thế giới, Pháp sẽ chỉ đóng vai « bù nhìn » và theo đuổi các cường quốc. Pháp đã thất bại ở Xi-ri. Chính phủ Xi-ri lại vừa ra lệnh cấm máy bay Pháp, bắt cử các lính cách gi, hạ thủy các tàu chiến của Pháp ở Cận-dong vừa thông hai công nhân đối công tại phiệt Pháp và Anh. Phong trào A-ráp tự do đang lan vào Bắc Phi thuộc Pháp. Mỹ phản đối chính sách Pháp ở các miền Rux (Rux) và Rê-na-ni (Rhenanie) của

Đức do Pháp chiếm đóng. Liên-Xô phản đối Pháp về hiệp ước Anh-Pháp ở Trung-dong. Chính phủ Trảng-khánh phản đối những hành động bất hợp pháp của Pháp ở Thượng-hải về vấn đề trị ngoại pháp quyền.

Ở Đông-dương, hơn thực dân Pháp phải đối đầu với những hành động bất hợp pháp của Pháp ở Thượng-hải về vấn đề trị ngoại pháp quyền.

Ở Đông-dương, hơn thực dân Pháp phải đối đầu với những hành động bất hợp pháp của Pháp ở Thượng-hải về vấn đề trị ngoại pháp quyền.

đương phần kháng Pháp. Chính sách sai lầm về nội trị và ngoại giao của bọn thực dân Pháp đã làm cho chúng ta bị tổn thất về nhân dân. Chúng ta bị mất đi hai lần thất bại trước Quốc hội Pháp, lần thứ nhất về vấn đề lập Hiến pháp, lần thứ hai về vấn đề ngân sách quốc phòng.

Đảng xã hội Pháp, vì nhận rõ xu hướng dân chủ mới của nhân dân Pháp và lực lượng tranh đấu của quần chúng, nên càng ngày càng hợp tác chặt chẽ với Đảng cộng sản Pháp chống lại bọn tài phiệt và thực dân Pháp.

Nước Pháp muốn thoát khỏi những khó khăn về nội trị và ngoại giao, cần phải có một sự thay đổi về đường lối chính trị, phải theo đường lối của Đảng cộng sản Pháp, và như thế thì dân Pháp không thể không xung đột với bọn tài phiệt và thực dân Pháp.

QUA MIỀN KHÁNG CHIẾN...

(tiếp theo trang nhất)

hãy bỏ vào ống cứu tế. Cảm động quá, chúng tôi đã quên cả việc ăn uống. Chúng tôi đã quên cả việc ăn uống.

Tôi hỏi qua tình hình và sự bố trí. Đồng chí Khanh nói: « Chúng tôi bố trí dân vào đó, đường hoang vắng, quân đội rất có tinh thần, đáng chỉ xem ngoài mặt trận anh em văn hóa xuống tập tành, diễn kịch, có thể chức cả câu lạc bộ cho quân đội đọc sách báo. Nếu dân chúng U.B.N.D. và Việt-Minh tình nguyện nhiệt liệt, nên tiếp tế cơm gạo, đồ ăn uống được rồi sau này.

Đồng chí lại khoe: « Quân đội và Việt-Minh sẽ tổ chức một đội Vệ quốc đoàn và Việt Minh. Vất lo của cả rồi, nhà in có, và người viết tạm đủ, nay mai sẽ ra.

Được lắm, các đồng chí hãy gắng sức tập tành quân sự cũng như huấn luyện chính trị cho quân đội. Chúng tôi sẵn sàng giúp đỡ và các đoàn thể cứu quốc cũng như đồng bào khắp nước trông mong ở sự nỗ lực của các đồng chí.

Nói chuyện gần nửa giờ, chúng tôi bắt tay vào việc. Tôi thấy đồng chí Khanh rất vui vẻ, chúng tôi bắt tay vào việc. Tôi thấy đồng chí Khanh rất vui vẻ, chúng tôi bắt tay vào việc.

Tôi hỏi qua tình hình và sự bố trí. Đồng chí Khanh nói: « Chúng tôi bố trí dân vào đó, đường hoang vắng, quân đội rất có tinh thần, đáng chỉ xem ngoài mặt trận anh em văn hóa xuống tập tành, diễn kịch, có thể chức cả câu lạc bộ cho quân đội đọc sách báo. Nếu dân chúng U.B.N.D. và Việt-Minh tình nguyện nhiệt liệt, nên tiếp tế cơm gạo, đồ ăn uống được rồi sau này.

Đồng chí lại khoe: « Quân đội và Việt-Minh sẽ tổ chức một đội Vệ quốc đoàn và Việt Minh. Vất lo của cả rồi, nhà in có, và người viết tạm đủ, nay mai sẽ ra.

Được lắm, các đồng chí hãy gắng sức tập tành quân sự cũng như huấn luyện chính trị cho quân đội. Chúng tôi sẵn sàng giúp đỡ và các đoàn thể cứu quốc cũng như đồng bào khắp nước trông mong ở sự nỗ lực của các đồng chí.

Nói chuyện gần nửa giờ, chúng tôi bắt tay vào việc. Tôi thấy đồng chí Khanh rất vui vẻ, chúng tôi bắt tay vào việc.

mình-tay-ét đi không gặp thành nào cả.

Không đợi tôi yêu cầu, đồng chí Khanh dẫn tôi đi xem các đơn Vệ quốc đoàn, nhà câu lạc bộ, vào cả nhà bếp. Tôi hỏi đồng chí về đây anh em Vệ quốc quân ăn uống thế nào. Đồng chí vui vẻ:

« Khá lắm, cứng lắm, cứng hơn ngoài nhiều. Vừa nói đồng chí vừa đưa quynh mìn ăn cho tôi xem, vừa chỉ cho tôi: này ngày 27 bữa sáng hai món cơm-bò, lê-gum, bữa chiều thì heo nấu khoai lang, lê gum, và ngay khác cũng tương tự như thế. Đây là quynh đối ở nhà, còn mỗi tuần thêm bữa tối nữa, ăn m này, mình có cả lò nấu nhiều lắm.

Tôi hỏi đồng chí: « Đây là năm bảy bữa hay là được luôn như thế này? »

« Thường như thế, có bữa nào đặc biệt lại cũng hơn.

Hai lần kiến dân Pháp biểu tình ở Sài-gòn; thủy thủ và phu thuyền các Pháp đình công ở Mác-say; lính Pháp và lực lượng dân Pháp xung đột nhau ở Sài-gòn; tù binh Pháp đả kích quân đội và rải truyền đơn phản đối võ quan Pháp ở Hà-nội; hai người lính mới ở Pháp sang, bị quân ta bắt được khi đi ra cùng em Vệ quốc quân anh em Vệ quốc quân ăn uống thế nào. Đồng chí vui vẻ:

« Khá lắm, cứng lắm, cứng hơn ngoài nhiều. Vừa nói đồng chí vừa đưa quynh mìn ăn cho tôi xem, vừa chỉ cho tôi: này ngày 27 bữa sáng hai món cơm-bò, lê-gum, bữa chiều thì heo nấu khoai lang, lê gum, và ngay khác cũng tương tự như thế. Đây là quynh đối ở nhà, còn mỗi tuần thêm bữa tối nữa, ăn m này, mình có cả lò nấu nhiều lắm.

Tôi hỏi đồng chí: « Đây là năm bảy bữa hay là được luôn như thế này? »

« Thường như thế, có bữa nào đặc biệt lại cũng hơn.

THƯỜNG XUYỀN SƠN-TÙNG



HÀ-NỘI NGÀY TỔNG TUYÊN CỬ

Nguồn: Báo Sự Thật, Thư viện Quốc gia

**Phụ lục 28. Tác giả viếng bia tưởng niệm những liệt sỹ Mặt trận
Nha Trang - Khánh Hòa (23-10-1945 đến 02-02-1946)**



Nguồn: Tác giả luận án tự lập

Phụ lục 29. Tác giả với nhà thơ Giang Nam

(Nguyên Phó Chủ tịch tỉnh Khánh Hòa, 56 Yersin, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa)



Nguồn: Tác giả luận án tự lập

**Phụ lục 29. Tác giả cùng Ông Nguyễn Hữu Đức
(Cán bộ tiền khởi nghĩa, nguyên chiến sĩ trinh sát Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa),
địa chỉ số 40, Tháp Bà, Nha Trang, Khánh Hòa**



Nguồn: Tác giả luận án tự lập